VI DIỆU PHÁP NHẬP MÔN

Lời Nói Đầu

Quyển "Vi Diệu Pháp Nhập Môn" ra đời nhằm vào việc phục vụ cho Tăng Sinh Học Viên mối bước vào ngưỡng cửa Abhidhamma là một môn học đối với người Phật tử sơ cơ phải bóp trán, nặn óc suy tư, vì gặp phải một rừng từ ngữ tân kỳ; tư tưởng mới lạ, nhứt là danh từ Pāli.

Quyển "Vi Diệu Pháp Nhập Môn" được xem như tái bản kỳ III, lần đầu chúng tôi cho in từng tập như "Vi Diệu Pháp tập I, II" v.v... Kỳ thứ nhì, chúng tôi cho in lại dưới hình thức vấn đáp, tức là quyển tập "Vi Diệu Pháp vấn đáp".
Quyển "Vi Diệu Pháp Nhập Môn" ngoài tác dụng của bộ sách giáo Khoa Phật Học; còn là cuốn sách đầu giường của học giả nghiên cứu về Triết lý Ấn độ, cũng như Văn Học A Tỳ Đàm; và cũng có thể được xem như món Gia Bảo của Thiền Tông.
Quyển "Vi Diệu Pháp Nhập Môn" nầy còn có công năng đào bứng bốn loại điên đảo, là chấp rằng:

Thường, trong sự vô thường của ngũ uẩn.
Lạc, trong sự khổ não của pháp hữu vi.
Ngã, đối với các pháp đều vô ngã.
Tịnh, trong sự bất tịnh của Pháp hành.
Đồng thời, cũng đánh tan các luận chấp của ngoại đạo cố gắng tìm chân đứng cho thuyết hữu ngã vào trong Phật giáo bằng cách bịa rằng còn 4 sự điên đảo khác của hàng Thinh Văn Giác là: "đối với chơn tâm là Thường, cho vô thường là điên đảo; là Lạc, cho khổ não là điên đảo; là Ngã, cho vô ngã là điên đảo; là Tịnh, cho bất tịnh là điên đảo", sau khi đã am tường lý *"Duyên Sinh"* và *"Duyên Hệ"*, nhứt là được tỏ ngộ lẽ Vô thường, Khổ, Không, Vô ngã trong phần Thiền Quán.
Chúng tôi cố gắng soạn, dịch, giải các loại sách thuộc môn Vi Diệu Pháp là noi bước tiền nhân đã có hoài bảo:

"Vô thượng thậm thâm Vi Diệu Pháp
Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ
Ngã kim kiến văn đắc thọ trì
Nguyện giải Như Lai chơn thiệt nghĩa".

Tỳ kheo Giác Chánh
(Sài Gòn, 1974)

-ooOoo-

Diệu Pháp Cương Yếu.

Chia pháp:

Pháp *tất cả chia có 2:*
Pháp Tục Đế.
Pháp Chơn Đế.
Pháp Chơn Đế chia có 2:
Pháp Vô Vi.
Pháp Hữu Vi.
Pháp Hữu Vi chia có 2:
Danh pháp.
Sắc pháp.
Danh pháp chia có 2:
Tâm.
Sở Hữu Tâm (Tâm sở)
a) Tâm
Tâm chia có 2:
Tâm Siêu Thế.
Tâm Hiệp Thế.
Tâm Hiệp Thế chia có 2:
Tâm Dục Giới.
Tâm Đáo Đại.
Tâm Dục Giới chia có 2:
Tâm Dục Giới Tịnh Hảo.
Tâm Dục Giới Vô Tịnh Hảo.
Tâm Dục Giới Vô Tịnh Hảo chia có 2:
Tâm Vô Nhân.
Tâm Bất Thiện.
Tâm Bất Thiện chia có 3:
Tâm tham.
Tâm sân.
Tâm si.
Tâm Tham chia có 8:
Tâm Tham thọ hỷ hợp tà vô trợ.
Tâm Tham thọ hỷ hợp tà hữu trợ.

Tâm Tham thọ hỷ ly tà vô trợ.
Tâm Tham thọ hỷ ly tà hữu trợ.

Tâm Tham thọ xả hợp tà vô trợ.
Tâm Tham thọ xả hợp tà hữu trợ.

Tâm Tham thọ xả ly tà vô trợ.
Tâm Tham thọ xả ly tà hữu trợ.

Tâm Sân chia có 2:

Tâm Sân thọ ưu hợp phẫn vô trợ.
Tâm Sân thọ ưu hợp phẫn hữu trợ.

Tâm Si chia có 2:

Tâm Si thọ xả hợp hoài nghi.
Tâm Si thọ xả hợp phóng dật.

Tâm Vô Nhân chia có 3:

Tâm Quả bất thiện vô nhân.
Tâm Quả thiện vô nhân.
Tâm Duy Tác vô nhân.

Tâm Quả Bất Thiện Vô Nhân chia có 7:

Tâm Nhãn thức thọ xả Quả bất thiện.
Tâm Nhỉ thức thọ xả Quả bất thiện.
Tâm Tỷ thức thọ xả Quả bất thiện.
Tâm Thiệt thức thọ xả Quả bất thiện.
Tâm Thân thức thọ khổ Quả bất thiện.
Tâm Tiếp thâu thọ xả Quả bất thiện.
Tâm Quan sát thọ xả Quả bất thiện.

Tâm Quả Thiện Vô Nhân chia có 8:

Tâm Nhãn thức thọ xả Quả thiện vô nhân.
Tâm Nhỉ thức thọ xả Quả thiện vô nhân.
Tâm Tỷ thức thọ xả Quả thiện vô nhân.
Tâm Thiệt thức thọ xả Quả thiện vô nhân.
Tâm Thân thức thọ lạc Quả thiện vô nhân.
Tâm Tiếp Thâu thọ xả Quả thiện vô nhân.
Tâm Quan Sát thọ xả Quả thiện vô nhân.
Tâm Quan Sát thọ hỷ Quả thiện vô nhân.

Tâm Duy Tác Vô Nhân chia có 3:

Tâm Khai Ngũ môn thọ xả.
Tâm Khai ý môn thọ xả.
Tâm Ứng cúng vi tiếu thọ hỷ.

Tâm Dục Giới Tịnh Hảo chia có 3:

Tâm Thiện dục giới tịnh hảo hữu nhân (còn gọi là Tâm Đại Thiện).
Tâm Quả dục giới tịnh hảo hữu nhân (Tâm Đại Quả).
Tâm Duy tác dục giới tịnh hảo hữu nhân (Tâm Đại Tố hay Đại Hành).

Tâm Thiện Dục Giới Tịnh Hảo Hữu Nhân chia có 8:

Tâm Thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ.
Tâm Thiện thọ hỷ hợp trí hữu trợ.
Tâm Thiện thọ hỷ ly trí vô trợ.
Tâm Thiện thọ hỷ ly trí hữu trợ.
Tâm Thiện thọ xả hợp trí vô trợ.
Tâm Thiện thọ xả hợp trí hữu trợ.
Tâm Thiện thọ xả ly trí vô trợ.
Tâm Thiện thọ xả ly trí hữu trợ.

Ghi chú: Tâm Quả và Tâm Duy Tác dục giới tịnh hảo hữu nhân chia ra có 8 thứ như Tâm Thiện dục giới hữu nhân.

Tâm Đáo Đại chia có 2:

Tâm sắc giới.
Tâm vô sắc giới.

Tâm Sắc Giới chia có 3:

Tâm Thiện sắc giới.
Tâm Quả sắc giới.
Tâm Duy Tác sắc giới (Tâm Tố sắc giới).

Tâm Thiện Sắc Giới chia có 5:

Tâm Thiện sơ thiền.
Tâm Thiện nhị thiền.
Tâm Thiện tam thiền.
Tâm Thiện tứ thiền.
Tâm Thiện ngũ thiền.

Ghi chú: Tâm Quả và Tâm Duy Tác sắc giới cũng có 5 thứ Tâm như Tâm Thiện sắc giới.

Tâm Vô Sắc Giới chia có 3:

Tâm Thiện vô sắc giới.
Tâm Quả vô sắc giới.
Tâm Duy Tác vô sắc giới.

Tâm Thiện vô Sắc Giới chia có 4:

Tâm Thiện không vô biên xứ.
Tâm Thiện thức vô biên xứ.
Tâm Thiện vô sở hữu xứ.
Tâm Thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Ghi chú: Tâm Quả và Tâm Duy Tác vô sắc giới cũng có 4 thứ tâm như tâm Thiện vô sắc giới.

Tâm Siêu Thế chia có 2:

Tâm Đạo (Tâm Thiện siêu thế).
Tâm Quả siêu thế.

Tâm Đạo chia có có 4:

Tâm Sơ đạo.
Tâm Nhị đạo.
Tâm Tam đạo.
Tâm Tứ đạo.

Tâm Sơ đạo chia có 5:

Tâm Sơ đạo Sơ thiền.
Tâm Sơ đạo Nhị thiền.
Tâm Sơ đạo Tam thiền.
Tâm Sơ đạo Tứ thiền.
Tâm Sơ đạo Ngũ thiền.

** Ghi chú: Tâm Nhị, Tam, Tứ đạo cũng có 5 thứ tâm như tâm Sơ đạo.*

Tâm Quả Siêu Thế chia có 4:

Tâm Sơ Quả.
Tâm Nhị Quả.

Tâm Tam Quả.
Tâm Tứ Quả.

Tâm Sơ Quả chia có 5:

Tâm Sơ Quả Sơ thiền.
Tâm Sơ Quả Nhị thiền.
Tâm Sơ Quả Tam thiền.
Tâm Sơ Quả Tứ thiền.
Tâm Sơ Quả Ngũ thiền.

** Ghi chú: Tâm Nhị, Tam, Tứ Quả cũng có 5 thứ tâm như tâm Sơ Quả.*

b) Sở hữu tâm:

Sở Hữu Tâm chia có 3:

Sở hữu Tợ tha.
Sở hữu Bất thiện.
Sở hữu Tịnh hảo.

Sở Hữu Tợ Tha chia có 2:

Sở hữu Biến hành.
Sở hữu Biệt cảnh.

Sở Hữu Biến Hành chia có 7:

Xúc.
Thọ.
Tưởng.
Tư.
Nhất hành.
Mạng quyền.
Tác ý.

Sở Hữu Biệt Cảnh chia có 6:

Tầm.
Tứ.
Thắng giải.
Cần.
Hỷ.
Dục.

Sở Hữu Bất Thiện chia có 5:

Sở hữu Si phần (bất thiện biến hành).
Sở hữu Tham phần.
Sở hữu Sân phần.
Sở hữu Hôn phần.
Sở hữu Hoài nghi.

Sở Hữu Si Phần chia có 4:

Si.
Vô tàm.
Vô úy.
Phóng dật.

Sở Hữu Tham Phần chia có 3:

Tham.
Tà kiến.
Ngã mạn.

Sở Hữu Sân Phần chia có 4:

Sân.
Tật.
Lận.
Hối.

Sở Hữu Hôn Phần chia có 2:

Hôn trầm.
Thụy miên.

Sở Hữu Tịnh Hảo chia có 4:

Sở hữu Tịnh hảo biến hành.
Sở hữu Giới phần.
Sở hữu Vô lượng phần.
Sở hữu Trí tuệ.

Sở Hữu Tịnh Hảo Biến Hành chia có 19:

1) Tín.	2) Niệm.	3) Tàm.	4) Úy.	5) Vô tham.
6) Vô sân.	7) Hành xả.	8) Tịnh thân.	9) Tịnh tâm.	10) Khinh thân.
11) Khinh tâm.	12) Nhu thân.	13) Nhu tâm.	14) Thích thân.	15) Thích tâm.
16) Thuần thân.	17) Thuần tâm.	18) Chánh thân.	19) Chánh tâm.	

Sở Hữu Giới Phần chia có 3:

Chánh Ngữ.
Chánh Nghiệp.
Chánh Mạng.

Sở Hữu Vô Lượng Phần chia có 2:

Bi.
Tùy hỷ.

c) Sắc pháp:*Sắc Pháp chia có 2:*

Sắc Tứ đại.
Sắc Y Đại sinh.

Sắc Y Đại Sinh chia có 10:

Sắc Thần kinh.	Sắc Vật thực.
Sắc Cảnh giới.	Sắc Hư không.
Sắc Trạng thái.	Sắc Biểu tri.
Sắc Ý vật.	Sắc Đặc biệt.
Sắc Mạng quyền.	Sắc Tứ tướng.

Sắc Thần Kinh chia có 5:

Thần kinh Nhãn.
Thần kinh Nhĩ.

Thần kinh Tỷ.
Thần kinh Thiệt.
Thần kinh Thân.

Sắc Cảnh Giới chia có 4:

Sắc Cảnh sắc.
Sắc Cảnh thinh.
Sắc Cảnh khí.
Sắc Cảnh vị.
** Ghi chú: Sắc Cảnh xúc là đất, lửa, gió nên không kể riêng.*

Sắc Tính (Sắc Trạng thái) chia có 2:

Sắc Nam Tính.
Sắc Nữ Tính.

Sắc Biểu Tri chia có 2:

Sắc Thân biểu tri.
Sắc Khẩu biểu tri.

Sắc Đặc Biệt chia có 3:

Sắc Khinh.
Sắc Nhu.
Sắc Thích nghiệp.

Sắc Tứ Tướng chia có 4:

Sinh.
Tiến.
Dị.
Diệt.

Pháp Tục Đế chia có 2:

Danh chế định.
Nghĩa chế định.

Danh Chế Định chia có 6:

Danh chơn chế định.
Phi danh chơn chế định.
Danh chơn phi danh chơn chế định.
Phi danh chơn danh chơn chế định.
Danh chơn danh chơn chế định.
Phi danh chơn phi danh chơn chế định.

Nghĩa Chế Định chia có 7:

Hình thức chế định.
Hiệp thành chế định.
Chúng sanh chế định.
Phương hướng chế định.
Thời gian chế định.
Hư không chế định.
Tiêu biểu chế định.

Gồm Pháp:

- Tâm Tham, tâm Sân và tâm Si gồm lại gọi là **Tâm Bất Thiện.**
- Tâm Quả bất thiện vô nhân, Tâm Quả thiện vô nhân và Tâm Duy Tác vô nhân gồm lại gọi là **Tâm Vô Nhân.**

- Tâm Bất Thiện và Tâm Vô Nhân gồm lại gọi là **Tâm Dục Giới Vô Tịnh Hảo.**
- Tâm Thiện, Tâm Quả và Tâm Duy Tác dục giới tịnh hảo hữu nhân gồm lại gọi là **Tâm Dục Giới Tịnh Hảo.**
- Tâm Dục giới vô tịnh hảo và Tâm Dục giới tịnh hảo hữu nhân gồm lại gọi là **Tâm Dục Giới.**

- Tâm Thiện, Tâm Quả và Tâm Duy Tác sắc giới gồm lại gọi là **Tâm Sắc Giới.**

- Tâm Thiện, Tâm Quả và Tâm Duy Tác vô sắc giới gồm lại gọi là **Tâm Vô sắc Giới.**

- Tâm sắc giới và Tâm Vô sắc giới gồm lại gọi là **Tâm Đáo Đại.**

- Tâm Dục giới và Tâm Đáo đại gồm lại gọi là **Tâm Hiệp Thế.**

- Tâm Sơ, Nhị, Tam và Tứ đạo gồm lại gọi là **Tâm Đạo Siêu Thế.**

- Tâm Sơ, Nhị, Tam, Tứ Quả gồm lại gọi là **Tâm Quả Siêu Thế.**

- Tâm Đạo và Tâm Quả Siêu Thế gồm lại gọi là **Tâm Siêu Thế.**

- Tâm Hiệp Thế và Tâm Siêu Thế gồm lại gọi là **Tâm.**

- Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Nhất hành, Mạng quyền, Tác ý gồm lại gọi là **Sở Hữu Biến Hành.**

- Tầm, Tứ, Thắng, Giải, Cần, Hỷ, Dục gồm lại gọi là **Sở Hữu Biệt Cảnh.**

- Sở hữu Biến hành và Sở hữu Biệt cảnh gồm lại gọi là **Sở Hữu Tợ Tha.**

- Si, Vô Tàm, Vô úy, Phóng dật gồm lại gọi là **Sở Hữu Si Phần.**

- Tham, Tà kiến, Ngã mạn gồm lại gọi là **Sở Hữu Tham Phần.**

- Sân, Tật, Lận và Hối gồm lại gọi là **Sở Hữu Sân Phần.**

- Hôn trầm, Thụy miên gồm lại gọi là **Sở Hữu Hôn Phần.**
- Sở hữu Si phần, sở hữu Tham phần, sở hữu Sân phần, sở hữu Hôn phần và sở hữu Hoài nghi gồm lại gọi là **Sở Hữu Bất Thiện.**
- Tín, Niệm, Tàm, Úy, Vô tham, Vô sân, Hành xả, Tịnh thân, Tịnh tâm, Khinh

thân, Khinh tâm, Nhu thân, Nhu tâm, Thích thân, Thích tâm, Thuần thân, Thuần tâm, Chánh thân và Chánh tâm gồm lại gọi là **Sở Hữu tịnh Hảo Biến Hành.**

- Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng gồm lại gọi là **Sở Hữu Giới Phần.**

- Sở hữu Bi và Tùy hỷ gồm lại gọi là **Sở Hữu Vô Lượng Phần.**
- Sở hữu Tịnh hảo biến hành, Sở hữu Giới phần, Sở hữu Vô lượng phần và Sở hữu trí tuệ gồm lại gọi là **Sở Hữu tịnh Hảo.**

- Sở hữu Tợ tha, Sở hữu Bất thiện và Sở hữu Tịnh Hảo gồm lại gọi là **Sở Hữu Tâm.**
- Sở Hữu tâm và Tâm gồm lại gọi là **Danh Pháp.**

- Đất, Nước, Lửa, Gió gồm lại gọi là **Sắc Tứ Đại.**
- Thần kinh nhãn, Thần kinh nhĩ, Thần kinh tỷ, Thần kinh thiệt và Thần kinh thân gồm lại gọi là **Sắc Thần Kinh.**
- Sắc Cảnh Sắc, Sắc Cảnh Thinh, Sắc Cảnh Khí và Sắc Cảnh Vị gồm lại gọi là **Sắc cảnh Giới.**

- Sắc Trạng thái Nam và Sắc Trạng thái Nữ gồm lại gọi là **Sắc Trạng Thái.**

- Sắc Thân biểu tri và Sắc Khẩu biểu tri gồm lại gọi là **Sắc Biểu Tri.**

- Khinh, Nhu và Thích nghiệp gồm lại gọi là **Sắc Đặc Biệt.**

- Sinh, Tiến, Dị và Diệt gồm lại gọi là **Sắc Tứ Tướng.**
- Sắc Thần kinh, Sắc Cảnh giới, Sắc Trạng thái, Sắc Ý vật, Sắc Mạng quyền, Sắc vật thực, Sắc Hư không, Sắc Biểu tri, Sắc Đặc biệt và Sắc Tứ tướng gồm lại gọi là **Sắc Y Đại Sinh.**

- Sắc Tứ đại và Sắc Y đại sinh gồm lại gọi là **Sắc Pháp.**

- Danh Pháp và Sắc Pháp gồm lại gọi là **Pháp Hữu Vi.**

- Pháp Hữu vi và Pháp Vô vi (Niết Bàn) gồm lại gọi là **Pháp Chơn Đế.**
- Danh chơn chế định, Phi danh chơn chế định, danh chơn phi danh chơn chế định, Phi danh chơn danh chơn chế định, danh chơn danh chơn chế định, phi danh chơn phi danh chơn chế định gồm lại gọi là **Danh Chế Định.**
- Hình thức chế định, Hiệp thành chế định, Chúng sanh chế định, Phương hướng chế định, Thời gian chế định, Hư không chế định và Tiêu biểu chế định gồm lại gọi là **Nghĩa Chế Định.**

- Danh chế định và Nghĩa chế định gồm lại gọi là **Pháp Tục Đế.**
- Pháp Chơn đế và pháp Tục đế gồm lại gọi là **Pháp.**

-ooOoo-

1- Pháp (Dhamma) (*)
V- Pháp là chi?
Đ- Pháp là những trạng thái riêng biệt, có tướng trạng khác nhau (như vuông, tròn, dài, ngắn, sáng, tối v.v.) tức là những tư cách riêng biệt để phân biệt được. Pháp có hai:

Là Pháp Chơn Đế.
Là Pháp Tục Đế.
(*) Tự trì trạng thái gọi là Pháp (Attano lakkhanaṃ dhāretīti: Dhammo); hay "Nhậm trì tự tánh; Quỷ sanh vật giải".

2- Pháp Chơn Đế (Paramatthasacca).
V- Thế nào là Pháp Chơn Đế?
Đ- Pháp Chơn Đế là pháp bản thể chơn tướng, sự thật của Chế Định, không thay đổi (Pháp Chơn Đế ví như chất vàng. Còn Pháp Tục Đế ví như các kiểu nữ trang). Pháp Chơn Đế có hai:
Là Chơn Đế vô vi.
Là Chơn Đế hữu vi.

3- Chơn Đế Vô Vi (Asaṅkhāta).
V- Thế nào là Chơn Đế vô vi?
Đ- Chơn Đế vô vi là bản thể vắng lặng, hoàn toàn thanh tịnh, cứu cánh tối hậu: cũng gọi là viên tịch, Niết Bàn, Diệt Đế v.v...

4- Chơn Đế Hữu Vi (Saṅkhāta).
V- Thế nào là Chơn Đế hữu vi?
Đ- Chơn Đế hữu vi là pháp bản thể còn sanh diệt, còn tạo tác. Do các duyên trợ tạo cũng gọi là pháp hành, pháp hợp thế v.v.. có hai loại Chơn Đế hữu vi là Sắc và Danh.

5- Sắc (Rūpā).
V- Thế nào là Sắc?
Đ- Sắc là thể chất vô tri giác, hằng tiêu hoại đổi thay. Cũng gọi là Pháp Hợp thế, Dục giới, Cảnh Lậu v.v.. bản chất của Sắc là vật biến ngại và biến hoại.

6- Danh (Nāma).
V- Thế nào là Danh?
Đ- Danh là pháp không hình sắc cũng gọi là Tâm Pháp tức là Tâm, Tánh, Trí, Thức, hiểu biết, suy nghĩ, trừu tượng v.v.. Danh có hai loại:
Tâm.
Sở Hữu Tâm.

7- Tâm (citta) (*).
V- Thế nào là Tâm?
Đ- Tâm là hiểu biết, suy nghĩ, nhận thức, tức là biết cảnh, nhận thức đối tượng, cũng gọi là Ý Thức. Tâm có hai loại:
Tâm Hợp Thế.
Tâm Siêu Thế.
(*) Tướng trạng của tâm là biết cảnh; phận sự của tâm là làm hướng đạo cho

Sở hữu tâm và Sắc pháp; sự thành tựu của tâm là được sinh khởi liên tục; nhân cần thiết của tâm là Sắc, Thọ, Tưởng và Hành uẩn.

8- Tâm Hợp Thế (Lokiya citta).

V- Thế nào là Tâm Hợp Thế?

Đ- Tâm Hợp Thế là Tâm biết cảnh trong đời, tâm biết cảnh còn sanh tử, tâm biết cảnh phiền não, tâm biết cảnh còn giới hạn bởi không gian và thời gian. Tâm Hợp Thế có hai:

Tâm Dục Giới.
Tâm Đáo Đại.

9- Tâm Dục Giới (Kāmāvacara citta).

V- Thế nào là Tâm Dục Giới?

Đ- Tâm Dục Giới là Tâm chuyên môn bắt cảnh dục (chuyên biết cảnh Sắc, thinh, khí, vị và xúc). Tâm Dục Giới có ba:

Tâm Bất Thiện.
Tâm Vô Nhân.
Tâm Dục Giới Tịnh Hảo.

10- Tâm Bất Thiện (Akusala citta) (*).

V- Thế nào là Tâm Bất Thiện?

Đ- Tâm Bất Thiện là Tâm chẳng lành, chẳng tốt, Tâm xấu, Tâm quấy, Tâm thấp hèn, Tâm hạ tiện, Tâm Bất Thiện có ba:

Tâm Tham.
Tâm Sân.
Tâm Si.

(*) Bất thiện có 5 nghĩa: 1) Bệnh hoạn. 2) Không tốt đẹp. 3) Không khôn khéo. 4) Tội lỗi và tạo ra nhân xấu. 5) Quả khổ. Trái lại với 5 điều kể trên là 5 nghĩa của Thiện.

11- Tâm Tham (Lobha citta) (*).

V- Thế nào là Tâm Tham?

Đ- Tâm Tham là ý ham muốn, Tâm nhiễm đắm, Tâm chấp trước, Tâm luyến ái, Tâm đắm nhiễm tức là trạng thái Tâm thu hút đối tượng. Tâm Tham có tám thứ:

Thọ hỷ hợp tà vô trợ.
Thọ hỷ hợp tà hữu trợ.
Thọ hỷ ly tà vô trợ.
Thọ hỷ ly tà hữu trợ.

Thọ Xả hợp tà vô trợ.
Thọ Xả hợp tà hữu trợ.
Thọ Xả ly tà vô trợ.
Thọ Xả ly tà hữu trợ.

(*) Nhân sinh Tham có 4: 1) Tục sinh có nghiệp tham liên hệ. 2) Nói từ đời trước đã tham. 3) Thường gặp cảnh tốt (chung). 4) Hay gặp cảnh vừa ý (riêng).

12- Tâm Tham Thọ Hỷ Hợp Tà Vô Trợ. (*)

V- Thế nào là Tâm Tham thọ hỷ hợp tà vô trợ ?

Đ- Tâm Tham thọ hỷ hợp tà vô trợ là do lòng ham muốn một cách vui thích với một quan niệm sai lầm được khởi lên một cách nhanh chóng, không cần sự trợ

giúp.
Thí dụ: Như một người vào chùa thấy tượng Phật bằng vàng, khởi lên lòng tham muốn, lấy một cách vui mừng và mau lẹ: do nghĩ rằng không tội. Lòng ham muốn lấy là tham, vui mừng là thọ hỷ, mau lẹ là vô trợ, cho là không có tội là tà kiến.
(*) Nhân sinh Thọ Hỷ có 4: 1) Tục sinh bằng tâm Thọ Hỷ. 2) Thiếu sự suy xét tế nhị. 3) Thường gặp cảnh tốt. 4) Không gặp sự suy vong.

13- Tâm Tham Thọ Hỷ Hợp Tà Hữu Trợ.

V- Thế nào là Tâm Tham thọ hỷ hợp tà hữu trợ?
Đ- Tâm Tham thọ hỷ hợp tà hữu trợ là lòng ham muốn sanh chung với sự vui mừng và có sự hiểu lầm, nhưng Tâm này khởi lên một cách chậm chạp do ngoại cảnh hoặc nội tâm khởi lên đôi ba lần.
Thí dụ: Như người vào chùa thấy tượng Phật bằng vàng. Sau một lúc suy tư hay nhìn tượng Phật bằng vàng nhiều lần mới khởi lên lòng tham muốn lấy.

14- Tâm Tham Thọ Hỷ Ly Tà Vô Trợ.

V- Thế nào là Tâm Tham thọ hỷ ly tà vô trợ?
Đ- Tâm Tham thọ hỷ ly tà vô trợ là lòng ham muốn có sự vui mừng nhưng chẳng có sự chấp sai và khi Tâm nầy khởi lên một cách mau lẹ không chần chờ.
Thí dụ: Như người vào chùa thấy tượng Phật bằng vàng liền vui mừng và lấy ngay, nhưng người ấy biết là có tội.
Chú thích: Biết có tội là ly tà.

15- Tâm Tham Thọ Hỷ Ly Tà Hữu Trợ.

V- Thế nào là Tâm Tham thọ hỷ ly tà hữu trợ?
Đ- Tâm tham thọ hỷ ly tà Hữu trợ là lòng ham muốn, có sự vui mừng không có sự hiểu lầm, nhưng khi khởi lên do lòng ngoại cảnh kích thích nhiều lần hay nội tâm nhiều lượt suy nghĩ.
Thí dụ: Như người vào chùa thấy tượng Phật bằng vàng lòng tham muốn khởi lên nên lấy một cách vui mừng, nhưng vì biết có tội nên chần chờ, sau nhiều lần suy tư mới lấy.

16- Tâm Tham Thọ Xả Hợp Tà Vô Trợ. (*)

V- Thế nào là Tâm Tham thọ xả hợp tà vô trợ?
Đ- Tâm Tham thọ xả hợp tà vô trợ là lòng ham muốn lấy một vật, vì thói quen nên không có sự vui mừng, chỉ lấy một cách thản nhiên với quan niệm cho rằng không tội và lấy một cách mau lẹ.
Thí dụ: Như một người tánh quen ăn cắp vặt, nên vào chùa thấy một cái chai liền ăn cắp một cách mau lẹ và cho rằng không tội nhưng vì lấy vật tầm thường và lấy do thói quen nên tâm thản nhiên.
Chú thích: Thản nhiên là thọ xả.
(*) Nhân sinh Thọ Xả có 4: 1) Tục sinh bằng tâm Thọ Xả. 2) Có sự suy xét tế nhị. 3) Thường gặp cảnh trung bình. 4) Không gặp sự suy vong tàn tạ.

17- Tâm Tham Thọ Xả Hợp Tà Hữu Trợ.

V- Thế nào là Tâm Tham thọ xả hợp tà hữu trợ?
Đ- Tâm Tham thọ xả hợp tà hữu trợ là lòng ham muốn một cách thản nhiên, hợp với quan niệm sai lầm và khởi lên một cách chậm chạp do ngoại cảnh nhiều lần kích thích hoặc nội tâm nhiều lượt suy tư.
Thí dụ: Như người vào chùa thấy chiếc lọ bình (bằng sành), sau nhiều lần suy

nghĩ mới lấy, nhưng lấy với tư cách bình thản (không vui mừng) và cho rằng vô tội.

18-Tâm Tham Thọ Xả Ly Tà Vô Trợ.

V- Thế nào là Tâm Tham thọ xà ly tà vô trợ?
Đ- Tâm Tham thọ xả ly tà vô trợ là lòng ham muốn một cách thản nhiên, không có sự chấp sai, khởi lên một cách mau lẹ, không chần chờ.
Thí dụ: Như có người thấy tiền của người khác để liền lấy với tư cách thản nhiên, bình thường nhưng người ấy biết rằng có tội.

19- Tâm Tham Thọ Xả Ly Tà Hữu Trợ.

V- Thế nào là Tâm Tham thọ xả ly tà hữu trợ?
Đ- Tâm Tham thọ xả ly tà hữu trợ là lòng ham muốn một cách bình thường và khởi lên chậm trễ do ngoại cảnh nhiều lần kích thích hoặc có sự suy nghĩ nhiều lần.
Thí dụ: Như có người ăn no, gặp người khác mời ăn thêm, bị mời nhiều lần người ấy mới ăn, với tư cách thản nhiên, không có suy nghĩ sai lầm.

20- Tâm Sân (Dosa citta) (*)

V- Thế nào là Tâm Sân?
Đ- Tâm Sân là trạng thái nóng nảy, bực bội, khó chịu, bất bình, phiền muộn, bất toại nguyện. Tâm Sân có hai:
Tâm Sân thọ ưu hợp phấn vô trợ.
Tâm Sân thọ ưu hợp phấn hữu trợ.
(*) Nhân sinh Sân có 4: 1) Sân quen thành nết. 2) thiếu sự suy xét tế nhị. 3) thiếu học, ít nghe điều phải. 4) hay gặp cảnh xấu.

21- Tâm Sân Thọ Ưu Hợp Phấn Vô Trợ.

V- Thế nào là Tâm Sân thọ ưu hợp phấn vô trợ?
Đ- Tâm Sân thọ ưu hợp phấn vô trợ là lòng nóng nảy, khó chịu, phiền muộn một cách mau lẹ.
Thí dụ: Như một người bị kẻ khác vừa nói nặng một tiếng thì trong tâm đã nổi nóng. Nổi nóng đó là Tâm Sân thọ ưu hợp phấn. Vừa nghe nói lời nặng đã phiền là vô trợ.

22- Tâm Sân Thọ Ưu Hợp Phấn Hữu Trợ.

V- Thế nào là Tâm Sân thọ ưu hợp phấn hữu trợ?
Đ- Tâm Sân thọ ưu hợp phấn hữu trợ là lòng nóng nảy, buồn bực, phẩn nộ khởi lên sau nhiều lần nghe thấy v.v..
Thí dụ: Như một người nọ bị kẻ khác dùng lời thô lỗ, mắng nhiếc. Khi mới nghe chưa giận, nhưng khi nghe nhiều lần mới phát Tâm Sân (nghe nhiều lần mới phát tâm sân là hữu trợ).

23- Tâm Si (Moha citta) (*).

V- Thế nào là Tâm Si?
Đ- Tâm Si là lòng tăm tối, mê mờ, thiếu trí tuệ, đồng nghĩa với Vô-minh. Tâm Si có hai loại:
Tâm Si Hoài Nghi.
Tâm Si Phóng Dật.
(*) Nhân sinh Si có 4: 1) Do nghiệp si mê đời trước. 2) sanh nhằm đời nhiều sân hận. 3) Thường gặp cảnh phiền não. 4) Pháp ngũ căn yếu. Trái lại với 4 điều trên là 4 nhân sinh Trí Tuệ.

24- Tâm Si Hoài Nghi.

V- Thế nào là Tâm Si Hoài Nghi?

Đ- Tâm Si Hoài Nghi là trạng thái mê mờ do nghi hoặc, phân vân, lưởng lự, không quyết tâm. Hoài nghi có hai cách:

a) Hoài nghi sự thông thường.
b) Hoài nghi sự tu hành.

- Hoài nghi sự tu hành (*) có tám cách:

1- Hoài nghi Phật.
2) Hoài nghi Pháp.
3) Hoài nghi Tăng.
4) Hoài nghi Tam Học.
5) Hoài nghi Ngũ Uẩn.
6) Hoài nghi mười hai xứ.
7) Hoài nghi mười tám giới.
8) Hoài nghi lý duyên khởi.

(*) Hoài nghi sự tu hành là hoài nghi những pháp đắc chứng.

- Hoài Nghi Phật có 5 điều:

1- Hoài nghi sự đắc toàn giác.
2) Hoài nghi hào quang sáu màu.
3) Hoài nghi hào quang chiếu sáng khi suy xét lý duyên sanh.
4) Hoài nghi về Thần Thông của Đức Phật.
5) Hoài Nghi về nhứt thiết chủng trí của Đức Phật.

- Hoài Nghi Pháp có 5 điều:

1- Hoài nghi Đạo.
2) Hoài nghi Quả.
3) Hoài nghi Niết bàn.
4) Hoài nghi Pháp học.
5) Hoài nghi Tam-thế.

- Hoài Nghi Tam thế có 3:

Hoài nghi Quá-khứ.
Hoài nghi Vị-lai.
Hoài nghi Hiện-tại.

- Hoài Nghi Quá Khứ có 5 cách:

Đời trước ta có không kìa?
Đời trước không có ta phải không kìa?
Đời trước ta giàu sang, nghèo hèn thế nào kìa?
Đời trước ta có hình dáng như thế nào kìa?
Đời trước ta từ đâu sanh lại?

- Hoài Nghi Vị Lai có 5 cách:

Đời sau ta có phải không kìa?
Đời sau không có ta phải không kìa?
Đời sau ta giàu sang, nghèo hèn như thế nào kìa?
Đời sau ta có hình dáng như thế nào kìa?
Đời sau ta sanh ra như thế nào và chết sẽ sanh về đâu kìa?

- Hoài Nghi Hiện tại có 6 cách:

Đây là ta phải chăng?
Đây không phải là ta chăng?
Hiện giờ cái gì là ta?
Hiện giờ ta là cái gì?
Hiện giờ chúng sanh và ta từ đâu sanh lại?
Nếu ta và chúng sanh chết sẽ sanh về đâu?

- Hoài Nghi Tăng có 2 điều:

Thánh Tăng có thật hay chăng?
Phàm Tăng có sự đắc chứng thật hay không?

- Hoài Nghi Tam Học có 3 điều:

Hoài nghi Giới học.
Hoài nghi Định học.
Hoài nghi Tuệ học.

25- Tâm Si Phóng Dật.

V- Thế nào là Tâm Si Phóng Dật?

Đ- Tâm Si Phóng Dật là trạng thái Tâm mù mịt, mê mờ, do sự loạn động, lao chao, toán loạn, phang duyên theo trần cảnh, bất nhất tâm, không an trú trong đề mục

26- Tâm Vô Nhân (Ahetuka citta). (*)

V- Thế nào là Tâm Vô Nhân?

Đ- Tâm Vô Nhân là Tâm không có Tham, Sân, Si, Vô Tham, Vô Sân, và Vô Si tương ưng. Tâm Vô Nhân có hai:

Tâm Quả Vô Nhân.
Tâm Duy Tác Vô Nhân.

(*) Tâm Vô Nhân là những tâm không có các nhân Tham, Sân, Si, Vô Tham, Vô Sân và Vô Si.

27- Tâm Quả Vô Nhân .

V- Thế nào là Tâm Quả Vô Nhân?

Đ- Tâm Quả Vô Nhân là Tâm kết Quả của Tâm Bất Thiện và Quả Thiện Dục Giới: Trong khi làm thiếu trí và thiếu Tam tư. Tâm Quả Vô Nhân có hai:

Tâm Quả Bất Thiện.
Tâm Quả Thiện Vô Nhân.

28- Tâm Quả Bất Thiện.V- Thế nào là Tâm Quả Bất Thiện?

Đ- Tâm Quả Bất Thiện là Tâm được thành tựu do Tâm Tham, Tâm Sân, và Tâm Si. Tâm Quả Bất Thiện có 7:

1) Nhãn Thức (*) Quả bất thiện (cái biết của mắt khi trông thấy cảnh sắc xấu).
2) Nhĩ Thức Quả bất thiện (cái biết của tai khi nghe tiếng xấu).
3) Tỷ Thức Quả bất thiện (cái biết của mũi khi ngửi mùi xấu).
4) Thiệt Thức Quả bất thiện (cái biết của lưỡi khi nếm vị xấu).
5) Thân Thức Quả bất thiện (cái biết của thân khi cảm xúc cảnh xấu).
6) Tâm Tiếp thâu Quả bất thiện (tâm tiếp nhận cảnh Ngũ xấu).
7) Tâm Quan Sát Quả bất thiện (tâm xem xét cảnh Ngũ xấu).

(*) Nhân sinh nhãn thức có 4: Nhãn vật (hay nhãn căn, thần kinh nhãn), cảnh Sắc, Ánh sáng và Tác ý.

Nhân sinh nhĩ thức có 4: Nhĩ vật, Cảnh Thinh, Hư Không và Tác ý.

Nhân sinh tỷ thức có 4: Tỷ vật, Cảnh Khí, Gió và Tác ý.
Nhân sinh thiệt thức có 4: Thiệt vật, Cảnh Vị, Nước và Tác ý.
Nhân sinh thân thức có 4: Thân vật, Cảnh xúc, Đất, Lửa, Gió và Tác ý.
Nhân sinh tâm Tiếp Thâu và Quan sát có 3: Sắc Ý Vật, Cảnh Ngũ và Tác ý.

29- Tâm Quả thiện Vô Nhân.

V- Thế nào là Tâm Quả Thiện Vô Nhân?

Đ- Tâm Quả Thiện Vô Nhân là Tâm thành tựu của Tâm Thiện Dục Giới. Tâm Quả Thiện Vô Nhân có tám:

Tâm Nhãn Thức Quả thiện (cái biết của Mắt khi thấy cảnh sắc tốt).
Tâm Nhĩ Thức Quả thiện (cái biết của Tai khi nghe tiếng tốt).
Tâm Tỷ Thức Quả thiện (cái biết của Mủi khi ngửi mùi tốt).
Tâm Thiệt Thức Quả thiện (cái biết của Lưỡi khi nếm vị tốt).
Tâm Thân Thức Quả thiện (cái biết của Thân khi cảm xúc cảnh tốt).
Tâm Tiếp Thâu Quả thiện (tiếp nhận cảnh Ngũ tốt).
Tâm Quan Sát Quả thiện thọ xả (Tâm xem xét cảnh Ngũ tốt thường).
Tâm Quan Sát Quả thiện thọ hỷ (Tâm xem xét cảnh Ngũ tốt đặc biệt).

30- Tâm Duy Tác Vô Nhân.

V- Thế nào là Tâm Duy Tác Vô Nhân?

Đ- Tâm Duy Tác Vô Nhân là Tâm chỉ có hành động mà không có kết quả của hành động và không có sáu nhân tương ưng. Tâm Duy Tác Vô Nhân có ba:

Tâm Khai Ngũ Môn.
Tâm Khai Ý Môn.
Tâm Ưng Cúng Vi Tiếu (*).

(*) Sự cười có 6 cách: 1) cười nghiêng ngữa. 2) cười ra nước mắt. 3) cười lớn tiếng. 4) cười nhỏ tiếng. 5) cười hở răng. 6) cười nhếch mép. Tâm Ưng Cúng Vi Tiếu tạo cười bằng hai cách sau cùng.

31- Tâm Khai Ngũ Môn (Pañcadvārāvajjana).

V- Thế nào là Tâm Khai Ngũ Môn?

Đ- Tâm Khai Ngũ Môn là trạng thái Tâm hướng đến năm cảnh (Sắc, thinh, khí, vị, xúc).

32- Tâm Khai Ý Môn (Manodvārāvajjana).

V- Thế nào là Tâm Khai Ý Môn?

Đ- Tâm Khai Ý Môn là trạng thái Tâm hướng đến cảnh pháp hoặc phán đoán cảnh Ngũ.

33- Tâm Cúng Ưng Vi Tiếu (Hasituppāda).

V- Thế nào là Tâm Ưng Cúng Vi Tiếu?

Đ- Tâm Ưng Cúng Vi Tiếu là Tâm sai khiến sự mĩm cười của A-La-Hán (Chư Phật Độc Giác và Toàn Giác mĩm cười bằng 4 Tâm Đại hạnh thọ hỷ chớ không phải Tâm Ưng Cúng Vi Tiếu).

34- Tâm Dục Giới Tịnh Hảo.

V- Thế nào là Tâm Dục Giới Tịnh Hảo?

Đ- Tâm Dục giới tịnh Hảo là những tâm tốt đẹp trong cõi Dục Giới tức là nhân lành của Dục Giới, quả lành sanh làm người trong cõi Dục Giới. Tâm Dục Giới Tịnh Hảo có ba loại:

Tâm Thiện Dục Giới.
Tâm Quả Dục Giới.
Tâm Duy Tác Dục Giới.

35- Tâm Thiện Dục Giới (*)**.**

V- Thế nào là Tâm Thiện Dục Giới?

Đ- Tâm Thiện Dục Giới là nhân lành sẽ sanh quả tốt tức là nhân thành tựu làm người và trời cõi Dục Giới. Tâm Thiện Dục Giới có tám:

Tâm Thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ.
Tâm Thiện thọ hỷ hợp trí hữu trợ.
Tâm Thiện thọ hỷ ly trí vô trợ.
Tâm Thiện thọ hỷ ly trí hữu trợ.
Tâm Thiện thọ xả hợp trí vô trợ.
Tâm thiện thọ xả hợp trí hữu trợ.
Tâm Thiện thọ xả ly trí vô trợ.
Tâm Thiện thọ xả ly trí hữu trợ.

(*) Nhân sinh tâm Thiện có 6: 1) Tâm khéo tu tập. 2) Ở chỗ được tiến hóa. 3) Thường hội hợp với các bậc trí thức. 4) Đời trước đã tạo phước. 5) Sắp đặt việc làm theo thiện pháp. 6) Gặp cảnh tạo phước.

36- Tâm Thiện Thọ Hỷ Hợp Trí Vô Trợ (*)**.**

V- Thế nào là Tâm thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ?

Đ- Tâm thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ là tâm làm việc lành một cách hoan hỷ có trí tuệ tương ưng, và mau lẹ.

Thí dụ: Như một người Thiện Tín thấy nhà Sư khất thực, lòng rất vui mừng liền mang đồ dâng cúng với sự hiểu biết rằng cúng dường đặng phước.

Chú thích: "Vui mừng" là thọ hỷ, biết cúng dường có phước là hợp trí, liền mang đồ dâng cúng là vô trợ.

(*) Nghiệp tạo Trí có 9: 1) Thuyết pháp cho người nghe. 2) Dạy nghề vô tội. 3) Tạo nghiệp vô tội. 4) Kính trọng người thuyết pháp. 5) Làm phước nguyện sanh trí tuệ. 6) thường soạn kinh cao sách chánh. 7) Ưa bố thí chánh pháp. 8) Thỉnh cầu người thuyết pháp cho mình nghe. 9) Dạy tài vô tội.

Nhân sinh tâm vô trợ có 6: 1) Tục sinh bằng tâm vô trợ. 2) Thân tâm mạnh mẽ. 3) Hay nhẫn nại. 4) Biết rành các việc. 5) Thường được nghe thấy việc làm của các bậc thiện tri thức. 6) Môi trường sống thích hợp. Trái với 6 điều vừa kể là nhân sanh tâm hữu trợ.

37- Tâm Thiện Thọ Hỷ Hợp Trí Hữu Trợ.

V- thế nào là Tâm Thiện thọ hỷ hợp trí hữu trợ?

Đ- Tâm Thiện thọ hỷ hợp trí hữu trợ là tâm làm việc lành một cách vui vẻ có trí tuệ tương ưng, nhưng chậm chạp.

Thí dụ: Như người Phật tử thấy kẻ bần hàn phát tâm thương xót nhưng sau một lúc suy tư mới vui lòng đem của Bố Thí với sự hiểu biết rằng Bố Thí là có phước.

Chú thích: Sau một lúc suy tư mới Bố Thí là hữu trợ.

38- Tâm Thiện Thọ Hỷ Ly Trí Vô Trợ.

V- Thế nào là Tâm thiện thọ hỷ ly trí vô trợ?

Đ- Tâm Thiện thọ hỷ ly trí vô trợ là Tâm làm việc lành một cách vui thích nhưng thiếu trí. Tuy vậy, trong khi làm một cách rất sốt sắng.

Thí dụ: Như một trẻ em gặp nhà Sư rất vui mừng, vội vả vái chào, nhưng nó

không biết rằng kỉnh lễ Chư Tăng là có phước.

39- Tâm Thiện Thọ Hỷ Ly Trí Hữu Trợ.

V- Thế nào là Tâm Thiện thọ hỷ ly trí hữu trợ?

Đ- Tâm Thiện thọ hỷ ly trí hữu trợ là Tâm làm việc một cách thích thú, nhưng thiếu sự sáng suốt, làm một cách chậm chạp.

Thí dụ: Như trẻ em gặp nhà Sư khất thực, cha mẹ biểu chúng mang đồ dâng cúng. Chúng chần chờ, sau nhiều lần khuyên bảo, chúng mới vui lòng mang đồ để bát, nhưng không biết làm vậy là có phước.

40- Tâm Thiện Thọ Xả Hợp Trí Vô Trợ.

V- Thế nào là Tâm Thiện thọ xả hợp trí vô trợ?

Đ- Tâm Thiện thọ xả hợp trí vô trợ là Tâm làm việc lành một cách thản nhiên nhưng rất sốt sắng và có tuệ tương ưng.

Ví dụ: Như người Phật tử sống trong xứ Phật giáo, việc dâng cúng chư Tăng là thường lệ, nên khi thấy nhà Sư đi khất thực, lật đật mang đồ dâng cúng với sự hiểu biết dâng cúng là có phước, nhưng vì hằng ngày thường dâng cúng nên trong khi khởi tâm làm với một cách thản nhiên.

Chú thích: Thản nhiên là thọ xả.

41- Tâm Thiện Thọ Xả Hợp Trí Hữu Trợ.

V- Thế nào là Tâm Thiện thọ xả hợp trí hữu trợ?

Đ- tâm Thiện thọ xả hợp trí hữu trợ là Tâm làm việc lành một cách vô tư có trí tuệ nhưng lại chần chờ.

Thí dụ: Như những người Phật tử thường thọ Bát Quan Trai nhưng tới ngày giới có nhiều người nhắc nhở mới đi thọ giới, mặc dù vẫn biết rằng thọ giới là có phước.

42- Tâm Thiện Thọ Xả Ly Trí Vô Trợ.

V- Thế nào là Tâm thiện thọ xả ly trí vô trợ?

Đ- Tâm Thiện thọ xả ly trí vô trợ là Tâm làm việc lành với tư cách thản nhiên, thiếu sự hiểu biết nhưng rất sốt sắng.

Thí dụ: Như một trẻ em trong gia đình Phật tử, vì thấy cha mẹ thường làm phước nên chúng cũng bắt chước làm theo. Khi có người hành khất đến nhà chúng liền xúc gạo ra cho, không cần phải có ai nhắc nhở, hay phải đắn đo suy nghĩ. Nhưng chúng vì làm theo thói quen nên không vui thích và vì trí óc trẻ con nên không biết bố thí là có phước.

43- Tâm Thiện Thọ Xả Ly Trí Hữu Trợ.

V- thế nào là Tâm thiện thọ xả ly trí hữu trợ?

Đ- Tâm Thiện thọ xả ly trí hữu trợ là Tâm làm việc lành một cách vô tư thiếu sự hiểu biết và làm một cách chần chờ chậm chạp.

Thí dụ: Như trẻ em thấy người hành khất đến nhà, cha mẹ biểu đem tiền ra cho, sau nhiều lần sai biểu chúng mới làm theo, nhưng không có sự vui thích và cũng không biết rằng bố thí là có phước.

44- Tâm Quả Dục Giới.

V- Thế nào là Tâm Quả Dục Giới?

Đ- Tâm Quả Dục Giới là thành quả của Tâm Thiện, là Tâm Tục Sinh của người và Chư Thiên cõi Dục Giới, cũng là Tâm Hộ kiếp của người và Chư Thiên cõi Dục Giới, cũng là Tâm Tử của người và Chư Thiên cõi Dục Giới, cũng là Tâm làm việc

Mót (Thập di hay Na cảnh) có tám thứ như Tâm Thiện Dục Giới.

45- Tâm Duy Tác Dục Giới.

V- Thế nào là Tâm Duy Tác Dục Giới?

Đ- Tâm Duy Tác Dục Giới là Tâm làm các việc lành (như Bố Thí, Trì Giới V.V..) của vị A-la-hán trong cõi Dục Giới, Tâm Duy Tác Dục Giới là Tâm và hành động giống như nhân lành trong cõi Dục giới, nhưng chỉ sanh nơi cơ tánh của vị A-La-Hán, cũng gọi là Tâm Đổng Tốc duy tác của cõi Dục Giới, Tâm Duy Tác Dục Giới cũng có tám thứ như Tâm Thiện Dục Giới.

46- Tâm Đáo Đại (Mahaggata).

V- Thế nào là Tâm Đáo Đại?

Đ- Tâm Đáo Đại là Tâm an trụ trong một cảnh (đề mục) rất lâu, tức là tâm thiền Sắc giới và Vô Sắc Giới.

47- Tâm Sắc Giới (Rūpavacara) (*).

V- Thế nào là Tâm thiền Sắc Giới?

Đ- Tâm Thiền sắc Giới là Tâm Thiền (**) dùng đề mục bằng sắc pháp là Tâm sanh trong cõi còn sắc pháp. Tâm Thiền có 3 loại:

Tâm Thiện Sắc Giới.

Tâm Quả Sắc Giới.

Tâm Duy Tác sắc Giới.

(*) Sắc Giới có 3 nghĩa: 1) Dùng Sắc Pháp làm đề mục để tu thiền. 2) Nếu chứng thiền sẽ được thác sanh về cõi Sắc giới. 3) Ở cõi Sắc giới vẫn còn Sắc tế.

(**) Đình chỉ tư duy trên đối tượng; hay Vì thiêu đốt triền cái nên gọi là Thiền (Ārammaṇūpanijjhānato: Jhānaṃ, puccanīkajhāpanato vā jhānaṃ). (Jhānena sampayuttaṃ cittanti Jhānacittaṃ = Khắn khít trên đề mục nên gọi là tâm Thiền).

48- Tâm Thiện Sắc Giới.

V- Thế nào là Tâm Thiện Sắc Giới?

Đ- Tâm Thiện Sắc Giới là nhân lành sẽ có kết quả làm các vị phạm thiên trong cõi Sắc giới. Tâm Thiện Sắc Giới có năm:

Sơ Thiền.

Nhị Thiền.

Tam Thiền.

Tứ Thiền.

Ngũ Thiền.

49- Tâm Sơ Thiền.

V- Thế nào là Tâm Sơ Thiền?

Đ- Tâm Sơ Thiền là Tâm an trú trong một đề mục, một trạng thái hỷ lạc do ly dục (Sắc dục, thinh dục v.v..) sanh; có năm chi: Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Định.

50- Tâm Nhị Thiền.

V- Thế nào là Tâm Nhị Thiền?

Đ- Tâm Nhị Thiền là trạng thái Tâm an trú trong đề mục, một trạng thái gọi là hỷ lạc do định sanh; có 4 chi: Tứ, Hỷ, Lạc và Định.

51- Tâm Tam Thiền.

V- Thế nào là Tâm Tam Thiền?

Đ- Tâm Tam Thiền là Tâm an trú trong một đề mục, một trạng thái như Tâm

Nhị Thiền nhưng chỉ có 3 chi: Hỷ, Lạc và Định.

52- Tâm Tứ Thiền.

V- Thế nào là Tâm Tứ Thiền?

Đ- Tâm Tứ Thiền là Tâm an trú trong một đề mục có trạng thái gọi là hỷ trú xả hay nói một cách khác cho rõ hơn là trạng thái an lạc rất vi tế, không có sự vui mừng thô tháo. Có 2 chi: Lạc và Định.

53- Tâm Ngũ Thiền.

V- Thế nào là Tâm Ngũ Thiền?

Đ- Tâm Ngũ Thiền là Tâm trụ một cảnh rất yên lặng thanh tịnh, một trạng thái được gọi là xả niệm thanh tịnh. Có 2 chi: Xả và Định.

54- Tâm Quả Sắc Giới.

V- Thế nào là Tâm Quả Sắc Giới?

Đ- Tâm Quả Sắc Giới là quả thành tựu của Tâm Thiện Sắc Giới. Là Tâm làm việc Tục Sinh, Hộ Kiếp và Tử của các vị Phạm Thiên trong cõi Sắc Giới. Cũng có năm thứ như Tâm Thiện sắc giới.

55- Tâm Duy Tác Sắc Giới.

V- Thế nào là Tâm Duy Tác Sắc Giới?

Đ- Tâm Duy Tác Sắc Giới là tâm của vị A-la-hán tu thiền sắc giới cũng giống như Tâm Thiện sắc giới nhưng không có quả dị thục và những tâm nầy chỉ sanh nơi cơ tính của vị A-la-hán.

56- Tâm Vô Sắc Giới (Arūpāvacara) (*).

V- Thế nào là Tâm Vô Sắc Giới?

Đ- Tâm Vô Sắc Giới là những Tâm thiền biết cảnh không Sắc pháp. Tâm Vô Sắc Giới có ba:

Tâm Thiện Vô sắc Giới.

Tâm Quả Vô Sắc Giới.

Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới.

(*) Chỉ nương theo cảnh không sắc tướng nên gọi là Vô Sắc giới (Arūpe avacaratīti: Arūpāvacaraṃ).

57- Tâm Thiện Không Vô Biên.

V- Thế nào là Tâm Thiện Không Vô Biên?

Đ- Tâm Thiện Không Vô Biên là tâm Thiền quan niệm về "hư không vô cùng tận", không có bờ mé (hư không đây do sự suy tư trừu tượng chớ không phải là khoảng trống hay đề mục hư không trong Thiền sắc giới) gọi là tâm thiện không vô biên, vì Tâm nầy là nhân sanh làm phạm thiên trong cõi Không Vô Biên.

58- Tâm Thiện Thức Vô Biên.

V- Thế nào là Tâm Thiện Thức Vô Biên?

Đ- Tâm Thiện Thức Vô Biên là Tâm Thiện quan niệm về "Thức không bờ mé". Vì Tâm nầy là nhân sanh làm Phạm Thiên trong cõi Thức Vô Biên.

59- Tâm Thiện Vô Sở Hữu.

V- Thế nào là Tâm Thiện Vô Sở Hữu?

Đ- Tâm Thiện Vô Sở Hữu là Tâm Thiện quan niệm rằng: "Không có chi cả" dù Tâm hay sắc. Gọi là tâm Thiện Vô Sở Hữu. Vì Tâm nầy là nhân sanh làm Phạm Thiên trong cõi Vô Sở Hữu.

60- Tâm Thiện Phi Tưởng Phi Phi Tưởng.

V- Thế nào là Tâm Thiện Phi Tưởng Phi Phi Tưởng?
Đ- Tâm Thiện Phi Tưởng Phi Phi Tưởng là tâm thiền do quán xét lại Tâm Vô Sở Hữu. Hồi quan thấy rằng: "Không có tưởng cũng không có không tưởng" và trạng thái Tâm nầy rất vi tế dường như không có tưởng nhưng chẳng phải là không có tưởng. Gọi là Tâm Thiện Phi Tưởng Phi Phi Tưởng. Vì Tâm này là nhân lành làm Phạm Thiên trong cõi Phi Tưởng phi Phi Tưởng.

61- Tâm Quả Vô Sắc.

V- Thế nào là Tâm Quả Vô Sắc?
Đ- Tâm Quả Vô Sắc là thành quả của Tâm Thiện Vô Sắc. Tức là Tâm làm việc Tục Sinh, Hộ Kiếp và Tử của các vị Phạm Thiên trong cõi Vô Sắc.

62- Tâm Duy Tác Vô Sắc.

V- Thế nào là Tâm Duy Tác Vô Sắc?
Đ- Tâm Duy Tác Vô Sắc là Tâm của bậc A-la-hán tu thiền vô sắc, cũng giống như Tâm Thiện vô sắc nhưng không có Quả Dị Thục, Bởi vì Tâm nầy là Tâm của bậc A-la-hán.

63- Tâm Siêu Thế (Lokuttaracitta) (*).

V- Thế nào là Tâm Siêu Thế?
Đ- Tâm Siêu Thế là Tâm chỉ biết cảnh Niết Bàn, ngoài hạn cuộc thế gian, thoát ly tam giới. Tâm Siêu Thế có hai loại:

Tâm Đạo.
Tâm Quả.

(*) Tại thế nhưng tâm siêu xuất tam giới, không còn luân hồi nên gọi là tâm Siêu Thế (Loke uttarantīti: Lokuttaro).

64- Tâm Đạo (Magga Citta) (*).

V- Thế nào là Tâm Đạo
Đ- Tâm Đạo là Tâm sát trừ Phiền não, thấy rõ Niết Bàn. Tâm Đạo có bốn:

Tâm Sơ Đạo.
Tâm Nhị Đạo.
Tâm Tam Đạo.
Tâm Tứ Đạo.

(*) Tâm có chi đạo tương ưng (để sát trừ phiền não) gọi là Tâm Đạo (Maggen sampayuttaṃ cittaṃ: Maggacittaṃ).

65- Tâm Sơ Đạo.

V- Thế nào là Tâm Sơ Đạo?
Đ- Tâm Sơ Đạo là Tâm sát trừ phiền não là thấy rõ Niết Bàn lần đầu. Sơ Đạo dứt tuyệt được Thân Kiến, Hoài Nghi, Giới Cấm Thủ. Cũng gọi là thất lai đạo (là đắc đạo nầy sẽ không quá bảy lần tái sanh trong cõi Dục Giới, cũng gọi là Dự Lưu hay Nhập Lưu là bậc nầy đã vào dòng thánh vức sẽ đưa đến Niết Bàn).

66- Tâm Nhị Đạo.

V- Thế nào là Tâm Nhị Đạo?
Đ- Tâm Nhị Đạo là tâm sát trừ phiền não, tâm thấy rõ Niết Bàn lần thứ nhì, làm giảm nhẹ hai phiền não kế là Dục Ái và Sân, cũng gọi là Nhất Lai đạo (là chứng Đạo nầy chỉ có thể tái sanh trong Dục Giới thêm một kiếp).

67- Tâm Tam Đạo.

V- Thế nào là Tâm Tam Đạo?
Đ- Tâm Tam Đạo là Tâm sát trừ phiền não và thấy rõ Niết Bàn lần thứ ba. Tâm

Tam Đạo trừ tuyệt hai phiền não mà Nhị Đạo đã làm giảm nhẹ (tức là Dục Ái và Sân), Tâm Tam Đạo cũng gọi là Bất Lai Đạo (là chứng đạo nầy sẽ không còn Tục Sinh lại cõi Dục Giới nữa).

68- Tâm Tứ Đạo.

V- Thế nào là Tâm Tứ Đạo?

Đ- Tâm Tứ Đạo là Tâm sát trừ phiền não và thấy rõ Niết Bàn lần thứ tư (cũng là lần cuối cùng). Tâm Tứ Đạo sát tuyệt năm phiền não còn lại là Ái Sắc, Ái Vô Sắc, Ngã Mạn, Phóng Dật và Vô Minh. Cũng gọi là Vô Sanh Đạo (chứng đạo nầy thì không còn tái sanh nữa), cũng gọi là Sát tặc (dứt tuyệt ác pháp), cũng gọi là Ứng Cúng (vì bậc chứng đến đạo nầy thì Thân, Khẩu, Ý hoàn toàn trong sạch, xứng đáng cho người dâng cúng).

69- Tâm Quả Siêu Thế.

V- Thế nào là Tâm Quả Siêu Thế?

Đ- Tâm Quả Siêu Thế là thành quả của Tâm Đạo, có bốn:

Sơ Quả.
Nhị Quả.
Tam Quả.
Tứ Quả.

70- Sở Hữu Tâm (Cetasika) (*).

V- Thế nào là Sở Hữu Tâm?

Đ- Sở Hữu Tâm là phần phụ thuộc của Tâm, vật sở hữu của Ý hoặc thức tức là phần phụ trợ cho sự biết cảnh. Sở Hữu Tâm có ba loại:

Sở Hữu Tợ Tha.
Sở Hữu Bất Thiện.
Sở Hữu Tịnh Hảo.

(*) Sở hữu tâm đối với tâm có 4 cách đồng: 1) Đồng sinh với Tâm. 2) Đồng diệt với Tâm. 3) Đồng nương một vật với Tâm. 4) Đồng biết một cảnh với tâm.

71- Sở Hữu Tợ Tha (Annasamānā).

V- Thế nào là Sở Hữu Tợ Tha?

Đ- Sở Hữu Tợ Tha là loại Sở Hữu giống theo pháp khác. Như chúng hợp với tâm thiện thì đồng một tánh chất với pháp thiện, nếu hợp với pháp Bất Thiện thì sẽ đồng một tánh chất như pháp Bất Thiện, nếu hợp với pháp Vô ký (Tâm Quả và Tâm duy tác) thì đồng một tánh chất như Pháp Vô Ký. Sở Hữu Tợ Tha có hai loại:

Sở Hữu Biến Hành.
Sở Hữu Biệt Cảnh.

72- Sở Hữu Biến Hành (Sabbacittasādhārana).

V- Thế nào là Sở Hữu Biến Hành?

Đ- Sở Hữu Biến Hành là loại Sở Hữu hợp đặng tất cả Tâm không một thứ Tâm nào có thể thiếu bảy sở hữu nầy. Vì vậy nên gọi là Sở Hữu Biến Hành. Sở Hữu Biến hành có bảy thứ:

1) Xúc. 2) Thọ. 3) Tưởng. 4) Tư. 5) Định (nhất hành). 6) Mạng Quyền. 7) Tác Ý.

73- Sở Hữu Xúc (Phassa) (*).

V- Thế nào là Sở Hữu Xúc?

Đ- Sở Hữu Xúc là trạng thái gặp gỡ của ba phần: Vật, Cảnh và Thức. Sở hữu Xúc được phân ra sáu loại:

1) Nhãn Xúc (là Sở Hữu Xúc hợp với Tâm Nhãn Thức do mắt và Cảnh Sắc đối chiếu nhau).
2) Nhĩ Xúc (là Sở Hữu Xúc hợp với Tâm Nhĩ Thức trong khi tai và Cảnh Thinh đối chiếu nhau).
3) Tỷ Xúc (Sở Hữu Xúc hợp với Tâm Tỷ Thức khi Mũi và Cảnh Khí đối chiếu nhau).
4) Thiệt Xúc (Sở Hữu Xúc hợp với Tâm Thiệt Thức khi lưỡi và Cảnh Vị đối chiếu nhau).
5) Thân Xúc (Sở Hữu Xúc hợp với Tâm Thân Thức khi Thân và Cảnh Xúc đối chiếu nhau).
6) Ý Xúc (Sở Hữu Xúc hợp với Tâm Ý Thức khi Ý quyền đối chiếu với Cảnh Pháp).

(*) Tâm chạm cảnh gọi là Xúc (Ārambhaṃ busatīti: Phasso).

74- Sở Hữu Thọ (Vedanā) (*).

V- Thế nào là Sở Hữu Thọ?

Đ- Sở Hữu Thọ là trạng thái tiếp thâu, cảm nhận đối tượng. Thọ có năm thứ và sáu loại.

Năm thứ:

Thọ Khổ là trạng thái cảm nhận sự đau đớn của thể xác.
Thọ Lạc là trạng thái cảm nhận sự khoái lạc của xác thân.
Thọ Hỷ là trạng thái lảnh nhận đối tượng một cách an vui, dễ chịu của Tâm.
Thọ Ưu trạng thái cảm nhận đối tượng một cách buồn bực khó chịu của Tâm.
Thọ Xả là trạng thái cảm nhận đối tượng không Khổ, không Lạc, không Hỷ, không Ưu tức là ngoài ra bốn Thọ trên cũng gọi là Thọ phi Khổ phi Lạc.

Sáu loại:

Nhãn thọ (là Sở Hữu Thọ hợp với Nhãn Thức để lãnh nạp cảnh Sắc).
Nhĩ Thọ (là Sở Hữu Thọ hợp với Tâm Nhĩ Thức để tiếp nhận Cảnh Thinh).
Tỷ Thọ (là Sở Hữu Thọ hợp với Tâm Tỷ Thức để lãnh thâu Cảnh Khí).
Thiệt Thọ (là Sở Hữu thọ hợp với Tâm Thiệt Thức để lãnh thâu Cảnh Vị).
Thân Thọ (là Sở Hữu Thọ hợp với Tâm Thân Thức để lãnh thâu Cảnh Xúc).
Ý Thọ (là Sở Hữu Thọ hợp với Tâm Ý Thức để tiếp nhận Cảnh Pháp).

(*) Tâm hưởng cảnh gọi là Thọ (Vedatayīti: Vadanā).

75- Sở Hữu Tưởng (Saññā).

V- Thế nào là Sở Hữu Tưởng?

Đ- Sở Hữu Tưởng là tư cách trạng lại, nhớ lại, hồi tưởng lại những vật đã qua, đã mất, đã diệt mà trước kia đã gặp. Có sáu loại:

1) Sắc Tưởng: tức là nhớ ra cảnh sắc (các màu xanh, vàng, đỏ, trắng v.v...) mà trước kia mắt đã thấy, đã biết.
2) Thinh Tưởng: nhớ ra các thứ tiếng (Cảnh Thinh) mà trước kia Nhĩ Thức đã biết, đã nghe.
3) Khí Tưởng: nhớ ra các mùi mà trước kia Tỷ Thức đã ngửi, đã biết.

4) Vị Tưởng: nhớ ra các cảnh Vị (ngọt, mặn, cay, đắng v.v..) mà trước kia Thiệt Thức đã nếm, đã biết.
5) Xúc Tưởng là nhớ ra các cảnh Xúc (cứng, mềm, nóng, lạnh v.v..) mà trước kia thân thức đã biết, đã cảm xúc.
6) Pháp Tưởng: nhớ ra cảnh pháp (đối tượng của Ý Thức) mà trước kia Ý thức đã biết, đã suy nghĩ.

76- Sở Hữu Tư (Cetanā).

V- Thế nào là Sở Hữu Tư?

Đ- Sở Hữu Tư là trạng thái tính làm, quyết làm, cố tâm. Có sáu loại:
1) Sắc Tư: Sở Hữu Tư hợp với Tâm Nhãn Thức để quyết định khi Nhãn Thức biết cảnh Sắc.
2) Thinh Tư: Sự cố ý nhận được cảnh Thinh tức là Sở Hữu Tư hợp với Tâm Nhĩ Thức.
3) Khí Tư: Sự cố ý nhận ra cảnh Khí tức là Sở Hữu Tư hợp với Tâm Tỷ Thức.
4) Vị Tư: tức là sự cố ý nhận ra cảnh Vị tức Sở Hữu Tư hợp với Tâm Thiệt Thức.
5) Xúc Tư: là sự cố ý nhận ra cảnh Xúc (Đất, Nước, Lửa, Gió) tức là Sở Hữu Tư hợp với Tâm Thân Thức.
6) Pháp Tư: là sự cố suy nghĩ cảnh Pháp tức là Sở Hữu Tư hợp với Tâm Ý Thức.

77- Sở Hữu Định (Ekaggatā).

V- Thế nào là Sở Hữu Định?

Đ- Sở Hữu Định là một trạng thái gom Tâm vào một đề mục, chong ngay vào cảnh, an trụ vào đối tượng.

78- Sở Hữu Mạng Quyền (Jīvitindriya).

V- Thế nào là Sở Hữu Mạng Quyền?

Đ- Sở Hữu Mạng Quyền là sự sống còn của Danh Pháp tồn tại đủ ba sát-na (sanh,trụ,diệt), gọi là Mạng vì bảo tồn sự sống của Tâm Pháp trong ba sát-na tiểu, gọi là Quyền vì có khả năng điều hành các Danh Pháp đồng sanh cùng làm một phận sự.

79- Sở Hữu Tác Ý (Manasikāra) (*).

V- Thế nào là Sở Hữu Tác Ý?

Đ- Sở Hữu Tác Ý là tư cách gom thâu đối tượng làm thành cảnh cho Tâm.

Thí dụ: Như ống viễn kính thâu cảnh vật ở xa cho vừa tầm con mắt cho thấy được; hoặc như răng cắn miếng thực phẩm cho vừa chừng để miệng nhai được v.v...

(*) Làm thành cảnh cho tâm gọi là Tác Ý (Ārammaṇaṃ manasipatipādāyatīti: Manasikāraṃ).

80- Sở Hữu Biệt Cảnh (Pakiṇṇaka).

V- Thế nào là Sở Hữu Biệt Cảnh?

Đ- Sở Hữu Biệt Cảnh là loại Sở Hữu chỉ hợp với một số tâm. Còn một số tâm khác thì không hợp đặng. Sở Hữu Biệt Cảnh có sáu thứ:

1) Tầm. 2) Tứ. 3) Thắng giải. 4) Cần. 5) Hỷ. 6) Dục.

81- Sở Hữu Tầm (Vitakka). (*)

V- Thế nào là Sở Hữu Tầm?

Đ- Sở Hữu Tầm là hướng tâm đến cảnh hay là cách đem Tâm đến đối tượng.
Thí dụ: Như con Ong bay đi đến một cái bông.
Tầm có sáu loại:

1) Sắc Tầm là trạng thái Tâm tìm đến cảnh Sắc (các màu), hướng đến cảnh Sắc.
2) Thinh Tầm là trạng thái Tâm hướng đến cảnh Thinh, tìm đến cảnh Thinh.
3) Khí Tầm là trạng thái Tâm hướng đến cảnh Mùi, tìm đến cảnh Mùi.
4) Vị Tầm tức là trạng thái Tâm hướng đến cảnh Vị, tìm đến cảnh Vị.
5) Xúc Tầm là trạng thái Tâm hướng đến cảnh Xúc (sự đụng chạm) tìm đến cảnh Xúc.
6) Pháp Tầm là trạng thái Tâm hướng đến cảnh Pháp (những đối tượng mà trước kia đã gặp, như cảnh Sắc mắt đã gặp cho đến những sự suy nghĩ mà Tâm trước đã suy tư).

(*) Vitakkanaṃ: Vitakko = Tìm tòi cảnh gọi là Tầm.

82- Sở Hữu Tứ (Vicāra) (*).
V- Thế nào là Sở Hữu Tứ?
Đ- Sở Hữu Tứ là trạng thái Tâm quan sát đối tượng một cách khắn khít (chăm chú quan sát).
Thí dụ: Như con Ong bay rà rà chung quanh cái bông mà nó đã gặp. Tứ có sáu loại:

1) Sắc Tứ là trạng thái Tâm quan sát cảnh Sắc.
2) Thinh Tứ là trạng thái Tâm quan sát cảnh thinh (tiếng).
3) Khí Tứ là trạng thái Tâm quan sát các Mùi.
4) Vị Tứ là trạng thái Tâm quan sát cảnh Vị.
5) Xúc Tứ là trạng thái Tâm quan sát cảnh Xúc do Thân đụng chạm.
6) Pháp Tứ là trạng thái Tâm quan sát những đối tượng mà Ý suy nghĩ.

(*) Kềm giữ cảnh gọi là Tứ (Vicaranaṃ: Vicāro).

83- Sở Hữu Thắng Giải (Adhimokkha).
V- Thế nào là Sở Hữu Thắng Giải?
Đ- Sở Hữu Thắng Giải là trạng thái Tâm quyết đoán trước sự vật một cách khẳng định.
Thídụ: Như vị Quan tòa tuyên án một vụ kiện.

84- Sở Hữu Cần (Viriya) (*).
V- Thế nào là Sở Hữu Cần?
Đ- Sở Hữu Cần là siêng năng tinh tấn cố gắng trước sự khó khăn.
Thí dụ: Như viên dõng tướng khi lâm trận bất chấp gươm đao, hằng lướt tới tiêu diệt đối phương và bảo vệ đoàn quân của mình. Cũng vậy, Sở Hữu Cần có đặc tánh nâng đỡ pháp tương ưng và bài trừ pháp đối nghịch.
(*) Đủ sức chịu đựng với sự khó khăn gọi là Cần (Udukkha sābhe sahanaṃ ussaho).

85- Sở Hữu Hỷ (Pīti). (*)
V- Thế nào là Sở Hữu Hỷ?
Đ- Sở Hữu Hỷ là trạng thái Tâm no vui bằng cảnh.
Hỷ có năm loại:

1) Tiểu Đản Hỷ (Khuddikāpīti) là trạng thái no vui làm da nổi ốc.
2) Sát Na Hỷ (Khaṇikāpīti) là sự no vui thoáng qua như điện chớp.
3) Hải Triều Hỷ (Okkhantikāpīti) tức là sự no vui như sóng tạt vào bờ.
4) Khinh Thăng Hỷ (Ubbhogapīti) là trạng thái no vui một cách nhẹ nhàng có thể bay bổng được.
5) Sung Mãn Hỷ (Pharanapīti) là sự no vui một cách mát mẽ thấm nhuần cả toàn thân.
(*) No nê với cảnh gọi là Hỷ (Pinayapīti: Pīnayo)

86- Sở Hữu Dục (Chanda).

V- Thế nào là Sở Hữu Dục?
Đ- Sở Hữu Dục là sự mong muốn. Dục có ba loại:
Tham Dục là sự ham muốn ngũ trần (Bất thiện).
Pháp Dục là sự mong muốn được chứng các Thiện Pháp.
Tác Dục là sự muốn làm không phải là pháp Thiện, cũng không phải là Pháp Bất Thiện.

87- Sở Hữu Bất Thiện (Akusala).

V- Thế nào là Sở Hữu Bất Thiện?
Đ- Sở Hữu Bất Thiện là những pháp chẳng lành, chẳng tốt (cũng gọi là pháp xấu, pháp ác, pháp đen) Sở Hữu Bất Thiện có năm loại:
1) Sở Hữu Si Phần. 2) Sở Hữu Tham Phần. 3) Sở Hữu Sân Phần. 4) Sở Hữu Hôn Phần. 5) Sở Hữu Hoài Nghi.

88- Sở Hữu Si Phần.

V- Thế nào là Sở Hữu Si Phần?
Đ- Sở Hữu Si Phần là những pháp làm cho Tâm si ám, mê mờ, tăm tối không sáng suốt. Sở Hữu Si Phần có bốn thứ:
1) Sở Hữu Si. 2) Sở Hữu Vô Tàm. 3) Sở Hữu Vô Úy. 4) Sở Hữu Phóng Dật.

89- Sở Hữu Si (Moha) (*).

V- Thế nào là Sở Hữu Si?
Đ- Sở Hữu Si là trạng thái tăm tối, mờ ám trái với trí tuệ đồng nghĩa với vô minh, chính vì sở hữu si làm cho tâm chúng sanh đen tối không biết rõ pháp chơn đế như Ngũ uẩn, mười hai xứ, mười tám giới, bốn đế v.v...
(*) Mê mờ trong cảnh gọi là Si (Ārammane muyhatīti: Moho).

90- Sở Hữu Vô Tàm (Ahirika) (*).

V- Thế nào là Sở Hữu Vô Tàm?
Đ- Sở Hữu Vô Tàm là trạng thái Tâm không hổ thẹn với những điều tội lỗi ác xấu.
(*) Không biết hỗ thẹn với việc ác gọi là Vô Tàm (Na hiriyati na lajjiyati: Ahiriko).

91- Sở Hữu Vô Úy (Anottappa) (*).

V- Thế nào là Sở Hữu Vô Úy?
Đ- Sở Hữu Vô Úy là trạng thái Tâm không ghê sợ những điều tội lỗi, ác, xấu, đặc tánh của Sở Hữu Vô Úy là không ghê sợ kẻ khác chê trách.
(*) Không biết ghê sợ tội lỗi gọi là Vô Úy (Na ottappatīti: Anottappaṃ).

92- Sở Hữu Phóng Dật (Uddhacca) (*).

V- Thế nào Sở Hữu Phóng Dật?

Đ- Sở Hữu Phóng Dật là trạng thái Tâm giao động phóng túng, bị trần cảnh chi phối.
(*) Sự loạn động gọi là Phóng Dật (Uddha tassabhāvo: Uddhaccaṃ).
93- Sở Hữu Tham Phần.
V- Thế nào là Sở Hữu Tham Phần?
Đ- Sở Hữu Tham Phần là những pháp làm cho Tâm thu hút đối tượng, dính mắc theo trần cảnh, gom thâu mọi vật cho thành Sở Hữu của mình, Sở Hữu Tham Phần có ba:
1) Tham. 2) Tà Kiến. 3) Ngã Mạn.
94- Sở Hữu Tham (Lobha) (*).
V- Thế nào là Sở Hữu Tham?
Đ- Sở Hữu Tham là trạng thái Tâm chấp trước đối tượng luyến ái cảnh trần, say đắm theo ngũ dục.
(*) Ham muốn gọi là Tham (Ubbhatīti: Lobho).
95- Sở Hữu Tà Kiến (Diṭṭhi) (*).
V- Thế nào là Sở Hữu Tà Kiến?
Đ- Sở Hữu Tà Kiến là trạng thái Tâm hiểu lầm chấp sai.
(*) Thấy biết trái với sự thật gọi là Tà Kiến (Micchā passatīti: Diṭṭhi).
96- Sở Hữu Ngã Mạn (Māno) (*).
V- Thế nào là Sở Hữu Ngã mạn?
Đ- Sở Hữu Ngã Mạn là trạng thái Tâm tự đắc, tự kiêu, tự đại, tự cao, tự mãn. Ngã Mạn có chín cách:

1) Hơn ỷ hơn.
2) Hơn ỷ bằng.
3) Hơn ỷ thua.
4) Bằng ỷ hơn.
5) Bằng ỷ bằng.
6) Bằng ỷ thua.
7) Thua ỷ hơn.
8) Thua ỷ bằng.
9) Thua ỷ thua.

(*) Cho mình hơn người .v.v. gọi là Ngã Mạn (Seyyomasmīti ādinā manatīti: Mano).

97- Sở Hữu Sân Phần.
V- Thế nào là Sở Hữu Sân Phần?
Đ- Sở Hữu Sân Phần là những pháp làm cho Tâm nóng nảy, bực bội, khó chịu. Sở Hữu Sân có 4:
1) Sở Hữu Sân. 2) Sở Hữu tật. 3) Sở Hữu Lận. 4) Sở Hữu Hối.
98- Sở Hữu Sân (Dosa) (*).
V- Thế nào là Sở Hữu sân?
Đ- Sở Hữu sân là trạng thái Tâm bất bình, phẩn nộ, sầu khổ, ưu bi. Sân trái với Từ (Vô sân).
(*) Sự hung ác, độc hại .v.v. gọi là Sân (Saya meva dussatīti: Doso).
99- Sở Hữu Tật (Issā) (*).
V- Thế nào là Sở Hữu Tật?

Đ- Sở Hữu Tật là trạng thái Tâm ganh tỵ, tật đố, ghét phần hơn của kẻ khác. Tật trái với Tùy Hỷ.
(*) Không chịu người hơn mình gọi là Tật (Issayanā: Issā).
100- Sở Hữu Lận (Macchariya) (*).
V- Thế nào là Sở Hữu Lận?
Đ- Sở Hữu Lận là trạng thái Tâm bỏn xẻn, keo kiết, bón rít, hà tiện tức là không chịu chia sớt của cải cho kẻ khác.
(*) Keo kiết, bỏn xẻn gọi là Lận (Macchera bhavo: Macchariyaṃ).
101- Sở Hữu Hối (Kukkucca) (*).
V- Thế nào là Sở Hữu Hối?
Đ- Sở Hữu Hối là trạng thái Tâm hối tiếc những sự vật đã qua. Hối có nhiều cách: Hối hận việc ác đã làm, Hối tiếc việc Thiện đã bỏ qua...
(*) Hối hận với việc ác đã làm, với việc thiện chưa làm gọi là Hối (Kataṃ me pāpamakataṃ me puññaṃ).
102- Sở Hữu Hôn Phần.
V- Thế nào là Sở Hữu Hôn Phần?
Đ- Sở Hữu Hôn Phần là những Sở Hữu mê mờ yếu đuối chỉ hợp với các Tâm Bất Thiện hữu trợ. Sở Hữu Hôn Phần có hai thứ:
1) Sở Hữu Hôn Trầm. 2) Sở Hữu Thụy Miên.
103- Sở Hữu Hôn Trầm (Middha).
V- Thế nào là Sở Hữu Hôn Trầm?
Đ- Sở Hữu Hôn Trầm là cách lười biếng lui sụt. Có trạng thái co rút lại.
104- Sở Hữu Thụy Miên (Thīna).
V- Thế nào là Sở Hữu Thụy Miên?
Đ- Sở Hữu Thụy Miên là tư cách buồn ngũ, dã dượi, hạn chế lộ tâm.
105- Sở Hữu Hoài Nghi (Vicikicchā) (*).
V- Thế nào là Sở Hữu Hoài Nghi?
Đ- Sở Hữu Hoài Nghi là trạng thái Tâm lưỡng lự, phân vân, nghi ngờ không thể quyết đoán.
(*) Phân vân nghi hoặc gọi là Hoài nghi (Vici kicchātīti: Vicikicchā).
106- Sở Hữu Tịnh Hảo (Sobhana).
V- Thế nào là Sở Hữu Tịnh Hảo?
Đ- Sở Hữu Tịnh Hảo là những Sở Hữu trong sạch, tốt đẹp, thanh tịnh. Những Sở Hữu này chỉ hợp với Tâm Tịnh Hảo, không khi nào hợp với các Tâm Vô Tịnh Hảo. Sở Hữu Tịnh Hảo được phân ra bốn loại:
1) Sở Hữu Tịnh Hảo Biến Hành. 2) Sở Hữu Giới Phần. 3) Sở Hữu Vô Lượng Phần. 4) Sở Hữu Trí Tuệ.
107- Sở Hữu Tịnh Hảo Biến Hành (Sobhana Sādhāranā).
V- Thế nào là Sở Hữu Tịnh Hảo Biến Hành?
Đ- Sở Hữu Tịnh Hảo biến hành là những Sở Hữu trong sạch, tốt đẹp, tinh khiết và có mặt trong tất cả Tâm Tịnh Hảo. Sở Hữu Tịnh Hảo Biến Hành có 19 thứ: Tín, Niệm, Tàm, Úy, Vô Tham, Vô Sân, Hành Xả, Tịnh Thân, Tịnh Tâm, Khinh Thân, Khinh Tâm, Nhu Thân, Nhu Tâm, Thích Thân, Thích Tâm, Thuần Thân, Thuần Tâm, Chánh Thân, Chánh Tâm.
108- Sở Hữu Tín (Saddhā).

V- Thế nào là Sở Hữu Tín?
Đ- Sở Hữu Tín là niềm tin, đức tin, trạng thái Tâm tín ngưỡng theo, Tín có hai loại: Phàm Tín và Thánh Tín hoặc là Chánh Tín và Tà Tín.

109- Sở Hữu Niệm (Sati).

V- Thế nào là Sở Hữu Niệm?
Đ- Sở Hữu Niệm là sự biết ngay, biết đến, biết đặng, biết rõ. Trạng thái nhận thức sự vật hiện hữu tức là tư cách theo dõi, quan sát, chăm chú theo hành động của Thân và Tâm. Niệm có bốn đối tượng: Thân, Thọ, Tâm, Pháp.

110- Sở Hữu Tàm (Hiri).

V- Thế nào Sở Hữu Tàm?
Đ- Sở Hữu Tàm là sự hổ thẹn tội lỗi, mắc cở với việc xấu, lui sụt trước ác pháp. Đặc tính của Sở Hữu Tàm là hổ thẹn tội lỗi đối với tha nhân

111- Sở Hữu Úy (Ottappa).

V- Thế nào là Sở Hữu Úy?
Đ- Sở Hữu Úy là trạng thái ghê sợ tội lỗi, kinh hải trước việc xấu. Đặc tính của Sở Hữu Úy là sự ghê sợ tội lỗi với chính mình.

112- Sở Hữu Vô Tham (Alobha).

V- Thế nào là Sở Hữu Vô Tham?
Đ- Sở Hữu Vô Tham là trạng thái Tâm không ham muốn ngũ dục, chẳng luyến ái Ngũ trần, không chấp trước các đối tượng. Đặc tánh của Sở Hữu Vô Tham là không dính mắc trần cảnh. (Vô Tham ở đây còn đồng nghĩa với bố thí).
Thí dụ: Như lá sen đối với giọt nước.

113- Sở Hữu Vô Sân (Adosa).

V- Thế nào là Sở Hữu Vô Sân?
Đ- Sở Hữu Vô Sân là trạng thái Tâm không nóng nãy, không sân giận, không bất bình, Vô Sân đồng nghĩa với Tâm Từ. Đặc tánh của Sở Hữu Vô Sân là làm cho Danh Pháp đồng sanh được êm dịu mát mẽ, làm tiêu sự nóng nảy.
Thí dụ: Như nước đối với lửa.

114- Sở Hữu Hành Xả(Tatramajjhatatā).

V- Thế nào là Sở Hữu Hành Xả?
Đ- Sở Hữu Hành xả là trạng thái Tâm quân bình không thiên lệch, trung tánh. Đặc tánh của Sở Hữu Hành Xả là làm cho Danh Pháp đồng sanh được ngang nhau không thái quá, bất cập.
Thí dụ: Như người đánh xe giỏi, khéo điều khiển cặp ngựa song hành luôn luôn đi ngang nhau.

115- Sở Hữu Tịnh Thân, Tịnh Tâm (Kāyapassaddhi, Cittapassaddhi).

V- Thế nào là Sở Hữu Tịnh Thân, Tịnh Tâm?
Đ- Sở Hữu Tịnh Thân là trạng thái làm cho các sở hữu đồng sanh an tịnh, còn Tịnh Tâm là trạng thái làm cho tâm an tịnh. Đặc tánh của hai Sở Hữu này là làm cho lắng dịu phiền não dục.
Thí dụ: Như bóng mát của cây ngăn che được sức nóng của mặt trời.

116- Sở Hữu Khinh Thân và Khinh Tâm (Kāyalahūtā, Cittalahūtā).

V- Thế nào là Sở Hữu Khinh Thân, Khinh Tâm?
Đ- Sở Hữu Khinh Thân là trạng thái làm cho các sở hữu đồng sanh nhẹ nhàng. Còn sở hữu Khinh Tâm là trạng thái làm cho tâm nhẹ nhàng. Đặc tánh của hai sở Hữu này là diệt trừ sự nặng nề đình trệ của Tâm và Sở Hữu.

Thí dụ: Như người để gánh nặng xuống.

117- Sở Hữu Nhu Thân, Nhu Tâm (Kāyamudutā, Cittamudutā).

V- Thế nào là sở Hữu Nhu Thân, Nhu Tâm?

Đ- Sở Hữu Nhu Thân là trạng thái làm cho các sở hữu đồng sanh được mềm dịu. Còn sở hữu Nhu Tâm là trạng thái làm cho tâm được mềm dịu. Đặc tánh của hai sở hữu này là diệt trừ sự thô cứng của Sở Hữu và Tâm. Hai sở hữu này đối trị với tà kiến và ngã mạn.

Thí dụ: Như nước làm cho miếng da cứng trở nên mềm.

118- Sở Hữu Thích Thân, Thích Tâm (Kāyakammaññatā, Cittakammaññatā).

V- Thế nào là Sở Hữu Thích Thân, Thích Tâm?

Đ- Sở Hữu Thích Thân là trạng thái làm cho các sở hữu đồng sanh thích ứng vớicông việc. Còn sở hữu Thích Tâm là trạng thái làm cho Tâm đồng sanh thích hợp với công việc. Đặc tánh của hai sở hữu nầy làm cho Tâm và sở hữu thích ứng vớiviệc làm.

Thí dụ: Như lửa đỏ làm mềm cục sắt, có thể làm cho trở thành bất cứ món khí giới nào.

119- Sở Hữu Thuần Thân, Thuần Tâm (Kāyapāguññatā, Cittapāguññatā).

V- Thế nào là sở hữu Thuần Thân, Thuần Tâm?

Đ- Sở Hữu Thuần Thân là trạng thái làm cho các sở hữu đồng sanh được tinh luyện thuần thục. Còn Sở Hữu Thuần Tâm là trạng thái làm cho Tâm được thuần thục. Đặc tánh của hai Sở Hữu nầy là điêu luyện Tâm và Sở Hữu cho được thuần thục.

Thí dụ: Như người thợ lành nghề.

120- Sở Hữu Chánh Thân, Chánh Tâm (Kāyujjukatā, Cittajjukatā).

V- Thế nào là Sở Hữu Chánh Thân, Chánh Tâm?

Đ- Sở Hữu Chánh Thân là trạng thái làm cho sở hữu được ngay thẳng. Còn Sở Hữu Chánh Tâm là trạng thái làm cho Tâm được ngay thẳng. Đặc tánh của hai Sở Hữu nầy là đối trị sự tà vạy của Tâm và Sở Hữu.

Thí dụ: Như kim chỉ nam giúp cho kẻ lữ hành không bị lạc hướng.

121- Sở Hữu Giới Phần (Viratiyo).

V- Thế nào là Sở Hữu Giới Phần?

Đ- Sở Hữu Giới Phần là những Sở Hữu có năng lực sát trừ nghiệp ác của Thân và Khẩu (khi hợp với Tâm Siêu Thế) và chế ngự nghiệp ác của Thân và Khẩu (khi hợp với Tâm Thiện dục giới). Sở Hữu Giới Phần có ba thứ:

1) Chánh Ngữ. 2) Chánh Nghiệp. 3) Chánh Mạng.

122- Sở Hữu Chánh Ngữ (Sammāvācā).

V- Thế nào là Sở Hữu Chánh Ngữ?

Đ- Sở Hữu Chánh Ngữ là sở hữu ngăn ngừa hoặc sát trừ ác nghiệp của Khẩu tức là không nói dối, không nói lời hung dữ, không nói lời chia rẽ, không nói lời nhảm nhí vô ích.

123- Sở Hữu Chánh Nghiệp (Sammā Kammantā).

V- Thế nào là Sở Hữu Chánh Nghiệp?

Đ- Sở Hữu Chánh Nghiệp là sở hữu ngăn ngừa và sát trừ nghiệp ác của Thân tức

là không sát sanh, không trộm cắp, và không tà dâm.

124- Sở Hữu Chánh Mạng (Sammā Ājīvo).

V- thế nào là Sở Hữu Chánh Mạng?
Đ- Sở Hữu Chánh Mạng là sở hữu ngăn ngừa và sát trừ sự nuôi mạng sống bằng cách tà vậy tức là không dùng Thân, Khẩu ác để nuôi mạng sống.

125- Sở Hữu Vô Lượng Phần (Appamaññāyo).

V- Thế nào là Sở Hữu Vô Lượng Phần?
Đ- Sở Hữu Vô Lượng Phần là những sở hữu lấy vô lượng chúng sanh đau khổ và hạnh phúc làm đối tượng. Sở Hữu Vô Lượng Phần có hai:
1) Bi. 2) Tùy Hỷ.

126- Sở Hữu Bi (Karunā).

V- Thế nào là Sở Hữu Bi?
Đ- Sở Hữu Bi là sở Hữu thương xót chúng sanh đau khổ. Sở Hữu nầy đối với tất cả chúng sanh, dầu kẻ thân hoặc thù khi thấy họ bị đau khổ đều thương xót.

127- Sở Hữu Tùy Hỷ (Muditā).

V- Thế nào là Sở Hữu Tùy Hỷ?
Đ- Sở Hữu Tùy Hỷ là sở hữu vui theo sự hạnh phúc hay thành công của tất cả chúng sanh. Sở Hữu nầy đối với tất cả chúng sanh dù kẻ thân hay người thù khi thấy họ hưởng hạnh phúc như giàu sang, sắc đẹp v.v... hoặc thấy họ làm những việc lành như Bố thí, Trì giới v.v... thì phát tâm hoan hỷ chớ không ganh tỵ.

128- Sở Hữu trí Tuệ (Paññindrya).

V- Thế nào là Sở Hữu Trí Tuệ?
Đ- Sở Hữu Trí Tuệ là trạng thái Tâm sáng suốt hiểu biết sự vật đúng với sự thật. Sở Hữu Trí Tuệ được gọi là Tuệ quyền bởi Sở Hữu nầy là nguồn gốc của sự sáng suốt dù là Phàm Tuệ hay Thánh Tuệ hoặc Tuệ Văn, Tuệ Tư, Tuệ Tu đều phát xuất từ nơi sở Hữu nầy.

129- Sở Hữu Nhất Định và Bất Định.

V- Thế nào là Sở Hữu Nhất Định và Bất Định?
Đ- Sở Hữu Nhất Định là những sở hữu nầy khi hợp với tâm nào thì hợp mỗi cách đồng sanh và không thay đổi. Còn sở hữu Bất Định khi hợp với những tâm mà chúng có thể hợp được thì những sở hữu nầy phối hợp với Tâm một cách riêng biệt và bất thường (hoặc có hoặc không).
Sở Hữu Nhất Định có 41. Còn Sở Hữu Bất Định có 11 là: Ngã Mạn, Tật Lận, Hối, Thụy Miên, Hôn Trầm, Bi, Tùy Hỷ, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp và Chánh Mạng.
***Lời giải**:*
Sở Hữu Ngã Mạn bất định bởi sở hữu nầy chỉ hợp với 4 Tâm Tham ly tà, nhưng khi nào có sự kiêu căng, tự đắc thì mới có Ngã Mạn, trái lại thì không. Sở Hữu Tật đố hợp với 2 Tâm Sân trong trường hợp bực bội, khó chịu vì sự ganh tỵ với phần hơn của kẻ khác tħ mới có Sở Hữu Tật phối hợp, trái lại không. Sở Hữu Lận chỉ hợp với hai Tâm Sân trong trường hợp bực mình vì có kẻ khác đến xin chia sớt vật sở hữu của mình thì mới có sở hữu Lận phối hợp, trái lại thì không. Sở hữu Hối chỉ hợp với 2 Tâm Sân trong trường hợp bức rức, khổ tâm. Vì việc Thiện không làm được và đã làm những điều tội lỗi thì sở hữu Hối mới phối hợp, trái lại thì không.
Sở hữu Hôn Trầm và Thụy Miên chỉ hợp với 4 Tâm Tham hữu trợ và Tâm Sân hữu trợ trong trường hợp giải đãi, lười biếng, dã dượi thì mới có sở hữu Hôn

Trầm Thụy Miên phối hợp, trái lại thì không.
Sở hữu Bi chỉ hợp với 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Hạnh và 12 Tâm Thiền Sắc Giới thọ hỷ trong trường hợp thấy chúng sanh đau khổ, ngoài ra thì không.
Sở hữu Tùy Hỷ cũng hợp với các Tâm như sở hữu Bi nhưng chỉ hợp với trường hợp thấy chúng sanh làm được việc lành hoặc hưởng được hạnh phúc, trái lại thì không.
Sở hữu Chánh Ngữ chỉ hợp với 8 Tâm Thiện Dục Giới và các Tâm Siêu Thế cũng vậy đối với sở hữu Chánh Nghiệp và Chánh Mạng. Nhưng đối với 8 Tâm Thiện Dục Giới thì 3 sở hữu Giới phần có khi hợp có khi không và những lúc phối hợp với Tâm Thiện Dục Giới thì có 1 trong 3 mà thôi. Như khi Tâm Thiện Dục Giới khởi lên để ngăn ngừa sự nói dối, nói đâm thọc, nói lời hung ác, nói nhảm nhí vô ích thì có sở hữu Chánh Ngữ phối hợp chớ Chánh Nghiệp, Chánh Mạng thì không. Còn khi nào Tâm Thiện Dục Giới khởi lên để ngăn ngừa việc sát sanh, trộm cướp, tà dâm thì sở hữu Chánh Nghiệp phối hợp. Còn sở hữu Chánh Ngữ, Chánh Mạng thì không. Khi nào Tâm Thiện Dục Giới khởi lên để ngăn ngừa ý định muốn dùng Thân ác, Khẩu ác thì có sở hữu Chánh Mạng phối hợp. Còn khi hợp với Tâm Siêu Thế thì sở hữu giới phần đồng sanh và có đủ không thể thiếu được.
Như vậy, sở hữu Giới Phần Bất Định đối với Tâm Thiện Dục Giới, nhưng Nhất Định đối vớiTâm Siêu Thế.

130- Sở Hữu Biến Hành Phối Hợp.

V- Sở Hữu Biến Hành hợp đặng mấy Tâm?
Đ- Sở Hữu Biến Hành hợp đặng tất cả 121 Tâm.

131- Sở Hữu Tầm Phối Hợp.

V- Sở Hữu Tầm phối hợp đặng mấy Tâm?
Đ- Sở Hữu Tầm phối hợp đặng 55 Tâm là 11 Tâm Sơ Thiền và 44 Tâm Dục Giới (trừ Ngũ song thức).

132- Sở Hữu Tứ Phối Hợp.

V- Sở Hữu Tứ phối hợp đặng mấy Tâm?
Đ- Sở Hữu Tứ phối hợp đặng 66 Tâm là 11 Tâm Sơ Thiền, 11 Tâm Nhị Thiền, và 44 Tâm Dục Giới (trừ Ngũ song thức).

133- Sở Hữu Thắng Giải Phối Hợp.

V- Sở Hữu Thắng Giải hợp đặng mấy Tâm?
Đ- Sở Hữu Thắng Giải phối hợp đặng 78 Tâm là trừ Ngũ song thức và Si Hoài Nghi (hoặc 110 nếu tính rộng).

134- Sở Hữu Cần Phối Hợp.

V- Sở Hữu Cần phối hợp đặng mấy Tâm?
Đ- Sở Hữu Cần phối hợp đặng 73 Tâm hoặc 105 Tâm là trừ 15 Tâm Quả Vô Nhân và Tâm Khai Ngũ Môn.

135- Sở Hữu Hỷ Phối Hợp.

V- Sở Hữu Hỷ phối hợp đặng mấy Tâm?
Đ- Sở Hữu Hỷ phối hợp đặng 51 Tâm: 4 Tâm Tham Thọ Hỷ, Tâm Quan Sát Thọ Hỷ, Tâm Vi Tiếu Thọ Hỷ, 12 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo Thọ Hỷ, 11 Tâm Sơ Thiền, 11 Tâm Nhị Thiền và 11 Tâm Tam Thiền.

136- Sở Hữu Dục Phối Hợp.

V- Sở Hữu Dục phối hợp đặng mấy Tâm?
Đ- Sở Hữu Dục phối hợp đặng 69 hoặc 101 Tâm trừ ra 18 Tâm Vô Nhân và 2 Tâm Si.

137- Sở Hữu Si Phần Phối Hợp.

V- Sở Hữu Si Phần phối hợp đặng mấy Tâm?
Đ- Sở Hữu Si Phần phối hợp đặng 12 Tâm: là Tâm Bất Thiện.

138- Sở Hữu Tham Phối Hợp.

V- Sở Hữu Tham phối hợp đặng mấy Tâm?
Đ- Sở Hữu Tham phối hợp đặng 8 Tâm Tham.

139- Sở Hữu Tà Kiến Phối Hợp.

V- Sở Hữu Tà Kiến phối hợp đặng mấy Tâm?
Đ- Sở Hữu Tà Kiến phối hợp đặng 4 Tâm: là 4 Tâm Tham hợp tà.

140- Sở Hữu Ngã Mạn Phối Hợp.

V- Sở Hữu Ngã Mạn phối hợp đặng mấy Tâm?
Đ- Sở Hữu Ngã Mạn phối hợp đặng 4 Tâm: là 4 Tâm Tham ly tà.

141- Sở Hữu Sân Phần Phối Hợp.

V- Sở Hữu Sân Phần phối hợp đặng mấy Tâm?
Đ- Sở Hữu Sân Phần phối hợp đặng 2 Tâm: là 2 Tâm sân.

142- Sở Hữu Hôn Phần Phối Hợp.

V- Sở Hữu Hôn Phần phối hợp đặng mấy Tâm?
Đ- Sở Hữu Hôn Phần phối hợp đặng 5 tâm: 4 Tâm Tham hữu trợ và Tâm Sân hữu trợ.

143- Sở Hữu Hoài Nghi Phối Hợp.

V- Sở Hữu Hoài Nghi phối hợp đặng mấy Tâm?
Đ- Sở Hữu Hoài Nghi hợp đặng 1 tâm: Tâm Si Hoài Nghi.

144- Sở Hữu Tịnh Hảo Biến Hành Phối Hợp.

V- Sở Hữu Tịnh Hảo Biến Hành phối hợp đặng mấy Tâm?
Đ- Sở Hữu Tịnh Hảo Biến Hành phối hợp đặng 59 hoặc 91 Tâm: trừ ra 30 Tâm Vô Tịnh Hảo.

145- Sở Hữu Giới Phần Phối Hợp.

V- Sở Hữu Giới Phần phối hợp đặng mấy Tâm?
Đ- Sở Hữu Giới Phần phối hợp đặng 16 hoặc 48 Tâm là 8 Thiện Dục Giới và 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế.

146- Sở Hữu Vô Lượng Phần Phối Hợp.

V- Sở Hữu Vô Lượng Phần phối hợp đặng mấy Tâm?
Đ- Sở Hữu Vô Lượng Phần phối hợp đặng 28 Tâm là 8 Tâm Thiện Dục Giới, 8 Tâm Duy Tác dục giới, 12 Tâm Thiền Sắc Giới thọ Lạc.

147- Sở Hữu Trí Tuệ Phối Hợp.

V- Sở Hữu Trí Tuệ phối hợp đặng mấy Tâm?
Đ- Sở Hữu Trí Tuệ phối hợp đặng 47 hoặc 79 là 12 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo hợp trí, 27 Tâm Đáo Đại 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế.

-ooOoo-

[02]

148- Tâm Tổng Hợp (Cittāsaṅgaho).

V- Thế nào là Tâm Tổng Hợp?

Đ- Tâm Tổng Hợp là tính mỗi Tâm có tất cả bao nhiêu sở hữu cùng phối hợp. Tâm Tổng Hợp gồm có 5 phần:

1) Tâm Bất Thiện tổng hợp.
2) Tâm Vô Nhân tổng hợp.
3) Tâm Dục Giới tổng hợp.
4) Tâm Đáo Đại tổng hợp.
5) Tâm Siêu Thế tổng hợp.

149- Tâm Bất Thiện Tổng Hợp.

V- Thế nào là Tâm Bất Thiện Tổng Hợp?

Đ- Tâm Bất Thiện Tổng Hợp là tính mỗi Tâm Bất Thiện có bao nhiêu sở hữu cùng phối hợp. Tâm Bất Thiện Tổng Hợp gồm có 3 phần:

1) Tâm Tham tổng hợp. 2) Tâm Sân tổng hợp. 3) Tâm Si tổng hợp.

150- Tâm Tham Tổng Hợp.

V- Thế nào là Tâm Tham Tổng Hợp?

Đ- Tâm Tham Tổng Hợp là tính những Tâm Tham có bao nhiêu sở hữu cùng phối hợp. Tâm Tham tổng hợp có 8 thứ:

1) Tâm Tham thứ nhất có 19 sở hữu phối hợp là: 13 sở hữu Tợ Tha, 4 Si Phần, Tham và Tà Kiến.
2) Tâm Tham thứ hai có 21 sở hữu cùng phối hợp (như Tâm Tham thứ nhất mà thêm 2 sở hữu Hôn Phần, vì Tâm nầy hữu trợ).
3) Tâm Tham thứ ba có 19 sở hữu cùng phối hợp là 13 sở hữu Tợ Tha, 4 Si Phần, Tham và Ngã Mạn.
4) Tâm Tham thứ tư có 21 sở hữu cùng phối hợp (giống như Tâm Tham thứ ba nhưng thêm 2 Hôn Phần vì Tâm nầy hữu trợ).
5) Tâm Tham thứ năm có 18 sở hữu cùng phối hợp là 12 sở hữu Tợ Tha (trừ Hỷ), 4 Si Phần, Tham và Tà Kiến.
6) Tâm Tham thứ sáu có 20 sở hữu cùng phối hợp (giống như Tâm Tham thứ năm nhưng thêm 2 Hôn Phần).
7) Tâm Tham thứ bảy có 18 sở hữu cùng phối hợp (giống như Tâm Tham thứ năm chỉ khác là bớt Tà Kiến thêm Ngã Mạn).
8) Tâm Tham thứ tám có 20 sở hữu cùng phối hợp (giống như Tâm Tham thứ bảy nhưng thêm 2 sở hữu Hôn Phần).

151- Tâm Sân Tổng Hợp.

V- Thế nào là Tâm Sân Tổng Hợp?

Đ- Tâm Sân Tổng Hợp là tính mỗi Tâm Sân có bao nhiêu sở hữu cùng phối hợp. Tâm Sân có hai thứ:

1) Tâm Sân thứ nhất có 20 Sở Hữu cùng phối hợp là 12 sở hữu Tợ Tha (đã trừ Hỷ), 4 Si phần và 4 Sân phần.
2) Tâm Sân thứ hai có 22 sở hữu cùng phối hợp (giống như Tâm sân thứ nhất nhưng thêm 2 sở hữu Hôn phần vì Tâm nầy hữu trợ).

152- Tâm Si Tổng Hợp.

V- Thế nào là Tâm Si Tổng Hợp
Đ- Tâm Si Tổng Hợp là tính tâm Si có bao nhiêu sở hữu cùng phối hợp. Tâm Si tổng hợp có hai thứ:

1) Tâm Si Hoài Nghi có 15 sở hữu cùng phối hợp là: 10 sở hữu Tợ Tha (trừ Dục Thắng Giải và Hỷ), 4 Si phần và sở hữu Hoài Nghi.
2) Tâm Si Phóng Dật có 15 sở hữu cùng phối hợp là 4 sở Si phần và 11 sở hữu Tợ Tha (trừ Hỷ và Dục).

153- Tâm Vô Nhân Tổng Hợp.

V- Thế nào là Tâm Vô Nhân Tổng Hợp?
Đ- Tâm Vô Nhân Tổng Hợp là tính Tâm Vô Nhân có bao nhiêu sở hữu cùng phối hợp. Tâm Vô Nhân tổng hợp gồm có 4 phần:

1) Ngũ Song thức tổng hợp: Ngũ Song Thức có 7 sở hữu Biến Hành cùng phối hợp.
2) Tâm Khai Ngũ Môn, 2 Tâm tiếp Thâu và 2 Tâm Quan sát thọ xả có 10 sở hữu cùng phối hợp là 10 sở hữu Tợ Tha (trừ Cần, Hỷ, Dục).
3) Tâm Quan sát Thọ Hỷ có 11 sở hữu cùng phối hợp là 11 sở hữu Tợ Tha (trừ cần và Dục) tâm Khai Ý Môn cũng có 11 sở hữu cùng phối hợp là sở hữu Tợ Tha (trừ Dục và Hỷ).
4) Tâm Ưng Cúng Vi Tiếu có 12 sở hữu cùng phối hợp là 12 sở hữu Tợ Tha (trừ Dục).

154- Tâm Dục Giới Tịnh Hảo Tổng Hợp.

V- Thế nào là Tâm Dục Giới Tịnh Hảo Tổng hợp?
Đ- Tâm Dục Giới Tịnh Hảo tổng hợp là tính những Tâm Tịnh Hảo mỗi thứ có bao nhiêu sở hữu phối hợp. Tâm Dục Giới Tịnh Hảo tổng hợp có 3 loại:

Tâm Thiện Dục Giới tổng hợp.
Tâm Quả Dục Giới hữu nhân tổng hợp.
Tâm Duy Tác Dục Giới tổng hợp.

155- Tâm Thiện Dục Giới Tổng Hợp.

V- Thế nào là Tâm Thiện Dục Giới Tổng Hợp?
Đ- Tâm Thiện dục Giới tổng hợp là tính mỗi thứ Tâm Thiện Dục Giới có bao nhiêu sở hữu phối hợp. Tâm Thiện Dục Giới tổng hợp có 8 thứ:

1) Tâm Thiện Dục Giới thứ nhất và thứ nhì có 38 sở hữu phối hợp là 13 sở hữu tợ tha và 25 sở hữu tịnh Hảo (nói có 38 sở hữu phối hợp là tính tổng quát chớ thật sự thì chỉ có 33 sở hữu hoặc 34 mà thôi; vì Tâm Thiện Dục Giới có thể có sở hữu Giới Phần và sở hữu Vô Lượng Phần phối hợp và cũng có thể không có; và nếu có sở hữu Giới Phần hoặc Vô Lượng Phần phối hợp thì chỉ có một trong 5 thứ sở hữu ấy mà thôi).
2) Tâm Thiện Dục Giới thứ ba và thứ tư có 37 sở hữu phối hợp là 13 sở hữu Tợ Tha, 24 sở hữu Tịnh Hảo (trừ Trí Tuệ).
3) Tâm Thiện Dục Giới thứ năm và thứ sáu có 37 sở hữu cùng phối hợp là 12 sở hữu Tợ Tha (trừ Hỷ) và 25 sở hữu Tịnh Hảo.
4) Tâm Thiện Dục Giới thứ bảy và thứ tám có 36 sở hữu phối hợp là 12 sở hữu Tợ Tha (trừ Hỷ) và 24 sở hữu Tịnh Hảo (trừ Trí).

156- Tâm Quả Dục Giới Hữu Nhân Tổng Hợp.

V- Thế nào là Tâm Quả Dục Giới Hữu Nhân tổng hợp?
Đ- Tâm Quả Dục Giới tổng hợp là tính mỗi thứ Tâm Quả có bao nhiêu sở hữu cùng phối hợp. Tâm Quả dục giới tổng hợp có 8 thứ:

1- Tâm Quả Dục Giới thứ nhất và thứ nhì có 33 sở hữu phối hợp là 13 sở hữu Tợ Tha, 19 sở hữu Tịnh Hảo Biến Hành và Trí Tuệ.
2) Tâm Quả Dục Giới thứ ba và thứ tư có 32 sở hữu phối hợp là 13 sở hữu Tợ Tha và 19 sở hữu Tịnh Hảo Biến Hành.
3) Tâm Quả Dục Giới thứ năm và thứ thứ sáu có 32 sở hữu phối hợp là sở hữu Trí Tuệ, 19 sở hữu Tịnh Hảo Biến Hành và 12 sở hữu Tợ Tha (trừ Hỷ).
4) Tâm Quả Dục Giới thứ bảy và thứ tám có 31 sở hữu phối hợp là 19 sở hữu Tịnh Hảo Biến Hành và 12 sở hữu Tợ Tha (trừ Hỷ).

157- Tâm Duy Tác Dục Giới Hữu Nhân Tổng Hợp.

V- Thế nào là Tâm Duy tác Dục Giới Hữu Nhân Tổng hợp?
Đ- Tâm Duy Tác Dục Giới tổng hợp là tính Tâm Duy Tác Dục Giới có bao nhiêu sở hữu phối hợp. Tâm Duy tác Dục Giới tổng hợp có 8 thứ:

1) Tâm Duy Tác Dục Giới thứ nhất và thứ nhì có 35 sở hữu phối hợp là 13 sở hữu Tợ Tha, 19 sở hữu Tịnh Hảo Biến hành, 2 sở hữu Vô lượng Phần và sở hữu Trí tuệ.
2) Tâm Duy Tác Dục Giới thứ ba và thứ tư có 34 sở hữu phối hợp là 13 sở hữu Tợ tha, 19 sở hữu Tịnh Hảo Biến hành và 2 sở hữu Vô lượng Phần.
3) Tâm Duy Tác Dục Giới thứ năm và thứ sáu có 34 sở hữu phối hợp là sở hữu Trí tuệ, sở hữu Vô lượng Phần, 19 sở hữu Tịnh Hảo Biến hành và 12 sở hữu Tợ tha (trừ Hỷ).
4) Tâm Duy Tác Dục Giới thứ bảy và thứ tám có 33 sở hữu phối hợp là 2 sở hữu Vô lượng Phần, 19 sở hữu Tịnh Hảo Biến hành và 12 sở hữu Tợ tha (trừ Hỷ).

158- Tâm Đáo Đại Tổng Hợp.

V- Thế nào là Tâm Đáo Đại Tổng Hợp?
Đ- Tâm Đáo Đại tổng hợp là tính những tâm Thiền Sắc giới và Vô Sắc giới mỗi thứ có bao nhiêu sở hữu phối hợp Tâm Đáo Đại tổng hợp có 5 loại:

1) Tâm Sơ Thiền Sắc Giới (gồm cả Thiện, Quả và Duy Tác) có 35 sở hữu phối hợp là 13 sở hữu Tợ tha và 22 sở hữu Tịnh Hảo (trừ Giới Phần).
2) Tâm Nhị Thiền Sắc Giới (Thiện, Quả và Duy Tác) có 34 sở hữu phối hợp là sở hữu Trí tuệ, 2 sở hữu Vô Lượng Phần, 19 sở hữu Tịnh Hảo biến hành và 12 sở hữu Tợ tha (trừ Tầm).
3) Tâm Tam Thiền Sắc Giới (Thiện, Quả và Duy tác) có 33 sở hữu phối hợp là sở hữu Trí Tuệ, 2 sở hữu Vô Lượng Phần, 19 sở hữu Tịnh Hảo biến hành và 11 sở hữu Tợ tha (trừ Tầm và Tứ).
4) Tâm Tứ Thiền Sắc Giới (Thiện, Quả và Duy Tác) có 32 sở hữu phối hợp là sở hữu Trí Tuệ, 2 sở hữu Vô Lượng Phần, 19 sở hữu tịnh Hảo biến hành và 10 sở hữu Tợ tha (trừ Tầm, Tứ, Hỷ).
15 Tâm Ngũ Thiền (3 Tâm Ngũ Thiền Sắc Giới và 12 Tâm Vô Sắc Giới) có 30 sở hữu phối hợp là sở hữu Trí Tuệ, 19 sở hữu Tịnh Hảo Biến hành và 10 sở hữu Tợ tha (trừ Tầm, Tứ, Hỷ).

159- Tâm Siêu Thế Tổng Hợp.

V- Thế nào là Tâm Siêu Thế Tổng hợp?
Đ- Tâm Siêu Thế tổng hợp là tính mỗi tâm Siêu Thế có bao nhiêu sở hữu phối hợp Tâm Siêu Thế tổng hợp có 5 thứ:

8 Tâm Sơ Thiền Siêu Thế có 36 sở hữu phối hợp là 13 sở hữu Tợ tha, 19 sở hữu Tịnh Hảo Biến hành, 3 sở hữu Giới Phần và sở hữu Trí Tuệ.
8 Tâm Nhị Thiền Siêu Thế có 35 sở hữu phối hợp là sở hữu trí Tuệ, 3 sở hữu Giới Phần, 19 sở hữu Tịnh Hảo biến hành và 12 sở hữu Tợ tha (trừ Tầm).
8 Tâm Tam Thiền Siêu Thế có 34 sở hữu phối hợp là 23 sở hữu Tịnh Hảo (trừ Vô Lượng Phần) và 11 sở hữu Tợ tha (trừ Tầm và Tứ).
8 Tâm Tứ Thiền Siêu Thế và
8 Tâm Ngũ Thiền Siêu Thế có 33 sở hữu phối hợp là 10 sở hữu Tợ tha (trừ Tầm, Tứ, Hỷ) và 23 sở hữu Tịnh Hảo (trừ Vô Lượng Phần).

160- Thọ Tổng Hợp (Vedanāsaṅgaho).
V- Thế nào là Thọ Tổng Hợp?
Đ- Thọ Tổng Hợp là gom tất cả trạng thái cảm thọ của tâm thức mỗi thọ đặng bao nhiêu Tâm pháp. Thọ có tất cả 5 loại:
1) Thọ Khổ. 2) Thọ Lạc. 3) Thọ Ưu. 4) Thọ Hỷ. 5) Thọ Xả.

161- Thọ Khổ Tổng Hợp.
V- Thế nào là Thọ Khổ Tổng Hợp?
Đ- Thọ Khổ tổng hợp là tính theo sự đau đớn của xác thân có bao nhiêu Tâm và Sở hữu phối hợp.
a) Tâm: có 11 là Tâm Thân Thức thọ khổ.
b) Sở Hữu Tâm: có 6 là 6 sở hữu biến hành (trừ Thọ) khi hợp với Tâm Thân Thức thọ khổ.

162- Thọ Lạc Tổng Hợp.
V- Thế nào Thọ Lạc Tổng Hợp?
Đ- Thọ Lạc tổng hợp là tính theo sự khoái lạc của xác thân có bao nhiêu Tâm và Sở hữu cùng phối hợp.
a) Tâm: có 1 là Tâm Thân Thức Thọ Lạc.
b) Sở Hữu Tâm: có 6 là sở hữu biến hành (trừ Thọ) khi hợp với Tâm Thân Thức Thọ Lạc .

163- Thọ Ưu Tổng Hợp.
V- Thế nào là Thọ Ưu tổng hợp?
Đ- Thọ Ưu tổng hợp là tính sự buồn rầu đau khổ của tâm có bao nhiêu Tâm cùng Sở hữu phối hợp.
a) Tâm: có 2 là 2 Tâm Sân.
b) Sở Hữu Tâm: có 21 là 2 Sở Hữu Hôn Phần, 4 Sở Hữu Sân Phần, 4 Sở Hữu Si Phần, 11 Sở Hữu Tợ Tha (trừ Hỷ và Thọ).

164- Thọ Hỷ Tổng Hợp.
V- Thế nào là Thọ Hỷ Tổng Hợp?
Đ- Thọ Hỷ tổng hợp là tính sự vui mừng hoan lạc của Tâm, có bao nhiêu Tâm và sở hữu phối hợp.
a) Tâm: có 62 là 4 Tâm Tham Thọ Hỷ, Tâm Quan Sát thọ hỷ, Tâm Ưng Cúng Vi Tiếu, 12 tâm Dục Giới Thọ Hỷ và 44 Tâm Thiền Thọ Hỷ.

b) Sở Hữu tâm: có 46 Sở Hữu cùng phối hợp là 25 Sở Hữu Tịnh Hảo, 2 Hôn Phần, 3 Tham Phần, 4 Si Phần và 12 Sở Hữu Tợ Tha (trừ Thọ).

165- Thọ Xả Tổng Hợp.

V- Thế nào là Thọ Xả Tổng Hợp?

Đ- Thọ Xả tổng hợp là tính sự cảm thọ không vui, không buồn, không khổ, không lạc, có bao nhiêu Tâm cùng Sở Hữu phối hợp.

a) Tâm: có 55 Tâm là 4 Tâm Tham Thọ Xả, 2 Tâm Si, 12 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo thọ xả, 23 tâm Ngũ Thiền và 14 Tâm Vô Nhân thọ xả (trừ Thân Thức, Tâm Quan sát thọ Hỷ và Tâm Ưng Cúng Vi Tiếu).

b) Sở Hữu Tâm: có 46 Sở Hữu cùng phối hợp là 25 Sở Hữu Tịnh Hảo, Hoài Nghi, 2 Hôn Phần, 3 Tham Phần, 4 Si Phần và 11 Sở Hữu Tợ Tha (trừ Hỷ và Thọ).

166- Nhân Tổng Hợp (Hetusaṅgaho).

V- Thế nào là Nhân Tổng Hợp?

Đ- Nhân Tổng Hợp là tính Nhân tương ưng mỗi thứ có bao nhiêu Tâm và Sở hữu cùng phối hợp. Nhân tổng hợp có 6 loại:

1) Nhân Tham. 2) Nhân Sân. 3) Nhân Si. 4) Nhân Vô Tham. 5) Nhân Vô Sân.6) Nhân Vô Si.

167- Nhân Tham Tổng Hợp.

V- Thế nào là Nhân Tham Tổng Hợp?

Đ- Nhân Tham tổng hợp là cội rễ của Pháp Bất Thiện khi sanh khởi có sự ham muốn là nguyên nhân chánh.

a) Tâm: có 8 tâm đồng sanh với nhân Tham là 8 Tâm Tham.

b) Sở Hữu Tâm: có 21 sở hữu cùng phối hợp là 13 sở hữu Tợ tha 4 Si Phần, tà Kiến, Ngã Mạn và 2 Hôn Phần.

168- Nhân Sân Tổng Hợp.

V- Thế nào là Nhân Sân Tổng Hợp?

Đ- Nhân Sân tổng hợp là cội rễ của pháp Bất Thiện khi khởi lên có sân là nhân chánh thức, có bao nhiêu Tâm cùng sở hữu cùng Sân phối hợp.

a) Tâm: có 2 Tâm Sân.

b) Sở Hữu Tâm: có 21 sở hữu cùng phối hợp: 2 Hôn phần, 3 sân Phần (trừ sân), 4 Si Phần và 12 sở hữu Tợ tha (trừ Hỷ).

169- Nhân Si Phần Tổng Hợp.

V- Thế nào là Nhân Si Tổng Hợp?

Đ- Nhân Si tổng hợp là cội rễ của pháp Bất Thiện, khi khởi lên có Si là nguyên nhân chánh thức, có bao nhiêu Tâm và Sở hữu cùng Si phối hợp.

a) Tâm: có 12 Tâm Bất Thiện.

b) Sở Hữu Tâm: có 26 sở hữu là 13 sở hữu Tợ tha và 13 Bất Thiện (trừ sở hữu Si).

170- Nhân Vô Tham Vô Sân Tổng Hợp.

V- Thế nào là Nhân Vô Tham và Vô Sân Tổng Hợp?

Đ- Nhân Vô Tham, Nhân Vô Sân tổng hợp là tính bao nhiêu tâm và Sở hữu cùng phối hợp.

a) Tâm: có 59 hoặc 91 tâm: 24 tâm Dục Giới Tịnh Hảo, 27 Tâm Đáo Đại và 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế.

b) Sở Hữu Tâm: có 36 là 13 Sở Hữu Tợ tha và 23 Sở Hữu Tịnh Hảo (trừ Vô Tham, Vô Sân).

171- Nhân Vô Si Tổng Hợp.
V- Thế nào là Nhân Vô Si Tổng Hợp?
Đ- Nhân Vô Si Tổng Hợp là tính Nhân Vô Si có bao nhiêu Tâm và Sở Hữu cùng phối hợp.
a) Tâm: có 47 hoặc 79 Tâm: 12 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo hợp trí, 27 Tâm Đáo Đại và 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế.
b) Sở Hữu Tâm: có 37; 13 Sở Hữu Tợ Tha và 24 Sở Hữu Tịnh Hảo (trừ Trí).
171- Nhân Vô Si Tổng Hợp.
V- Thế nào là Nhân Vô Si Tổng Hợp?
Đ- Nhân Vô Si Tổng Hợp là tính Nhân Vô Si có bao nhiêu Tâm và Sở Hữu cùng phối hợp.

a) Tâm: có 47 hoặc 79 Tâm: 12 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo hợp trí, 27 Tâm Đáo Đại và 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế.

b) Sở Hữu Tâm: có 37; 13 sở hữu Tợ tha và 24 Sở Hữu Tịnh Hảo (trừ Trí).

172- Sự Tổng Hợp (Kiccasaṅgaho) (*).
V- Thế nào là sự tổng hợp?
Đ- Sự tổng hợp là tính tất cả sự hành vi của Tâm Pháp Sự có 14 thứ:
1) Sự Tục Sinh. 2) Sự Hộ Kiếp. 3) Sự Thấy. 4) Sự Nghe. 5) Sự Ngửi.
6) Sự Nếm. 7) Sự Cảm Xúc. 8) Sự Khai Môn. 9) Sự Tiếp Thâu. 10) Sự Quan Sát.
11) Sự Phân Đoán. 12) Sự Thực. 13) Sự Thập Di. 14) Sự Tử.

(*) Cách gom tâm và sở hữu theo phần công tác gọi là Sự Tổng Hợp (Kiccabhedena citta cetasikaṃ saṅgaho: Kiccasaṅgaho).

173- Sự Tục Sinh Tổng Hợp. (*)
V- Thế nào là sự Tục Sinh Tổng Hợp?
Đ- Sự Tục Sinh tổng hợp là việc nối liền kiếp sống (tức là Tâm làm môi giới cho ngũ uẩn cũ và ngũ uẩn mới); là tâm khởi đầu của một kiếp sống. Như vậy, sự Tục Sinh tổng hợp tức tính việc nối liền kiếp sống có bao nhiêu tâm và Sở hữu cùng phối hợp.

a) Tâm: có 19 tâm làm việc Tục Sinh là 2 tâm Quan Sát thọ xả, 8 Tâm Quả Dục Giới hữu nhân và 9 Tâm Quả Đáo Đại.

b) Sở Hữu Tâm: có 35 Sở hữu cùng phối hợp là 13 Sở Hữu Tợ tha và 22 Sở hữu Tịnh Hảo (trừ Giới Phần).

***Chú thích**:* Việc Tục Sinh có nhiều cách khác nhau như sau:
Tục Sinh ác thú là tâm làm việc Tục Sinh trong 4 cảnh khổ: Địa Ngục, Ngạ Quỷ, A Tu La, và Bàng Sanh. Tâm Tục Sinh trong 4 cảnh khổ là Tâm Quan Sát Quả Bất Thiện. Tâm nầy có 10 sở hữu cùng phối hợp là 10 sở hữu Tợ tha (trừ Cần, Hỷ, Dục); đối tượng của tâm Tục Sinh nầy là lúc lâm chung, người sắp chết trông thấy những cảnh thấp hèn, đói khát v.v... thì Tục Sinh làm Ngạ Quỷ; nếu người sắp chết trông thấy những hình tướng hung tợn, như cảnh chém giết sát hại v.v... thì Tục Sinh làm A Tu La, nếu người sắp chết trông thấy các loài thú

vật thì Tục Sinh làm cầm thú.
Tục Sinh Nhơn Loại là việc Tục Sinh của loài người. Tâm làm việc Tục sinh cho loài người có 9:
Nếu Tục Sinh bằng Tâm Quan Sát Quả Thiện Vô Nhân thọ xả thì làm người có tật bệnh từ trong bụng mẹ như đui, điếc, câm v.v...
Nếu Tục Sinh bằng 1 trong 4 tâm Quả Dục Giới Ly trí thì sanh làm người thiếu trí, hạng người này không thể đắc Thiền hay Đạo Quả được.
Nếu Tục Sinh bằng 1 trong 4 Tâm Quả Dục Giới hợp trí thì sinh làm người khôn ngoan sáng suốt có thể đắc đạo...
9 Tâm Quả Đáo Đại thì làm việc Tục Sinh vào các cõi Thiền Sắc và Vô Sắc.
(*) Cách nối lại đời sống gọi là Tục Sinh (Patisandhānaṃ: Patisandhi).

174- Sự Hộ Kiếp Tổng Hợp. (*)
V- Thế nào là Sự Hộ Kiếp Tổng Hợp?
Đ- Sự Hộ Kiếp Tổng Hợp là tính những Tâm và sở hữu cùng sanh chung trong việc bảo trì kiếp sống tức là Tâm chủ quan luôn luôn bắt cảnh cũ. Tâm nầy diễn tiến ngoài lộ trình Tâm như lúc Ngũ mê v.v... những Tâm làm việc Hộ Kiếp cũng có 19 thứ và bắt cảnh cũng giống như Tâm Tục Sinh chỉ khác là nối sau Tâm Tục Sinh.
(*) Hữu Phần không bị gián đoạn gọi là Hộ Kiếp (Bhavassaṅgaṃ: Bhavaṅgaṃ)

175- Sự Thấy Tổng Hợp.
V- Thế nào là Sự Thấy Tổng Hợp?
Đ- Sự Thấy Tổng Hợp là tính trong việc Thấy có bao nhiêu Tâm cùng sở hữu phối hợp. Thấy là nhận biết được cảnh Sắc có 2 Tâm làm việc Thấy là 2 tâm Nhãn Thức. Có 7 sở hữu cùng phối hợp là 7 sở hữu biến hành.

176- Sự Nghe Tổng Hợp.
V- Thế nào là Sự Nghe Tổng Hợp?
Đ- Sự Nghe Tổng Hợp là tính việc Nghe có bao nhiêu Tâm và sở hữu cùng phối hợp. Sự nghe là nhận biết được cảnh thinh có 2 Tâm làm việc Nghe là 2 Tâm Nhĩ Thức, có 7 sở hữu cùng phối hợp là 7 sở hữu biến hành.

177- Sự Ngửi Tổng Hợp.
V- Thế nào là Sự Ngửi Tổng Hợp?
Đ- Sự Ngửi Tổng Hợp là tính trong việc Ngửi có bao nhiêu Tâm và sở hữu cùng phối hợp. Sự Ngửi là nhận thức được cảnh Khí có 2 Tâm làm việc Ngửi là 2 Tâm Tỷ Thức, có 7 sở hữu cùng phối hợp là 7 sở hữu biến hành.

178- Sự Nếm Tổng Hợp.
V- Thế nào là Sự Nếm Tổng Hợp?
Đ- Sự Nếm Tổng Hợp là tính trong việc Nếm có bao nhiêu Tâm cũng sở hữu phối hợp. Sự Nếm là nhận biết được cảnh Vị có 2 Tâm làm việc Nếm là 2 Tâm Thiệt Thức, có 7 sở hữu cùng phối hợp là 7 sở hữu biến hành.

179- Sự Cảm Xúc Tổng Hợp.
V- Thế nào là Sự Cảm Xúc Tổng Hợp?
Đ- Sự Cảm Xúc Tổng Hợp là tính trong việc Cảm Xúc có bao nhiêu Tâm cùng sở hữu phối hợp. Cảm Xúc là sự nhận biết đặng Cảnh Xúc có 2 Tâm làm việc Cảm Xúc là 2 Tâm Thân Thức, có 7 sở hữu phối hợp là 7 sở hữu biến hành.

180- Sự Khai Môn Tổng Hợp. (*)
V- Thế nào là Khai Môn Tổng Hợp?

Đ- Sự Khai Môn Tổng Hợp là tính trong việc Khai Môn có bao nhiêu tâm cùng sở hữu phối hợp. Sự Khai Môn là trạng thái tâm hướng đến đối tượng, có 2 Tâm làm việc Khai Môn là Tâm Khai Ngũ Môn và Tâm Khai Ý Môn, có 11 sở hữu Tợ tha (trừ Dục và Hỷ) cùng phối hợp.
(*) Bắt cảnh mới gọi là Khai (Avajjiyate: Āvajjanaṃ); hay Ngăn chặn sự trôi chảy của Hộ Kiếp gọi là Khai (Avatjjyate: Āvajjanaṃ).

181- Sự Tiếp Thâu Tổng Hợp. (*)

V- Thế nào là Sự Tiếp Thâu Tổng Hợp?
Đ- Sự Tiếp Thâu Tổng Hợp là tính trong việc Tiếp Thâu có bao nhiêu Tâm cùng sở hữu phối hợp. Sự Tiếp Thâu là trạng thái Tâm lãnh thọ năm cảnh (Sắc, Thinh, Khí, Vị và Xúc) có 2 Tâm làm việc Tiếp Thâu là 2 Tâm Tiếp Thâu. Có 10 sở hữu Tợ tha (trừ Cần, Hỷ, Dục) cùng phối hợp.
(*) Tiếp nhận 5 cảnh từ Ngũ Song Thức gọi là Tiếp Thâu (Sampaticchiyate: Sampaticchanaṃ).

182- Sự Quan Sát Tổng Hợp. (*)

V- Thế nào là Sự Quan Sát Tổng Hợp?
Đ- Sự Quan Sát Tổng Hợp là tính trong việc Quan Sát có bao nhiêu Tâm và sở hữu cùng phối hợp. Sự Quan Sát là trạng thái Tâm điều tra đối tượng tức là xem xét tìm hiểu cảnh Ngũ. Có 3 tâm làm việc Quan Sát là 2 Tâm Quan Sát thọ xả và 1 tâm Quan Sát thọ Hỷ. Có 11 sở hữu cùng phối hợp là 11 sở hữu Tợ tha (trừ Cần, Dục).
(*) Điều tra 5 cảnh từ tâm Tiếp Thâu chuyển sang gọi là Quan Sát (Sammātirnaṃ: Santiranaṃ).

183- Sự Phân Đoán Tổng Hợp. (*)

V- Thế nào là Sự Phân Đoán Tổng Hợp?
Đ- Sự Phân Đoán Tổng Hợp là tính trong sự Phân Đoán có bao nhiêu Tâm cùng sở hữu phối hợp. Sự Phân Đoán là trạng thái Tâm xác định đối tượng có 1 Tâm làm việc Phân Đoán là Tâm Khai Ý Môn, có 11 sở hữu cùng phối hợp là 11 sở hữu Tợ tha (trừ Hỷ và Dục).
(*) Xác định cảnh tốt hay xấu ... gọi là Phân Đoán (hay Đoán Định) (Vavatthapiyate: Voṭṭhabhanaṃ).

184- Sự Đổng Tốc Tổng Hợp (*).

V- Thế nào là Sự Đổng Tốc Tổng Hợp?
Đ- Sự Đổng Tốc Tổng Hợp là tính việc Đổng Tốc có bao nhiêu Tâm cùng sở hữu phối hợp. Sự Đổng Tốc là sức lực Tâm biết cảnh rõ ràng, có 55 hoặc 87 Tâm là 12 Tâm Bất Thiện, Tâm Ưng Cúng Vi Tiếu, Tâm Thiện Dục Giới, 8 Tâm Duy Tác Dục Giới, 9 Tâm Thiện Đáo Đại, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại và 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế. Có 52 sở hữu cùng phối hợp với, các Tâm Đổng Tốc.
(*) Mãnh lực xử sự với đối tượng gọi là Đổng Tốc hay Đổng Lực (Javatīti: Javanam).

185- Sự Thập Di Tổng Hợp (*).

V- Thế nào là Sự Thập Di Tổng Hợp?
Đ- Sự Thập Di Tổng Hợp là tính có bao nhiêu Tâm và Sở hữu cùng phối hợp trong việc Thập Di. Sự Thập Di là trạng thái Tâm hưởng cảnh dư của Tâm Đổng Tốc có 11 Tâm làm việc Thập Di là 3 Tâm Quan Sát và 8 Tâm Quả Dục Giới. Có

33 sở hữu cùng phối hợp là 13 sở hữu Tợ tha, 19 sở hữu Tịnh Hảo biến hành và sở hữu Trí Tuệ.

(*) Hưởng cảnh dư của tâm Đổng Lực gọi là Thập Di hay Na cảnh (Tassa ārammanaṃ passàti: Tadārammanaṃ).

186- Sự Tử Tổng Hợp (*).

V- Thế nào là Sự Tử Tổng Hợp?

Đ- Sự Tử Tổng Hợp là tính sự Tử có bao nhiêu Tâm và sở hữu phối hợp. Sự Tử là trạng thái Tâm chủ quan của kiếp sống bị tiêu diệt. Tâm Tục Sinh, Hộ Kiếp và Tử làm việc giống nhau, đồng biết một cảnh như nhau, đồng một thứ Tâm như nhau, chỉ khác nhau như Tâm Tục Sinh là khởi đầu của kiếp sống còn Tâm Tử là Tâm cuối cùng của một kiếp sống, Hộ Kiếp là khoảng giữa của kiếp sống tức là sau Tục Sinh mà trước Tử. Những Tâm làm việc Tục Sinh mà trước Tử. Những Tâm làm việc Tục Sinh, Hộ Kiếp và Tử hoàn toàn ở ngoài lộ trình Tâm.

(*) Sự chấm dứt kiếp sống củ gọi là sự Tử (Cavanaṃ: Cuti).

187- Môn Tổng Hợp (Dvārasāṅgaho). (*)

V- Thế nào là Môn Tổng Hợp?

Đ- Môn Tổng Hợp là tính tất cả Môn, mỗi Môn có bao nhiêu Tâm cùng sở hữu phối hợp. Môn hay cửa là lối đi vào và đi ra. Môn có 6 loại: Nhãn Môn, Nhĩ Môn, Tỷ Môn, Thiệt Môn, Thân Môn và Ý Môn.

(*) Như cửa gọi là Môn (Dvāraṃvivati: Dvāraṃ).

188- Nhãn Môn Tổng Hợp.

V- Thế nào là Nhãn Môn Tổng Hợp?

Đ- Nhãn Môn Tổng Hợp là tính có bao nhiêu Tâm và Sở Hữu cùng hợp trong lộ nhãn môn. Nhãn Môn tức mắt là cửa để cảnh sắc hiện vào và Nhãn Thức hiện ra. Nhãn Môn có 46 Tâm Nương là 2 Tâm Nhãn thức và 44 Tâm Dục Giới (trừ 4 đôi Thức: Nhĩ, Tỷ, Thiệt và Thân) và 52 sở hữu cùng phối hợp.

189- Nhĩ Môn Tổng Hợp.

V- Thế nào là Nhĩ Môn Tổng Hợp?

Đ- Nhĩ Môn tổng hợp là tính có bao nhiêu Tâm và Sở Hữu cùng phối hợp trong lộ Nhĩ Môn. Nhĩ Môn là Tai để cảnh Thinh hiện vào và Nhĩ Thức khởi lên. Nhĩ Môn có 46 Tâm Nương là 2 Tâm Nhĩ Thức và 44 Tâm Dục Giới (trừ Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt và Thân thức) và 52 sở hữu cùng phối hợp.

190- Tỷ Môn Tổng Hợp.

V- thế nào là Tỷ Môn Tổng Hợp?

Đ- Tỷ Môn Tổng Hợp là tính có bao nhiêu Tâm và sở hữu cùng phối hợp trong lộ Tỷ Môn. Tỷ Môn tức là lỗ Mũi để cho cảnh Khí hiện vào và Tỷ Thức khởi lên. Tỷ Môn có 46 Tâm cùng nương là 2 Tâm Tỷ Thức và 44 Tâm Dục Giới (trừ Nhãn, Nhĩ, Thiệt, Thân thức) và 52 sở hữu cùng phối hợp.

191- Thiệt Môn Tổng Hợp.

V- Thế nào là Thiệt Môn Tổng Hợp?

Đ- Thiệt Môn tổng hợp là tính có bao nhiêu Tâm cùng sở hữu phối hợp trong lộ Thiệt Môn. Thiệt Môn tức là lưỡi để cho cảnh Vị hiện vào và Thiệt Thức khởi lên. Thiệt Môn có 46 Tâm cùng nương là 2 Tâm Thiệt Thức và 44 Tâm Dục Giới (trừ Nhãn, Nhĩ, Tỷ và Thân Thức) và 52 sở hữu cùng phối hợp.

192- Thân Môn Tổng Hợp.

V- Thế nào là Thân Môn Tổng Hợp?
Đ- Thân Môn Tổng Hợp là tính có bao nhiêu Tâm và sở hữu cùng phối hợp trong lộ Thân Môn. Thân Môn là Thần Kinh Thân để cho cảnh Xúc hiện vào và Thân Thức sanh khởi. Thân Thức có 46 Tâm nương là 2 Tâm Thân Thức và 44 Tâm Dục Giới (trừ Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt thức) và 52 sở hữu cùng phối hợp.

193- Ý Môn Tổng Hợp.

V- Thế nào Ý Môn Tổng Hợp?
Đ- Ý Môn tổng hợp là tính có bao nhiêu Tâm và sở hữu cùng phối hợp với Ý Môn. Ý Môn là Tâm Hộ Kiếp để cho Ý thức khởi lên thân bắt cảnh pháp. Có 67 hoặc 99 Tâm nương Ý Môn (trừ Ngũ song Thức, 3 Ý Giới và 9 Quả Đáo Đại) và 52 sở hữu phối hợp.

194- Tâm Nương Môn và Không.

V- Thế nào là Tâm nương Môn và Không?
Đ- Tâm Nương Môn và Không được phân ra 5 phần:

1) Tâm Nương Nhất Môn có 36 hoặc 68 là Ngũ Song Thức, 18 Tâm Đổng Tốc Đáo Đại và 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế (2 Tâm Nhãn Thức chỉ nương Nhản Môn, 2 Tâm Nhĩ Thức chỉ nương Nhĩ Môn, 2 Tâm Tỷ Thức chỉ nương Tỷ Môn, 2 Tâm Thiệt Thức chỉ nương Thiệt Môn, 2 Tâm Thân Thức chỉ nương Thân Môn, 18 Tâm Đổng Tốc Đáo Đại và 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế chỉ nương Ý Môn).
2) Tâm Nương Ngũ Môn có 3: là 2 Tâm Tiếp Thâu và Tâm Khai Ngũ Môn (3 tâm này được gọi chung là Ý Giới).
3) Tâm Nương Lục Môn có 31: là 12 Tâm Bất Thiện, Tâm Quan Sát thọ Hỷ, Tâm Khai Ý Môn, Tâm Ưng Cúng Vi Tiếu, 8 Tâm Thiện Dục Giới, 8 Duy Tác Dục giới hữu nhân.
4) Tâm Nương Lục Môn có bất định có 10: là 2 Tâm Quan Sát thọ Xả, và 8 Tâm Quả Dục Giới (2 Quan Sát thọ Xả khi làm việc Quan Sát thập di thì nương theo 6 Môn; khi làm việc Tục sinh, Hộ Kiếp và Tử thì không nương theo Môn nào cả. Còn 8 Tâm Quả Dục Giới khi làm việc Thập Di thì nương theo 6 Môn, còn khi làm việc Tục Sinh, Hộ Kiếp và Tử thì chẳng nương Môn nào).
5) Tâm không nương Môn nào cả có 9: 9 tâm Quả Đáo Đại (vì Tâm Quả Đáo Đại chỉ làm việc Tục Sinh, Hộ Kiếp và Tử nên chẳng nương Môn nào).

195- Cảnh Tổng Hợp (Ārammanasaṅgaho). (*)

V- Thế nào là Cảnh Tổng Hợp?
Đ- Cảnh Tổnh Hợp là gồm tất cả Cảnh, tính mỗi Cảnh gồm có bao nhiêu Pháp và mỗi Cảnh có được bao nhiêu Tâm biết.
Cảnh nếu tính hẹp có 6: Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, Pháp; tính rộng thì có: Cảnh Ngũ, Cảnh Chơn Đế, Cảnh Dục Giới, Cảnh Đáo Đại, Cảnh Niết Bàn, Cảnh Danh Pháp, Cảnh Sắc Pháp, Cảnh Quá Khứ, Cảnh hiện Tại, Cảnh Vị Lai, Cảnh Ngoại Thời, Cảnh Nội Phần, Cảnh Ngoại Phần, Cảnh Nội và Ngoại Phần.
(*) Bị Tâm và Sở hữu biết gọi là cảnh (Citta Cetasikehi ālambiyatīti: Ālambanaṃ).

196- Cảnh Sắc

.V- Thế nào là Cảnh Sắc?
Đ- Cảnh Sắc là tất cả màu tức là Vật bị Mắt thấy. Cảnh Sắc là đối tượng của

Nhãn Thức tức là Nhãn Thức chỉ biết Cảnh Sắc.
Cảnh Sắc có 48 Tâm biết: 2 Tâm Nhãn thức, 2 Tâm Diệu Trí (thông) và 44 Tâm Dục Giới (trừ Nhĩ, Tỷ, Thiệt và Thân Thức).

197- Cảnh Thinh.

V- Thế nào Cảnh Thinh?
Đ- Cảnh Thinh là tất cả Tiếng vật bị tai nghe, Cảnh Thinh là đối tượng đặc biệt của Nhĩ thức và Nhĩ thức chỉ biết cảnh Thinh...
Cảnh Thinh có 48 Tâm biết là 2 Tâm Nhĩ thức, 2 Tâm Diệu Trí và 44 Tâm Dục Giới (trừ Nhãn, Tỷ, Thiệt và Thân thức).

198- Cảnh Khí (Hương).V- Thế nào là Cảnh Khí?
Đ- Cảnh Khí là tất cả Mùi là vật bị ngửi. Cảnh Khí là đối tượng đặc biệt của Tỷ thức và Tỷ thức chỉ biết cảnh Khí...
Cảnh Khí có 48 Tâm biết là 2 Tâm Tỷ thức 2 Tâm Diệu Trí và 44 Tâm Dục Giới (trừ Nhãn, Nhĩ, Thiệt và Thân thức).

199- Cảnh Vị.

V- Thế nào là Cảnh Vị?
Đ- Cảnh Vị là tất cả vị (mặn, ngọt v.v...) bị Lưỡi nếm. Cảnh vị là đối tượng đặc biệt của Thiệt thức và Thiệt thức chỉ biết Cảnh vị...
Cảnh Vị có 48 Tâm biết là 2 Tâm Thiệt Thức, 2 Tâm Diệu Trí và 44 Tâm Dục Giới (trừ Nhãn, Nhĩ, tỷ và Thân thức).

200- Cảnh Xúc.

V- Thế nào là Cảnh Xúc?
Đ- Cảnh Xúc là tất cả sự cảm Xúc (cứng, mềm, nóng, lạnh v.v...) Cảnh Xúc là đối tượng Đặc Biệt của Thân thức và thân thức chỉ biết cảnh xúc.
Cảnh Xúc có 48 Tâm biết là 2 Tâm Thân thức 2 Tâm Diệu Trí và 44 Tâm Dục Giới (trừ Nhãn, Nhĩ, Tỷ và Thiệt thức).

201- Cảnh Ngũ.

V- Thế nào là cảnh Ngũ?
Đ- Cảnh Ngũ là gom năm cảnh lại mà gọi, chứ không phải có một Cảnh Ngũ riêng biệt.
Cảnh Ngũ là (Sắc, Thinh, Khí, Vị và Xúc) 3 Tâm biết cảnh Ngũ Cố Định: 2 Tâm tiếp Thâu và Tâm Khai Ngũ Môn. Có 43 Tâm cũng có thể biết Cảnh Ngũ nhưng Bất Định là 2 Tâm Diệu Trí và 41 Tâm Dục Giới (trừ Ngũ Song Thức).

202- Cảnh Pháp.

V- Thế nào là Cảnh Pháp?
Đ- Cảnh Pháp là những trạng thái riêng biệt ngoài ra Cảnh Ngũ.
Có 35 hoặc 67 Tâm biết Cảnh pháp Cố Định là 27 Tâm Đáo Đại và 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế; có 45 Tâm cũng có thể biết Cảnh Pháp nhưng Bất Định là 2 Tâm Diệu Trí và 41 Tâm Dục Giới (trừ Ngũ Song thức và 3 Ý Giới).

203- Cảnh Chơn Đế.

V- Thế nào là Cảnh Chơn Đế?
Đ- Cảnh Chơn Đế là Tâm, Sở hữu, Sắc pháp và Niết Bàn.
Tâm biết cảnh Chơn Đế có 70 hoặc 102: Tâm chỉ biết Cảnh Chơn Đế bằng cách Cố Định và trực tiếp là 8 hoặc 40 tâm Siêu Thế, 3 Tâm Thức Vô Biên, 3 Tâm Phi Tưởng Phi Phi Tưởng, 8 Tâm Quả Dục Giới và 17 tâm Vô Nhân (trừ Khai Ý Môn). Tâm biết cảnh Chơn Đế Bất Định là 12 Tâm Bất Thiện, Tâm Khai Ý Môn, 8

Thiện Dục Giới 8 Duy Tác Dục Giới và 2 Tâm Diệu Trí.

204- Cảnh Tục Đế.

V- Thế nào là Cảnh Tục Đế?

Đ- Cảnh Tục Đế là Cảnh giả tạo nương theo Chơn Đế mà định đặt chớ không có thiệt.

Tâm biết cảnh Tục Đế có 21 là 15 Tâm Sắc Giới, 3 tâm Không Vô Biên và 3 Tâm Vô sở hữu. Còn Tâm cũng biết cảnh Tục Đế nhưng bất định là 12 tâm Bất Thiện, Khai ý Môn, 8 Thiện Dục Giới, 8 Duy Tác Dục Giới và 2 Tâm Diệu Trí.

205- Cảnh Dục Giới.

V- Thế nào là Cảnh Dục Giới?

Đ- Cảnh Dục Giới là Sắc, thinh, Khí, Vị và Xúc.

Tâm biết Cảnh Dục Giới có 56: Tâm chỉ biết cảnh Dục Giới là 8 Quả Dục giới hữu nhân và 17 Tâm Vô Nhân (trừ Khai Ý Môn). Còn Tâm cũng biết cảnh Dục giới nhưng Bất định là 12 Tâm Bất Thiện, Tâm Khai Ý Môn, 8 Tâm Thiện Dục Giới, 8 Tâm Duy Tác dục giới và 2 Tâm Diệu Trí.

206- Cảnh Đáo Đại.

V- Thế nào là Cảnh Đáo Đại?

Đ- Cảnh Đáo Đại là cảnh Thiền rộng lớn tức là tâm trụ một đề mục đặng rất lâu. Tâm biết cảnh Đáo Đại có 37. Tâm chỉ biết cảnh Đáo Đại là 3 Tâm Thức Vô Biên và 3 Tâm Phi Tưởng Phi Phi Tưởng. Những tâm cũng biết cảnh Đáo Đại nhưng bất định là Tâm 12 Bất Thiện, Tâm Khai Ý Môn, 8 Thiện Dục giới 8 Duy Tác Dục giới và 2 Tâm Diệu Trí.

207- Cảnh Niết Bàn.

V- Thế nào là Cảnh Niết Bàn?

Đ- Cảnh Niết Bàn là cảnh hoàn toàn vắng lặng ngoài hạn cuộc thế gian, không còn một pháp hữu vi nào dư sót.

Có 19 hoặc 51 Tâm biết cảnh Niết Bàn. Tâm biết cảnh Niết Bàn có 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế. Những Tâm cũng biết cảnh Niết Bàn nhưng Bất Định là Tâm Khai Ý Môn, 8 Tâm Đổng Tốc Dục Giới Tịnh Hảo hợp trí và 2 tâm Diệu Trí.

208- Cảnh Danh Pháp.

V- Thế nào là Cảnh Danh Pháp?

Đ- Cảnh Danh Pháp là Tâm, Sở hữu, Niết Bàn.

Có 57 hoặc 89 tâm biết đặng cảnh Danh Pháp. Những Tâm nhứt định chỉ biết cảnh Danh pháp là 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế, 3 Tâm Thức Vô Biên và 3 Tâm Phi Tưởng Phi Phi Tưởng. Những Tâm cũng biết Cảnh Danh Pháp nhưng Bất định là Tâm Diệu Trí và 41 Tâm Dục Giới (trừ Ngũ Song thức và 3 Ý giới).

209- Cảnh Sắc Pháp.

V- Thế nào là Cảnh Sắc Pháp?

Đ- Cảnh Sắc Pháp là Đất, Nước, Lửa, Gió hoặc nói cho đủ là 28 Sắc Pháp. Tâm biết cảnh sắc Pháp có 56. Những Tâm nhứt định biết cảnh Sắc Pháp là Ngũ Song Thức và 3 Ý Giới. Những Tâm cũng biết cảnh Sắc Pháp nhưng Bất định là 2 Tâm Diệu Trí và 41 Tâm Dục giới (trừ Ngũ Song thức và 3 Ý Giới).

210- Cảnh Quá Khứ.

V- Thế nào là Cảnh Quá Khứ?

Đ- Cảnh Quá Khứ là cảnh đã qua, đã diệt, đã mất.

Tâm biết cảnh Quá Khứ có 49. Những Tâm nhứt định chỉ biết cảnh Quá khứ là 3

tâm Thức Vô Biên, 3 Tâm Phi Tưởng Phi Phi Tưởng. Những Tâm cũng biết cảnh Quá Khứ nhưng Bất định là 2 Tâm Diệu Trí và 41 Tâm Dục Giới (trừ Ngũ Song Thức và 3 Ý Giới).

211- Cảnh Hiện Tại.

V- Thế nào là Cảnh Hiện Tại?

Đ- Cảnh Hiện Tại là Cảnh đang còn, đang sanh, đang có mặt.

Có 56 Tâm biết cảnh Hiện Tại. Những Tâm nhất định chỉ biết cảnh Hiện tại là Ngũ Song Thức và 3 Tâm Ý Giới. Những Tâm cũng biết cảnh Hiện Tại nhưng Bất định là: 2 Tâm Diệu Trí và 41 Tâm Dục giới (trừ Ngũ Song Thức và 3 Tâm Ý Giới).

212- Cảnh Vị Lai.

V- Thế nào là Cảnh Vị Lai?

Đ- Cảnh Vị Lai là Cảnh chưa sanh, chưa có, chưa hiện ra.

Có 43 Tâm biết đặng nhưng bất định (Cảnh Vị Lai không có Tâm biết nhất định) là 2 Tâm Diệu Trí và 41 Tâm Dục Giới) trừ Ngũ Song thức và 3 Ý Giới).

213- Cảnh Ngoại Thời.

V- Thế nào là Cảnh Ngoại Thời?

Đ- Cảnh Ngoại Thời là cảnh Thiền Chế định và Niết Bàn. Vì Thiền Chế Định và Niết Bàn vượt ngoài thời gian, nên gọi là cảnh Ngoại Thời. Có 60 hoặc 92 Tâm biết Cảnh Ngoại Thời. Những Tâm biết cảnh Ngoại Thời nhất định là 15 Tâm Sắc giới, 3 Tâm Không Vô biên, 3 Tâm Vô Sở hữu, 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế. Những Tâm cũng biết cảnh Ngoại Thời nhưng bất định là 2 Tâm Thông, 8 Thiện Dục giới, 8 Duy Tác Dục giới, Khai Ý Môn, và 12 Tâm Bất Thiện.

214- Cảnh Nội Phần.

V- Thế nào là Cảnh Nội Phần?

Đ- Cảnh Nội Phần là Tâm, Sở hữu, Sắc pháp của Nội Thân. Có 62 Tâm biết đặng: Sáu Tâm chỉ biết cảnh Nội Phần là 3 Tâm Thức Vô Biên, 3 Tâm Phi Tưởng Phi Phi Tưởng; những Tâm cũng biết cảnh Nội Phần nhưng Bất định là 2 Tâm Diệu Trí và 54 Tâm Dục Giới.

215- Cảnh Ngoại Phần.

V- Thế nào là Cảnh Ngoại Phần?

Đ- Cảnh Ngoại Phần là Tâm, Sở Hữu, Sắc pháp Ngoại thân. Có 114 tâm biết cảnh Ngoại Phần. Những Tâm nhất định chỉ biết cảnh Ngoại Phần là 15 Tâm Sắc giới, 3 Tâm Không Vô biên và 8 hoặc 40 Tâm Siêu Thế. Những Tâm cũng biết cảnh Ngoại Phần nhưng Bất định là 2 Tâm Diệu trí, 54 Tâm Dục Giới.

216- Cảnh Nội và Ngoại Phần.

V- Thế nào là Cảnh Nội và Ngoại Phần?

Đ- Cảnh Nội và Ngoại Phần là Tâm, Sở hữu Sắc pháp bên trong thân và bên ngoài có 56 Tâm biết đặng nhưng Bất định (vì cảnh Nội và Ngoại Phần gồm 2 cảnh lại mà kêu chứ thật thì không phải có đủ 2 cảnh một lần nên tâm biết cảnh Nội và Ngoại phần hoàn toàn là bất định) là 54 Tâm Dục giới và 2 Tâm Diệu Trí.

217- Mỗi Tâm Biết Mấy Cảnh.

V- Thế nào là mỗi Tâm biết mấy Cảnh?

Đ- Tâm biết 3 cảnh là 3 Tâm Vô Sở Hữu Xứ (Cảnh Pháp, Cảnh Tục và Cảnh Ngoại Thời).

15 Tâm Sắc giới và 3 Tâm Không Vô Biên biết đặng 4 Cảnh: (Cảnh Pháp, Cảnh

Tục Đế, Cảnh Ngoại Thờivà Cảnh Ngoại Phần).
3 Tâm Thức Vô Biên, 3 Tâm Phi Tưởng Phi Phi tưởng biết đặng 6 cảnh: Cảnh Pháp, Cảnh Đáo Đại, Cảnh Chơn Đế, Cảnh Quá Khứ, Cảnh Danh Pháp và Cảnh Nội Phần.
Tâm Siêu Thế biết 6 cảnh là Cảnh Pháp, Cảnh Chơn Đế, Cảnh Niết Bàn, Cảnh Ngoại Phần, Cảnh Ngoại Thời, Cảnh Danh Pháp.
Ngũ Song Thức biết 7 cảnh: Cảnh Sắc Pháp, cảnh Hiện Tại, Cảnh Dục Giới, Cảnh Chơn Đế, Cảnh Nội Phần, Cảnh Ngoại Phần và 1 trong 5 Cảnh (Sắc, Thinh v.v...).
3 tâm Ý Giới biết đặng 13 Cảnh là Cảnh Ngũ, Cảnh Sắc pháp, Cảnh Dục giới, Cảnh Chơn đế, Cảnh Hiện tại, Cảnh Nội phần, Cảnh Ngoại phần, Cảnh Nội và Ngoại phần, Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị, Cảnh Sắc, Cảnh Xúc.
3 tâm Quan Sát, tâm Ưng Cúng Vi Tiếu và 8 Đại Quả Dục giới biết đặng 17 Cảnh là trong 21 cảnh trừ ra 4 Cảnh: Niết Bàn, Đáo Đại, Tục Đế và Ngoại Thời.
12 Tâm Bất Thiện và 8 Tâm Đổng Tốc Dục giới Tịnh Hảo ly trí biết đặng 20 Cảnh trừ ra Cảnh Niết Bàn.
2 Tâm Diệu Trí, tâm Khai Ý Môn và 8 Tâm (Thực) Đổng Tốc Dục Giới Tịnh Hảo hợp trí biết đủ 21 Cảnh.

218- Vật Tổng Hợp (Vatthu Saṅgaho) (*)

V- Thế nào là Vật Tổng Hợp?
Đ- Vật tổng hợp là gồm tất cả Vật có bao nhiêu. Vật có 6
1- Nhãn Vật. 2- Nhĩ Vật. 3- Tỷ Vật. 4- Thiệt Vật. 5- Thân Vật. 6- Ý Vật.

(*) Tâm và Sở hữu tâm nương Sắc nào thì Sắc ấy gọi là Vật (Vacanti patitthahanti cittā etthāti: Vatthu).

219- Nhãn Vật.

V- Thế nào là Nhãn Vật?
Đ- Nhãn Vật là tính chất của Tứ Đại nằm trong mống Mắt, hình thức như đầu con chí đực để thâu bắt cảnh sắc. Cũng gọi là Nhãn Quyền (căn), Thần Kinh Nhãn, Nhãn Xứ, Nhãn Giới ... có 2 Tâm nương theo Nhãn Vật là 2 Tâm Nhãn Thức.

220- Nhĩ Vật.

V- Thế nào là Nhĩ vật?
Đ- Nhĩ Vật là tính chất của Tứ Đại thâu bắt được cảnh thinh, có hình thức giống như lông con cừu nằm khoanh trong lỗ tai. Cũng gọi là Nhĩ Quyền (căn) Thần kinh Nhĩ, Nhĩ Xứ, Nhĩ Giới ... có 2 tâm nương theo Nhĩ vật là 2 tâm Nhĩ Thức.

221- Tỷ Vật.

V- Thế nào là Tỷ Vật?
Đ- Tỷ Vật là tính chất của Tứ đại thâu bắt cảnh khí, có hình thức như móng chân con dê nằm trong lỗ mũi. Cũng gọi là Tỷ Quyền (căn), Thần Kinh Tỷ, Tỷ Xứ, Tỷ Giới ... có 2 tâm nương Tỷ Vật là 2 Tâm Tỷ Thức.

222- Thiệt Vật.

V- Thế nào là Thiệt Vật?
Đ- Thiệt Vật là tính chất của Tứ Đại mà thâu bắt được cảnh vị, hình thức như đầu lông con Nhím, nằm trong lưỡi. Cũng gọi là Thiệt Quyền (căn), Thần Kinh Thiệt, Thiệt Xứ, Thiệt Giới. Có 2 tâm nương Thiệt Vật là Tâm Thiệt Thức.

223- Thân Vật.

V- Thế nào là Thân Vật?
Đ- Thân Vật là tính chất của tứ đại mà thâu bắt cảnh xúc. Thân vật không có hình thức riêng biệt (các nhà Duy Thức nói rằng: Thân vật có hình thức như dăm của trống cơm; còn một vài vị Pháp Sư khác thì nói Thân là da), Thân vật nằm khắp chân thân chứ không có vị trí riêng biệt... Cũng gọi là Thân Quyền (căn), Thân Xứ, Thân giới...có 2 Tâm nương theo Thân vật là 2 Tâm Thân Thức.

224- Ý Vật.

V- Thế nào là Ý Vật?
Đ- Ý Vật là sắc nghiệp nương trái tim (theo một vài vị Pháp Sư cho rằng Ý vật là một số máu trong trái tim; và có một vài vị khác không nhìn nhận như vậy vì cho rằng Đức Phật không dùng danh từ Ý Vật (Hadāyavatthu) mà Ngài lại dùng danh từ (Yamnissayarūpaṃ) nương theo sắc ấy; các nhà Duy Thức thì vấn đề nầy không thấy nói đến; còn khoa học hiện đại thì không nhìn nhận sự hiểu biết nương theo trái tim mà cho rằng sự hiểu biết tùy thuộc theo óc não). Trong 121 tâm trừ ra Ngũ song thức; còn lại 107 Tâm (trừ 4 Quả Vô Sắc) Phần lớn là phải nương theo Ý vật (trừ một số tâm như Tham v.v...khi ở các cõi Vô Sắc).

225- Tâm Phân Theo Bảy Giới.

V- Thế nào là Tâm phân theo bảy giới?
Đ- Giới là phần riêng biệt của mỗi loại, nơi đây Tâm phân theo Giới đặng 7:
Nhãn Thức Giới là 2 Tâm Nhãn thức chỉ nương Nhãn vật.
Nhĩ Thức Giới là 2 Tâm Nhĩ Thức chỉ nương Nhĩ vật.
Tỷ Thức Giới là 2 Tâm Tỷ Thức chỉ nương Tỷ vật.
Thiệt thức Giới là 2 Tâm thiệt Thức chỉ nương Thiệt vật.
Thân Thức Giới là 2 Tâm Thân thức chỉ nương Thân vật.
Ý Giới là 2 Tâm tiếp Thâu và Khai Ngũ Môn chỉ nương nơi Ý vật.
Ý Thức Giới là những Tâm còn lại cũng nương Ý vật, cũng không nương Ý vật, hoặc cũng vừa nương vừa không nương Ý vật tùy theo trường hợp.

226- Chia Tâm Nương Theo Vật Hoặc Không.

V- Thế nào là Tâm nương theo Vật hoặc không?
Đ- Tâm Quả Dục giới, Tâm Khai Ngũ Môn, Tâm Ưng Cúng Vi Tiếu, 2 tâm sân, 15 Tâm Sắc giới và 1 hoặc 5 Tâm sơ Đạo nhất định phải nương theo 6 vật, 8 Tâm Tham, 2 tâm Si, Tâm Khai Ý Môn, 8 Tâm Thiện Dục giới, 8 Tâm Duy Tác Dục giới, 4 Thiện Vô Sắc, 4 Duy Tác Vô sắc và 7 (hoặc 35 tâm Siêu Thế (trừ Sơ Đạo), 42 Tâm nầy tùy theo trường hợp hoặc nương theo 6 vật hoặc không như ở cõi Dục giới, Sắc giới thì phải nương theo sắc vật nào cả.
4 Tâm Quả Vô Sắc hoàn toàn không nương vào sắc nào cả.

227- Chia Mỗi Cõi Đặng Bao Nhiêu Vật?

V- Thế nào là chia mỗi cõi đặng bao nhiêu vật?
Đ- Cõi Dục giới có đủ 6 Vật và 7 Giới:
Cõi Sắc Giới có 4 Giới (Nhãn Thức giới, Nhĩ Thức giới, Ý giới và Ý Thức giới) có 3 vật (Nhãn vật, Nhĩ vật và Ý vật).
Cõi Vô Sắc giới chỉ có 1 giới là Ý Thức giới, không nương theo vật nào cả.

228- Lộ Trình Tâm (Citta Vithī).

V- Thế nào là Lộ Trình Tâm?
Đ- Lộ Trình Tâm là đường lối của Tâm sanh diệt, tiến trình của Tâm thức ngang

qua các căn môn tùy theo trường hợp sanh khởi, nên có lộ dài, lộ ngắn, lộ lớn, lộ nhỏ. Lộ tâm được phân ra 2 loại:
1) Lộ Ngũ Môn. 2) Lộ Ý Môn.

229- Lộ Ngũ Môn.

V- Thế nào là Lộ Ngũ Môn?
Đ- Lộ Ngũ Môn là dòng tiến trình của Tâm thức được khởi lên tùy thuộc nơi năm môn: Nhãn Môn, Nhĩ môn, Tỷ Môn, thiệt Môn, Thân Môn, Lộ Ngũ Môn được phân thành 2 loại:
1) Lộ Ngũ Môn Bình Nhật. 2) Lộ Ngũ Môn Cận Tử.

230- Lộ Ngũ Môn Bình Nhật.

V- Thế nào là Lộ Ngũ Môn Bình Nhật?
Đ- Lộ Ngũ Môn Bình Nhật là dòng tâm thức xuyên qua năm môn để tiếp thu và xử sự với 5 cảnh trong đời sống hằng ngày Lộ Ngũ Môn ƃnh nhật được phân ra 4 loại:
1) Cảnh rất lớn. 2) Cảnh lớn. 3) Cảnh nhỏ. 4) Cảnh rất nhỏ.

231- Lộ Ngũ Môn Cảnh Rất Lớn.

V- Thế nào là Lộ Ngũ Môn cảnh rất lớn?
Đ- Lộ Ngũ Môn cảnh rất lớn là dòng tâm thức được diễn tiến đầy đủ có 17 sát na:
1) Hộ Kiếp vừa qua (trạng thái Tâm chủ quan sanh diệt đồng thời với cảnh sắp đến).
2) Hộ Kiếp Rung động (trạng thái Tâm bị cảnh mới chi phối).
3) Hộ Kiếp Dứt dòng (trạng thái Tâm chủ quan chấm dứt nơi đây để nhường cho những Tâm khách quan khởi lên tiếp thu xử sự với cảnh mới).
4) Khai Ngũ Môn (trạng thái Tâm khách quan vừa sanh khởi hướng về đối tượng tức là cảnh mới sắp hiện vào).
5) Ngũ Song Thức (là cặp Nhãn thức, cặp Nhĩ thức, cặp Tỷ thức, cặp thiệt thức và cặp Thân thức).
6) Tiếp Thâu (là trạng thái Tâm tiếp thu Cảnh Ngũ, Cảnh Sắc, Cảnh thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị và Cảnh Xúc).
7) Quan sát (trạng thái Tâm điều tra đối tượng tức là xem sét Cảnh Ngũ mà tâm Tiếp thâu vừa lãnh nhận).
8) Phân Đoán (trạng thái tâm xác định đối tượng là vật tốt, xảu v.v...).
9-15) Tâm Đổng Tốc (trạng thái Tâm xử sự với đối tượng cũng gọi là tư cách tâm hưởng cảnh. Chính sát na nầy quan trọng hơn hết vì tạo nghiệp Thiện hoặc Ác. Trong 7 sát na nầy sát na thứ nhất tạo nghiệp có Quả hiện tại gọi là Hiện Báo Nghiệp: sát na thứ bảy là nghiệp có kết Quả tái sanh đời sau nên gọi là Sanh Báo Nghiệp; còn năm sát na giữa là Nghiệp có kết Quả từ đời thứ 2 về sau cho đến chứng Vô dư Niết Bàn nên gọi là Hậu Báo nghiệp).
16-17) Thập di (trạng thái Tâm hưởng cảnh dư của Tâm Đổng Tốc nhưng không có khả năng tạo nghiệp vì những tâm làm việc Thập Di hoàn toàn là Tâm Quả).
Cảnh rất lớn được phân chia ra có 3 lộ:
1) Lộ Ngũ Môn cảnh rất lớn chót Thập Di (lộ nầy sau Tâm Đổng Tốc có 2 sát na Thập Di).
2) Lộ Ngũ Môn cảnh rất lớn chót Đổng Tốc (lộ này sau Tâm Đổng Tốc thì Hộ Kiếp chớ không có Thập Di).

3) Lộ Ngũ Môn cảnh rất lớn chót Hộ Kiếp khách lộ tâm nầy sau Tâm Đổng Tốc lại có 1 sát na tâm khách quan mà làm việc chủ quan tức là bắt cảnh cũ.

232- Lộ Ngũ Môn Cảnh Lớn.

V- Thế nào là Lộ Ngũ Môn cảnh lớn?

Đ- lộ Ngũ Môn cảnh lớn là dòng tâm thức được diễn tiến có đầy đủ 7 sát na tâm Đổng Tốc nhưng chỉ khác là khởi đầu lộ trình Tâm có tới 2 hoặc 3 Hộ Kiếp vừa qua (thay vì Lộ Ngũ Môn cảnh rất lớn chỉ có 1 Hộ Kiếp vừa qua) và phần cuối của lộ trình Tâm thì hoàn toàn không có Tâm Thập Di. Trong lộ trình tâm cảnh lớn ở đoạn cuối sau tâm Đổng Tốc, Hộ Kiếp Khách có thể khởi lên.

233- Lộ Ngũ Môn Cảnh Nhỏ.

V- Thế nào là Lộ Ngũ Môn cảnh nhỏ?

Đ- Lộ Ngũ Môn cảnh nhỏ là dòng tâm thức chỉ khởi lên đến sát na Phân đoán rồi Hộ Kiếp chớ không có Tâm Đổng Tốc. Những lộ nầy không có khả năng tạo nghiệp; vì không được rõ ràng nên Đổng Tốc không thể sanh khởi. Vì vậy nên không có Nghiệp tạo Quả.

234- Lộ Ngũ Môn Cảnh Rất Nhỏ.

V- Thế nào là Lộ Ngũ Môn cảnh rất nhỏ?

Đ- Lộ Ngũ Môn cảnh rất nhỏ là dòng tiến trình của tân thức hoàn toàn là Tâm chủ quan chứ không có tâm khách quan sanh khởi. Thật ra thì những giai đoạn trong dòng tâm thức chủ quan thì phải gọi là ngoại lộ (ngoài lộ trình Tâm) hay là phi lộ (chẳng phải lộ trình Tâm) nhưng vì có cảnh mới chi phối tâm chủ quan. Những lộ trình Tâm cảnh rất nhỏ chỉ có những Hộ Kiếp rúng động được khởi lên nhiều lần rồi trở lại trạng thái Hộ Kiếp bình thường.

235- Lộ Ngũ Môn Cận Tử.

V- Thế nào là Lộ Ngũ Môn Cận Tử?

Đ- Lộ Ngũ Môn Cận Tử là dòng Tâm Thức diễn tiến qua năm Môn (Nhãn Môn, Nhĩ Môn, Tỷ Nôn, Thiệt Môn và Thân Môn) trước giờ phút lâm chung. Lộ Ngũ Môn Cận Tử có 2 cách:

- Chót Thập Di,
- Chót Đổng Tốc.

Trong mỗi cách ấy lại khác nhau ở 2 trường hợp:

- Có xen Hộ Kiếp rồi mới Tử.
- Không xen Hộ Kiếp.

Vì vậy nên lộ Ngũ Môn cận tử có tất cả 4 lộ. Dòng Tâm Thức đối với người sắp chết nếu diễn tiến qua năm môn được nối nhau sanh khởi như vầy Hộ Kiếp vừa qua, Hộ Kiếp rúng động, Hộ Kiếp dứt dòng. Khai Ngũ Môn, Ngũ Song Thức, Tiếp Thâu, Quan Sát, Phân Đoán, 5 Sát Na Đổng Tốc, (hoặc có thập di), Hộ Kiếp (hoặc không Hộ Kiếp) Tử, Tục Sinh, 14 Hộ Kiếp, Hộ Kiếp rúng động, Hộ Kiếp dứt dòng, Khai Ý Môn, 7 Sát na Tâm Đổng Tốc, 2 Sát na Thập Di, Hộ Kiếp...

Chú thích:

Trong lộ Ngũ môn cận tử thường được trình bày liên tục 2 lộ trình Tâm Cận Tử và Tục Sinh. Bởi lẽ chúng sanh chết rồi tái sanh tức khắc (theo truyền thống Đạo Phật Thích Ca thuần túy thì chúng sanh chết rồi Tục Sinh tức khắc, không bao giờ có nói đến thân trung ấm để chờ đợi tái sanh! Thường lệ thì Tâm Đổng Tốc phải đủ 7 sát na nhưng khi chết và lúc ngất xỉu hoặc khi Đức Phật hiện song thông (một lần mà hiện cả nước và lửa) thì Tâm Đổng Tốc chỉ có 5 sát na. Đối

với Đức Phật lúc hiện song thông có 5 Tâm Đổng Tốc vì quá cấp bách Bởi đồng thời một lần mà Tâm bắt 2 đề mục nước và lửa; còn đối với người sắp chết hay ngất xỉu thì dòng Tâm Thức yếu đi, nên không đủ 7 sát na như thường lệ. Tâm Tử là sát na Hộ Kiếp diệt lần cuối cùng của một đời sống cũ. Tục Sinh là sát na đầu tiên của kiếp sống mới. Định luật cố nhiên là sau khi tục sinh phải diễn tiến 14 sát na Hộ Kiếp và 7 sát na Tâm Đổng Tốc trong lộ Tục Sinh phải là Tâm Tham (dầu các vị Bồ Tát kiếp chót cũng vậy, các vị Bồ Tát Tục Sinh cũng do nghiệp lực chuyển sinh chớ chẳng phải do chí nguyện; có một vài chủ thuyết cho rằng Bồ Tát tái sanh là thị hiện chứ không do nghiệp lực. Lý thuyết ấy trong Tam Tạng Pāli không hề có!).
Người trước khi sắp chết sẽ thấy một trong ba hiện tượng:
1) Nghiệp: Người sắp chết thấy những việc mình làm hằng ngày, như người đồ tể thấy mình đang thọc huyết heo; người Phật tử thấy mình đang dâng hoa cúng Phật.
2) Nghiệp tướng: Trong giờ hấp hối người ta có thể thấy những sự vật liên quan đến việc làm của mình, như người đồ tể thấy con dao chậu huyết; người Phật tử trông thấy hương hoa v.v...
3) Thú tướng: Người sắp chết thấy những hình ảnh khổ đau hay những cảnh giới hạnh phúc. Như người đồ tể thấy mình đang bị trói và bị thọc huyết, như con heo bị thọc huyết, người Phật tử trông thấy những cảnh giới Thiên cung xinh đẹp v.v...
Đối với 11 cõi Dục giới thì lộ cận tử nếu không khởi lên từ Ý Môn thì có thể khởi lên ở một trong Năm Môn, nhưng nếu các chúng sanh trong 15 cõi Sắc giới (trừ Vô Tưởng) nếu không khởi lên từ Ý Môn thì chỉ có thể khởi lên trong lộ Nhãn Môn hoặc Nhĩ Môn mà thôi.

236- Lộ Ý Môn.

V- Thế nào là Lộ Ý Môn?
Đ- Lộ Ý Môn là dòng Tâm Thức diễn tiến tự nội tâm khởi lên chứ không do đối tượng bên ngoài. Lộ Ý Môn có 2 thứ: Lộ Ý Môn thông thường; Lộ Ý Môn đặc biệt.

237- Lộ Ý Môn Thông Thường.

V- Thế nào là Lộ Ý Môn thông thường?
Đ- Lộ Ý Môn thông thường là lộ trình Tâm không có Đắc Thiền, Đắc Đạo, Hiện Thông, Niết Bàn v.v... Lộ Ý Môn thông thường có 2 thứ: Lộ Ý Bình Nhật; Lộ Ý Cận Tử.

238- Lộ Ý Môn Bình Nhật.

V- Thế nào là Lộ Ý Môn Bình Nhật?
Đ- Lộ Ý Môn Bình Nhật là dòng tiến trình của Ý thức diễn tiến thường ngày trong đời sống. Lộ Ý Môn Bình Nhật có 4 thứ:
1) Cảnh rất rõ: Dòng tâm thức Lộ Ý Môn bình nhật cảnh rất rõ được diễn tiến như vầy: Hộ Hiếp vừa qua, Hộ Kiếp rúng động, Hộ Kiếp dứt dòng, Khai Ý Môn, 7 Sát na Tâm Đổng Đốc, 2 Sát na Thập Di. Lộ này cái Tâm có mười, thứ Tâm có 41 Chặn Tâm, có 3 người, có 8 cõi 11.
Chú thích: Mười cái Khai Ý Môn, 7 Đổng Tốc, 2 Thập Di, 41 thứ là Khai Ý Môn là 1, 29 tâm Đổng Tốc Dục Giới (12 Tâm Bất Thiện, Ưng Cúng Vi Tiếu, 8 Thiện Dục Giới và 8 Duy Tác Dục Giới) và 11 thứ Tâm Thập Di (3 Tâm Quan Sát và 8 Đại Quả Dục Giới, 3 chặn Thập Di, 8 người là 4 người phàm (người Khổ, người Lạc,

người Nhị Nhân, người Tam Nhân) và 4 Thánh Quả (Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả và Tứ Quả) 11 cõi là 11 cõi Dục Giới
2) Cảnh rõ: Lộ Ý Môn thông thường bình nhật cảnh rõ cũng giống như cảnh rất rõ nhưng không có 2 Sát na Thập Di.
3) Cảnh không rõ: Lộ Ý Môn thông thường bình nhật cảnh không rõ dòng Tâm thức chỉ diễn tiến đến Khai Ý Môn chớ không có Tâm Đổng Tốc.
4) Cảnh rất không rõ: Lộ Ý Môn thông thường bình nhựt cảnh rất không rõ dòng tiến trình của Ý thức chỉ bị đối tượng chi phối nhưng không thể hiện vào. Vì vậy, nên chỉ có hộ kiếp rúng động khởi lên vài cái mà thôi.

239- Lộ Ý Môn Cận Tử.

V- Thế nào là Lộ Ý Môn Cận Tử?
Đ- Lộ Ý Môn Cận Tử là dòng tiến trình của Ý thức khởi lên trong lúc lâm chung. Lộ Ý Môn Cận Tử có 2 thứ: a) Tử còn Tục Sinh. b) Lộ Niết Bàn.
1) Lộ Ý Môn còn Tục Sinh được diễn tiến như vầy: Hộ Kiếp, Hộ Kiếp rúng động, Hộ Kiếp dứt dòng, Khai Ý Môn, 5 sát na Tâm Đổng Tốc, 2 Sát na Thập Di, Hộ Kiếp, Tử Tục Sinh, 14 Sát na Hộ Kiếp, Hộ Kiếp rúng động, Hộ Kiếp dứt dòng, Khai Ý Môn, 7 Sát na Tâm Đổng Tốc, 2 Sát na Thập Di, Hộ Kiếp, Lộ trình Tâm này có 8 cái, 32 thứ, 3 chặn, 7 người, 11 cõi.
Chú thích: 8 cái là Khai Ý Môn, 5 Sát na tâm Đổng Tốc, 2 Sát na Tâm Thập Di, 32 thứ Khai Ý Môn, 20 Tâm Đổng Tốc Dục Giới phàm nhơn (12 Tâm Bất Thiện và 8 Thiện Dục Giới, và 11 Tâm Thập Di.
2) Lộ Ý Môn Cận Tử Niết Bàn được diễn tiến như vầy: Hộ Kiếp, Hộ Kiếp rúng động, Hộ Kiếp dứt dòng, Khai Ý Môn, 5 Tâm Đổng Tốc, 2 Sát na thập Di (hoặc không), Hộ Kiếp, (hoặc không) Niết Bàn. Lộ này có 8 cái, 21 thứ, 3 chặn, 1 người, 7 cõi.
Chú thích: 8 cái là Khai Ý Môn, 5 Sát na tâm Đổng Tốc, 2 Sát na Thập Di, 21 thứ Tâm là Khai Ý Môn, Ưng Cúng Vi Tiếu, 8 Duy Tác Dục Giới, 3 Tâm Quan Sát và 8 Tâm Quả Dục Giới hữu nhân, 3 chặn là chặn Khai Ý Môn, chặn Thập Di, 1 người là A La Hán, 7 cõi là cõi người và 6 cõi trời Dục Giới.

240- Lộ Ý Môn Đặc Biệt.

V- Thế nào là Lộ Ý Môn Đặc Biệt?
Đ- Lộ Ý Môn đặc biệt là lộ trình Tâm Đắc Thiền, Đắc Đạo, Hiện Thông, Nhập Thiền, Niết Bàn.
Lộ Đắc Thiền được diễn tiến như vầy: Hộ Kiếp, Hộ Kiếp rúng động, Hộ Kiếp dứt dòng, Khai Ý Môn, Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Thứ, Bỏ Bực (chuyển tộc), Thiền, Hộ Kiếp, Lộ này có 6 cái Tâm, 27 thứ tâm, 2 chặn, 5 người, 26 cõi.
Chú thích:
6 cái là Khai Ý Môn, Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Thứ Bỏ Bực và 1 Tâm Thiền. Còn 27 thứ là Khai Ý Môn là 1, 4 Thiện Dục Giới hợp trí, 4 Duy Tác Dục Giới hợp trí, 9 Thiện Đáo Đại và 9 Duy Tác Đáo Đại, 2 chặn là Khai Ý Môn và Chặn Đổng Đốc, 5 người là phàm Tam Nhân, và 4 Thánh Quả, 26 cõi là 31 cõi trừ cõi Vô Tưởng và 4 cõi khổ.
Chuẩn Bị: Là trạng thái Tâm sắp sửa tiến tới một loại tâm cao hơn (tức là Tâm Thiền)
Cận Hành: Trạng thái Tâm này đã đi đến gần Tâm Thiền.
Thuận Thứ: Trạng thái Tâm thích hợp với sát na trước và nhu thuận với sát na

sau.
Bỏ Bực (chuyển tộc)*:* Trạng thái Tâm dứt bỏ Tâm Dục Giới để phát triển Tâm Thiền.
Thiền là trạng thái tâm an trú trong một đề mục, thiêu đốt các phiền não hay nói cho đúng hơn là Thiền chỉ dặp tắt phiền não tạm thời, được thí dụ như lấy phiến đá đè cỏ, đối với người Huệ yếu thì dòng Tâm thức diễn tiến khi đắc Thiền phải có 6 cái như trên vì có Chuẩn bị; còn đối với người Huệ mạnh chỉ có 5 cái vì không có Chuẩn bị.

241- Lộ Tâm Đắc Đạo.

V- Thế nào là Lộ Tâm Đắc Đạo?
Đ- Lộ Tâm Đắc Đạo là dòng Tâm Thức diễn khi chứng ngộ 4 Đạo 4 Quả. Lộ đắc Sơ Đạo được diễn tiến như vầy: Hộ Kiếp, Hộ Kiếp rúng động, Hộ Kiếp dứt dòng, Khai Ý Môn, chuẩn bị (hoặc không, nếu Huệ mạnh), Cận Hành, Thuận Thứ, Bỏ Bực (chuyển tộc), Đạo, Quả. Quả Lộ này được 8 cái, 15 thứ, 2 chặn, 3 người, 17 cõi vui phàm Ngũ Uẩn.
Chú thích:
8 cái là Khai Ý Môn, Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Thứ, Bỏ Bực, Đạo và Sát na Tâm Quả, 15 thứ Khai Ý Môn, 4 Thiện Dục Giới hợp trí, 5 thứ Tâm Đạo và 5 thứ Tâm Quả, 2 Chặn là Chặn Khai Môn và Đổng Tốc, 3 người là Phàm Tam Nhân, người Sơ Đạo, người Sơ Quả, 17 cõi, cõi người, 6 cõi trời Dục Giới, 3 cõi Sơ Thiền, 3 cõi Nhị Thiền, 3 cõi Tam Thiền và cõi Tứ Thiền Quảng Quả.
Lộ Đắc 3 Đạo sau được diễn tiến như vầy: Hộ Kiếp, Hộ Kiếp rúng động, Hộ Kiếp dứt dòng, Khai Ý Môn, Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Thứ, Tiến Bực (Dũ Tịnh), Đạo, 2 Sát na Tâm Quả. Lộ nầy có 8 cái, 35 thứ, 2 chặn, 7 người, 26 cõi.
Chú thích:
8 cái như đã kể trên, 35 thứ là Khai Ý Môn, 4 Tâm Thiện Dục Giới hợp trí, 30 Tâm Siêu Thế (trừ 5 Tâm Sơ Đạo và 5 Tâm Sơ Quả) 2 chặn là Khai Ý Môn và chặn Đổng Tốc, 7 người là 4 Quả và 3 Đạo (trừ người Sơ Đạo), 26 cõi là trong 31 cõi trừ Vô Tưởng và 4 cõi khổ.

242- Lộ Nhập Thiền (Appanā - An chỉ) (*).

V- Thế nào là Lộ Nhập Thiền?
Đ- Lộ Nhập Thiền là dòng Tâm Thức diễn tiến trong trạng thái an trú vào một đề mục mà sanh diệt vô số cái, vẫn đồng một thứ Tâm. Lộ Nhập Thiền có hai loại:
- Nhập Thiền Hợp thế.
- Nhập Thiền Cơ.

Nhập Thiền Hợp thế là Thiền Sắc và Thiền Vô Sắc; còn Thiền Cơ là Thiền nhập để làm nền tảng hiện thần thông; Thiền Cơ chỉ nhập bằng Ngũ Thiền sắc giới mà thôi.
Nhập Thiền Hợp thế và nhập Thiền Cơ dòng Tâm thức được diễn tiến như vầy: Hộ Kiếp, Hộ Kiếp rúng động, Hộ Kiếp dứt dòng Khai Ý Môn, Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Thứ, Bỏ Bực, Thiền (1 trong 18 thứ Tâm Thiền hợp thế được diễn tiến vô số).
(*) Nhứt tâm trên đối tượng gọi là An Chỉ (Ekaggaṃ cittaṃ ārammane appenti).

243- Lộ Hiện Thông.

V- Thế nào là Lộ Hiện Thông?
Đ- Lộ Hiện Thông là dòng Tâm thức diễn tiến khi Diệu Trí phát sanh để làm các

việc như:
Thiên Nhãn Thông: Thấy rõ các sắc dù sắc thô, sắc tế, sắc tốt, sắc xấu, sắc xa, sắc gần, sắc bên trong, sắc bên ngoài, sắc quá khứ, sắc hiện tại, sắc vị lai. Thiên Nhãn Thông đều thấy rõ.
Thiên Nhĩ Thông: Tai nghe rõ các thứ tiếng, dù tiếng lớn, tiếng nhỏ, tiếng xa, tiếng gần, tiếng tốt, tiếng xấu, tiếng bên trong, tiếng bên ngoài, tiếng quá khứ, tiếng hiện tại, tiếng vị lai. Thiên Nhĩ Thông đều nghe được.
Tha Tâm Thông: Biết được Tâm của kẻ khác nhưng đối với Đạo Quả thì chỉ biết được Tâm của những người đồng bực và kẻ thấp hơn chớ không biết được Tâm Đạo Quả của những bực cao.
Túc Mạng Thông: Nhớ lại đặng những kiếp xa xưa.
Sanh tử Thông: Biết rõ những chúng sanh đang có mặt trước kia ở đâu sanh lại và biết rõ người đã chết sẽ Tục Sinh vào một cõi nào.
Thần Thông: Biến hiện ra nhiều hình thức như một hình biến ra nhiều hình hoặc nhiều biến trở thành một hình hoặc bay trên hư không đi trong nước, lửa, đi xuyên qua vách tường chun xuống đất v.v...
Lậu Tận Thông: Là biết rõ lậu hoặc phiền não đã diệt tận; Lậu Tận Thông chỉ có đối vớivị A La Hán mà thôi.
Khi hiện ra các loại thông nói trên dòng Tâm thức được diễn tiến như vầy Hộ Kiếp, Hộ Hiếp rúng động, Hộ Kiếp dứt dòng, Khai Ý Môn, Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Thứ, Bỏ Bực, Thông, Hộ Kiếp, Lộ này được 6 cái, 7 Thứ, 2 Chặn, 5 người, 22 cõi.
Chú thích:
6 cái là Khai Ý Môn, Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Thứ, Bỏ Bực (chuyển tộc) và Thông. 7 thứ Tâm là Khai Ý Môn, 2 Tâm Đại Thiện Dục Giới thọ xả hợp trí, 2 Tâm Duy Tác Dục Giới thọ xả hợp trí và 2 Tâm Diệu Trí, 2 chặn là Khai Ý Môn và Đổng Tốc, 5 người là Phàm Tam Nhân và 4 Thánh Quả, 22 cõi là 7 cõi vui Dục Giới và 15 cõi Sắc giới (trừ Vô Tưởng).
244- Lộ Nhập Thiền Quả.
V- Thế nào là Lộ Nhập Thiền Quả?
Đ- Lộ Nhập Thiền Quả là các vị Thánh Nhập Thiền Siêu Thế (4 hoặc 20 Tâm Quả Siêu Thế). Khi các vị Thánh Nhân Nhập Thiền Quả thì dòng Tâm Thức được diễn tiến như vầy: Hộ Kiếp, Hộ Kiếp rúng động, Hộ Kiếp dứt dòng, Khai Ý Môn, Thuận Thứ (3 hoặc 4 Sát na), Thiền Quả (Vô số sát na) Hộ Kiếp, Lộ trình tâm nầy có Tâm sanh diệt vô số cái, thứ Tâm có 29, 2 chặn, 4 người, 26 cõi.
Chú thích:
Cái Tâm Vô số vì bởi khi nhập Thiền (dù Thiền Hợp Thế hay Thiền Siêu Thế cũng vậy) chỉ có một thứ Tâm nào trong những thứ Tâm Thiền và chỉ an trú một đề mục thích hợp với cơ tánh mình đã chọn lựa trong các đề mục tu Thiền. Nhưng thứ Tâm ấy sanh diệt vô lượng cái vẫn đồng một thứ Tâm và vẫn biết một đề mục; 29 thứ Tâm là Tâm Khai Ý Môn, 4 Tâm Thiện Dục giới hợp trí, 4 Tâm Duy Tác Dục giới hợp trí (Thiện), Duy Tác Dục giới (làm việc Thuận thứ) và 20 Tâm Quả Siêu Thế, 2 Chặn là Khai Ý Môn và Đổng Tốc, 4 người là Thánh Quả, 26 cõi là trừ 4 cõi khổ và cõi Vô Tưởng.
245- Lộ Nhập Thiền Diệt (*).
V- Thế nào là Lộ Nhập Thiền Diệt?

Đ- Lộ Nhập Thiền Diệt là các vị Thánh A Na Hàm và A La Hán có chứng đắc Thiền Phi Tưởng Phi Phi Tưởng muốn chứng đến trạng thái diệt tận dòng tâm Thức nên các vị ấy Nhập Thiền Diệt. Tiếng nói Nhập Thiền Diệt nhưng sự thật thì chỉ đạt đến trạng thái không còn Tâm. Khi nhập Thiền Diệt dòng tâm Thức được diễn tiến như vầy: Hộ Kiếp, Hộ Kiếp rúng động, Hộ Kiếp dứt dòng, Khai Ý Môn, Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Thứ, Bỏ Bực (chuyển tộc), 2 sát na Thiền Phi Tưởng Phi Phi Tưởng, Tâm không sanh (thời gian đến 7 ngày), Tâm Quả (Tâm Quả A Na hàm, hoặc A La Hán) Lộ trình Tâm nầy có 8 cái, có 9 thứ, 2 chặn, 2 người, 22 cõi.

Chú thích: 8 cái là Khai Ý Môn, Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Thứ, Bỏ Bực, 2 Sát na Thiền Phi Tưởng Phi Phi Tưởng và 1 Sát na Tâm Quả, 9 thứ là Khai Ý Môn, 2 Thiện Dục Giới thọ xả hợp trí, 2 Duy Tác Dục Giới thọ xả hợp trí, 2 Đổng Tốc Phi Tưởng Phi Phi Tưởng, 1 tâm Quả A Na Hàm Ngũ Thiền, 1 Tâm Quả A La Hán Ngũ Thiền, 2 Chặn là Chặn Khai Ý Môn và Chặn Đổng Tốc, 2 người là Người Tam Quả, và người Tứ Quả, 22 cõi là cõi người, 6 cõi Dục Giới, 15 cõi trời Sắc giới (trừ Vô Tưởng).

(*) Chứng đến trạng thái tắt dứt tư tưởng tức là không tâm, gọi là Thiền Diệt (Nirodha samāpatti).

246- Lộ Niết Bàn Liên Thiền.

V- Thế nào là Lộ Niết Bàn Liên Thiền?

Đ- Lộ Niết Bàn Liên Thiền là vị A La Hán trước khi Niết Bàn Ngài nhập các loại Thiền Sắc và Vô Sắc, như trường hợp Đức Thế Tôn. Lộ trình Tâm Niết Bàn Liên Thiền được diễn tiến như vầy: Hộ Kiếp, Hộ Kiếp rúng động, Hộ Kiếp dứt dòng, Khai Ý Môn, Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Thứ, Bỏ Bực, Thiền Vô số, Hộ Kiếp (hoặc không), Niết Bàn, Lộ trình Tâm nầy cái Tâm vô số thứ Tâm có 14, 2 chặn, 1 người, 26 cõi.

Chú thích:

Vì nhập Thiền nên 1 thứ Tâm mà sanh diệt vô số cái. Thứ có 14 là Khai Ý Môn, 4 Tâm Duy Tác Dục Giới tương ưng, 9 Tâm Duy Tác Đáo Đại, 2 Chặn là Khai Ý Môn và chặn Đổng Tốc, 1 người là A La Hán, 26 cõi trừ cõi Vô Tưởng và 4 cõi ác thú.

247- Lộ Niết Bàn Liên Thông.

V- Thế nào là Lộ Niết Bàn Liên Thông?

Đ- Lộ Niết Bàn Liên Thông là vị A La Hán Hiện Thần Thông rồi mới Niết Bàn, như trường hợp Đại Đức A Nan Đa v.v... Lộ Tâm Niết Bàn Liên Thông được diễn tiến như vầy: Hộ Kiếp, Hộ Kiếp rúng động, Hộ Kiếp dứt dòng, Khai Ý Môn, Chuẩn Bị, (hoặc không) Cận Hành, Thuận Thứ, Bỏ Bực (chuyển tộc), Thông, Hộ Kiếp (hoặc không) Niết Bàn. Lộ Tâm nầy được 5 cái, 4 thứ, 2 chặn, 1 người, 22 cõi.

Chú thích:

6 cái là Khai Ý Môn, Chuẩn Bị, Cận Hành, Thuận Thứ, Bỏ Bực, Thông. 4 thứ là Khai Ý Môn, 2 Tâm Duy Tác Dục Giới thọ xả hợp trí và Diệu Trí, 2 chặn là Khai Ý Môn và chặn Đổng Tốc, 1 người là A La Hán, 22 cõi là cõi người, 6 cõi trời Dục giới, 15 cõi Sắc giới (trừ Vô Tưởng).

248- Lộ Phản Khán Chi Thiền.

V- Thế nào là Phản Khán Chi Thiền?

Đ- Lộ Phản Khán Chi Thiền là vị A La Hán trước giờ Niết Bàn xét lại các chi Thiền

(Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc Định và Xả). Lộ phản Khán chi Thiền được diễn tiến như vầy: Hộ Kiếp, Hộ Kiếp rúng động, Hộ Kiếp dứt dòng, Khai Ý Môn, Cận Hành, Thuận Thứ, Bỏ Bực (chuyển tộc), Thiền Bất định số, Hộ Kiếp, Hộ Kiếp rúng động, Hộ Kiếp dứt dòng, Khai Ý Môn, 7 Tâm Đổng Đốc, Hộ Kiếp, Hộ Kiếp rúng động, Hộ Kiếp dứt dòng, Khai Ý Môn, 5 Tâm Đổng Tốc Hộ Kiếp (hoặc không), Niết Bàn Lộ này được 6 cái, 5 thứ, 2 chặn, 1 người, 22 cõi.

Chú thích:

6 cái là Khai Ý Môn và 5 cái là Khai Môn và 5 Tâm Đổng Tốc, 5 thứ là Khai Ý Môn và 4 Duy tác dục giới tương ưng, 2 chặn là Chặn Khai Môn và chặn Đổng Tốc, 1 người là A La hán Quả, 22 cõi là cõi người, 6 cõi trời Dục Giới, 15 cõi Sắc Giới (trừ Vô Tưởng).

249- Lộ Đắc Đạo Tột Mạng.

V- Thế nào là Lộ Đắc Đạo Tột Mạng?

Đ- Lộ Đắc Đạo Tột mạng là vị vừa đắc A La Hán liền xét lại Đạo Quả và phiền não rồi Niết Bàn. Lộ Đắc Đạo Tột Mạng được diễn tiến như vầy: Hộ Kiếp, Hộ Kiếp rúng động, Hộ Kiếp dứt dòng, Khai Ý Môn, Cận Hành, Thuận Thứ, Tiến Bực, Đạo, 3 sát na tâm Quả, 4 Sát na Hộ Kiếp, Hộ Kiếp rúng động, Hộ Kiếp dứt dòng, Khai Ý Môn, 7 Tâm Đổng Tốc, 4 Hộ Kiếp, Hộ Kiếp rúng động, Hộ Kiếp dứt dòng, Khai Ý Môn, 5 Tâm Đổng Tốc, Hộ Kiếp (hoặc không), Niết Bàn.

Lộ này được 6 cái Khai Ý Môn, 5 Tâm Đổng Tốc, 5 thứ là Khai Ý Môn, 4 Duy Tác Dục Giới tương ưng, 2 chặn là Khai Ý Môn và Đổng Tốc, 1 người là A La Hán, 22 cõi là 7 cõi vui Dục giới và 15 cõi Sắc giới hữu tưởng.

250- Phi Lộ Tổng Hợp.

V- Thế nào là Phi Tưởng Tổng Hợp?

Đ- Phi Lộ Tổng Hợp là nói đến những pháp thoát ly lộ trình Tâm. Các pháp phi lộ gồm có 3:

1) Người. 2) Cõi. 3) Nghiệp.

-ooOoo-

[03]

251- Chia Người (Puggala-bheda).

V- Thế nào là Người?

Đ- Người là chúng sanh, loài hữu tình, loại có Tâm thức. Người có 12 hạng:

1) Người Khổ. 2) Người Lạc. 3) Người Nhị Nhân. 4) Người Tam Nhân.
5) Người Sơ Đạo. 6) Người Nhị Đạo. 7) Người Tam Đạo. 8) Người Tứ Đạo.
9) Người Sơ Quả. 10) Người Nhị Quả.11) Người Tam Quả. 12) Người Tứ Quả.

252- Người Khổ.

V- Thế nào là Người Khổ?

Đ- Người Khổ là những chúng sanh thiếu sự hạnh phúc, thường bị khổ đau. Người khổ có 4:

> *Địa Ngục*: Người ở cõi Địa Ngục là hạng người hằng bị mọi thống khổ, chẳng có sự an vui.

Ngạ Quỷ: Chúng sanh hằng bị sự đói khát chẳng đặng thọ hưởng các thực phẩm của Nhơn Thiên; do căn bỏn xẻn, hủy bán Tam Bảo, khinh dễ các bậc tu hành...
Bàng sanh: Loại chúng sanh đầu và đuôi ngang nhau; có loại sanh trứng, có loại sanh con; cũng có loại sanh nơi ẩm thấp (hình như không có hóa sanh).
A Tu La: Là hạng người hung dữ, tục thường gọi là Thần, có đôi lúc vì quá sợ sệt người ta còn gọi là Thánh như Quan Công v.v... những chúng sanh hung ác ở trên cõi trời Đạo Lợi đối thủ của Đức Đế Thích thì gọi là A Tu La Chư Thiên; có tục truyền rằng: A Tu La vương ở dưới biển có một loại A Tu La khác căn duyên tương tự như Ngạ Quỷ thường ở nơi cồn bãi, rừng núi hoặc những chỗ hiểm hóc, ăn uống những vật nhơ nhớp hạng nầy gọi là A Tu La sa đọa.

253- Người Lạc.

V- Thế nào là người Lạc?
Đ- Người Lạc là những chúng sanh có hạnh phúc không đến đổi khổ đau như người Khổ. Người Lạc có 3:
- Người Lạc ở cõi Người.
- Người Lạc ở cõi Tứ Thiên Vương.
- Người Vô Tưởng.

Người Lạc do Tục Sinh bằng Tâm Quan Sát thọ xả của Quả Thiện vô nhân nên có bệnh tật từ trong bụng mẹ như câm, điếc, đui v.v... hạng người nầy không thể đắc Thiền hay Đạo Quả được. Người Lạc ở cõi người phần lớn là Thai sanh còn ở cõi Tứ Thiên Vương và Vô Tưởng thì hoàn toàn là Hóa sanh. Người vô tưởng tục sinh bằng Sắc pháp chớ không có tâm.

254- Người Nhị Nhân.

V- Thế nào là Người Nhị Nhân?
Đ- Người Nhị Nhân là người thiếu trí trong lúc tái sanh, Tâm Tục sinh của người Nhị Nhân là 1 trong 4 Tâm Đại Quả ly trí. Người Nhị Nhân cũng không thể đắc Thiền và Đạo Quả. Người Nhị Nhân sanh được trong 7 cõi là cõi người và 6 cõi Trời Dục Giới. Gọi Nhị Nhân vì 3 Nhân Thiện là Vô Tham, Vô sân và Vô Si; nhưng Tâm Tục Sinh của người nầy chỉ có Vô Tham và Vô sân chứ không có Vô Si. Vì vậy nên gọi là Nhị Nhân.

255- Người Tam Nhân.

V- Thế nào là Người Tam Nhân?
Đ- Người Tam Nhân là người có Trí Tuệ trong lúc tái sanh, Tâm Tục Sinh của người Tam Nhân là 4 Tâm Đại Quả hợp trí và 9 Tâm Quả Đáo Đại. Bởi Tâm Tục Sinh của những người nầy có đầy đủ 3 Nhân Thiện là Vô Tham, Vô Sân, Vô Si. Nên gọi là người Tam Nhân. Người Tam Nhân có thể đắc được Thiền và Đạo Quả. Trong 31 cõi, người Tam Nhân tái sanh được 21 cõi (trừ cõi Vô Tưởng và 4 cõi Ác Thú, 5 cõi Tịnh cư).

256- Người Sơ Đạo.

V- Thế nào là Người Sơ Đạo?
Đ- Người Sơ Đạo là người sát trừ phiền não và chứng ngộ Niết Bàn lần đầu tiên. Người Sơ Đạo sát trừ được 3 thứ phiền não đầu là Thân Kiến, Hoài Nghi và Giới Cấm Thủ. Người Sơ Đạo có thể có mặt trong 17 cõi là cõi Nhân loại, 6 cõi Trời

Dục Giới, 3 cõi Sơ Thiền, 3 cõi Nhị Thiền, 3 cõi Tam Thiền và cõi Tứ Thiền Quảng Quả.

257- Người Nhị Đạo.

V- Thế nào là người Nhị Đạo?

Đ- Người Nhị Đạo là người sát trừ phiền não và chứng ngộ Niết Bàn lần thứ hai. Người Nhị Đạo làm giảm nhẹ thêm hai thứ phiền não kế là Tham Dục và sân. Người Nhị Đạo có thể có mặt trong 21 cõi là 4 cõi Vô Sắc và 17 cõi Sơ Đạo có thể tái sanh như đã nói trên.

258- Người Tam Đạo.

V- Thế nào là người tam Đạo?

Đ- Người Tam Đạo là người sát trừ phiền não và chứng ngộ Niết Bàn lần thứ ba. Người Tam Đạo dứt tuyệt hai thứ phiền não mà Nhị Đạo đã làm giãm nhẹ tức là Tham Dục và Sân. Người Tam Đạo có thể có mặt trong 21 cõi như Nhị Đạo.

259- Người Tứ Đạo.

V- Thế nào là người Tứ Đạo?

Đ- Người Tứ Đạo là người sát trừ phiền não và chứng ngộ Niết Bàn lần thứ tư mà cũng là lần cuối cùng. Người Tứ Đạo sát tuyệt năm phiền não còn lại là Sắc Ái, Vô Sắc Ái, Ngã Mạn, Phóng Dật và Vô Minh: như vậy, 10 thứ phiền não phải chứng đến Tứ Đạo mới sát tuyệt hoàn toàn. Người Tứ Đạo có thể có mặt trong 26 cõi là trừ ra cõi Vô Tưởng và 4 cõi khổ.

260- Người Sơ Quả, Nhị, Tam, Tứ Quả

.V- Thế nào là người Sơ Quả Nhị Tam Tứ Quả?

Đ- Người Sơ Quả là người đã đắc Sơ Đạo. Người Sơ Quả nếu không chứng Đạo Quả khác thì cũng không quá 7 kiếp sanh trở lại làm người nên gọi là Quả Thất Lai; người Sơ Quả không bao giờ sa đọa vào 4 cõi khổ và chắc chắn sẽ được Niết Bàn nên gọi là Dự Lưu hay Nhập Lưu. Trong 31 cõi, người Sơ Quả có thể Tục Sinh được 21 cõi là 4 cõi Vô Sắc, cõi Nhân loại, 6 cõi trời Dục Giới, 3 cõi Sơ Thiền, 3 cõi Nhị Thiền, 3 cõi Tam Thiền và cõi Tứ Thiền Quảng Quả.

Người Nhị Quả là người đã đắc Nhị Đạo. Người Nhị Quả nếu không chứng Đạo Quả khác thì chỉ tái sanh lại cõi Dục Giới một lần nên gọi là Nhất Lai. Số cõi tái sanh Nhị Quả cũng giống như Sơ Quả.

Tam Quả là người đã đắc Tam Đạo. Người tam Quả nếu không đắc A La Hán Đạo thì sẽ sanh về cõi Ngũ Tịnh Cư Thiên chứ không sanh tại cõi Dục giới nên gọi là Bất Lai. Người Tam Quả sanh về cõi Ngũ Tịnh Cư do căn duyên khác biệt nên cõi tái sanh không đồng: Nếu Vị Tam Quả có Tín căn mạnh thì sanh cõi Vô Phiền; nếu Tấn căn mạnh thì sanh về cõi Thiện Kiến; nếu Định căn mạnh thì sanh về cõi Thiện Hiện; nếu Tuệ căn mạnh thì sanh về cõi Sắc Cứu cánh. Trong 31 cõi Vô Tưởng và 4 cõi Ác Thú. Vị Tam Quả dù không đắc thiền cũng sanh về cõi Sơ Thiền. (chú ý: Vị Tam Quả được sanh vào cõi Ngũ Tịnh cư phải là người đã chứng đắc Ngũ Thiền).

Người Tứ Quả là người đã đắc Tứ Đạo. Người Tứ Quả ở cõi nào thì khi Ngũ uẩn tiêu hoại sẽ Niết Bàn nơi ấy, chứ không còn tái sanh, nên gọi là Vô Sanh; vì dứt tuyệt tất cả phiền não nên còn được gọi là Sát tặc; vì hoàn toàn trong sạch, xứng đáng cho Người, Trời cúng dường nên gọi là Ưng Cúng. Những cõi có mặt Vị A La Hán Quả cũng đồng một số cõi như Tam Quả.

261- Cõi (Bhūmi) (*).

V- Thế nào là cõi?
Đ- Cõi là nơi chúng sanh nương, loài hữu tình ở Cõi có 3: 1) Cõi Dục Giới. 2) Cõi Sắc Giới. 3) Cõi Vô Sắc Giới.
(*) Chỗ nương để sinh và trú gọi là Cõi (Bhavanti sattā cithāti: Bhūmi).

262- Cõi Dục Giới (Kāmāvacabhūmi) (*).
V- Thế nào là Cõi Dục Giới?
Đ- Cõi Dục Giới là nơi chúng sanh phần lớn là hưởng cảnh ngũ dục (Sắc dục, Thinh dục, Hương dục, Vị dục và Xúc dục). Cõi Dục Giới chia ra có 11:
1) Cõi Địa Ngục là cảnh giới bất hạnh, những chúng sanh ở trong cõi nầy hoàn toàn không có hạnh phúc.
2) Cõi Ngạ Quỷ là cảnh giới của những chúng sanh hằng chịu sự đói khát.
3) Cõi A Tu La là cảnh giới của những người Tâm tánh hung dữ.
4) Cõi Bàng Sanh là cảnh giới của những chúng sanh có thân hình đầu đuôi ngang nhau.
5) Cõi Nhân Loại là cảnh giới của loài người có trí tuệ thông minh được gọi bằng danh từ Manussānaṃ có nghĩa:
- Giòng dõi hay những người phát xuất từ nhóm người Đạo sĩ Manussānaṃ tức theo truyền thuyết của Ấn Độ thời xa xưa xem vị Đạo Sĩ Manussānaṃ như là Thủy Tổ của loài người.
- Manussānaṃ có nghĩa là loài chúng sanh thông minh có sự tiến hoá.
6) Cõi Tứ Thiên Vương là cảnh giới của Chủ Thiên dưới quyền chủ trị của 4 vị Thiên Vương.
7) Cõi Đạo Lợi là cảnh giới của Chư Thiên có 33 vị Trời làm chủ nên cõi nầy còn được gọi là cõi Tam Thập tam Thiên; theo tục truyền thì thờiquá khứ có chàng thanh niên Magha hướng dẫn 32 vị thanh niên khác làm những công tác từ thiện, phục vụ cho người nên sau khi chết được sanh về cõi nầy.
8) Cõi Dạ Ma là cảnh giới của Chư Thiên được nhiều sự an vui tiêu diệt những sự khổ (thông thường).
9) Cõi Đâu Suất là cảnh giới của các vị Trời thọ hưởng Quả phước nhất là Quả phước của Ba La Mật, các vị Bồ Tát trước khi thành Phật sanh lên đây để chờ cơ hội đầy đủ căn duyên liền tái sanh lần chót chứng Quả Phật Toàn Giác.
10) Cõi Hóa Lạc Thiên là cảnh giới của các vị Trời khi nào muốn hưởng Dục lạc thì tự hóa hiện ra mà dùng.
11) Cõi Tha Hóa Tự tại là cảnh giới của các vị Trời khi nào muốn hưởng năm món Dục Lạc thì có kẻ khác đem đến dâng. Cõi nầy là trú xứ của Ma Vương.
(*) Cõi nào là nơi phát sinh phiền não và vật dục, cõi ấy gọi là Cõi Dục giới (Kamassabhavoti: Kamavacara).

263- Cõi Sắc Giới (Rūpāvacarabūmi) (*).
V- Thế nào là cõi Sắc Giới?
Đ- Cõi Sắc Giới là cõi còn có hình sắc nhưng không phải là Sắc Thô như ở cõi Dục và chúng sanh trong cõi nầy nuôi sống bằng pháp hỷ của Thiền Định chứ không thọ hưởng ngũ dục. Cõi Sắc giới phân ra có 16, nằm trong 4 từng:
(I) Từng thứ nhất là từng Sơ Thiền tức là cảnh giới của những vị đắc Sơ Thiền; vì căn cơ và Quả báu khác nhau nên cõi Sơ Thiền chia ra thành 3 cõi.
1) Cõi Phạm Chúng Thiên là cảnh giới của những người Đắc Sơ Thiền bực thấp nên sanh vào cõi nầy làm đồ chúng cho Đại Phạm Thiên.

2) Cõi Phạm Phụ Thiên là cảnh giới của những vị đắc Sơ Thiền bực Trung nên sanh vào cõi nầy; các vị Phạm Phụ Thiên được xem như những vị Tổng Trưởng của Đại Phạm Thiên.
3) Cõi Đại Phạm Thiên là cảnh giới của những vị đắc Sơ Thiền bậc thượng.
(II) Từng thứ nhì là từng Nhị Thiền tức là cảnh giới của những vị đắc Nhị và Tam Thiền; cũng do căn cơ và Quả báu khác nhau nên cũng chia thành 3 cõi:
4) Cõi Thiểu Quang Thiên là cõi của những vị chứng Nhị và Tam Thiền bậc thấp; những vị Trời cõi nầy có hào quang ít.
5) Cõi Vô Lượng Quang Thiên là cõi của những người đắc Nhị và Tam Thiền bậc Trung thì sanh về cõi nầy và Chư Thiên cõi nầy có hào quang chiếu sáng không thể đo lường được.
6) Cõi Quang Âm Thiên là cảnh giới của những vị đắc Nhị và Tam Thiền bậc Thượng và những vị Chư Thiên ở cõi nầy mỗi khi nói hào quang túa ra rực rỡ.
(III) Từng thứ ba là từng Tam Thiền tức là cảnh giới của những vị đắc Tứ Thiền; cũng có 3 cõi:
7) Cõi Thiểu Tịnh Thiên là cõi của các vị đắc Tứ Thiền bực Hạ, cõi nầy Chư Thiên có hào quang sáng nhưng chưa phải trong sáng hoàn toàn.
8) Cõi Vô Lượng Tịnh Thiên là cảnh giới của những người đắc Tứ Thiền bực Trung sanh về đây và Chư Thiên cõi nầy có hào quang trong sáng không thể lường được.
9) Cõi Biến Tịnh Thiên là cảnh giới của những vị đắc Tứ Thiền bậc Thượng. Chư Thiên cõi nầy có hào quang trong sáng biến mãn khắp nơi.
(IV) Từng thứ tư là từng Tứ Thiền tức là cảnh giới của những vị đắc Ngũ Thiền; cũng có 3 cõi:
10) Cõi Quảng Quả là cảnh giới của những vị đắc Ngũ Thiền hưởng Quả báu to lớn.
11) Cõi Vô Tưởng là cảnh giới của các vị đắc Ngũ Thiền nhưng vì chán nản Tâm Thức nên nguyện chuyển sang Thiền không Tâm. Người ở cõi nầy giống như hình tượng nghĩa là chỉ có thể xác nhưng không có Tâm thức.
Cõi Ngũ Tịnh Cư là cảnh giới của những vị chứng Quả A Na Hàm nhưng vì căn tánh khác nhau nên mới có phân ra năm cõi:
12) Cõi Vô Phiền là cảnh giới của những vị chứng Quả A Na Hàm có Tín quyền mạnh (không có sự phiền muộn).
13) Cõi Vô Nhiệt là cõi không có sự nóng nãy là cảnh giới của vị chứng A Na Hàm mà có Tấn quyền mạnh.
14) Cõi Thiện Kiến là cõi mà các vị Chư Thiên ở cõi nầy những chúng sanh khác trông thấy sẽ được an lành và cõi nầy là cảnh giới của vị chứng Quả A Na Hàm mà Niệm quyền mạnh.
15) Cõi Thiện Hiện là cõi của các vị Chư Thiên nhìn vạn vật trong vũ trụ hoàn toàn xinh đẹp là cảnh giới của vị chứng Quả A Na Hàm có Định quyền mạnh.
16) Cõi Sắc cứu cánh là cảnh giới cuối cùng của cõi Sắc giới là cảnh giới của vị chứng Quả A Na Hàm có Tuệ quyền mạnh.
(*) Cõi nào phát sinh sắc phiền não và sắc vật chất, cõi ấy gọi là Cõi Sắc giới (Rūpassabhavoti: Rūpavacara).

264- Cõi Vô Sắc Giới (Arūpavacarabhūmi) (*).

V- Thế nào là cõi Vô Sắc Giới?

Đ- Cõi Vô Sắc giới là cõi chúng sanh không có hình sắc chỉ có Tâm thức mà thôi. Cõi Vô Sắc có 4 bậc:
1) Cõi Không Vô Biên là cảnh giới của những vị đắc Thiền Vô Sắc bằng đề mục Không Vô Biên.
2) Cõi Thức Vô Biên là cảnh giới của những vị đắc Thiền Vô Sắc bằng đề mục Thức Vô Biên.
3) Cõi Vô Sở Hữu là cảnh giới của những vị đắc Thiền Vô Sắc bằng đề mục Vô Sở Hữu.
4) Cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng là cảnh giới của những vị đắc Thiền Vô sắc bằng đề mục Phi Tưởng Phi Phi Tưởng.
(*) Cõi nào không có hình sắc gọi là Cõi Vô Sắc (Arūpassabhavoti: Arūpanacava).

265- Nghiệp (Kamma).

V- Thế nào là Nghiệp?
Đ- Nghiệp là hành vi tạo tác, hành động, dù Thiện hay Bất Thiện. Nghiệp được chia ra thành 3 phần:
- Thời gian thành tựu của Nghiệp.
- Mãnh lực của Nghiệp.
- Công năng của Nghiệp.

266- Thời Gian Thành Tựu Của Nghiệp.

V- Thế nào là thờigian thành tựu của Nghiệp?
Đ- Thời gian thành tựu của Nghiệp là phân biệt theo sự kết quả của thời gian, có 4 loại:
Hiện Báo Nghiệp: Là những hành động Thiện hoặc Ác có kết quả ngay trong kiếp sống hiện tại như trường hợp sát nhơn phải bị đền mạng hoặc như tích người hàng bò cắt lưỡi bò nướng ăn liền bị đứt lưỡi và chết một cách rất đau khổ ngay trong kiếp hiện tại.
Sanh Báo Nghiệp: là những hành động Thiện hoặc Ác có kết quả nơi đời sau. Như làm chuyện tội lỗi sau khi chết bị đọa vào khổ thú; hoặc làm việc Thiện sau khi chết sẽ thọ sanh trong nhàn cảnh.
Hậu Báo Nghiệp: Là những hành động Thiện hoặc Ác sẽ có kết quả từ 2 đời trở về sau cho đến khi nào Niết Bàn. Như trường hợp Đại Đức Mục Kiền Liên bị bọn cướp giết hoặc Đức Thế Tôn phải mang bệnh kiết lỵ v.v...
Vô Hậu Nghiệp: Là những hành động Thiện hoặc Ác không còn khả năng để cho quả tức là Hậu Báo Nghiệp nếu trong đời hiện tại không có cơ hội thành tựu thì những kiếp về sau sẽ không còn thành tựu. Hiện Báo Nghiệp tức là sở hữu Tư Hiệp với các Tâm Thiện hoặc Bất Thiện trong Sát na Tâm Đổng Tốc thứ nhất; hoặc Sanh Báo Nghiệp mà trong kiếp sau chẳng gặp duyên thành tựu thì những kiếp về sau sẽ không còn thành tựu; hoặc Hậu Báo Nghiệp đến khi chứng Vô Dư Niết Bàn thì sẽ không còn cơ hội cho quả nữa. Hậu Báo Nghiệp tức là sở hữu Tư hợp với các tâm Đổng Tốc Thiện và Bất Thiện trong 5 Sát na Tâm Đổng Tốc ở giữa tức là sát na Tâm Đổng Tốc thứ 2 cho đến thứ 6 còn sát na thứ 7 thuộc về loại Sanh Báo Nghiệp.

267- Sức Mạnh Của Nghiệp.

V- Thế nào là sức mạnh của Nghiệp?
Đ- Sức mạnh của Nghiệp là những việc làm lành hoặc dữ tùy theo mỗi hành động sẽ có phản ứng mạnh hoặc yếu. Sức mạnh của Nghiệp có 4:
Trọng Nghiệp: Là những hành động rất Thiện hoặc rất Ác. Nếu Thiện thì thuộc về các loại Thiền Sắc Giới, Vô Sắc Giới; hoặc khi hành Thập Hạnh Phúc, tu Thập Độ v.v... bằng những Tâm Thiện Dục Giới thọ hỷ hợp trí vô trợ v.v... nếu là Bất Thiện thì Trọng Nghiệp là Ngũ Nghiệp Vô Gián (giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, đả thương Phật và chia rẽ Tăng).
Cận Tử Nghiệp: Là những hành động Thiện hoặc Bất Thiện khởi theo Thân, Khẩu, Ý trong giờ phút lâm chung. Nghiệp nầy cũng có sức mạnh gần như Trọng Nghiệp và Trọng Nghiệp cũng phải diễn tiến qua tình hình Cận Tử Nghiệp trong khi sắp chết.
Thường Nghiệp: Là những hành động Thiện hoặc Bất Thiện mà ta đã làm quen trở thành tập quán nên trong khi sắp từ giã cuộc đời người ta có thể nhớ lại những việc Thiện hoặc Bất Thiện mà mình đã quen làm. Như trường hợp vị Vua xứ Tích Lan thường ngày hằng để bát chư Tăng nên khi sắp chết Ngài nhớ lại việc làm hằng ngày của mình liền phát tâm hoan hỷ do tâm hoan hỷ vớiviệc lành nên nhà vua tái sanh vào cõi trời Đâu Suất...
Khinh Tiểu Nghiệp: Tức là những hành động Thiện hoặc Bất Thiện trong khi làm không trực tiếp với đối tượng bị làm. Nghiệp nầy rất nhẹ và rất ít có cơ hội thành tựu trừ phi không có 3 loại trên (Trọng Nghiệp, Cận Tử Nghiệp, Thường Nghiệp) không kết Quả thì nghiệp mới kết Quả. Như trường hợp Đức Bồ Tát trong quá khứ có kiếp làm một vị Hoàng Tử trong lúc bắn chơi một phát vào một đóa hoa, vô tình trong đóa hoa ấy có một con sâu bị trúng tên chết với tâm cột oan trái của con sâu ấy nên về sau con sâu trở thành vua Yakkha, nhân khi săn bắn lỡ tay bắn trúng Bồ Tát Sovanna.

268- Công Năng Của Nghiệp.

V- Thế nào là Công Năng Của Nghiệp?
Đ- Công Năng của Nghiệp là những việc làm, được phân ra 4 loại tùy theo trường hợp:
Sanh Nghiệp: Là những việc Thiện hoặc Ác có khả năng Tục Sinh tức là những hành động Thiện hoặc Bất Thiện làm cho trở thành hay chuyển sanh Ngũ uẩn mới trong khi Ngũ uẩn cũ bị diệt (chết).
Trì Nghiệp: Là những hành động nối sau sanh nghiệp: đồng một loại với sanh nghiệp. Trì Nghiệp là Nghiệp nuôi dưỡng sanh nghiệp. Sanh Nghiệp có bổn phận tạo ra thì Trì Nghiệp có trách nhiệm nuôi dưỡng, Trì Nghiệp thuộc về Thiện nếu sanh nghiệp là Thiện và nếu sanh nghiệp thuộc về ác thì Trì Nghiệp cũng là Ác.
Chướng Nghiệp: Là những hành động trái với Sanh Nghiệp, nếu Sanh Nghiệp Thiện thì Chướng Nghiệp Bất Thiện và ngược lại, Trì Nghiệp thì nuôi dưỡng Sanh Nghiệp; còn Chướng Nghiệp thì che ngăn làm cho Sanh Nghiệp bị trở ngại.
Đoạn Nghiệp: Là những hành động đối lập với Sanh Nghiệp và mạnh hơn Chướng Nghiệp. Chướng Nghiệp chỉ làm cho Sanh Nghiệp bị trở ngại, còn Đoạn Nghiệp thì tiêu diệt hẳn Sanh Nghiệp.

269- Sắc Pháp (Rūpa).

V- Thế nào là Sắc Pháp?
Đ- Sắc Pháp là thể chất Vô tri giác, hằng tiêu hoại đổi thay. Sắc Pháp được chia thành 2 phần:
1) Sắc Tứ Đại: 2) Sắc Y Đại Sinh.

270- Sắc Tứ Đại (Mahābhūtāni).

V- Thế nào là Sắc Tứ Đại?
Đ- Sắc Tứ Đại là Sắc Pháp căn bản, là nguyên lý của các Sắc khác; gọi là Sắc Tứ Đại, bởi các Sắc nầy biến mãn cùng khắp cõi Dục Giới và Sắc Giới, không thể có một loại Sắc nào có thể thiếu 4 sắc căn bản ấy; và gọi là Sắc Tứ Đại, bởi 4 Sắc nầy hằng biến đổi khác nhau, tương phản nhau, nhưng vẫn đồng một thể chất.
Sắc Tứ Đại có 4:
Đất: là vật chứa đựng, là vật làm nền tảng cho các sắc khác nhau được tồn tại. Đất là vật có trạng thái cứng hoặc mềm.
Nước: là vật có đặc tánh giúp cho các sắc khác được phát triển thêm lên. Nước là vật có trạng thái thấm, rịn, tươm, ướt tức là tư cách hòa tan hay nhiếp bùng; cũng gọi là chảy ra và quến lại.
Lửa: là vật làm cho các Sắc khác được nhu nhuyển, mềm dịu. Tướng trạng của lửa là nóng và lạnh, có đặc tánh làm cho các sắc đồng sanh sẽ khô chín, không bị hư hoại.
Gió: là vật lay động, rung chuyển, có đặc tánh giúp cho các sắc pháp đồng sanh được căng thẳng ra, hoặc di chuyển được.

271- Sắc Y Đại Sinh (Upādāyarūpaṃ).

V- Thế nào là Sắc Y Đại Sinh?
Đ- Sắc Y Đại Sinh là những sắc sanh ra đặng là do nhờ nương theo Sắc Tứ Đại.
Sắc Y Sinh được phân ra 10 loại:
1) Sắc Thần Kinh. 2) Sắc Cảnh Giới. 3) Sắc Trạng Thái. 4) Sắc Ý Quyền. 5) Sắc Mạng Quyền.
6) Sắc Vật Thực. 7) Sắc Hư Không. 8) Sắc Biểu Tri. 9) Sắc Đặc Biệt. 10) Sắc Tứ Tướng.

272- Sắc Thần Kinh (Pasāda Rūpam).

V- Thế nào là Sắc Thần Kinh?
Đ- Sắc Thần Kinh là tính chất của Tứ Đại, làm cơ quan cho năm giác quan thâu bắt cảnh Ngũ. Sắc Thần Kinh có 5:
Sắc Thần Kinh Nhãn: là tính chất của Tứ Đại nằm trong mống mắt, có hình thức như đầu con chí đực; là chỗ nương nhờ của Nhãn Thức; có khả năng thâu nhận được cảnh Sắc; nguyên nhân căn bản của Sắc Thần Kinh Nhãn là Sắc Tứ Đại phát sanh từ nghiệp Tham ái cảnh sắc, trong đời trước.
Sắc Thần Kinh Nhĩ: là tính chất của Tứ Đại, là chỗ nương nhờ của Nhĩ Thức, có khả năng thâu nhận đặng cảnh Thinh. Thần Kinh Nhĩ có hình thức như lông con cừu, nằm trong lỗ tai. Nguyên nhân căn bản của Sắc Thần Kinh Nhĩ là Sắc Tứ Đại phát sanh từ Nghiệp Tham Ái cảnh Thinh, trong đời trước.
Sắc Thần Kinh Tỷ: là tính chất Tứ Đại; là chỗ nương nhờ của Tỷ Thức, có khả năng thu nhận được cảnh Khí, Thần Kinh Tỷ có hình thức như móng chân con Dê nằm trong lỗ mũi. Nhân cần thiết của Sắc Thần Kinh Tỷ là Sắc Tứ Đại sanh từ Nghiệp Tham Ái Cảnh Khí trong đời trước.
Sắc Thần Kinh Thiệt: là tính chất của Tứ Đại có hình thức như đầu lông con

Nhím nằm trong lưỡi. Thần Kinh Thiệt là chỗ nương của Thiệt Thức, có khả năng thâu nhận cảnh Vị. Nguyên nhân căn bản của Sắc Thần Kinh Thiệt là Sắc Tứ Đại phát sanh từ Nghiệp Tham Ái cảnh Vị, trong đời trước.
Sắc Thần Kinh Thân: là tính chất của Tứ Đại không có hình thức riêng biệt và cũng không có vị trí nhất định. Thần Kinh Thân là chỗ nương của Thân Thức; có khả năng thâu nhận cảnh Xúc. Nguyên nhân căn bản của Sắc Thần Kinh Thân là Sắc Tứ Đại phát sanh từ Nghiệp Tham Ái cảnh Xúc trong đời trước

273- Sắc Cảnh Giới (Gocararūpaṃ).

V- Thế nào là Sắc Cảnh Giới?
Đ- Sắc Cảnh Giới là đối tượng của Sắc Thần Kinh là sở tri của Tâm Ngũ song thức. Sắc Cảnh Giới có 5 nhưng có 4 thứ được kể riêng biệt là Cảnh Sắc, Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Vị, còn Cảnh Xúc là Đất, Lửa, Gió nên nói riêng.
Sắc Cảnh Sắc: là đối tượng của Thần Kinh Nhãn, là sở tri của Nhãn Thức; cảnh Sắc là tất cả hình Sắc, vật gì mắt thấy được thì vật đó là Cảnh Sắc.
Sắc Cảnh Thinh: là đối tượng của Thần Kinh Nhĩ, là sở tri của Nhĩ Thức. Cảnh Thinh là tất cả tiếng, vật nào mà Tâm Nhĩ Thức biết đặng thì Vật ấy là Cảnh Thinh
Sắc Cảnh Khí: là đối tượng của Thần Kinh Tỷ, là sở tri của Tỷ Thức, Cảnh khí là tất cả hơi mùi, vật nào bị Tâm Tỷ Thức biết đặng thì vật ấy là Cảnh Khí.*Sắc Cảnh Vị:* là đối tượng của Thần Kinh Thiệt, là tất cả vị cay, đắng v.v... vật nào Tâm Thiệt Thức biết đặng thì vật ấy là Cảnh Vị.
Còn *Cảnh Xúc* là đối tượng của Thần Kinh Thân là Sở Tri của Thân Thức. Cảnh Xúc là vật bị đụng chạm, tức là Đất, Lửa, Gió. Vật nào bị Thân Thức biết đặng thì vật ấy là Cảnh Xúc.

274- Sắc Tính (Bhāvarūpaṃ).

V- thế nào là Sắc Tính?
Đ- Sắc Tính là biểu hiện tướng Nam hoặc tướng Nữ. Sắc Tính có 2 loại: a) Nam Tính; b) Nữ Tính.
Sắc Nam tính là sắc hiện bày ra tư cách của Nam Nhân, giống đực, có trạng thái như tánh hùng dũng, tướng thô kệch, dáng cứng cõi.
Sắc Nữ tính là trạng thái hiện bày của Nữ nhân, giống cái có tư cách như: tánh ôn hòa, tướng dịu dàng, yểu điệu, dáng yếu ớt...

275- Sắc Ý Vật (Hadayavatthu).

V- Thế nào là Sắc Ý Vật?
Đ- Sắc Ý Vật là Sắc Nghiệp nương trong trái tim làm trung yếu điểm cho Ý Thức nương tựa, theo truyền thuyết thì một số máu trong tim là Sắc Ý Vật.

276- Sắc Mạng Quyền (Jīvitindriyaṃ).

V- Thế nào là Sắc Mạng Quyền?
Đ- Sắc Mạng Quyền là sắc có khả năng bảo tồn các Sắc Nghiệp đồng sanh ðýợc tồn tại.

277- Sắc Vật Thực (Āhārarūpaṃ).

V- Thế nào là Sắc Vật Thực?
Đ- Sắc Vật Thực là chất dinh dưỡng có đặc tính nuôi dưỡng Sắc pháp được phát triển thêm, lớn mạnh thêm.

278- Sắc Hư Không (Paricchedarūpaṃ).

V- Thế nào là Sắc Hư Không?
Đ- Sắc Hư Không là khoảng giữa của các Sắc pháp. Chẳng phải có một thứ Sắc Hư Không riêng biệt mà chính vì khoảng giữa, tức là ranh giới phân chia giữa các bọn sắc nên gọi là Sắc Hư Không (Sắc Hư Không còn được gọi là Sắc Giao Giới)

279- Sắc Biểu Tri (Viññattirūpaṃ).

V- Thế nào là Sắc Biểu Tri?
Đ- Sắc Biểu Tri là Sắc hiện bày nơi Thân hoặc Khẩu để trong khi thấy hoặc nghe v.v...mà hiểu biết đặng, Sắc Biểu Tri có 2 thứ:
1) Sắc Thân Biểu tri là cảnh hiện bày Thân để tỏ lộ ý mình muốn nói và kẻ khác trông thấy biết được. Tướng trạng của Sắc Thân Biểu Tri là cách bày tỏ bằng Thân cử động như múa tay ra dấu v.v...
2) Sắc Khẩu Biểu Tri là cách bày tỏ bằng miệng, tiếng nói, tiếng cười v.v...

280- Sắc Đặc Biệt (Vikārarūpaṃ).

V- Thế nào là sắc Đặc Biệt?
Đ- Sắc Đặc Biệt là những sắc có tánh cách thù thắng, dễ sử dụng. Sắc Đặc Biệt có 3:
1) Sắc Khinh là Sắc có trạng thái nhẹ nhàng không có sự nặng nề.
2) Sắc Nhu là Sắc mềm dịu, không thô cứng.
3) Sắc Thích Nghiệp là Sắc vừa làm việc, không dư cũng không thiếu.

281- Sắc Tứ Tướng (Lakkhaṇarūpaṃ).

V- Thế nào là Sắc Tứ Tướng?
Đ- Sắc Tứ Tướng là sắc có tướng trạng riêng biệt theo thời gian tức là Sắc từ lúc sanh khởi đến tồn tại và cuối cùng là hoại diệt. Vì mỗi thời gian có tướng trạng khác nhau nên phân biệt 4 thứ:
1) Sắc Sinh tức là Sắc Pháp vừa sanh khởi tức là sắc sơ sanh mới sanh (từ chỗ không mà có gọi là Sinh).
2) Sắc Tiến là Sắc Sinh được phát triển tăng thêm lên.
3) Sắc Dị tức là sắc sinh được tồn tại lần theo Sắc Tiến (Sắc Tiến và sắc Dị có thể gồm lại kêu chung một tên là sắc trụ, vì sắc nầy tồn tại đến 49 sát na tiểu: còn sát na sinh chỉ có một sát na tiểu và Sắc Diệt cũng chỉ có một sát na tiểu).
4) Sắc Diệt là cách tiêu diệt hoại của sắc Pháp (từ chỗ có trở thành không là diệt).

282- Sắc Nghiệp (Kammajā).

V- Thế nào là Sắc Nghiệp?
Đ- Sắc Nghiệp là Sắc do sở hữu tư tạo thành, có thể là Sắc Nghiệp Thiện hoặc Sắc Nghiệp Bất Thiện, Sắc Nghiệp tức là sắc do Nghiệp tạo có 18 thứ: 8 Sắc Bất Ly, 5 Sắc Thần Kinh, 2 Sắc Tính, Sắc Ý Vật, Sắc Mạng Quyền và Sắc Hư Không. Sắc Nghiệp chia thành từng đoàn thì có 9:
1) Đoàn Nhãn tức là bọn sắc Nhãn vật, có 10 thứ sắc đồng sanh: Sắc Nhãn Vật, Sắc Mạng Quyền và 8 Sắc Bất Ly (Đất, Nước, Lửa, Gió, Cảnh Sắc, Cảnh Khí, Cảnh Vị và sắc Vật Thực).
2) Đoàn Nhĩ tức là bọn sắc Nhĩ Vật có 10 thứ: Sắc Thần Kinh Nhĩ, Sắc Mạng Quyền và 8 Sắc Bất Ly.
3) Đoàn Tỷ tức là bọn sắc Tỷ Vật có 10 thứ: Sắc Thần Kinh Tỷ, Sắc Mạng Quyền và 8 Sắc Bất Ly.

4) Đoàn Thiệt tức là bọn sắc Thiệt Vật có 10 thứ: Sắc Thần Kinh, Thiệt Sắc Mạng Quyền và 8 Sắc Bất Ly.
5) Đoàn Thân tức là bọn Sắc Thân vật có 10 thứ: Sắc Thần Kinh Thân, Sắc Mạng Quyền và 8 Sắc Bất Ly.
6) Đoàn Tâm tức là bọn sắc Ý Vật có 10 thứ: Sắc Mạng Quyền và 8 Sắc Bất Ly
7) Đoàn Nam Tính tức là bọn sắc trạng thái Nam có 10 thứ: Trạng thái Nam, Mạng Quyền và 8 Sắc Bất Ly.
8) Đoàn Nữ Tính tức là bọn sắc trạng thái Nữ có 10 thứ: Sắc trạng thái Nữ, Mạng Quyền và 8 Sắc Bất Ly.
9) Đoàn Mạng Quyền tức là bọn Sắc Mạng Quyền có 8 thứ: Sắc Mạng Quyền và 8 Sắc Bất Ly.

283- Sắc Tâm (Cittajā).

V- Thế nào là Sắc Tâm?
Đ- Sắc Tâm là sắc do Tâm tạo có 6 đoàn:
1) Đoàn Bát Thuần tức là 8 Sắc Bất Ly (Đất, Nước, Lửa, Gió, Sắc, Vị, Khí và Vật Thực).
2) Đoàn Thân Biểu tri có 9 sắc là Sắc Thân Biểu Tri và 8 Sắc Bất Ly.
3) Đoàn Khẩu Thinh Biểu Tri có 10 sắc là Sắc Cảnh Thinh, Sắc Khẩu Biểu Tri và 8 Sắc Bất Ly.
4) Đoàn Đặc Biệt có 11 sắc là 3 Sắc Đặc Biệt và 8 Sắc Bất Ly.
5) Đoàn Thân Đặc Biệt có 12 sắc là Sắc Thân Biểu Tri, 3 Sắc Đặc Biệt và 8 Sắc Bất Ly.
6) Đoàn Khẩu Thinh Đặc Biệt có 13: Sắc Cảnh Thinh, Sắc Khẩu Biểu Tri, 3 sắc Đặc Biệt và 8 Sắc Bất Ly.

284- Sắc Âm Dương (Utusamutthāna).

V- Thế nào là Sắc Âm Dương?
Đ- Sắc Âm Dương (hay Sắc Quí Tiết) là sắc do thời tiết nóng lạnh tạo ra có 4 Đoàn:
1) Đoàn Bát Thuần.
2) Đoàn Thinh có 9 sắc là Sắc Cảnh Thinh và 8 sắc Bất Ly.
3) Đoàn Đặc Biệt có 11 sắc là 3 Sắc Đặc Biệt và 8 Bất Ly.
4) Đoàn thinh Đặc Biệt có 12 sắc là Sắc Cảnh Thinh, 3 Sắc Đặc Biệt và 8 Sắc Bất Ly.

285- Sắc Vật Thực (Ojāsankhāto).

V- Thế nào là Sắc Vật Thực?
Đ- Sắc Vật Thực là chất dinh dưỡng có 2 Đoàn:
1) Đoàn Bát Thuần.
2) Đoàn Đặc Biệt có 11 sắc, 3 Sắc Đặc Biệt và 8 sắc Bất Ly.

286- Đoàn Sắc Tục Sinh.

V- Thế nào là Sắc Tục Sinh?
Đ- Sắc Tục Sinh là Sắc Pháp sinh ra trong lúc tái sinh.
a) Cõi dục Giới Hóa Sanh và Thấp sanh. Tục Sinh gồm 7 đoàn: 1) Đoàn Nhãn. 2) Đoàn Nhĩ. 3) Đoàn Tỷ. 4) Đoàn Thiệt. 5) Đoàn Thân. 6) Đoàn Tâm. 7) Đoàn sắc tính.
b) Cõi Dục Giới Thai Sanh và Noãn Sanh. Tục Sinh đặng 3 đoàn: 1) Đoàn Thân

2) Đoàn Tâm 3) Đoàn sắc Tính
c) Cõi Sắc Giới Vô Tưởng Tục Sinh chỉ có 1 đoàn là Đoàn Mạng Quyền.

287- Sắc Bình Nhật.

V- Thế nào là Sắc Bình Nhật?
Đ- Sắc Bình Nhật là sắc pháp hằng ngày trong đời sống tức là không phải lúc Tục sinh và Tử.
1) Cõi Dục Giới lúc bình nhật có đủ 28 Sắc Pháp (*).
2) Cõi Sắc Giới lúc bình nhật có 23 thứ sắc pháp (trừ Tỷ, Thiệt, Thân và Sắc Trạng Thái).
3) Cõi Sắc Giới Vô Tưởng lúc bình nhật có 17 sắc Pháp (trừ 5 Sắc Thần Kinh, Sắc Ý Quyền, 2 Sắc Trạng Thái, Sắc Biểu Tri và sắc Thinh).
(*) Đúng ra chỉ có 27 Sắc Pháp vì một người không thể có 2 Sắc Gới Tính.

288- Sắc Tâm Hành Động.

V- Thế nào là Sắc Tâm Hành Động?
Đ- Sắc Tâm Hành Động là Sắc pháp được hiện bày hay chuyển động do Tâm sai khiến.
Trong 28 Sắc Pháp, Tâm tạo được 15 thứ sắc là 8 Sắc Bất Ly, Sắc thinh, Sắc Hư Không, 2 Sắc Tiêu Biểu và 3 Sắc Đặc Biệt.
Trong 121 thứ Tâm có 107 tâm tạo đặng sắc Pháp, còn 14 Tâm không tạo đặng là Ngũ Song Thức và 4 Quả Vô Sắc.
Sắc Tâm Hành Động có 7 cách:
1) Cách bình thường. 2) Cách cười. 3) Cách khóc. 4) Cách nói.
5) Cách tiểu oai nghi. 6) Cách đại oai nghi. 7) Cách kềm vững 3 đại oai nghi (trừ đi).
Cách cười, khóc, nói có 14 thứ sắc: 8 Sắc Bất Ly, Sắc Thinh, Sắc Hư Không, Sắc Khẩu Biểu Tri và 3 Sắc Đặc Biệt.
Cách tiểu oai nghi và kềm vững 3 oai nghi cũng có 14 sắc nhưng trừ ra sắc Khẩu Biểu Tri và thế vào Sắc Thân Biểu Tri.
Cách bình thường chỉ có 15 thứ sắc là trừ 5 sắc Biểu Tri.
Tâm sai khiến việc khóc có 2 thứ Tâm là 2 thứ Tâm Sân, 2 Tâm Sân có thể sai khiến được 6 cách trừ cách cười.
Tâm sai khiến cách nói có 32 thứ: 12 Tâm Bất Thiện, Tâm Khai Ý Môn, Tâm Vi Tiếu, 2 tâm Diệu Trí và 16 Tâm Đổng Tốc dục giới tịnh Hảo. 32 Tâm nầy cũng sai khiến được 2 cách Tiểu oai nghi và Đại oai nghi.
88 Tâm kềm vững 3 oai nghi (trừ đi), 87 Tâm Đổng Tốc và Tâm Khai Ý Môn.
Tâm sai khiến cách bình thường có 19 thứ là 3 tâm Ý Giới, 3 Tâm Quan Sát, 8 Tâm Quả dục giới hữu nhân và Tâm Quả sắc giới.
26 hoặc 58 Tâm Thiền Đổng Tốc sai khiến cách bình thường và kềm vững 3 đại oai nghi.
12 Tâm Đổng Tốc dục giới thọ xả, Khai Ý Môn và 2 Tâm Diệu Trí sai khiến 5 cách (trừ khóc và Cười).
13 Tâm Đổng Tốc Dục giới thọ hỷ sai khiến 6 cách (trừ Khóc).

289- Lộ Sắc.

V- Thế nào là Lộ Sắc?
Đ- Lộ Sắc là dòng tiến trình của Sắc Pháp luôn luôn sanh diệt như Tâm Pháp,

nhưng chậm hơn Tâm Pháp 17 lần. Tùy theo trường hợp nên dòng tiến trình của Sắc pháp được phân loại như sau:
1) Lúc Tục Sinh chỉ có 3 bọn sắc đồng sanh:
- là bọn Thần kinh Thân.
- là bọn Sắc tính (Nữ hoặc Nam).
- là bọn Ý Vật.
3 bọn sắc nầy đồng sanh 1 lượt trong lúc tái sanh, khởi đầu sắc Tục Sinh mỗi thứ có 1 bọn, đồng sanh ba thứ, nên khởi đầu đã có 3 bọn (Thần Kinh, Sắc Tính, Ý Vật) và trải qua mỗi Sát na tiểu mỗi thứ tăng thêm 1 bọn, như vậy, 1 Sát na đại mỗi thứ tăng thêm 3 bọn và trải qua 17 sát na mỗi thứ tăng đến 51 bọn mới bình số cộng chung ba thứ có đến 153 bọn.
Sắc Tục Sinh khởi lên sẽ có Sắc Âm dương phụ trợ và sắc Tâm cũng sanh khởi theo. Nhưng sắc Nghiệp sanh trước còn Sắc Âm dương sanh sau Sắc Nghiệp và Sắc Tâm lại sanh sau Sắc Âm Dương. Chúng ta nên biết sắc nào sanh trước thì bình số trước, sắc nào sanh sau thì bình số sau.
2) Sau khi thụ thai 1 tuần lễ thì Sắc Mạng Quyền (Sắc Mạng Quyền thuộc về sắc Nghiệp) bắt đầu sanh khởi.
Cũng mỗi sát na tiểu tăng thêm 1 bọn nên khi giòng tiến trình của Sắc pháp trải qua 17 sát na đại, sắc Mạng Quyền sanh được 51 bọn mới bǹh số. Như vậy, sau khi thụ thai 1 tuần th́ sắc Nghiệp đã có 4 thứ (Sắc Thần Kinh Thân, sắc Trạng Thái, sắc Ý Vật và sắc Mạng Quyền) và được 204 bọn.
3) Sau khi thụ thai 2 tuần (nguyên bản nói tuần lễ thứ hai, tức là từ ngày thứ bảy đến ngày thứ 14) thì sắc vật thực cũng tăng theo thời gian tức là mỗi sát na tiểu sanh thêm 1 bọn nên sau tiến trình của Tâm pháp (17 sát na đại, 51 sát na tiểu, được 51 bọn mới bình số).
4) Tính từ lúc thụ thai đến tuần lễ thứ mười một thì Sắc Nghiệp tăng thêm 4 thứ sắc Thần Kinh: Nhãn, Nhĩ, Tỷ và Thiệt. 4 thứ sắc này cộng chung 4 thứ thì được 204 bọn và cộng với 4 sắc Nghiệp đã sanh nên có đến 408 bọn.
5) Từ khi có đủ 5 sắc Thần Kinh thì Ngũ song Thức có thể sanh bất cứ lúc nào, nhưng Ngũ Song thức phát sanh thì sắc Tâm bớt đi một bọn; Bởi Ngũ Song Thức không sanh đặng sắc Tâm.
6) Nói về người nhập Thiền Diệt, sau 2 sát na Thiền Phi Tưởng Phi Phi Tưởng, sắc Tâm bắt đầu giảm bớt từ bọn, trải qua 17 sát na Tâm hoàn toàn dứt tuyệt không còn dư sót bọn nào.
7) Nói về Sắc Tâm bắt đầu sanh trưởng khi xả Thiền Diệt. Lúc xả Thiền Diệt thì Tâm Quả khởi lên; nếu A La Hán thì tâm Quả A La Hán khởi lên. Ngay từ Tâm Quả trở đi mỗi sát na đại Sắc Tâm tăng thêm 1 bọn nên trải qua 17 sát na Sắc Tâm có đủ 17 bọn.
8) Nói về người Tử Ngũ Môn thì Sắc Tâm bắt đầu thiếu 1 bọn khi Ngũ Song Thức phát sanh đó là niêm luật thường lệ, còn sắc tâm diệt vì sự chết thì bắt đầu diệt từ lúc hết Sắc Nghiệp; tức là sau khi Sắc Nghiệp chấm dứt phải trải qua 16 sát na đại, Sắc Tâm mới diệt hoàn toàn.
Sắc Nghiệp bắt đầu diệt mỗi 1 sát na đại 8 thứ sắc Nghiệp mỗi thứ giảm bớt 1 bọn, nên sau 17 sát na đại thì 408 bọn của 8 thứ Sắc Nghiệp đều chấm dứt.
9) Nói về sự diệt của Sắc Tâm đối với người Tử Ý Môn. Người Tử Ý Môn sắc Nghiệp cũng diệt giống như trường hợp người Tử Ngũ Môn. Nhưng chỉ khác là

người Tử bằng Ý Môn, Sắc Tâm không bị giảm trước 1 bọn mà chỉ bắt đầu diệt từ lúc Sắc Nghiệp chấm dứt trở về sau 17 sát na thì Sắc tâm cũng chấm dứt hoàn toàn.

290- Niết Bàn (Nibbāna).

V- Thế nào là Niết Bàn?

Đ- Niết Bàn là trạng thái an vui tuyệt đối, chấm dứt sanh tử luân hồi đoạn tuyệt tất cả Thụy Miên Phiền Não; nói tóm tắt lại Niết Bàn là cái gì không còn sanh diệt, chính vì trạng thái không có sanh diệt mà chư Phật gọi là Niết Bàn.

- Trạng thái vắng lặng là tướng mạo của Niết Bàn.
- Không thay đổi là phận sự của Niết Bàn.
- Không có hiện tượng chi cả là thành Quả của Niết Bàn.

Niết Bàn nếu nói có hai là Hữu dư Niết Bàn và Vô dư Niết Bàn.

Hữu Dư Niết Bàn tức là vị A La Hán đã sát tuyệt phiền não nhưng Ngũ Uẩn còn dư sót (vị A La Hán còn sống).

Vô dư Niết Bàn chỉ là trạng thái sau khi chết của vị A La Hán tức là cả Phiền não và Ngũ Uẩn đều diệt tận.

Có chỗ gọi là Niết Bàn có 3 thứ:

Chơn Không Niết Bàn.

Vô Tướng Niết Bàn.

Vô Trước Niết Bàn.

Chơn Không Niết Bàn là do hành giả quán pháp Vô Ngã mà đắc chứng Niết Bàn. Khi chứng ngộ Niết Bàn không còn thấy về quan niệm Vô Ngã mà thật sự là vắng lặng hoàn toàn nên gọi là Chơn Không Niết Bàn.

Vô Tướng Niết Bàn là do hành giả quán về pháp Vô Thường. Khi chứng ngộ Niết Bàn rồi thì không còn thấy sự Vô Thường thay đổi nữa nên gọi Vô Tướng Niết Bàn.

Vô Trước Niết Bàn là đối với hành giả quán về pháp Khổ não mà đắc chứng Niết Bàn. Nhưng khi chứng ngộ Niết Bàn không còn thấy trạng thái khổ đau nữa; do không còn thấy sự khổ đau nên không còn lòng tham ái mong muốn, tìm cầu một cảnh giới khác do đó nên gọi là Vô Trước Niết Bàn (vắng lặng lòng Tham Ái).

Niết Bàn còn phân làm 3 thứ nữa:

Phiền não Niết Bàn (diệt tận phiền não).

Ngũ Uẩn Niết Bàn (diệt tận 5 Uẩn).

Xá Lợi Niết Bàn (Xá Lợi tiêu mất).

Đức Phật Thích Ca khi chứng Quả Phật Toàn Giác dưới cội Bồ Đề khi ấy gọi là Phiền não Niết Bàn. 45 năm sau, Ngài viên tịch giữa hai cội cây Sala song long thọ gọi là Ngũ Uẩn Niết Bàn và đến khi đủ 5000 (năm ngàn) năm (kể từ Phật tịch) thì tất cả Xá Lợi dù ở trên cõi Trời hay ở dưới Thủy điện Long Vương và tất cả Xá Lợi rải rác trên thế giới đều gom lại tại Bồ Đề đạo tràng, sau 7 ngày hóa thân thuyết pháp thì những Xá Lợi ấy tự nhiên tiêu mất thì gọi là Xá Lợi Niết Bàn.

Nói tóm lại Niết Bàn dù có phân ra nhiều thứ, giải nhiều cách nhưng tựu trung vẫn một ý nghĩa hoàn toàn vắng lặng nên Tàu dịch là Viên tịch.

291- Pháp Chơn Đế Có Bảy Mươi Hai.

V- Thế nào là Pháp Chơn Đế có Bảy mươi hai?
Đ- Pháp Chơn Đế có bảy mươi hai là tất cả Tâm kể 1 (vì tâm dù có đến 121 thứ vẫn đồng một ý nghĩa là biết cảnh nên kể là 1).
Sở hữu Tâm tính đủ 52 thứ (vì sở hữu tâm mỗi thứ có đặc tánh đặc biệt).
Sắc Pháp chỉ kể có 18 là 18 thứ sắc rõ.
Và Niết Bàn có 1 (tức là trạng thái tịch tịnh).
Tất cả Pháp Chơn Đế được chia ra 4 thành phần Tập Yếu:
Bất Thiện Tập Yếu.
Tạp Loại Tập Yếu.
Giác Phần Tập Yếu.
Hàm Tân Tập Yếu.

292- Bất Thiện Tập Yếu (Akusalasaṅgaho).

V- Thế nào là Bất Thiện Tập Yếu?
Đ- Bất Thiện Tập Yếu là gom tất cả Pháp Bất Thiện trọng yếu kể ra. Pháp Bất Thiện Tập Yếu có 9 phần:
1) Tứ Trầm. 2) Tứ Bộc. 3) Tứ Kết.4) Tứ Phược. 5) Tứ Thủ. 6) Lục Cái. 7) Thất Tiềm Thùy. 8) Thập Triền. 9) Thập Phiền Não.

293- Tứ Trầm (Cattāro Āsavā).V- Thế nào là Tứ Trầm?
Đ- Tứ Trầm là 4 pháp trầm luân, làm cho chúng sanh mãi đắm chìm trong Tam giới
1) Dục Trầm là lòng luyến ái Ngũ trần quá sâu đậm.
2) Hữu Trầm là lòng tham ái những cảnh giới tương lai như là vọng muốn đời sau được hưởng ngũ dục đầy đủ hoặc mong muốn được sanh vào các cõi Thiền sắc và Vô sắc.
3) Kiến Trầm là quan kiến sai lầm tức là sự hiểu biết trái vớisự thật.
4) Vô Minh Trầm là lòng mê muội thiếu sáng suốt, không thấy rõ các nhân quá khứ tạo quả hiện tại; và không biết rõ các nhân hiện tại tạo quả tương lai tức là duyên khởi (Thập Nhị Nhân Duyên).
Bốn pháp này luôn luôn ướp nhuộm chúng sanh hay là ngâm ẩm chúng sanh mãi tiêm nhiễm theo thói quen trong đời nên chẳng được giải thoát cũng như gỗ ngâm trong ao nước do đó nên gọi là Tứ Trầm (4 pháp *chìm đắm*).

294- Tứ Bộc (Cattāro Oghā).

V- Thế nào là Tứ Bộc?
Đ- Tứ Bộc là 4 pháp lôi cuốn chúng sanh mãi nổi trôi trong bể khổ Tam giới. Chi pháp của Bộc cũng giống như Trầm, nhưng nói về phương diện chìm đắm thì gọi là Trầm; còn nói về phương diện lôi *cuốn trôi* đi thì gọi là Bộc. Chi Pháp của Tứ Bộc là Dục Bộc, Hữu Bộc, Kiến Bộc là Vô Minh Bộc.

295- Tứ Kết (Cattāro Yogā).

V- Thế nào là Tứ Kết?
Đ- Tứ Kết là 4 pháp *trói buộc* chúng sanh dính mắc trong vòng sanh tử. Về phương diện dính mắc gọi là kết chớ chi pháp vẫn giống như Trầm và Bộc. Nên gọi là Dục Kết, Hữu Kết, Tà Kiến Kết và Vô Minh Kết.

296- Tứ Phược (Cattāro Ganthā).

V- Thế nào là Tứ Phược?
Đ- Tứ Phược là 4 pháp *trói buộc Thân* không thể rời ra hoặc không thể dứt bỏ được. Chi pháp của Tứ Phược là:

1) Tham ái Thân Phược: lòng Tham muốn thái quá nên không thể rời ra hay dứt bỏ được những đối tượng khả ái.
2) Sân Độc Thân Phược: lòng Sân độc ác quá nặng nên trói chặt Thân Tâm không thể xa lìa hay giải thoát được; như câu "Chữ phụ thù bất cộng đái thiên"; hay tích nhà vua A Dục vì oán hận vị Đại thần ngăn cản việc bố thí của Ngài nên sau khi chết sanh làm rắn dữ với ý muốn cắn chết vị quan đại thần v.v...
3) Giới Thủ Thân Phược: chấp giữ theo tục lệ cúng tế hoặc giữ gìn theo những giới ngoại đạo tức là những pháp nghịch không có mục đích giải thoát: không làm Thân, Khẩu, Ý trong sạch được như các hình thức khổ hạnh v.v...
4) Ngã Kiến Thân Phược: chấp giữ bản ngã quá nặng nên trói cột cả Thân Tâm, không thể tiến hóa được tức là những thành kiến cố hữu quá sâu đậm, những người bị ngã Kiến Thân Phược rồi thì không bao giờ chịu cầu tiến!
Bản thể pháp của Tứ Phược là Tham, Sân và Tà Kiến (Giới Thủ Thân Phược, Ngã Kiến Thân Phược).

297- Tứ Thủ (Cattāro Upādānā).

V- Thế nào là Tứ Thủ?
Đ- Tứ Thủ là 4 pháp chấp giữ, *quá cố chấp*, *quá luyến ái gọi là Thủ*. Thủ có 4:
1) Dục Thủ là lòng Tham muốn Ngũ trần quá khắn khít, quá thiết tha. Thí dụ: như chất keo làm cho 2 mãnh ván dính liền nhau.
2) Kiến Thủ là chấp cứng theo quan niệm sai lầm.
3) Giới Cấm Thủ (như giới thủ thân phược).
4) Ngã Chấp Thủ là ôm ấp trong Thân Tâm là có linh hồn, có tự ngã trường tồn bất biến. Ngã Chấp Thủ có 20 thứ:
Sắc Uẩn và Tự Ngã là một.
Sắc Uẩn là sở hữu của Tự ngã.
Trong Sắc Uẩn có Tự ngã.
Trong Tự ngã có Sắc Uẩn.
Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng tính theo 4 cách. Như vậy nên Ngã Chấp Thủ có đến 20.

298- Lục cái (Chanivaranāni).

V- Thế nào là Lục Cái?
Đ- Lục Cái là sáu *pháp Bất Thiện ngăn che các Thiện Pháp*, nhất là thiền không được phát triển. Pháp Cái có 6:
1) Tham Dục Cái là lòng đắm nhiễm tham muốn Ngũ trần; Tham Dục cái ngăn chặn chi định của Thiền.
2) Sân Độc Cái là trạng thái nóng nảy, sôi nổi, bực bội, giận dữ; Sân Độc Cái đè ép chi hỷ của Thiền.
3) Hôn Thụy Cái là dã dượi, buồn ngũ; Hôn Thụy Cái ngăn chận chi Tầm của Thiền.
4) Trạo Hối Cái là trạng thái giao động và hối tiếc; Trạo Hối Cái đối nghịch với chi Lạc của Thiền.
5) Hoài Nghi Cái là sự nghi hoặc không tin; Hoài Nghi Cái đối lập với chi Tứ cuả Thiền.
6) Vô Minh Cái là sự mê muội, không sáng suốt; Vô Minh Cái che đậy trí tuệ của chi Đạo.

Bản thể pháp của Lục Cái: Tham Dục cái là sở hữu của Tham; Sân Độc Cái là sở hữu của Sân; Hôn Thụy Cái là sở hữu Hôn Trầm và Thụy Miên; Trạo Hối Cái là sở hữu phóng dật và sở hữu Hối; Hoài Nghi Cái là sở hữu Hoài Nghi; Vô Minh Cái là sở hữu Si.

299- Thất Tiềm Miên (Sattānusaya).

V- Thế nào là Thất Tiềm Miên?

Đ- Thất Tiềm Miên là bảy *pháp ngủ ngầm*, gọi là pháp ngủ ngầm phải được hiểu là những pháp này đối với phàm nhân nếu có cơ hội thích ứng thì những pháp này sẽ phát sanh chứ không phải những pháp này có sẵn và còn hoài để ẩn nấp trong tâm như cặn trà trong ly nước; Bởi các pháp đều Vô Ngã, nên không có một pháp nào thường hằng và bất biến. Bảy pháp ngủ ngầm là:

1) Ái Dục Tiềm Miên là sự tham ái ngũ dục được xem như một cố tật của mỗi người, nếu gặp ngũ dục thích hợp thì lòng luyến ái khởi lên.

2) Ái Hữu Tiềm Miên là sự vọng mống các loại Thiền sắc và Vô Sắc: cũng được xem là một cố tật của những vị đã từng tu Thiền Chỉ.

3) Phẩn Uất Tiềm Miên là tánh sân hận, nóng nảy cũng là một thói quen của phàm nhơn và các vị Thánh hữu học bật thấp mỗi khi gặp nghịch cảnh.

4) Ngã Mạn Tiềm Miên là tánh cống cao, kiêu hảnh: cũng là một cố tật của những người hay tự đắc tự cao.

5) Tà Kiến Tiềm Miên là nết quen theo tri kiến tà vạy.

6) Hoài Nghi Tiềm Miên là tánh phân vân, không quyết tin Tam Bảo: cũng là một cố tật của những người thích giao du với kẻ nhiều Tà kiến.

7) Vô Minh Tiềm Miên là cá tánh ngu si, mê dại nhiều đời. Bảy pháp Bất Thiện này được xem là cố tật, thói quen hay là những thành kiến cố hữu nên hễ cơ duyên thích hợp thì chúng phát sanh lên, do đó mà gọi chúng là pháp ngũ ngầm.

Bản thể pháp của Thất Tiềm Miên: Ái dục Tiềm Miên và ái Hữu Tiềm Miên là sở hữu Tham Phần. Phần Uất Tiềm Miên là sở hữu Sân. Ngã Mạn Tiềm Miên là sở hữu Ngã Mạn. Tà Kiến Tiềm Miên là sở hữu Tà Kiến. Hoài Nghi Tiềm Miên là sở hữu Hoài Nghi. Vô Minh Tiềm Miên là sở hữu Si.

300- Thập Triền (Samyojāna).

V- Thế nào là Thập Triền?

Đ- Thập Triền là mười *pháp trói buộc* chúng sanh. *Triền khác hơn kết, Phược ở chỗ kết là thắt cứng; Phược là cột chặt; Triền như cột quấn thường mà thôi*. Triền có 10:

1) Ái Dục Triền là bị buộc do đắm say Ngũ dục.

2) Ái Sắc Triền là bị trói buộc do tâm luyến ái cảnh và cõi Thiền sắc giới.

3) Phẩn Uất Triền là bị trói buộc là vì Tâm Sân hận.

4) Ngã Mạn Triền là bị trói buộc do sự kiêu căng.

5) Kiến Triền là bị Tà Kiến trói buộc.

6) Giới Cấm Triền là bị buộc chặt trong giới luật tà đạo tức là vâng giữ theo những giáo điều phi lý không lợi ích.

7) Hoài Nghi Triền là bị sự nghi hoặc ràng buộc.

8) Tật Triền là Tâm Tâm bị cột trói bởi tánh ganh gổ, ghen ghét tức là trạng thái tránh phần hơn của kẻ khác.

9) Lận Triền là Thân Tâm bị cột trói Bởi lòng keo kiệt bỏ xẻn.
10) Vô Minh Triền là bị sự si mê trói buộc.
Bản thể pháp của Thập Triền: Ái Dục Triền và Ái Sắc Triền là sở hữu Tham, Phẩn Uất Triền là sở hữu Sân, Ngã Mạn Triền là sở hữu Ngã Mạn, Tà Kiến Triền và Giới cấm Thủ Triền là sở hữu Tà Kiến, Hoài Nghi Triền là sở hữu Hoài Nghi, Tật Triền là sở hữu Tật, Lận Triền là sở hữu Lận, Vô Minh Triền là sở hữu Si.

301- Thập Phiền Não (Kilesa).

V- Thế nào là Thập Phiền Não?
Đ- Thập Phiền Não là mười pháp làm cho Tâm nhơ đục. Thập Phiền Não này là:
1) Tham Phiền Não là lòng ham muốn Ngũ trần làm cho Tâm vẫn đục.
2) Sân Phiền Não là lòng Sân hận làm mờ ám tâm trí.
3) Si Phiền Não là trạng thái mê muội bao phủ tâm trí.
4) Ngã Mạn Phiền Não là kiêu mạn là vật làm cho tâm trí bợn nhơ.
5) Tà Kiến Phiền Não là Kiến chấp sai lầm làm mờ tâm trí.
6) Hoài Nghi Phiền Não là trạng thái phân vân lưỡng lự, không quyết tin Tam Bảo, trở thành vật chướng ngại cho tâm trí.
7) Hôn Trầm Phiền Não là sự buồn ngủ, dả dượi khởi lên ngăn che trí sáng suốt.
8) Phóng Dật Phiền Não là trạng thái loạn động làm cho tâm trí bị chi phối theo cảnh trần cũng là vật nhơ bẩn của Tâm.
9) Vô Tàm Phiền Não làm cho tâm nhơ nhớp do trạng thái không hổ thẹn tội lỗi.
10) Vô Úy Phiền Não là sự nhơ bợn của tâm do không ghê sợ tội lỗi.
Bản thể pháp của Phiền Não: Tham Phiền Não là sở hữu Tham. Sân Phiền Não là sở hữu sân. Si Phiền Não là sở hữu Si. Ngã Mạn Phiền Não là sở hữu Ngã Mạn. Tà Kiến Phiền Não là sở hữu Tà Kiến. Hoài Nghi Phiền Não là sở hữu Hoài Nghi. Hôn Trầm Phiền Não là sở hữu Hôn Trầm. Phóng dật Phiền Não là sở hữu Phóng Dật. Vô Tàm Phiền Não là sở hữu Vô Tàm. Vô Úy Phiền Não là sở hữu Vô Úy.

302- Tạp Loại Tập Yếu (Missaka Saṅgaho).

V- Thế nào là Tạp Loại Tập Yếu?
Đ- Tạp Loại Tập Yếu là những cương yếu tính chung có cả Thiện và Bất Thiện gồm có 7 phần:
1) Lục Nhân. 2) Bảy Chi Thiền. 3-Mười Sáu Chi Đạo. 4) Hai Mươi Hai Căn. 5) Chín Lực. 6) Bốn Trưởng. 7) Bốn Thực.

303- Sáu Nhân (Hetu).

V- Thế nào là Sáu Nhân?
Đ- Sáu Nhân là:
1) Tham là lòng ham muốn, luyến ái, dính mắc theo đối tượng khả ái, là nguyên nhân sai khiến làm những việc ác như trộm cắp, tà dâm v.v...
2) Sân là tánh nóng nảy, có trạng thái hủy diệt đối tượng, bất toại nguyện, Sân là nguyên nhân khiến làm những việc ác như sát sanh, ác khẩu v.v...
3) Si là trạng thái mê mờ của tâm trí, do Si là nguyên nhân làm cho Tham, Sân v.v... sanh khởi.
4) Vô Tham là lòng không nhiễm đắm các trần cảnh, trạng thái Vô Tham đối với ngũ trần cũng như lá sen đựng nước. Vô Tham là nguyên nhân sai khiến tâm làm những việc lành như Bố thí, Trì giới v.v...
5) Vô Sân là lòng không nóng nảy tức là trạng thái mát mẻ của tâm. Vô Sân đồng nghĩa với Tâm Từ. Do Vô Sân là nguyên nhân sai khiến làm những việc

Thiện như Bố Thí, Trì giới v.v...
6) Vô Si là Tâm trí không mê mờ tức là sáng suốt. Vô Si đồng nghĩa với Trí Tuệ. Vô Si là nguyên nhân thấy rõ chân lý, nhất là thấy rõ Tứ Diệu Đế.
Sáu nhân này gồm cả Thiện và Bất Thiện: Tham, Sân, Si là nhân Bất Thiện. Vô Tham, Vô Sân, Vô Si là nhân Thiện.

304- Bảy Chi Thiền (Jhānanga).

V- Thế nào là Bảy Chi Thiền?
Đ- Bảy Chi Thiền là Bảy Pháp thiêu đốt pháp đối nghịch.
1) Tầm là trạng thái đưa tâm đến cảnh.
2) Tứ là Quan Sát đối tượng mà Tầm đã đưa Tâm đến.
3) Hỷ là thích thú với đối tượng.
4) Định là gom tâm trên đối tượng.
5) Lạc là hưởng thọ đối tượng.
6) Ưu là buồn chán đối tượng.
7) Xả là thản nhiên, vô tư với đối tượng. Bảy chi Thiền trên đây thật sự trong bảy bản thể pháp chỉ có 5 thứ sở hữu: Tầm, Tứ, Hỷ, Định và Thọ (sở hữu Thọ gồm cả 3 thọ: Ưu, Lạc, Xả).
Vì đối trị với phiền não nên gọi là Thiền .
Chi Tầm đối trị Hôn Trầm, Thụy Miên.
Chi Tứ đối trị Hoài Nghi.
Chi Hỷ đối trị Sân Ưu.
Chi Định đối trị Tham Dục.
Chi Lạc và Xả đối trị Phóng Dật và Hối.

305- Mười Sáu Chi Đạo (Maggangāni).

V- Thế nào là Mười Sáu Chi Đạo?
Đ- Mười Sáu Chi Đạo là 16 chi nhánh của Đạo. Đạo có nghĩa là đường đi thông suốt, đưa đến cảnh khổ, chỗ vui và Niết Bàn, đều gọi là Đạo. Bởi thế Đạo gồm có cả Chánh Đạo và Tà Đạo. Mười sáu chi Đạo:
1) Chánh Kiến là sự hiểu biết đúng với sự thật tức là thấy rõ Tứ Diệu Đế.
2) Chánh Tư Duy là suy nghĩ chánh đáng tức là sự suy nghĩ có tánh cách xa lìa ngũ dục, xa lìa sân hận, xa lìa sự sát hại.
3) Chánh Ngữ lời nói chơn chánh tức là không nói dối, không nói lời đâm thọc, không nói hung dữ, không nói nhảm nhí.
4) Chánh Nghiệp là hành động của Thân chơn chánh tức là không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm.
5) Chánh Mạng là nuôi mạng sống chơn chánh, tức là không nuôi mạng sống bằng Thân Khẩu ác.
6) Chánh Tinh Tấn là sự siêng năng chơn chánh, tức là ngăn ngừa những điều ác chưa sanh khởi không cho sanh khởi; ngăn ngừa những điều ác đã sanh khởi không cho tái phát; tinh tấn trau dồi những Thiện pháp chưa sanh khởi được sanh khởi; tinh tấn giữ những Thiện pháp đã sanh khởi không bị băng hoại.
7) Chánh Niệm là sự niệm chơn chánh tức niệm Thân, niệm Thọ, niệm Tâm, niệm Pháp.
8) Chánh Định là định tâm chơn chánh tức là định tâm trong Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền và Tứ Thiền; Định Tâm chơn chánh trong 4 loại Thiền phải có những chi Thiền như Tầm, Tứ, Hỷ v.v... làm căn bản.

9) Tà Kiến là sự hiểu biết sai lầm trái với sự thật phản nghĩa với Chánh Kiến.
10) Tà Tư Duy là sự suy nghĩ tà vạy, trái với Chánh Tư Duy.
11) Tà Ngữ là lời nói Tà vạy, trái với Chánh Ngữ.
12) Tà Nghiệp là hành động của Thân tà vạy, trái với Chánh Nghiệp.
13) Tà Mạng là nuôi mạng sống bằng Thân Khẩu ác trái với Chánh Mạng.
14) Tà Tinh Tấn là siêng năng làm việc ác trái với Chánh Tinh Tấn.
15) Tà Niệm là vọng niệm tạp tưởng, quên mình, trái với Chánh Niệm.
16) Tà Định là định tâm không chơn chánh, tức là cách tụ tập gom tâm ngoài 4 bậc Thiền, không có những chi Thiền như Tầm, Tứ v.v... làm căn bản.
Chi pháp bản thể của các chi Đạo: Chánh Kiến là sở hữu Trí tuệ, Chánh Tư Duy là sở hữu Tầm, Chánh Ngữ là sở hữu Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp là sở hữu Chánh Nghiệp, Chánh Mạng là sở hữu Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn là sở hữu Cần, Chánh Niệm là sở hữu Niệm, Chánh Định là sở hữu Định, Tà Niệm là sở hữu Tà Kiến.
Bảy pháp Tà Đạo còn lại chỉ tương phản với Chánh Đạo chớ không có sở hữu riêng biệt *[Trừ Tà Kiến ra, các điều tà đạo còn lại là do Tâm Tham và Sân chủ sử.]*

306- Hai Mươi Hai Quyền (Indriya).

V- Thế nào là Hai Mươi Hai Quyền?
Đ- Hai mươi hai Quyền là 22 pháp có đặc tánh tự trị riêng biệt. 22 Quyền là:
1) Nhãn Quyền là con mắt, có đặc tánh hướng dẫn các pháp đồng sanh cùng làm chung một việc Thấy.
2) Nhĩ Quyền là lỗ tai, có đặc tánh hướng dẫn các pháp đồng sanh cùng làm chung một việc Nghe.
3) Tỷ Quyền là lỗ mũi, có đặc tánh hướng dẫn các pháp đồng sanh cùng làm chung một việc Ngửi.
4) Thiệt Quyền là lưỡi, có đặc tánh hướng dẫn pháp đồng sanh cùng làm chung một việc Nếm.
5) Thân Quyền là Thần Kinh Thân có đặc tánh hướng dẫn các pháp đồng sanh cùng chung một việc Cảm xúc.
6) Nữ Quyền là trạng thái Nữ, có đặc tánh hướng dẫn các pháp đồng sanh cùng làm chung một việc hiện bày tư cách phần Nữ.
7) Nam Quyền là trạng thái nam, có đặc tánh hướng dẫn các pháp đồng sanh cùng làm chung một việc hiện bày tư cách Nam nhân.
8) Mạng Quyền là sắc Mạng Quyền, có đặc tánh làm cho sắc pháp đồng sanh được sống còn.
9) Ý Quyền là Tâm có đặc tánh hướng dẫn các Danh pháp cùng làm chung một việc biết cảnh.
10) Lạc Quyền là Thọ Lạc có đặc tánh hướng dẫn Danh pháp cùng làm chung một việc hưởng thụ sự khoái lạc của xác thân.
11) Khổ Quyền là Thọ Khổ có đặc tánh hướng dẫn các Danh pháp cùng làm chung một việc cảm thọ sự đau đớn của xác thân.
12) Hỷ Quyền là Thọ Hỷ có đặc tánh hướng dẫn các Danh pháp cùng làm chung một việc thích thú đối tượng.
13) Ưu Quyền là thọ Ưu có đặc tánh hướng dẫn các Danh pháp cùng làm chung một việc buồn chán đối tượng.

14) Xả Quyền là Thọ Xả có đặc tánh hướng dẫn các Danh pháp cùng làm chung một việc tiếp nhận ngoại cảnh với tư cách vô tư.
15) Tín Quyền là sở hữu Tín có đặc tánh hướng dẫn các Danh pháp cùng làm chung một việc tín ngưỡng Tam Bảo.
16) Tấn Quyền là sở hữu Cần có đặc tánh hướng dẫn các Danh pháp đồng sanh cùng chung một việc cố gắng diệt trừ ác pháp và chuyên cần phát triển Thiện pháp.
17) Niệm Quyền là sở hữu Niệm có đặc tánh hướng dẫn các Danh pháp đồng sanh cùng làm chung một việc chăm chú theo các hành động của Thân.
18) Định Quyền là sở hữu Định có đặc tánh hướng dẫn các Danh pháp đồng sanh cùng làm chung một việc gom Tâm vào một đề mục.
19) Tuệ Quyền là sở hữu Trí tuệ có đặc tánh hướng dẫn các Danh pháp đồng sanh cùng làm chung một việc hiểu biết sự vật đúng với sự thật.
20) Vị Tri Quyền là Trí tuệ của Tu Đà Hườn Đạo có đặc tánh hướng dẫn các Danh pháp đồng sanh cùng chung một việc biết cái chưa từng biết, tức là thấy rõ Niết Bàn lần đầu.
21) Dĩ Tri Quyền là Trí tuệ của các vị Tư Đà Hườn Quả, Tư Đà Hườn Đạo, Tư Đà Hàm Quả, A Na Hàm Đạo, A Na Hàm Quả và A La Hán Đạo. Có đặc tánh hướng dẫn các Danh pháp đồng sanh cùng làm chung một việc biết cái đã từng biết: tức là thấy rõ Niết Bàn những lần sau cũng giống như Tu Đà Hườn Đạo.
22) Cụ Tri Quyền là Trí tuệ của vị A La Hán Quả có đặc tánh hướng dẫn các Danh pháp đồng sanh cùng làm chung một việc giác ngộ hoàn toàn.

307- Chín Lực (Bala).

V- Thế nào là Chín Lực?
Đ- Chín Lực là những pháp có sức mạnh: có thể áp đảo được nghịch pháp. Lực có 9:
1) Tín Lực là sức mạnh của Đức tin, nhất là Đức Tin Tam Bảo của vị Tu Đà Hườn.
2) Tấn Lực là sức mạnh của Tinh tấn nhất là Tứ Chánh Cần.
3) Niệm Lực là sức mạnh của Chánh Niệm nhất là tứ Niệm Xứ.
4) Định Lực là sức mạnh của Tâm Định nhất là Ngũ Thiền.
5) Tuệ Lực là sức mạnh của Trí tuệ nhất là Chánh Kiến.
6) Tàm Lực là sức mạnh của sự hổ thẹn với điều Ác xấu.
7) Úy Lực là sức mạnh của sự ghê sợ các điều Ác xấu.
8) Vô Tàm Lực là sức mạnh của sự không biết hổ thẹn.
9) Vô Úy Lực là sức mạnh của sự không ghê sợ (Chi pháp của 9 Lực nêu tên quá rõ ràng nên khỏi chỉ thêm về bản thể pháp).

308- Bốn Trưởng (Adhipati).

V- Thế nào là Bốn Trưởng?
Đ- Trưởng là pháp có năng lực lớn mạnh hơn pháp đồng sanh. Bốn pháp Trưởng chẳng phải đồng thời cả bốn điều lớn mà chỉ 1 trong 4, pháp nào trội hơn thì pháp ấy là Trưởng.
1) Dục Trưởng là sự mong muốn lớn hơn pháp khác.
2) Cần Trưởng là sự Tinh Tấn lớn trội hơn các pháp khác.
3) Tâm Trưởng là sự biết cảnh lớn trội hơn các pháp khác.
4) Thẩm Trưởng là sự sáng suốt lớn trội hơn các pháp khác.

Dục Trưởng là sở hữu Dục, Cần Trưởng là sở hữu Cần, Tâm Trưởng là các tâm Đổng Tốc, Thẩm Trưởng là sở hữu Trí Tuệ.

309- Bốn Thực (Ahārā).

V- Thế nào là Bốn Thực?

Đ- Thực là ăn tức là đem thêm chất dinh dưỡng để giúp Thân hoặc Tâm phát triển thêm. Pháp Thực có 4:

1) Đoàn Thực là miếng ăn như cơm, bánh v.v...giúp cho thân thể được lớn mạnh.

2) Xúc Thực là sự gặp gỡ giữa các căn, cảnh và Thức là nguyên nhân sanh ra thọ.

3) Tư Thực là sự cố ý làm việc Thiện hoặc Ác là nhân sanh Tâm Quả Tục Sinh.

4) Thức Thực là các Tâm, vì Tâm có khả năng hưởng cảnh là nhân trợ sanh Danh Sắc.

Bản thể pháp của Tứ Thực: Đoàn Thực là sắc Vật Thực ngoại. Xúc Thực là sở hữu Xúc. Tư Thực là sở hữu Tư. Thức Thực là tất cả Tâm.

310- Giác Phần Tập Yếu (Bodhipakkhiya).

V- Thế nào là Giác Phần Tập Yếu?

Đ- Giác Phần Tập Yếu là những pháp giúp cho sự Giác Ngộ, như Pāli chú giải: "Hành giả tỏ ngộ Tứ Đế do nhân nào thì nhân đó gọi là Giác Phần", Giác Phần có 7:

1) Tứ Niệm Xứ. 2) Tứ Chánh Cần. 3) Tứ như Ý Túc. 4) Ngũ Quyền. 5) Ngũ Lực. 6) Thất Giác Chi.7) Bát Chánh Đạo.

311- Tứ Niệm Xứ (Satipatthanā).

V- Thế nào là Tứ Niệm Xứ?

Đ- Tứ Niệm Xứ là 4 đề mục tu Tuệ:

1) Niệm Thân là cách chú Tâm quan sát hành động của Thân cho thấy rõ sắc uẩn. Niệm Thân đây là quan sát hơi thở, quan sát 4 oai nghi, quan sát về tử thi v.v...

2) Niệm Thọ là chú Tâm ghi nhận hay là quan sát theo các cảm Thọ: Khổ, Lạc, Ưu, Hỷ và Xả. Niệm Thọ để thấy rõ Thọ Uẩn.

3) Niệm Tâm là quan sát theo sự sanh diệt của Tâm để thấy rõ Thức Uẩn.

4) Niệm Pháp là quan sát những tư tưởng (Tư là suy tính việc tương lai; Tưởng là nhớ lại những việc quá khứ) để thấy rõ Hành Uẩn và Tưởng Uẩn.

Hay nói một cách khác: Lấy sắc Uẩn làm cảnh để Niệm, gọi là Niệm Thân; lấy Thọ Uẩn làm cảnh để Niệm gọi là Niệm Thọ; lấy Thức Uẩn làm cảnh để Niệm gọi là Niệm Tâm; lấy Hành Uẩn và Tưởng Uẩn làm cảnh để Niệm gọi là Niệm Pháp. Pháp bản thể của Tứ Niệm Xứ là Sở hữu Niệm.

312- Tứ Chánh Cần (Sammappadhānā).

V- Thế nào là Tứ Chánh Cần?

Đ- Tứ Chánh Cần là 4 pháp siêng năng chơn chánh:

1) Thận Cần là tinh tấn ngăn ngừa những ác pháp chưa sanh khởi, không cho sanh khởi.

2) Trừ Cần là tinh tấn dứt bỏ những ác pháp đã sanh không cho tái phát.

3) Tu Cần là trau giồi những Thiện pháp chưa sanh được sanh.

4) Bảo Cần là tinh tấn hộ trì những Thiện pháp đã sanh càng được tăng trưởng thêm không để hư hoại.

Bản thể pháp Tứ Chánh Cần là sở hữu Cần.

313- Tứ Như Ý Túc (Iddhipāda).

V- Thế nào là Tứ Như Ý Túc?
Đ- Tứ Như Ý Túc là 4 pháp nền tảng giúp cho thành tựu các loại Đạo, Quả, Thiền và Diệu Trí (Tâm Thông).
1) Dục Như Ý Túc là sự mong muốn làm nhân đưa đến đắc chứng các loại Đạo, Quả, thiền và Diệu Trí.
2) Cần Như Ý Túc là sự tinh tấn làm nhân đưa đến chứng đến các loại Đạo, Quả v.v...
3) Tâm Như Ý Túc là Tâm làm nhân đưa đến đắc chứng các loại Đạo, Quả v.v...
4) Thẩm Như Ý Túc là Trí tuệ làm nhân đưa đến đắc chứng các loại Đạo, Quả v.v...
Bản thể pháp Tứ Như Ý Túc là: Dục Như Ý Túc là sở hữu Dục, Cần Như Ý Túc là sở hữu Cần; Tâm Như Ý Túc là Tâm Đổng Tốc Dục giới Tịnh Hảo hợp trí (tức là 4 tâm Thiện dục giới và 4 tâm Duy tác Dục giới tương ưng) Thẩm Như Ý Túc là Sở hữu Trí tuệ.

314- Ngũ Quyền (Indriya).

V- Thế nào là Ngũ Quyền?
Đ- Ngũ Quyền là những pháp có tư cách tự trị vững mạnh, có khả năng chịu đựng nổi sự lấn áp của pháp nghịch. Quyền trong Giác Phần có 5:
1) Tín Quyền. 2) Tấn Quyền. 3) Niệm Quyền. 4) Định Quyền. 5) Tuệ Quyền.
Quyền trong "Giác phần" chúng vừa đồng sanh, vừa quân bình. (xem lại chi pháp Ngũ Quyền trong 22 Quyền).

315- Ngũ Lực (Bala).

V- Thế nào là Ngũ Lực?
Đ- Ngũ Lực là sức mạnh vững chắc, không bị lay động đối với nghịch pháp: có năng lực công và thủ đối vớinghịch pháp. Lực trong "Giác phần" có 5:
1) Tín Lực. 2) Tấn Lực. 3) Niệm Lực. 4) Định Lực. 5) Tuệ Lực.
Ngũ Lực trong "Giác phần" cũng phải đồng sanh và đồng đẳng (xem lại phần Cửu Lực).

316- Thất Giác chi (Bojjhango).

V- Thế nào là Thất Giác Chi?
Đ- Thất Giác Chi là bảy pháp trợ giúp cho Giác ngộ lý Tứ Diệu Đế: hay nói một cách khác pháp nào giúp cho tỏ ngộ Niết Bàn thì pháp ấy gọi là Giác Chi. Pháp trợ giúp cho sự Giác Ngộ có 7:
1) Niệm Giác Chi là Chánh Niệm là nhân trợ giúp cho tỏ ngộ Đạo Quả Niết Bàn.
2) Trạch Giác Chi là Trí tuệ quan sát phân biệt rõ pháp Thiện và Bất Thiện là nhân trợ giúp cho tỏ ngộ Đạo Quả Niết Bàn.
3) Cần Giác Chi là sự tinh tấn trợ giúp cho tỏ ngộ Đạo Quả Niết Bàn.
4) Hỷ Giác Chi là pháp Hỷ giúp cho tỏ ngộ Đạo Quả Niết Bàn.
5) Tịnh Giác Chi là trạng thái vắng lặng của Tâm Pháp giúp cho tỏ ngộ Đạo Quả Niết Bàn.
6) Định Giác Chi là trạng thái Tâm an trụ là nhân trợ giúp cho tỏ ngộ Đạo Quả Niết Bàn.
7) Xả Giác Chi là trạng thái Tâm định đến tư cách quân bình không thiên lệch, giúp cho tỏ ngộ Đạo Quả Niết Bàn.

Bảy pháp Giác Chi nói trên là pháp trợ Đạo, cũng phải đồng sanh không thể thiếu một chi pháp nào cả. Nhưng pháp nào làm nhân chánh thức giúp cho Đạo Quả phát sanh và thấu rỏ Niết Bàn thì pháp ấy gọi là Giác Chi vậy, và tùy theo căn duyên đặc biệt của mỗi người.
Pháp bản thể của Thất Giác Chi: Niệm Giác Chi là sở hữu Niệm; Trạch Pháp Giác Chi là sở hữu Trí tuệ; Cần Giác Chi là sở hữu Cần; Hỷ Giác Chi là sở hữu Hỷ; Tịnh Giác Chi là sở hữu Tịnh Thân và Tịnh Tâm; Định Giác Chi là sở hữu Định; Xả Giác Chi là sở hữu Hành Xả.

317- Bát Chánh Đạo (Magga).

V- Thế nào là Bát Chánh Đạo?
Đ- Bát Chánh Đạo là con đường chơn chánh, 8 nẽo đường giúp cho chúng sanh tỏ ngộ Niết Bàn và sát trừ Phiền Não. Bát Chánh Đạo có 8 chi chia ra thành 3 phần:
- Giới Phần có 3: Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp và Chánh Mạng.
- Định Phần có 3 phần: Chánh Niệm, Chánh Tinh Tấn và Chánh Định.
- Tuệ Phần có 2: Chánh Kiến, Chánh Tư Duy (xem lại phần 16 chi Đạo).

-ooOoo-

[04]

318- Hàm Tận Tập Yếu (Sabbasaṅgaho).

V- Thế nào là Hàm Tận Tập Yếu?
Đ- Hàm Tận Tập Yếu là gồm tất cả Pháp Chơn Đế chia ra từng phần trong mỗi loại. Hàm Tận Tập Yếu có 4:

1) Năm Uẩn. 2) Mười hai Xứ. 3) Mười tám Giới. 4) Bốn Đế.

319- Năm Uẩn (Khandha).

V- Thế nào là Năm Uẩn?
Đ- Uẩn là khối, nhóm, đống, chùm. Cũng gọi là ấm, tích tựu, tập hợp v.v...Như vậy, Ngũ uẩn là năm nhóm tập hợp.

1) Sắc Uẩn là nhóm thể chất vô tri, hằng tiêu hoại đổi thay. Nên Sắc Uẩn ví như bọt nước.
2) Thọ Uẩn là nhóm cảm thọ có 5 thứ cảm thọ: Khổ, Lạc, Ưu, Hỷ và Xả. Thọ Uẩn ví như bong bóng nước.
3) Tưởng Uẩn là nhóm ký ức nhớ lại, nhận ra, hồi, tưởng. Có 6 thứ là Sắc Tưởng, Thinh Tưởng, Khí Tưởng, Vị Tưởng, Xúc Tưởng và Pháp Tưởng. Tưởng Uẩn ví như hoa đóm trên hư không.
4) Hành Uẩn là nhóm hành động Thiện và Bất Thiện. Hành Uẩn ví như cây chuối (không có lõi).
5) Thức Uẩn là nhóm năng tri (biết cảnh). Thức Uẩn có 6 thứ: Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức và Ý Thức. Thức Uẩn dụ như người đóng kịch.
Bản thể pháp của 5 Uẩn: Sắc Uẩn là 28 sắc pháp; Thọ Uẩn là sở hữu Thọ; Tưởng Uẩn là sở hữu Tưởng; Hành Uẩn là 50 sở hữu (trừ Thọ, Tưởng). Thức Uẩn

là tất cả Tâm.

320- Mười Hai Xứ (Āyatana).

V- Thế nào là Mười Hai Xứ?

Đ- Xứ là nơi, chỗ. Theo Pāli chú giải "Pháp nào làm cho Tâm và sở hữu phát sanh gọi là Xứ". Xứ có 12:

1) Nhãn Xứ là Thần Kinh Nhãn là cơ quan thâu bắt cảnh sắc.
2) Nhĩ Xứ là Thần Kinh Nhĩ tức là cơ quan thâu bắt cảnh Thinh.
3) Tỷ Xứ là Thần Kinh Tỷ tức là cơ quan thâu bắt cảnh Khí.
4) Thiệt Xứ là Thần Kinh Thiệt tức là cơ quan thâu bắt cảnh Vị.
5) Thân Xứ là Thần Kinh Thân tức là cơ quan thâu bắt cảnh Xúc.
6) Sắc Xứ là cảnh sắc tức là tất cả vật có hình sắc (vật bị thấy).
7) Thinh Xứ là cảnh Thinh tức là vật bị nghe.
8) Khí Xứ là cảnh Khí (mùi, hơi) vật bị ngửi.
9) Vị Xứ là cảnh Vị tức là vật bị nếm.
10) Xúc Xứ tức là đất, lửa, gió, tức là vật bị cảm xúc.
11) Ý Xứ là vật biết cảnh tức là tất cả Tâm.
12) Pháp Xứ là các pháp chơn đế ngoài ra Tâm và 12 sắc thô, tức là 52 sở hữu Tâm, 16 sắc Tế và Niết Bàn.

321- Mười Tám Giới (Dhātu).

V- Thế nào là mười tám Giới?

Đ- Giới là bản chất có tướng trạng riêng biệt, mỗi vật có tánh chất khác nhau. Giới có 18:

1) Nhãn Giới là Nhãn Vật tục gọi là con Mắt, tức là cơ quan thâu bắt cảnh Sắc.
2) Nhĩ Giới là Nhĩ Vật tục gọi là lỗ Tai tức là cơ quan thâu bắt cảnh Thinh.
3) Tỷ Giới là Tỷ Vật tục gọi là lỗ Mũi tức là cơ quan thâu bắt cảnh Khí.
4) Thiệt Giới là Thiệt Vật tục gọi là cái Lưỡi tức là cơ quan thâu bắt cảnh Vị.
5) Thân Giới là Thân Vật cũng gọi là Thần Kinh Thân tức là cơ quan thâu bắt cảnh Xúc.
6) Sắc Giới là cảnh Sắc tức là vật bị Mắt biết.
7) Thinh Giới là cảnh Thinh tức là tiếng bị Tai nghe.
8) Khí Giới là cảnh Khí tức là các hơi, mùi bị Mủi ngửi.
9) Vị Giới là cảnh Vị tức là các vị bị Lưỡi nếm.
10) Xúc Giới là đất, lửa, gió; hay cảnh Xúc tức là vật bị Thân cảm xúc.
11) Nhãn Thức Giới là 2 Tâm Nhãn Thức tức là cái biết của Mắt.
12) Nhĩ Thức Giới là 2 Tâm Nhĩ Thức tức là cái biết của Tai.
13) Tỷ Thức Giới là tâm Tỷ Thức tức là cái biết của Mủi.
14) Thiệt Thức Giới là 2 Tâm Thiệt Thức tức là cái biết của Lưỡi.
15) Thân Thức Giới là 2 Tâm Thân Thức tức là cái biết của Thân.
16) Ý Giới là 2 Tâm Tiếp Thâu và Tâm Khai Ngũ Môn. Cái biết này thuộc về phân Ý nhưng bắt cảnh Ngũ, chứ không phải cảnh Pháp (tức là chưa phân biệt trạng thái riêng của mỗi sự vật).
17) Ý Thức Giới là 108 Tâm còn lại (trừ Ngũ Song Thức và 3 Ý Giới) tức là cái biết của Ý hay là năng tri của cảnh pháp.
18) Pháp Giới là 52 sở hữu Tâm, 16 Sắc Tế và Niết Bàn. Tức là đối tượng của Ý Thức hay là phần sở tri của Ý Thức (vật bị Ý Thức biết).

322- Bốn Thánh Đế (Ariyasaccāni).

V- Thế nào là Bốn Thánh Đế?
Đ- Đế là chơn thật. Thánh là những bậc siêu phàm tục. Như vậy 4 Thánh Đế là 4 pháp chơn thật các bậc siêu nhân mới hiểu được; cũng gọi là Diệu Đế là những chơn lý sâu xa mầu nhiệm. Thánh Đế có 4:
1) Khổ Đế là sự khổ chắc thật, khổ vi tế đến đổi phàm nhân tưởng lầm là Hạnh Phúc; hay nói một cách khác những Hạnh Phúc do Cảm Thọ lãnh nạp điều là khổ; hay nói rõ hơn: cái chi Sanh Diệt thì cái đó là Khổ! Bởi Sanh Diệt là Vô Thường, mà cái chi Vô Thường là Khổ não. Vì vậy Khổ Đế gồm có Người, Cõi và Tâm trong tam Giới, tức là 54 Tâm Dục Giới, 15 Tâm Sắc Giới, 12 Tâm Vô Sắc Giới, 51 sở hữu Tâm (trừ Tham) và 28 Sắc pháp.
2) Tập Đế là nhân sanh ra đau khổ, là nguồn gốc của sanh tử luân hồi. Tập Đế là sở hữu Tham (tức là lòng luyến ái, ham muốn...).
3) Diệt Đế là sự chấm dứt khổ và nguyên nhân sanh Khổ. Diệt Đế tức là Niết Bàn là trạng thái hoàn toàn vắng lặng chấm dứt Khổ đau và điều kiện tạo khổ đau.
4) Đạo Đế là con đường đưa đến Diệt Đế tức là nguyên nhân đắc chứng Niết Bàn Đạo Đế có 8 chi là Bát Chánh Đạo sở hữu Trí tuệ (Chánh Kiến), Tầm (Chánh Tư Duy), Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Cần (Chánh Tinh Tấn), Niệm, Định, 8 sở hữu này khi nào hợp với Tâm Đạo thì 8 sở hữu này là Đạo Đế; còn các sở hữu đồng sanh và tâm Đạo là ngoại Đế (chẳng phải đế nào cả).

323- Duyên Yếu Hiệp (Paccaya Samgaha).

V- Thế nào là Duyên Yếu Hiệp?
Đ- Duyên Yếu Hiệp là những yếu tố trợ sanh và ủng hộ. Duyên Yếu Hiệp có 2 loại: Duyên Sinh và Duyên Hệ.

324- Duyên Sinh (Paṭiccasamuppāda) (*)

V- Thế nào là Duyên Sinh?
Đ- Duyên Sinh là các nguyên nhân sanh khởi; và cái này có, cái kia có; nếu cái này không, cái kia không (imasmimsati, idam hoti; imasmim asati, idam na hoti). Duyên Sinh có 12 chi tập khởi: Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh Sắc, Danh Sắc duyên Lục Nhập, Lục Nhập duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sinh, Sinh duyên Lảo Tử Ưu Bi Khổ Não.
(*) Sinh ra đặng do nhờ Duyên nên gọi là Duyên Sinh (Paccayaṃ paṭiccasamuppajjatīti: Paṭiccasamupādo).

325- Vô Minh Duyên Hành (Avijjā Paccayā Saṅkhārā). (*)

V- Thế nào là Vô Minh duyên Hành?Đ- Vô Minh là không biết cái đáng biết: cái đáng biết là Khổ, Tập, Diệt, Đạo, Nhân Quá Khứ, Quả Vị Lai, Nhân Quá Khứ và Quả Vị Lai, Duyên Sinh. Vô Minh tức là sở hữu Si. Vì không biết cái đáng biết ấy nên ý nghĩ tạo tác các việc Thiện, Bất Thiện; như Phúc Hành (sở hữu Tư hiệp với Tâm Thiện Dục Giới, Tâm Thiện Sắc Giới tạo ra Tâm Quả Thiện Dục Giới, Sắc Giới và Sắc Nghiệp Thiện), Phi Phúc Hành (sở hữu Tư hiệp với Tâm Bất Thiện tạo ra Tâm Quả và sắc Nghiệp Bất Thiện). Bất Động Hành (sở hữu Tư hiệp với Tâm Thiện Vô Sắc Giới tạo ra Tâm Quả Vô Sắc Giới). Hoặc Thân Hành (sở hữu Tư hợp với Tâm Thiện Dục Giới, Tâm Bất Thiện điều khiển Thân hành động). Khẩu Hành (sở hữu Tư...điều khiển khẩu nói năng). Tâm Hành (sở hữu Tư...ý suy nghĩ).

(*) Hành động trái với trí tuệ gọi là Vô Minh (Vijjāpatikkhāti: Avijjā).

326- Hành Duyên Thức (Saṅkhāra Paccayā Viññāṇaṃ). (*)

V- Thế nào là Hành duyên Thức?

Đ- Hành ở đây là sở hữu Tư hiệp với Tâm Bất Thiện và Tâm Thiện Hiệp Thế tạo ra các Tâm Quả Hiệp Thế. Như sở hữu Tư Hiệp với 12 Tâm Bất Thiện tạo ra 7 tâm Quả Bất Thiện, sở hữu Tư Hiệp trong 8 Tâm Thiện Dục Giới tạo ra 8 Tâm Quả Thiện Vô Nhân và 8 Tâm Quả Dục Giới Hữu Nhân. Sở Hữu Tư Hiệp trong 5 Tâm Thiện Sắc Giới tạo ra 5 Tâm Quả sắc Giới và sở hữu Tư Hiệp trong 4 Tâm Thiện Vô sắc Giới tạo ra 4 Tâm Quả Vô Sắc Giới.

(*) Bị tạo mà điều khiển thân, khẩu, ý gọi là Hành (Saṅkhataṃ kāyavac'manokammaṃ abhisaṅkhāronti etehīti: Saṅkhārā).

327- Thức Duyên Danh Sắc (Viññāṇa Paccayā Nāmarūpa). (*)

V- Thế nào là Thức duyên Danh Sắc?

Đ- Thức ở đây là Quả thức (Vipākaviññāṇa) và Nghiệp thức (Kammaviññāṇa). Quả Thức là 7 Tâm Quả Bất Thiện, 8 Tâm Quả Thiện Vô Nhân, 8 Tâm Quả Dục Giới Hữu Nhân, 5 Tâm Quả Sắc Giới và 4 Tâm Quả Vô Sắc Giới. Nghiệp Thức là sở hữu Tư Hiệp với các Tâm Bất Thiện và Thiện Hiệp Thế trong thời Quá Khứ. Vì có hai thức này nên 35 sở hữu Tâm (trừ 3 giới Phần) hiệp trong 32 Tâm Quả Hiệp Thế mới có. Và cũng vì có 2 loại Thức này nên sắc Nghiệp Tục Sinh (Patisandhikammajarūpa), Sắc Nghiệp Bình Nhựt (Pavattikammajarūpa) và Sắc Tâm Quả (Cittavipākajarūpa) mới được sanh lên.

(*) Biết cảnh gọi là Thức (Vijā nānti etenati: Viññaṇaṃ).

328- Danh Sắc Duyên Lục Nhập (Nāmarūpa Paccayā Saḷāyatana). (*)

V- Thế nào là Danh Sắc duyên Lục Nhập?Đ- Danh ở đây là 35 sở hữu (trừ Giới Phần) khi hiệp với 32 Tâm Quả Hiệp Thế. Còn sắc ở đây là sắc Nghiệp (5 Sắc Vật, 2 Sắc Tính, 8 Sắc Bất Ly do Nghiệp tạo, Mạng Quyền và Ý Vật. Vì có 2 phần danh và sắc này nên Nhãn Xứ, Nhĩ Xứ, Tỷ Xứ, Thiệt Xứ, Thân Xứ, và Ý Xứ (32 Tâm Quả Hiệp Thế) mới có.

(*) Danh và Sắc hợp lại gọi là Danh Sắc (Nāmaṅ ca Rūpaṅ ca Nāmarūpaṅ ca: Nāmarūpaṃ).

329- Lục Nhập Duyên Xúc (Salāyatana Paccayā Phassa). (*)

V- Thế nào là Lục Nhập duyên Xúc?

Đ- Vì có Nhãn Vật nên mới có Nhãn Xúc (sự giáp mặt của Nhãn Vật, Nhãn Thức và Cảnh Sắc). Vì có Nhĩ Vật nên mới có Nhĩ Xúc (sự giáp mặt của Nhĩ Vật, Nhĩ Thức và cảnh Thinh). Vì có Tỷ Vật nên mới có Tỷ Xúc (sự giáp mặt của Tỷ Vật, tỷ Thức và Cảnh Khí). Vì có Thiệt Vật nên mới có Thiệt Xúc (sự giáp mặt của Thân Vật, thân Thức và Cảnh Xúc). Vì có Ý vật nên mới có Ý Xúc (sự giáp mặt của Ý Vật, Ý Thức và 6 Cảnh).

(*) 6 xứ trong và 6 xứ ngoài hợp lại là Lục Nhập (Saḷāyatanaṅ ca chaṭṭhhāyatanaṅ ca: Saḷāyatanaṃ).

330- Xúc Duyên Thọ (Phassa Paccayā Vedanā). (*)

V- Thế nào là Xúc duyên Thọ?

Đ- Xúc đây là sở hữu Xúc hiệp với 32 Tâm Quả Hiệp Thế. Vì có sở hữu Xúc trong 32 Tâm Quả Hiệp Thế, nên sở hữu Thọ trong 32 tâm Quả Hiệp Thế mới có. Như: Nhãn Xúc duyên Nhãn Thọ, Nhĩ Xúc duyên Nhĩ Thọ, Tỷ Xúc duyên cho Tỷ Thọ, Thiệt Xúc duyên cho Thiệt Thọ, Thân Xúc duyên cho Thân Thọ, Ý Xúc duyên cho

Ý Thọ (Ý Thọ là sở hữu Thọ hiệp với 2 Tâm Tiếp Thâu, 3 Tâm Quan sát, 8 Quả Dục Giới Hữu Nhân, 5 Quả sắc Giới và 4 Quả Vô Sắc.
(*) Căn, Cảnh và Thức gặp nhau gọi là Xúc (Vatthu Viññāṇaṃ ca Ārambhaṃ phusatīti: Phasso).

331- Thọ Duyên Ái (Vedanā paccayā taṇhā). (*)

V- Thế nào là Thọ duyên Ái?
Đ- Thọ đã phân 6 loại như trên. Còn Ái đây là sở hữu Tham Hiệp với 8 Tâm Tham khởi lên trong Lộ Tâm Ngũ Môn và Ý Môn nơi chặn Đổng Tốc (Javana) để hưởng Cảnh tốt. Thọ có 6 thì Ái cũng có 6: Nhãn Thọ duyên Sắc Ái, Nhĩ Thọ duyên Thinh Ái, Tỷ Thọ duyên Hương Ái, thiệt Thọ duyên Vị Ái, Thân Thọ duyên Xúc Ái, Ý Thọ duyên Pháp Ái (Pháp Ái là ưa thích các sự việc ...).
(*) Tiếp nhận trần cảnh gọi là Thọ (Vedayatīti: Vedanā).

332- Ái Duyên Thủ (Taṇhā Paccayā Upādānaṃ). (*)

V- Thế nào là Ái duyên Thủ?
Đ- Ái có 6 loại như nói trên. Thủ cũng có 6 loại như Ái, nhưng nặng hơn. Thí dụ: thấy chiếc xe tốt khởi Tâm ưa thích là Ái, Tâm tha thiết luôn luôn muốn được chiếc xe tốt ấy là Thủ. Vì vậy Ái duyên Thủ cũng có 6: sắc Ái duyên Sắc Dục Thủ, Thinh Ái duyên Thinh Dục Thủ, Hương Ái duyên Hương Dục Thủ, Vị Ái duyên Vị Dục Thủ, Xúc Ái duyên Hương Dục Thủ, Pháp Ái duyên Pháp Dục Thủ (Dhammakāmupādāna, chớ không phải Dhammachanda là sự mong muốn chứng ngộ Đạo, Quả Thiền Định...).
(*) Cảm nhiễm vật dục gọi là Ái (Vuthukānaṃ paritassatīti: Taṇhā).

333- Thủ Duyên Hữu (Upādāna Paccayā Bhava). (*)

V- Thế nào là Thủ duyên Hữu?
Đ- Thủ có 6 loại như đã nói trên. Còn hữu ở đây có 2: Nghiệp Hữu (Kammabhava), và Sinh Hữu (Upapattibhava).
Nghiệp Hữu là sở hữu Tư Hiệp với Tâm Bất Thiện và Tâm Thiện Hiệp Thế nương theo Thân Môn, Khẩu Môn và Ý Môn.
Sinh Hữu là 23 Tâm Quả Hiệp Thế và sắc Nghiệp. Sinh Hữu có 3: Dục Hữu, Sắc Hữu và Vô Sắc Hữu.
- Dục Hữu là 23 Tâm Quả Tục Giới, 33 sở hữu hợp (trừ Giới và Vô Lượng Phần) và 20 sắc Nghiệp.
- Sắc Hữu là 5 Tâm Quả Sắc Giới, 2 Nhãn Thức, 2 Nhĩ Thức, 2 Tiếp Thâu, 3 Quan sát, 35 sở hữu hợp (trừ Giới Phần) và 15 Sắc Nghiệp (trừ Tỷ Vật, Thiệt Vật, Thân Vật và 2 sắc Tính.
- Vô Sắc Hữu là 4 Tâm Quả Vô sắc và 30 sở hữu hợp (trừ Tầm, Tứ, Hỷ, 2 Vô Lượng Phần và 3 Giới Phần). Nếu phân tích từ khía cạnh thì có 6 loại Hữu nửa: Tưởng Hữu, Vô Tưởng Hữu, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Hữu, Nhất Uẩn Hữu, Tứ Uẩn Hữu và Ngũ Uẩn Hữu (dù phân nhiều cách nhưng cũng chỉ là quả do sự chấp Thủ mà có ra trong Tam Giới. Xin Miễn giải chi tiết).
(*) Trầm nịch ái gọi là Thủ (Upādiyantīti: Upādānāni).

334- Hữu Duyên Sinh (Bhava Paccayā Jāti). (*)

V- Thế nào là Hữu duyên Sinh?
Đ- Hữu ở đây là Nghiệp Hữu. Còn Sinh là sự phát khởi của Danh và sắc, có 2 thứ là Tâm Tục Sinh và Sắc Tục Sinh. Sinh có 3 loại:
1) Ngũ Uẩn Sinh; 2) Tứ Uẩn Sinh; 3) Nhứt Uẩn Sinh.

Ngũ Uẩn Sinh là 10 Tâm Quả Tục Sinh Cõi Dục Giới, 5 Tâm Quả tục Sinh Cõi Sắc Giới và các Sắc Nghiệp Tục Sinh.
Tứ Uẩn Sinh là 4 Tâm Quả tục Sinh Cõi Vô Sắc (4 Cõi Vô Sắc vì thiếu Sắc Uẩn nên gọi là Tứ Uẩn).
Nhứt Uẩn Sinh là Sắc Mạng Quyền lúc tục sinh của người Vô Tưởng (cõi Vô Tưởng người chỉ có Sắc chớ không Tâm, nên gọi là Nhứt Uẩn).
Như vậy, do có Nghiệp Hữu mới có Tâm Tục sinh và Sắc Tục Sinh nên gọi là "Hữu duyên Sinh".
(*) Làm cho thành quả và nương nhờ mà có gọi là Hữu (Kammamevā ca bhavati etasmāti: Bhavo).

335- Sinh Duyên Lão Tử (Jāti Paccayā Jarāmaraṇaṃ). (*)

V- Thế nào là Sinh duyên Lão, Tử, Sầu, Khóc (Bi Lụy), Khổ, Ưu, Ai?
Đ- Sinh có 2 thứ (3 loại) như đã nói trên. Do Danh và sắc sanh khởi nên Lão Tử Sầu Khóc Khổ Ưu Ai sanh khởi!
Sinh là sanh khởi của Tâm và Sắc (Danh và sắc ở sát na Sinh).
Lão là sự già của Tâm và Sắc (danh và sắc ở sát na Trụ).
Tử là sự hoại diệt của Tâm và Sắc (Danh và sắc ở sát na Diệt).
Sầu là Tâm buồn rầu, phiền muộn, ưu sầu (Tâm Sân thọ Ưu).
Khóc là sự kêu la than khóc, nước mắt tuôn rơi (cách Khổ Tâm động Thân).
Khổ là sự đau đớn của thể xác (Thân thức thọ Khổ).
Ưu là sự buồn bực, ưu tư bất toại nguyện (sở hữu thọ Ưu).
Ai là sự quá buồn, quá khổ Tâm, rất khó chịu sở hữu thọ Khổ.
Để người đọc dễ nhận, xin thí dụ: Khổ như nước mía đang thắng trên lò lửa, sầu như nước mía đang sôi, Ai như nước mía sắt lại thành đường, Khóc như đường bị khét.
Như vậy là toàn bộ Khổ Uẩn, Duyên Sinh tập khởi phân ra 3 thời, 12 chi, 20 hành tướng, 3 tục đoan, 4 yếu lược, 3 luân hồi và 2 căn.
(*) Sự xuất hiện của Uẩn gọi là Sinh (Jananaṃ khandhaṃtīti: Jāti).

336- Ba Thời (Addhā).

V- Thế nào là 3 thời?
Đ- Ba Thời là Quá Khứ, Hiện Tại và Vị Lai.
Thời Quá Khứ gồm có 2 phần Duyên Sinh là Vô Minh và Hành.
Thời Hiện Tại gồm có 8 Phần Duyên Sinh là Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Xúc, Thọ, Ái, Thủ và Hữu.
Thời Vị Lai gồm có 2 phần Duyên Sinh là Sanh và Lão Tử.

337- Mười Hai Chi (Aṅga).

V- Thế nào là 12 Chi?
Đ- Mười Hai Chi là Vô Minh, Hành, Thức, Danh sắc, Lục Nhập, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, Sanh, Lão Tử...

338- Hai Mươi Hành Tướng (Visatākārā).

V- Thế nào là hai mươi Hành Tướng?
Đ- Vô Minh, Hành, Ái, Thủ và Hữu là nhân Hành Tướng Quá Khứ tạo ra Quả Hiện Tại: Thức, danh sắc, Lục Nhập, Xúc, Thọ là quả Hành Tướng của Hiện Tại.
Ái, Thủ,Hữu, Vô Minh và Hành là nhân Hành Tướng của Hiện Tại tạo ra quả Vị Lai: Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Xúc và Thọ trong Sanh và Lão Tử là quả hành

Tướng của Vị Lai.

339- Ba Tục Đoan (Tīsandhi).

V- Thế nào là 3 Tục Đoan?
Đ- Hành và Thức là mối nối giữa Nhân Quá Khứ và Quả Hiện Tại.
Thọ và Ái là mối nối giữa Nhân Hiện Tại và Quả Hiện Tại.
Hữu và Sinh là mối nối giữa Nhân Hiện Tại và Quả Vị Lai.

340- Bố Yếu Lược (Tusaṅkhepa).

V- Thế nào là 4 Yếu Lược?
Đ- Hai mươi Hành Tướng nói tóm lại có 4 phần:
a) Nhân Quá Khứ. b) Quả Hiện tại. c) Nhân Hiện tại. d) Quả Vị lai.

341- Ba Luân Hồi (Tīṇivavattāni).

V- Thế nào là 3 Luân Hồi?
Đ- Ba Luân Hồi là Phiền Não Luân Hồi, Nghiệp Luân Hồi và Quả Luân Hồi.
Phiền Não Luân Hồi: Vô Minh, Ái và Thủ.
Nghiệp Luân Hồi: Hữu và Hành.
Quả Luân Hồi: Sanh, Lão tử, Thức, danh Sắc, Lục Nhập, Xúc, Thọ.

342- Hai Căn (Mūla).

V- Thế nào là 2 Căn?
Đ- Hai Căn là Quá Khứ Căn và Hiện tại Căn.
Quá Khứ Căn: Vô Minh (nguồn gốc đời Quá Khứ).
Hiện Tại Căn: Ái (gốc rể đời Hiện Tại).
Như vậy là "Duyên sinh", là Pháp "Tập khởi" do cái này có, cái kia có. Nếu cái này không, cái kia không. Chúng sanh hay loại Hữu Tình dưới mọi hình thức (người, thú) dưới mọi danh xưng (Ông, bà..) chỉ là một bộ Ngũ Uẩn, nếu phân tóm lượt thì chỉ có 2 phần là Danh và Sắc. Danh và Sắc là 2 nguồn hiện tượng luôn luôn sanh và Diệt, không thể dừng lại, dù chỉ một giây phút ngắn. Đã luôn luôn sanh diệt đổi thay, dĩ nhiên là không thể có một vật chi thường hằng bất biến! Đó là định lý Vô Thường (Anicca). Vô Ngã (Anattā) của Đạo Phật. (Thế nên người Phật Tử mà tin có một cá thể nào thường hằng bất biến là hiểu sai giáo lý Đức Thế Tôn. Và có thể giống như các triết thuyết ngoại đạo tin tưởng vào chủ thuyết Thượng Đế và Linh Hồn; hoặc Đại Ngã và Tiểu Ngã; hoặc Chơn Tâm và Vọng Thức v.v..).

343- Duyên Hệ (Pāṭṭhānapaccayo) (*)

V- thế nào là Duyên Hệ?
Đ- Duyên Hệ là sự trợ giúp cho được sanh ra hoặc ủng hộ cho được tăng trưởng thêm; theo Phật Giáo không có cái gì tự hữu đơn thuần mà phải do nhiều yếu tố hiệp trợ. Thí dụ: cái đồng hồ không thể tự nhiên mà có, nhưng cũng không phải chỉ do một người thợ làm được cái đồng hồ và cũng không phải chỉ một bộ phận, một chất loại nào mà thành cái đồng hồ được! Trái lại sở dĩ có cái đồng hồ là do nhiều người thợ (làm các bộ phận), nhiều bộ phận, nhiều chất loại.. kết thành. Đó là lý Duyên Hệ (paccayadhamma) của Đạo Phật vậy.
Duyên Hệ phần pháp căn bản có 24: Nhân Duyên, Cảnh Duyên, Trưởng Duyên, Vô Gián Duyên, Đẳng Vô Gián Duyên, Đồng Sanh Duyên, Hổ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Thân Y Duyên, Tiền Sanh Duyên, Hậu Sanh Duyên, Tập Hành Duyên, Nghiệp Duyên, Quả Duyên, Thực Duyên, Quyền Duyên, Thiền Duyên,

Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Bất Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên, Vô Hữu Duyên, Ly Duyên và Bất Ly Duyên.
(*) Pháp nào trợ giúp cho Pháp khác sinh ra gọi là Duyên (Paṭicca phalaṃ ayati etasmāti: Paccaye). Và khi một Duyên sinh lên, có nhiều Duyên khác đồng sinh khởi nên gọi là Duyên Hệ).
344- Nhân Duyên (Hetupaccayo). (*)
V- Thế nào là Nhân Duyên?
Đ- Nhân Duyên là cách tương trợ giúp bằng 6 Nhân Tương Ưng (Tham, Sân, Si, Vô Tham, Vô Sân và Vô Si); hay nói cách khác, Nhân Tương Ưng ủng hộ và trợ sanh các Tâm Pháp tương ưng và Sắc Pháp đồng sanh gọi là Nhân Duyên. Nhân Duyên tính theo Tam Đề Thiện có 7 cách:
1) Thiện trợ Thiện bằng Nhân Duyên (Thiện năng duyên là: Vô Tham, Vô Sân, Vô Si hiệp với 21 hoặc 37 Tâm Thiện (**), Thiện sở duyên là 21 hoặc 37 Tâm Thiện và các sở hữu cùng hiệp).
2) Thiện trợ Vô Ký bằng Nhân Duyên (Thiện năng duyên là 3 Thân Thiện hiệp với các Tâm Thiện cõi Ngũ Uẩn. Vô Ký sở duyên là Sắc Tâm Thiện).
3) Thiện trợ Thiện và Vô Ký bằng Nhân Duyên (Thiện năng duyên là 3 Thân Thiện hiệp với Tâm Thiện Cõi Ngũ Uẩn. Thiện và Vô Ký sở duyên là các Tâm Thiện sở hữu cùng hiệp và Sắc Tâm Thiện đồng sanh).
4) Bất Thiện trợ Bất Thiện bằng Nhân Duyên (Bất Thiện năng duyên là Tham, Sân và Si. Bất Thiện sở duyên là 12 Tâm Bất Thiện và các sở hữu cùng hiệp, trừ Si hiệp Tâm Si).
5) Bất Thiện trợ Vô Ký bằng Nhân Duyên (Bất Thiện năng duyên là 3 Thân Bất Thiện. Vô Ký sở duyên là Sắc Tâm Bất Thiện).
6) Bất Thiện trợ Bất Thiện và Vô Ký bằng Nhân duyên (Bất Thiện năng duyên là 3 Nhân Bất Thiện. Bất Thiện và Vô Ký sở duyên là các Tâm Bất Thiện, sở hữu cùng hiệp và Sắc Tâm Bất Thiện đồng sanh), (trừ Si hiệp Tâm Si).
7) Vô Ký trợ Vô Ký bằng nhân duyên (Vô Ký năng duyên là Vô Tham, Vô sân và Vô Si hiệp vớicác Tâm. Vô Ký sở duyên là các Tâm Vô Ký Hữu Nhân sở hữu cùng hiệp và Sắc Tâm Vô Ký Hữu Nhân.
(*) Pháp nào hộ trì các pháp đồng sinh được tăng trưởng vững mạnh như rễ đối với cây, pháp đó gọi là Nhân Duyên (Mūlatthena upakāro dhammo: Hetupaccayo).
(**) 37 tâm thiện: 8 Đại thiện, 9 Thiện Đáo Đại, 20 Tâm Đạo.
345- Cảnh Duyên (Ārammaṇapaccayo). (*)
V- Thế nào là Cảnh Duyên?
Đ- Cảnh Duyên là cách trợ giúp bằng đối tượng; hay nói cách khác, cái gì bị Tâm biết gọi là Cảnh và Cảnh trợ cho Tâm sanh khởi nên gọi là Cảnh Duyên. Trong bộ Pāṭṭhāna có giải: Sắc Xứ làm Duyên cho Nhản Thức Giới và các Pháp tương ưng với Nhản Thức Giới bằng Cảnh Duyên Thinh Xứ...Khí Xứ...Vị Xứ...Xúc Xứ...Cả 5 Xứ (Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc) làm Duyên cho Ý Giới và Pháp tương ứng với Ý Giới bằng Cảnh Duyên. Tất cả Pháp làm Duyên cho Ý thức Giới và Pháp tương ứng với Ý Thức Giới bằng Cảnh Duyên. Cảnh Duyên tính theo Tam Đề Thiện có 9 cách:
1) Thiện trợ Thiện bằng Cảnh Duyên (Thiện năng Duyên là 21 hoặc 37 Tâm Thiện và 38 sở hữu cùng hiệp. Thiện sở duyên là 8 Tâm Thiện Dục Giới và 33 sở

hữu cùng hiệp (trừ Giới và Vô Lượng Phần). Thí dụ: người làm việc Bố thí, Trì giới v.v...sau nhớ lại Tâm Thiện càng hoan hỷ.
2) Thiện trợ Bất Thiện bằng Cảnh Duyên (Thiện năng duyên là 17 Tâm Thiện Hiệp Thế và 38 sở hữu cùng hiệp. Bất Thiện sở duyên là 12 Tâm Bất Thiện và 27 sở hữu cùng hiệp (**). Thí dụ: người Bố thí, Trì giới v.v...sau nhớ lại, có thể Tham ái, Ngã mạn, Tà kiến v.v...sanh lên.
3) Thiện trợ Vô Ký bằng Cảnh Duyên (Thiện năng duyên là tất cả Tâm Thiện và sở hữu cùng hiệp Vô Ký sở duyên là Tâm Khai Ý Môn, Vi Tiếu, 8 Duy Tác Dục Giới Hữu Nhân, Diệu Trí Duy Tác, Tâm Quả và Tâm Duy Tác thức Vô Biên, Tâm Quả và Tâm Duy Tác Phi Tưởng Phi Phi Tưởng, 3 Tâm Quan sát, 8 Quả Dục Giới Hữu Nhân và 33 sở hữu hợp (trừ Giới và Vô Lượng Phần). Thí dụ: vị A La hán xét lại Tâm Đạo hoặc các tâm thiện khác v.v...
4) Bất Thiện trợ Bất Thiện bằng Cảnh Duyên (Bất Thiện năng duyên là 12 Tâm Bất Thiện và 27 sở hữu cùng hiệp. Thiện sở duyên cũng vậy). Thí dụ: người làm việc trộm cắp, tà dâm...sau nhớ lại, Tham ái, Tà kiến khởi lên.
5) Bất Thiện trợ Thiện bằng Cảnh Duyên (Bất thiện năng duyên là 12 Tâm Bất Thiện và 27 sở hữu cùng hiệp, Thiện sở duyên là 8 Tâm Thiện Dục Giới, Diệu Trí Thiện và 36 sở hữu (trừ Vô Lượng Phần) cùng hiệp) Thí dụ: Vị Thánh Hữu Học nhớ lại Phiền não đã sát trừ v.v...
6) Bất Thiện trợ Vô Ký bằng Cảnh Duyên (Bất Thiện nặng duyên là 12 Tâm Bất Thiện và 27 sở hữu cùng hiệp Vô Ký sở duyên là Khai Ý Môn, Vi Tiếu, 8 Duy Tác Dục Giới Hữu Nhân, Diệu Trí Duy Tác, 8 Quả Dục Giới Hữu Nhân, 3 Quan Sát và 33 sở hữu cùng hiệp (trừ Giới và Vô Lượng Phần) Thí dụ: vị A La Hán xét lại Phiền não đã diệt...
7) Vô Ký trợ Vô Ký bằng Cảnh Duyên (Vô Ký năng duyên là tất cả Tâm Vô Ký, sở hữu cùng hiệp, Sắc Pháp và niết Bàn. Vô Ký sở duyên là 18 Tâm Vô Nhân, 8 Quả Dục Giới Hữu Nhân, 8 Duy Tác Dục Giới Hữu Nhân, Quả Duy Tác Thức Vô Biên, Quả và Duy Tác Phi Tưởng Phi Phi tưởng, 20 Quả Siêu Thế và 36 sở hữu cùng hiệp) Thí dụ: Vị Tứ Quả suy xét Niết Bàn.
8) Vô Ký trợ Thiện bằng Cảnh Duyên (Vô Ký năng duyên là 67 Tâm Vô Ký (trừ Tâm Quả La Hán) sở hữu cùng hiệp, sắc Pháp và Niết Bàn. Thiên sở duyệt là 8 Tâm Thiện Dục Giới, Diệu Trí Thiện, 20 Tâm Đạo và 36 sở hữu cùng hiệp (trừ Vô Lượng Phần) Thí dụ: Vị Thánh Hữu Học suy xét Niết Bàn v.v...
9) Vô Ký trợ Bất Thiện bằng Cảnh Duyên (Vô Ký năng duyên là 28 Sắc Pháp, các Tâm Vô Ký Hiệp Thế và sở hữu cùng hiệp. Bất Thiện sở duyên là 12 tâm Bất Thiện và 27 sở hữu hiệp) Thí dụ: người nhớ lại cảnh sắc đẹp đã gặp, lòng tham ái sanh lên v.v...
(*) Cái bị tâm và sở hữu tâm biết đặng gọi là Cảnh (Cittacetasikehi ālambiyatīti: Ārammaṇa). Trợ giúp cho các pháp sinh lên bằng cảnh gọi là Cảnh Duyên (Āramaṇapaccayo).
(**) 17 tâm thiện hiệp thế: 8 Đại Thiện, 9 Thiện Đáo Đại.
38 sở hữu: 13 sở hữu Tợ Tha, 25 sở hữu Tịnh Hảo.
27 sở hữu: 13 sở hữu Tợ Tha, 14 sở hửu Bất Thiện.

346- Trưởng Duyên (Adhipatipaccayo) (*)

V- Thế nào là Trưởng Duyên?
Đ- Trưởng Duyên là pháp trợ giúp phải lớn hơn, mạnh hơn các Pháp đồng sanh.

Trong bộ Paṭṭhāna có giải Dục lớn trội hơn làm Duyên cho Tâm Pháp tương ứng và làm chỗ nương cho sắc sanh ra gọi là Trưởng Duyên. Tâm lớn trội hơn làm Duyên cho Tâm Pháp tương ứng và chỗ nương cho Sắc sanh ra gọi là Trưởng Duyên. Tinh Tấn lớn trội hơn làm Duyên cho Tâm Pháp tương ứng và làm chỗ nương cho Sắc sanh ra gọi là Trưởng Duyên. Trí tuệ lớn trội hơn Duyên cho Tâm Pháp tương ứng và làm chỗ nương cho Sắc sanh ra gọi là Trưởng Duyên. Nói tóm lại, những Pháp chỉ làm cho Tâm và sở hữu Tâm sanh ra biết Cảnh nặng về Pháp nào thì pháp ấy là Năng Trưởng Duyên. Trưởng Duyên được chia thành 2 loại: Cảnh Trưởng Duyên và Đồng Sanh Trưởng Duyên.
(*) Trợ giúp bằng cách lớn mạnh đối với các pháp đồng sinh gọi là Trưởng Duyên (Adhipati ca so paccayocāti: Adhipatipaccayo).

347- Cảnh Trưởng Duyên (Ārammanādhipatipaccayo).

V- Thế nào là Cảnh Trưởng Duyên?
Đ- Cảnh Trưởng Duyên là đối tượng quá tốt đẹp làm cho thứ Tâm đã biết được Cảnh ấy thường diễn tiến trên các Lộ trình nhiều hơn thứ Tâm khác. Cảnh Trưởng Duyên phân theo Tam Đề Thiện có 7 cách:
1) Thiện trợ Thiện bằng Cảnh Trưởng Duyên (Thiện năng duyên là 20 hoặc 32 Tâm Thiện (trừ La Hán Đạo) và 33 sở hữu cùng hiệp. Thiện sở duyên là 8 Tâm Thiện sở duyên là 8 Tâm Thiện Dục Giới và 33 sở duyên cùng hiệp (trừ Giới và Vô Lượng Phần) Thí dụ: người Thiện làm việc lành như Bố thí, Trì giới.. thường ưa thích nhớ tưởng đến Cảnh ấy.
2) Thiện trợ Bất Thiện bằng Cảnh Trưởng Duyên (Thiện này là 17 Tâm Thiện Hiệp Thế 38 sở hữu cùng hiệp. Bất Thiện sở duyên là 8 Tâm Tham và 22 sở hữu cùng hiệp). Thí dụ: người làm việc lành như Bố thí, Trì giới...sau nhớ lại bằng lòng Tham ái, Tà kiến hoặc Ngã mạn.
3) Thiện trợ Vô Ký bằng Cảnh Trưởng Duyên (Thiện năng duyên là Tâm A La Hán Đạo và 36 sở hữu cùng hiệp. Vô Ký sở duyên là Tâm Duy Tác Dục Giới Hữu Nhân tương ứng và 33 sở hữu cùng hiệp (trừ Giới và Vô Lượng Phần) thí dụ: Vị A La Hán sau khi đắc Quả rồi xét lại Tâm Đạo một cách rất rõ ràng.
4) Bất Thiện trợ Bất Thiện bằng Cảnh Trưởng Duyên (Bất Thiện năng duyên là 8 Tâm Tham và 22 sở hữu cùng hiệp. Bất thiện sở duyên cũng đồng chi pháp như Bất Thiện năng duyên). Thí dụ: người Tham ái làm việc trộm cắp, tà dâm... sau nhớ lại lòng tham ái rất ưa thích suy tư.
5) Vô Ký trợ Vô Ký bằng Cảnh Trưởng Duyên (Vô Ký năng duyên là Tâm Quả A La Hán, 36 sở hữu cùng hiệp (trừ Vô Lượng Phần) và Niết Bàn Vô Ký sở duyên là 4 Tâm Duy Tác Dục Giới Hữu Nhân hiệp trí, Tâm Quả Siêu Thế, 36 sở hữu cùng hiệp (trừ Vô Lượng Phần). Thí dụ: Vị A la Hán xét lại Tâm Tứ Quả hoặc quán sát đến Niết Bàn một cách rất đặc biệt.
6) Vô Ký trợ Thiện bằng Cảnh Trưởng Duyên (Vô Ký năng duyên là 3 hoặc 15 Tâm Quả Hữu Học, 36 sở hữu cùng hiệp (trừ Vô Lượng Phần) và Niết Bàn. Thiện sở duyên là 4 Tâm thiện Dục Giới Hiệp Trí, 4 hoặc 20 Tâm Đạo và 36 sở hữu cùng hiệp (trừ Vô Lượng Phần). Thí dụ: Bốn Tâm Đạo đang biết Niết Bàn.
7) Vô Ký trợ Bất Thiện bằng Cảnh trưởng Duyên (Vô Ký năng duyên là 18 Sắc Rỏ thành Cảnh Tốt, 51 Tâm Vô Ký Hiệp Thế (trừ Thân Thức Thọ Khổ) và 35 sở hữu cùng hiệp (trừ 3 Giới Phần). Bất Thiện sở duyên là 8 Tâm Tham và 22 sở

hữu cùng hiệp). Thí dụ: người gặp Cảnh Sắc rất đẹp...lòng Tham ái v.v...sanh lên.

348- Đồng Sinh trưởng Duyên (Sahajātādhipatipaccayo).

V- Thế nào là Đồng Sinh Trưởng Duyên?

Đ- Đồng Sinh chung một sát na, một đối tượng nhưng Pháp nào lớn mạnh hơn và hỗ trợ các Pháp đồng sinh, Pháp ấy được gọi là "Đồng Sinh Trưởng Duyên". Có 4 Pháp có thể làm Trưởng Duyên được là **Dục, Cần, Tâm và Thẩm**. Đồng Sinh Trưởng Duyên phân theo Tam Đề thiện có 7 cách:

1) Thiện trợ Thiện bằng Đồng sinh trưởng Duyên (Thiện năng duyên là Dục, Cần, Tâm, Thẩm trong phạm vi 21 hoặc 37 Tâm Thiện. Thiện sở duyên là 21 hoặc 37 Tâm Thiện và 38 sở hữu cùng hiệp (trừ chi pháp đang làm năng duyên). Thí dụ: người mong muốn Tu hành (Dục Trưởng), hoặc người tinh tấn hành Đạo (Cần Trưởng), hoặc người có Trí khi làm việc lành luôn luôn quán tiền quán hậu (Thẩm Trưởng), hoặc người làm lành nhưng không có sự mong muốn mạnh, không siêng năng, sáng suốt (Tâm Trưởng).

2) Thiện trợ Vô Ký bằng Đồng Sinh Trưởng Duyên (Thiện năng duyên là Dục, Cần, tâm, Thẩm trong phạm vi 21 hoặc 37 Tâm Thiện. Vô Ký sở duyên là Sắc Tâm Thiện). Thí dụ: người trong khi đang làm việc lành như Bố thí chẳng hạn, sắc mặt vui vẻ hân hoan.

3) Thiện trợ Thiện và Vô Ký bằng Đồng Sinh Trưởng Duyên (Thiện năng duyên là Dục, Cần, Tâm, Thẩm trong phạm vi Thiện. Thiện và Vô Ký sở duyên là Tâm Thiện, sở hữu hiệp cùng Tâm Thiện (khi không làm Trưởng năng duyên) và Sắc tâm Thiện. Thí dụ: Vị Thiền Sư đang làm tham thiền, sắc mặt tươi tỉnh, Trí tuệ tham cứu Thiền là "Thẩm Trưởng" Tâm Thiện và các sở hữu cùng sanh vớiTrí tuệ là "Thiện sở duyên" Sắc mặt tươi tỉnh là "Vô Ký sở duyên" v.v...

4) Bất Thiện trợ Bất Thiện bằng Đồng Sinh Trưởng Duyên (Bất Thiện năng duyên là Dục, Cần, Tâm trong phạm vi Tham, Sân, Bất Thiện sở duyên là 8 Tâm Tham, 2 Tâm sân và 26 sở hữu cùng hiệp (trừ chi pháp đang làm Trưởng năng duyên) thí dụ: người cố gắng giết một con vật. Cố gắng (Cần Trưởng) là Bất Thiện năng duyên, Tâm sân và các sở hữu cùng hiệp là Bất thiện sở duyên.

5) Bất Thiện trợ Vô Ký bằng Đồng Sinh Trưởng Duyên (Bất Thiện năng duyên là Dục, Cần, Tâm trong phạm vi Tham, sân, Vô Ký sở duyên là Sắc tâm Bất thiện Trưởng). Thí dụ: người đang tức giận sắc mặt hầm hầm. Tức giận (Tâm sân) là Bất Thiện năng duyên. Sắc mặt hầm hầm (Sắc Tâm Bất Thiện trưởng) là Vô Ký sở duyên.

6) Bất Thiện trợ Bất Thiện Vô Ký bằng Đồn Sinh Trưởng Duyên (Bất Thiện năng duyên là Dục, Cần, Tâm trong phạm vi Tham, Sân, Bất Thiện và Vô Ký sở duyên là 8 Tâm Tham, 2 Tâm Sân, 26 sở hữu cùng hiệp (trừ chi pháp Trưởng năng duyên và sắc Tâm Bất Thiện Trưởng). Thí dụ: người Tham ái nhìn sắc đẹp bằng cặp mắt trìu mến ngất ngây. Tham ái nhìn (Tâm Tham) là Bất Thiện năng duyên, cặp mắt lộ vẽ trìu mến ngất ngây (Sắc Tâm Bất Thiện Trưởng) là Vô Ký sở duyên và các sở hữu cùng hiệp với Tâm Tham là Bất Thiện sở duyên.

7) Vô Ký trợ Vô Ký bằng Đồng Sinh Trưởng Duyên (Vô Ký năng duyên là Dục, Cần, Thẩm và tâm trong phạm vi Vô Ký Hữu Nhân, lấy lúc đang làm trưởng năng duyên. Vô Ký sở duyên là Dục, Cần, Thẩm và Tâm trong phạm vi Vô Ký Hữu Nhân (lấy lúc không làm trưởng năng duyên) và Sắc Tâm Vô Ký Trưởng.

Thí dụ: Đức Phật khi đang suy xét đến bộ Paṭṭhāna phát ra hào quang 6 màu. Suy xét (Nhứt Thiết Chủng Trí tức Thẩm Trưởng) bằng Tâm Duy Tác Dục Giới hợp trí (Tâm Trưởng) là Vô Ký năng duyên; hào quang 6 màu (Sắc tâm Vô Ký Trưởng) là Vô Ký sở duyên v.v...

349- Vô Gián Duyên(1) (Anantarapaccayo). (*)

V- Thế nào là Vô Gián Duyên?

Đ- Vô Gián Duyên là trợ giúp bằng cách "nối nhau sinh diệt" (tương tục sinh) tức sát na Tâm trước vừa diệt trợ cho sát na Tâm sau sinh lên luôn luôn như vậy, từ vô thủy cho đến khi vào chung kết (Niết Bàn). Trong một cái chớp nhoáng, dòng tâm thức đã diễn tiến đến triệu triệu sát na thì đã có đến triệu triệu lần Vô Gián Duyên; đối với vị chứng Thiền Diệt (Nirodha-samāpatti) liên tiếp 7 ngày không có Tâm, thì sát na Tâm Phi Tưởng Phi Phi Tưởng (trước khi chứng Thiền Diệt) sẽ trợ cho sát na Tâm Quả A Na hàm hoặc A La Hán (sau khi chứng Thiền Diệt) bằng Vô Gián Duyên. Như vậy đối với vị chứng Thiền Diệt, trong thời gian 7 ngày ấy chỉ có một lần Vô Gián Duyên; nhưng đối với Vị Trời Vô Tưởng từ khi sinh đến tử thờigian của tuổi thọ đến 500 đại kiếp (Mahākappa) cũng chỉ có 1 lần Vō Giịn Duyźn; vģ Vị Trời Vô Tưởng không có tâm thức, nên kể sát na Tâm Tử (trước khi thành Người Vô Tưởng) trợ cho sát na Tâm Tục Sinh (sau khi chết của người Vô Tưởng) bằng Vô Gián Duyên. (Có một số Luận Sư của các học phái tân tiến chủ trương rằng "vị Trời Vô Tưởng vẫn còn thức A-lại-da duy trì chủng tử và khi Niết Bàn vẫn còn thức A-lại-da dưới danh nghĩa Bạch Tịnh Thức để chấp trì hạt giống Bồ Đề và chờ cơ hội sẽ thị hiện độ đời! " Đây là một chủ thuyết trái ngược với Tông chỉ của Đạo Phật! Xin các bực Trí Thức bình tâm xét lại!) Vô Gián Duyên phân theo Tam Đề Thiện có 7 cách:

1) Thiện trợ bằng Vô Gián Duyên (Thiện năng duyên là 17 thứ Tâm Thiện Hiệp Thế và 38 sở hữu cùng hiệp, từ sát na Đổng Tốc thứ nhứt đến thứ 6 Thiện sở duyên là tất cả 21 hoặc 37 Tâm Thiện và 38 sở hữu cùng hiệp, từ sát na Đổng Tốc thứ hai đến thứ 7). Thí dụ: như đoàn xe lửa, toa trước trợ toa sau.

2) Thiện trợ Vô Ký bằng Vô Gián Duyên (Thiện năng duyên là tất cả Tâm Thiện sanh trước. Vô Ký sở duyên là các Tâm Quả sanh sau) Thí dụ: Tâm Đạo diệt rồi Tâm Quả Siêu Thế liền sanh...

3) Bất Thiện trợ Bất Thiện bằng Vô Gián Duyên (Bất Thiện năng duyên là 12 Tâm Bất Thiện và 27 sở hữu cùng hiệp từ sát na Đổng Tốc thứ nhất đến thứ 6. Bất Thiện sở duyên giống như Năng Duyên nhưng chỉ kể từ sát na thứ 2 đến thứ 7 (trợ phải có trước, nhờ trợ phải có sau). Sát na Đổng Tốc thứ nhất làm năng không làm sở sát na Đổng Tốc thứ 7 là Sở không làm năng; 5 sát na giữa vừa làm Năng vừa làm Sở (đồng giống như Thiện trợ Thiện v.v...).

4) Bất Thiện trợ Vô Ký bằng Vô Gián Duyên (Bất Thiện Năng Duyên là 12 Tâm Bất Thiện và 27 sở hữu cùng hiệp ở sát na Đổng Tốc Bất Thiện thứ 7. Vô Ký Sở Duyên là 3 Tâm Quan Sát, 8 Tâm Quả Dục Giới Hữu Nhân, 9 Quả Đáo Đại và 35 sở hữu cùng hiệp ở sát na nối tiếp Tâm Đổng Tốc Bất Thiện thứ 7, làm việc Nhập Di hoặc Hộ Kiếp).

5) Vô Ký trợ Vô Ký bằng Vô Gián Duyên (Vô Ký Năng Duyên là 52 Tâm Quả, 20 tâm Duy Tác và 38 sở hữu cùng hiệp, ở những sát na trước. Vô Ký Sở giống như Vô Ký Năng Duyên nhưng kể ở sát na sau). Thí dụ: sát na tâm Khai Môn trợ sát na Ngũ Song Thức, Ngũ Song Thức trợ sát na Tâm Tiếp Thâu...

6) Vô Ký trợ Thiện bằng Vô Gián Duyên (Vô Ký Năng Duyên là 2 tâm Khai Môn và 11 sở hữu Tợ Tha cùng hiệp (trừ Hỷ Dục). Thiện Sở Duyên là 8 tâm Thiện Dục Giới và 38 Sở hữu cùng hiệp ở sát na Đổng Tốc Thiện thứ nhất).
7) Vô Ký trợ Bất Thiện bằng Vô Gián Duyên (Vô Ký Năng Duyên là 2 tâm Khai Môn và 11 sở hữu cùng hiệp. Bất Thiện Sở Duyên là 12 Tâm Bất Thiện và 27 sở hữu cùng hiệp ở sát na Đổng Tốc Bất Thiện thứ nhất).
(*) Trợ giúp liên tục không gián đoạn gọi là Vô Gián Duyên (Anantarabhāvena upakārakodhammo: Anantara-paccayo).

350- Đẳng Vô Gián Duyên (Samanantarapaccayo).

V- Thế nào là Đẳng Vô Gián Duyên?
Đ- Năng trợ Sở bằng cách nối liền nhau gọi là Đẳng Vô gián Duyên. Chi Pháp giống như Vô Gián Duyên chẳng khác, chỉ vì sự lợi ích cho một số chúng sanh khi nghe Vô Gián Duyên chưa được tỏ ngộ nên Đức Chánh Biến Tri thuyết thêm Đẳng Vô Gián Duyên vậy thôi.

351- Đồng Sinh Duyên (Sahajātapaccayo). (*)

V- Thế nào là Đồng Sinh Duyên?
Đ- Hổ trợ nhau bằng sự hiện diện đồng thời, gọi là Đồng Sinh Duyên. Thí dụ: chiếc xe có 4 bánh, ghế bàn có 4 chân...Đồng Sinh Duyên nếu kể đại khái có:
- Tứ Danh Uẩn đồng sinh trợ nhau.
- Tứ Đại sắc đồng sinh trợ nhau.
- Danh Tục Sinh và Sắc Tâm Tục Sinh đồng sinh trợ nhau.
- Danh sắc Bình Nhựt đồng sinh trợ nhau.

(*) Trợ giúp bằng cách vừa đồng sinh vừa hộ trì nhau gọi là Đồng Sinh Duyên (Sahajāto hutvā upakārakodhammo: Sahajātapaccayo).

Đồng Sinh Duyên phân theo Tâm Đề Thiện có 9 cách:
1) Thiện trợ Thiện bằng Đồng Sinh Duyên (Thiện năng duyên là 21 hoặc 37 Tâm Thiện và 38 sở hữu cùng hiệp, Thiện sở duyên cũng vậy. Trên phương diện giúp gọi là Năng Duyên, nhờ gọi là Sở Duyên. Trong phần Đồng Sinh Duyên, mỗi chi pháp đều có 2 phương diện Năng và Sở).
2) Thiện trọ Vô Ký bằng Đồng sinh Duyên (Thiện Năng Duyên là 21 hoặc 37 Tâm Thiện và 38 sở hữu cùng hiệp. Vô Ký sở Duyên là Sắc Tâm Thiện) Thí dụ: người Phật tử lễ bái tượng Phật. Tâm điều khiển (Tâm Thiện) Thân lễ bái (Sắc Tâm Thiện).
3) Thiện trợ Thiện và Vô Ký bằng Đồng Sinh Duyên (Thiện Năng Duyên là tất cả Pháp Thiện làm Năng. Thiện và Vô Ký Sở Duyên là tất cả pháp Thiện làm sở và Sắc Tâm Thiện đồng sinh) Thí dụ: người Thiện tín chấp tay xá nhà Sư. Trong tâm Thiện điều khiển, 1 Uẩn làm Năng 3 Uẩn ngoài ra và sắc tâm Thiện làm sở. Thọ Uẩn Năng Duyên thì Tưởng Uẩn, Hành Uẩn, Thức Uẩn và Sắc Tâm là sở duyên và trái lại).
4) Bất Thiện trợ Bất Thiện bằng Đồng Sinh Duyên (Bất Thiện năng duyên là 12 tâm Bất Thiện và 27 sở hữu cùng hiệp Bất Thiện sở duyên cũng vậy).
5) Bất Thiện trợ Vô Ký bằng Đồng Sinh Duyên (Bất Thiện năng duyên là tất cả Pháp Bất Thiện, Vô Ký sở duyên là Sắc tâm Bất Thiện. Thí dụ: người lúc nóng giận thốt lời nguyền rủa...nóng giận là Tâm sân (Bất Thiện), lời nguyền rủa là Sắc Tâm Bất Thiện (Vô Ký).
6) Bất Thiện trợ Bất Thiện và Vô Ký bằng Đồng Sinh Duyên (Bất Thiện năng

duyên là 1 danh Uẩn Bất Thiện; Thọ hoặc Tưởng v.v...làm Năng. Bất Thiện và Vô Ký sở duyên là 3 danh Uẩn Bất Thiện; ngoài ra Pháp đang làm Năng và Sắc Tâm Bất Thiện).
7) Vô Ký trợ Vô Ký bằng Đồng Sinh Duyên (Vô Ký năng duyên là tất cả Tâm Quả, Tâm Duy Tác và 38 sở hữu cùng hiệp Vô Ký sở duyên là tất cả tâm Quả, Tâm Duy Tác, 38 sở hữu cùng hiệp và Sắc tâm Vô Ký). Thí dụ: Vị A La Hán đang thuyết pháp. Tâm suy nghĩ (lúc thuyết) là tâm Duy Tác, trong tâm Duy Tác ấy, 1 uẩn trợ cho 3 Uẩn, 3 Uẩn trợ cho 1 Uẩn, 2 Uẩn trợ cho 2 Uẩn. Tâm Duy Tác điều khiển lời nói là Danh Vô Ký trợ cho Sắc Vô Ký (Sắc Tâm Vô Ký).
8) Thiện và Vô Ký trợ Vô Ký bằng Đồng Sinh Duyên (Thiện và Vô Ký năng duyên là 21 hoặc 37 Tâm Thiện, 38 sở hữu cùng hiệp và Sắc Tâm Thiện Tứ Đại (Đất, Nước,Lửa,Gió) Vô Ký sở duyên là Sắc tâm thiện Y Đại Sinh (Sắc, Thinh, Khí, Vị...)
9) Bất Thiện và Vô Ký trợ Vô Ký bằng Đồng Sinh Duyên (Bất Thiện và Vô Ký năng duyên là 12 Tâm Bất Thiện, 27 sở hữu cùng hiệp và Sắc tâm Tứ Đại Vô Ký sở duyên là Sắc Tâm Bất Thiện Y Đại Sinh).

352- Hổ Tương Duyên (Aññamannapaccayo). (*)

V- Thế nào là Hổ Tương Duyên?
Đ- Cách giúp qua giúp lại, hay hổ trợ cho nhau gọi là Hổ Tương Duyên. Hổ Tương Duyên nếu phân đại khái có 3:
- Tứ Danh Uẩn hổ trợ cho nhau.
- Tứ Đại Sắc hổ trợ cho nhau.
- Sát na Tục Sinh, Danh Sắc hổ trợ cho nhau.

(*) Trợ giúp bằng cách tương trợ, tương tế gọi là Hổ Tương Duyên (Aññamaññaṃ hutvā paccayo: Aññamāñña-paccayo).

Hổ Tương Duyên phân theo Tam Đề Thiện có 3 cách:
1) Thiện trợ Thiện bằng Hổ Tương Duyên (Thiện năng duyên là 21 hoặc 37 Tâm Thiện và 38 sở hữu cùng hiệp. Thiện sở duyên cũng vậy. Pháp trong Hổ Tương Duyên luôn vừa là Năng vừa là Sở, nếu thiếu 1 không được gọi là Hổ Tương Duyên). Thí dụ: ly nước trà, có nước không trà chỉ gọi là ly nước. Có trà không nước chỉ gọi là trà. Có cả trà và nước hiệp chung mới gọi là "nước trà".
2) Bất Thiện trợ Bất Thiện bằng Hổ Tương Duyên (Bất Thiện năng duyên là 12 Tâm Bất Thiện và 27 sở hữu cùng hiệp. Bất Thiện sở duyên cũng thế. Bởi: 1 Uẩn Bất Thiện trợ cho 3 Uẩn Bất Thiện, 3 Uẩn Bất Thiện trợ cho 1 Uẩn Bất Thiện, 2 Uẩn Bất Thiện trợ cho 2 Uẩn Bất Thiện). Thí dụ: như cái ghế 4 chân (1 chân trợ 3 chân v.v...).
3) Vô Ký trợ Vô Ký bằng Hổ Tương Duyên (Vô Ký năng duyên là tất cả Tâm Quả, Tâm Duy Tác, 38 sở hữu cùng hiệp, Sắc Tứ Đại và Sắc Tâm Tục Sinh. Vô Ký sở duyên cũng vậy. Vì Tứ danh Uẩn Vô Ký (Quả hoặc Duy Tác) hổ trợ cho nhau; Tứ Đại Sắc (đất, nước, lửa,gió, Hổ trợ cho nhau Tứ danh Uẩn tục sinh và Sắc Tâm tục sinh hổ trợ cho nhau)

353- Y Chỉ Duyên (Nissayapaccayo). (*)

V- Thế nào là Y Chỉ Duyên?
Đ- Làm chổ nương nhờ cho Pháp khác gọi là Y Chỉ Duyên. Thí dụ: như cây mọc trên đất. Đất là chỗ nương nhờ của cây. Y Chỉ Duyên có thể phân ra nhiều loại: Đồng Sinh Y Chỉ Duyên (tức là Đồng Sinh Duyên). Vật Sinh Tiền Bất Hiệp Duyên

(tức Vật Sinh Tiền Y Duyên sẽ giải). Cảnh vật Sinh Tiền Bất Hiệp Duyên (tức cảnh Vật Sinh Tiền Y Duyên sẽ giải).

(*) Pháp nào làm điểm tựa cho pháp khác nương nhờ, pháp đó gọi là Y Chỉ Duyên (Adhiṭṭhānākārena nissayakā-rena ca upakāro dhammo: Nissayapaccayo).

354- Vật Sinh Tiền Y Duyên (Vatthupurejātanissayapaccayo).

V- Thế nào là Vật Sinh Tiền Y Duyên?

Đ- Sắc vật sinh trước làm chổ nương cho Tâm Thức sinh sau gọi là Vật Sinh Tiền Y Duyên. Vật Sinh Tiền Y Duyên phân theo Tam Đề Thiện, có 3 cách:

1) Vô Kư trợ Vô Kư bằng Vật Sinh Tiền Y Duyên (Vô Kư năng duyên là Nhản Vật, Nhỉ Vật, Tỷ Vật, Thiệt Vật, Thân Vật và Ý Vật. Vô Ký sở duyên là 2 tâm Nhản Thức, 2 Nhỉ Thức, 2 Tỷ Thức, 2 Thiệt Thức, 2 Thân Thức, 3 Ý Giới, 104 Ý Thức Giới (trừ Quả Vô Sắc) và 33 sở hữu cùng hiệp). Thí dụ: Nhản Vật làm chổ nương cho Nhản Thức sanh khởi...

2) Vô Ký trợ Thiện bằng Vật Sinh Tiền Y Duyên (Vô Ký năng duyên là Sắc Tâm (Ý Vật) sinh trước Thiện sở duyên là tất cả Pháp Thiện sinh sau). Thí dụ: Sắc Tâm sinh từ Phân Đoán (Khai Ý Môn) trở về trước trợ cho tâm Đồng Tốc Thiện từ sát na thứ nhất về sau...

3) Vô Ký trợ Bất Thiện bằng Vật Sinh Tiền Duyên (Vô Ký năng duyên là Sắc Tâm sinh trước. Bất Thiện sở duyên là tất cả Pháp Bất Thiện sinh sau).

355- Cảnh Vật Sinh Tiền Y Duyên. (Vatthārammanapurejāta nissaya paccayo).

V- Thế nào là Cảnh Vật Sinh Tiền Y Duyên?

Đ- Sắc sinh trước làm Cảnh cho tâm sinh sau nương nhờ gọi là CảnhVật Sinh Tiền Y Duyên. Thí dụ: Sắc Tâm đồng sinh với Tâm thứ 17 từ Tâm Tử, đếm trở lại, làm Duyên cho những Tâm sinh theo Lộ Cận Tử...Cảnh Vật Sinh Tiền Y Duyên phân theo tam Đề Thiện có 3 cách:

1) Vô Ký trợ Vô Ký bằng Cảnh Vật Sinh Tiền Y Duyên (Vô Ký năng duyên là Sắc tâm sinh trước Tâm Tử 17 cái Vô Ký sở duyên là Tâm Khai Ý Môn, Thập Di (3 Quan Sát và 8 Quả Dục Giới Hữu Nhân), Vi Tiếu, Duy Tác Dục Giới Hữu Nhân, Diệu Trí Duy Tác và 33 sở hữu cùng hiệp (trừ Giới và Vô Lượng Phần). Thí dụ: như Đại Đức Ananda hiện Thông Liên Niết Bàn...

2) Vô Ký trợ Thiện bằng Cảnh Vật Sinh Tiền Y Duyên (Vô Ký năng duyên là Sắc tâm sinh trước Tâm Tử 17 cái. Thiện sở duyên là tâm Thiện Dục Giới trong 5 sát na Đổng Tốc, Lộ Cận Tử, Diệu Trí Thiện và 33 sở hữu cùng hiệp, trừ Giới và Vô Lượng Phần). Thí dụ: người lâm chung với Tâm Thiện hướng về tam Bảo...

3) Vô Ký trợ Bất Thiện bằng Cảnh Vật Sinh Tiền Y Duyên (Vô Ký năng duyên là Sắc tâm sinh trước Tâm Tử 17 cái. Bất Thiện sở duyên là 12 Tâm Bất Thiện và 24 sở hữu cùng hiệp (trừ Tật, Lận, Hói) trong 5 sát na Đổng Tốc Lộ Cận Tử). Thí dụ: như người khi trút hơi thở cuối cùng với Tâm luyến ái hoặc sân nộ...

356- Thân Y Duyên (Upanissyapaccayo).

V- Thế nào là Thân Y Duyên?

Đ- Trợ giúp bằng cách thường nương nhờ gọi là Thân Y Duyên. Thí dụ: như người Thiện Tín thường Bố Thí Trì giới thành thói quen, hoặc người ác thường sát sanh trộm cắp, tà dâm ... thành cố tật v.v...Thân Y Duyên chia ra có 3:

1) Cảnh Thân Y Duyên tức cảnh Trưởng Duyên.
2) Vô Gián Thân Y Duyên (tức Vô Gián Duyên).
3) Thường Thân Y Duyên.

357- Thường Thân Y Duyên (Pakatūpanissyapaccayo).

V- Thế nào là Thường Thân Y Duyên?
Đ- Trợ giúp bằng cách thường làm trở thành tập quán gọi là Thường Thân Y Duyên. Thí dụ: Thầy tu mở miệng hay nói "Mô Phật", hoặc kẻ nói chuyện quen tật văng tục ... Thường Thân Y Duyên phân theo Tam Đề Thiện có 9 cách:
1) Thiện trợ Thiện bằng Thường Thân Y Duyên. Thiện năng duyên là 20 hoặc 32 Tâm Thiện (trừ A La hán Đạo) và 38 sở hữu cùng hiệp. Thiện sở duyên là 21 hoặc 37 Tâm Thiện và 38 sở hữu cùng hiệp. Thí dụ: hai Ông Bà Kassapa dù là vợ chồng đối với nhau rất trong sạch do nhiều đời trước đã từng xuất gia giữ giới thanh tịnh.
2) Thiện trợ Bất Thiện bằng Thường Thân Y Duyên (Thiện năng duyên là 17 Tâm Thiện Hiệp Thế và 38 sở hữu cùng hiệp. Bất Thiện sở duyên là 12 Tâm Bất Thiện và 27 sở hữu cùng hiệp). Thí dụ: người có Đức Tin, Bố thí, Trì giới, Đa văn, Trí tuệ nhiều có thể phát sanh Tham ái, Sân hận, Si mê, Tà kiến, Ngã mạn...
3) Thiện trợ Vô Ký bằng Thường Thân Y Duyên (Thiện năng duyên là 21 hoặc 37 tâm Thiện và 36 sở hữu cùng hiệp (trừ Vô Lượng Phần) Vô Ký sở duyên là Tâm Quả, Tâm Duy Tác và 38 sở hữu cùng hiệp). Thí dụ: người có Đức Tín quen tu khổ hạnh, Đức Tin thích tu khổ hạnh là Tâm Thiện, Thân đau nhức (do khổ hạnh) là Tâm Thân Thức Quả Bất Thiện (Vô Ký).
4) Bất Thiện trợ Bất Thiện bằng Thường Thân Duyên (Bất Thiện năng duyên là 12 Tâm Bất Thiện và 27 sở hữu cùng hiệp. Bất Thiện sở duyên cũng vậy). Thí dụ: như Đề Bà Đạt Đa nhiều đời nhiều kiếp thường gây oan trái...
5) Bất Thiện trợ Thiện bằng Thường Thân Y Duyên (Bất Thiện năng duyên là 12 Tâm Bất Thiện và 27 sở hữu cùng hiệp. Thiện sở duyên là 21 hoặc 37 Tâm Thiện và 38 sở hữu cùng hiệp). Thí dụ: như Bồ Tát có kiếp xuất gia rồi hoàn tục, hoàn tục rồi xuất gia, 7 lần như vậy...
6) Bất Thiện trợ Vô Ký bằng Thường Thân Y Duyên (Bất Thiện năng duyên là 12 Tâm Bất Thiện và 27 sở hữu cùng hiệp Vô Ký sở duyên là các tâm Quả và sở hữu cùng hiệp Vô Ký sở duyên là các tâm Quả và sở hữu cùng hiệp). Thí dụ: người ưa thích sung sướng thường nằm ngồi nơi nệm cao gối ấm. Tâm ưa thích là bất Thiện, còn Thân Thức thọ Lạc (do ham thân sướng) là Vô Ký, hoặc người sân hận tự hủy hoại xác Thân. Tâm sân hận là Bất Thiện, Thân thức thọ Khổ (do sự hủy hoại) là Vô Ký.
7) Vô Ký trợ Vô Ký bằng Thường Thân Y Duyên (Vô Ký năng duyên là tâm Quả, Tâm Duy Tác và các sở hữu cùng hiệp sắc Pháp, Vô Ký sở duyên cũng vậy). Thí dụ: Vị A La Hán thường bị bệnh hoạn, mỗi khi thân đau nhức thì Nhập Thiền Quả hoặc Thiền Duy Tác Thân đau nhức (Thân Thức Quả Bất Thiện) là Vô Ký Quả, Nhập Thiền Quả là Vô Ký Quả Nhập Thiền Duy Tác là Vô Ký Duy Tác...
8) Vô Ký trợ Thiện bằng Thường Thân Y Duyên (Vô Ký năng duyên là các Tâm Quả (trừ Quả La Hán), sở hữu cùng hiệp và Sắc Pháp. Thiện sở duyên là 21 hoặc 37 Tâm Thiện và 38 sở hữu cùng hiệp). Thí dụ: người thường được đầy đủ tứ vật dụng (y phục, vật thực, trú xứ và y dược) khiến phát tâm làm việc Bố thí, Trì giới ...

9) Vô Ký trợ Bất Thiện bằng Thường Thân Y Duyên (Vô Ký năng duyên là Tâm Vô Ký Quả (như Thân Thức...) sở hữu cùng hiệp và Sắc Pháp. Bất Thiện sở duyên là 12 Tâm Bất Thiện và 27 sở hữu cùng hiệp) Thí dụ: người hằng đầy đủ tứ vật dụng có thể sanh lòng tham dục, như câu "bảo hưởng tắc sanh dâm dục" hoặc người hằng bị nghèo khổ có thể sanh Tâm Tham lam, Trộm cướp, như câu "cơ hàn khởi đạo tặc" ...

358- Tiền Sinh Duyên (Purejātapaccayo). (*)

V- Thế nào là Tiền Sinh Duyên?

Đ- Sắc Pháp sinh trước trợ cho tâm khởi lên gọi là Tiền Sinh Duyên. Tiền Sinh Duyên có 2: Vật Tiền Sinh Duyên (tức Vật Sinh Y Duyên); Cảnh Tiền Sinh Duyên.

(*) Sinh trước và trợ giúp cho gọi là Tiền Sinh Duyên (Purejāto casopaccayocāti: Purejātapaccayo).

359- Cảnh Tiền Sinh Duyên (Ārammanapurejātapaccayo).

V- Thế nào là Cảnh Tiền Sinh Duyên?

Đ- 18 Hiển Sắc (đất, nước, lửa, gió, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, sắc, tiếng, mùi, vị, nam tính, nữ tính, Ý vật mạng quyền và Vật thực) sinh trước làm cảnh cho Tâm khởi lên gọi là Cảnh Tiền sinh duyên. Cảnh Tiền sinh duyên phân theo Tam Đề Thiện có 3 cách:

1) Vô Ký trợ Vô Ký bằng Cảnh Tiền Sinh Duyên (Vô Ký năng duyên là 18 Hiển Sắc khi thành Cảnh, Vô Ký sở duyên là 3 Ý Giới, 3 quan Sát, 8 Quả Dục Giới Hữu nhân, Khai Ý Môn, Vi Tiếu, 8 Duy Tác Dục Giới Hữu Nhân, Diệu Trí Duy Tác và 33 sở hữu hiệp, trừ Giới và Vô Lượng Phần). Thí dụ: Cảnh Sắc đang sinh là Cảnh Tiền Sinh Duyên của Nhãn Thức... hoặc vị A la hán thấy sắc (xa, gần...) bằng Nhãn Thông v.v...

2) Vô Ký trợ Thiện bằng Cảnh Tiền Sinh Duyên (Vô Ký năng duyên là 18 Hiển sắc khi thành Cảnh. Thiện sở duyên là 8 Thiện Dục Giới, Diệu trí Thiện và 36 sở hữu hiệp, trừ Vô Lượng Phần). Thí dụ: người hành Tứ Niệm Xứ quan sát thấy Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc... đều là Vô Thường, khổ não. Phi Ngã hoặc các vị có Diệu Trí Thiện thấy các Sắc bằng Nhãn Thông...

3) Vô Ký trợ Bất Thiện bằng Cảnh Tiền Sinh Duyên (Vô Ký năng duyên là 18 Hiển Sắc khi thành Cảnh. Bất Thiện sở duyên là 12 Tâm Bất Thiện và 27 sở hữu cùng hiệp) Thí dụ: người ưa thích Sắc, Thinh, Hương, Vị, Xúc, hoặc Mắt, Tai, Mủi, Lưỡi, Thân...khi để ý đến các sắc ấy thì Ái dục hoặc Tà kiến, Sân, Hoài Nghi, Phóng dật phát sinh.

360- Hậu Sinh Duyên (Pacchājātapaccayo). (*)

V- Thế nào là Hậu Sinh Duyên?

Đ- Tâm sinh sau trợ cho sắc sinh trước gọi là Hậu Sinh Duyên. Thí dụ: các điềm lành dữ xảy ra do việc họa phước sắp phát hiện... Hậu Sinh Duyên phân theo Tam Đề Thiện có 3 cách:

1) Thiện trợ Vô Ký bằng Hậu Sinh Duyên (Thiện năng duyên là 21 hoặc 37 Tâm Thiện và 38 sở hữu cùng hiệp. Vô Ký hữu duyên là Sắc Pháp đồng sinh với các Tâm Sinh trước như Phân đoán - hay Khai Ý Môn - ... trở về trước 16 sát na). Thí dụ: tin vị Quan lớn đi thăm viếng một nơi nào, nơi ấy sẽ trang trí nghi lễ trước; cũng như Tâm Thiện sắp sanh khởi, Sắc Pháp sinh trước để làm chỗ nương cho Tâm Thiện v.v...

2) Bất Thiện trợ Vô Ký bằng Hậu Sinh Duyên (Bất Thiện năng duyên là 12 Tâm Bất Thiện và 27 sở hữu cùng hiệp. Vô Ký sở duyên là Sắc Pháp đồng sinh với các Tâm Sinh trước như Phân đoán - hay Khai Ý Môn - ... trở về trước 16 sát na).
3) Vô ký trợ Vô ký bằng Hậu sinh duyên (Vô Ký năng duyên là Tâm Quả, Tâm Duy Tác và 38 sở hữu cùng hiệp ở Cõi Ngũ Uẩn. Vô Ký sở duyên là các Sắc Pháp đồng sinh với những tâm trước như là Phân Đoán ... trở về trước 16 sát na). Thí dụ: sở dĩ cây Xoài Riêng được vô phân tưới nước tử tế là cho mười năm sau sẽ có trái xoài riêng trổ; cũng vậy Tâm Quả Siêu Thế hoặc Duy Tác sắp sanh ở giai đoạn Đổng Tốc đã có khả năng giúp cho Sắc Pháp đồng sinh với các Tâm trước sinh khởi.
(*) Pháp sinh sau trợ giúp cho pháp sinh trước gọi là Hậu Sinh Duyên (Pacchājāto casopaccayocāti: Pacchājāta-paccayo).

361- Tập Hành Duyên (Asevanapaccayo). (*)
V- Thế nào là Tập Hành Duyên?
Đ- Sát na Tâm Đổng Tốc trước trợ cho sát na Đổng Tốc sau được thuần thục và mạnh hơn gọi là Tập Hành Duyên. Thí dụ: như người học sinh nhờ năm học đầu giúp cho năm học kế giỏi hơn. Tập Hành Duyên phân theo Tam Đề Thiện có 3 cách:
1) Thiện trợ Thiện bằng Tập Hành Duyên (Thiện năng duyên là 17 Tâm Thiện Hiệp Thế và 38 sở hữu cùng hiệp, từ sát na Đổng Tốc thứ nhất đến thứ sáu. Thiện Sở Duyên cũng vậy, nhưng chỉ kể từ sát na Đổng Tốc thứ 2 đến thứ 7). Thí dụ: như đoàn xe lửa có 7 toa (những toa trước kéo các toa sau đến toa chót không kể toa nào cả; các toa sau nhờ những toa trước kéo, còn toa đầu không nhờ toa nào kéo cả).
2) Bất Thiện trợ Bất Thiện bằng Tập Hành Duyên (Bất Thiện năng Duyên là 12 Tâm Bất Thiện và 27 sở hữu cùng hiệp, từ sát na Đổng Tốc thứ nhất đến thứ sáu. Bất Thiện sở duyên cũng vậy nhưng chỉ kể từ sát na Đổng Tốc thứ 2 đến thứ 7). Thí dụ: như môn học chương trình đến 7 năm (những năm học trước giúp cho các năm học sau, đến năm chót không còn giúp cho năm nào nữa; và các năm học sau nhờ những năm trước giúp cho hiểu biết, còn năm đầu hoàn toàn xa lạ đối với môn học tức là không nhờ năm học nào trước giúp cả).
3) Vô Ký trợ Vô Ký bằng Tập Hành Duyên (Vô Ký năng duyên là Tâm Vi Tiếu, 8 Duy tác Dục Giới Hữu Nhân, 5 Duy Tác Sắc Giới, 4 Duy tác Vô sắc Giới và 35 sở hữu cùng hiệp (trừ Giới Phần), từ sát na thứ nhất đến thứ 6). Vô Ký sở duyên cũng vậy, nhưng chỉ kể từ sát na thứ 2 đến thứ 7). Thí dụ: như ngôi nhà lầu có nhiều tầng (những tầng dưới đở tầng trên, đến tầng trên chót không còn đở tầng nào cả; và các tầng lầu trên nhờ những tầng lầu dưới đở nửa. cũng vậy, sát na Tâm Đổng Tốc đầu trợ chớ không nhờ, còn sát na Đổng Tốc chót thì nhờ mà không trợ).
Ghi chú: Ở đây là Tập Hành Duyên nên chỉ nói đồng giống trợ nhau tức là các loại Tâm Đổng Tốc mà thôi; chớ không phải như Vô Gián Duyên nên những sát na trước và sau Đổng Tốc không kể, vì khác giống. Trong Tập Hành Duyên câu 3 khác hơn 2 câu trước là các Tâm Duy Tác sắc Giới và Vô sắc Giới có thể diễn tiến liên tục đến vô lượng chứ không phải chỉ có 7 sát na.

(*) Trợ giúp bằng cách hưởng cảnh liên tục gọi là Tập Hành Duyên (Āsevanaṃ cataṃ paccayam cāti: Āsevana-paccayo.)

362- Nghiệp Duyên (Kammapaccayo). (*)

V- Thế nào là Nghiệp Duyên?

Đ- Sở hữu Tư (cetanā) hướng dẫn và điều hành các Tâm, những sở hữu cùng phối hợp và các Sắc Pháp đồng sinh gọi là Nghiệp Duyên. Nghiệp Duyên có 2 loại: Đồng Sinh Nghiệp Duyên và Dị Thời Nghiệp Duyên.

(*) Trợ giúp bằng cách chủ trương tạo tác gọi là Nghiệp Duyên (Kammamcataṃ paccayo cāti: Kammapaccayo).

363- Đồng Sinh Nghiệp Duyên (Sahajātakammapaccayo).V- Thế nào là Đồng Sinh Nghiệp Duyên?

Đ- Sở hữu Tư hướng dẫn Pháp đồng sinh (Tâm và sở hữu) điều khiển Thân hành động, Khẩu nói năng ... gọi là Đồng Sinh Nghiệp Duyên. Thí dụ: như viên Quản lý điều hành các công nhân trong một xí nghiệp. Đồng Sinh Duyên Nghiệp Duyên phân theo Tam Đề Thiện có 7 cách:

1) Thiện trợ Thiện bằng Đồng Sinh Nghiệp Duyên (Thiện năng Duyên là sở hữu Tư hiệp với Tâm Thiện. Thiện sở duyên là duyên là 21 hoặc 37 tâm Thiện và 37 sở hữu cùng hiệp, trừ sở hữu Tư).

2) Thiện trợ Vô Ký bằng Đồng Sinh Nghiệp Duyên (Thiện năng duyên sở hữu Tư hiệp với tất cả Tâm Thiện trong cõi Ngũ Uẩn. Vô Ký sở duyên là Sắc Tâm Thiện).

3) Thiện trợ Thiện và Vô Ký bằng Đồng Sinh Nghiệp Duyên (thiện năng duyên là sở hữu tư ở các Tâm Thiện trong cõi Ngũ Uẩn Thiện và Vô Ký Sở Duyên là Sắc Tâm Thiện và tất cả Pháp Thiện trong cõi Ngũ Uẩn, trừ sở hữu Tư).

4) Bất Thiện trợ Bất Thiện bằng Đồng Sinh Nghiệp Duyên (Bất Thiện năng duyên là sở Tư hiệp với Tâm Bất Thiện. Bất Thiện sở duyên là 12 tâm Bất Thiện và 26 sở hữu cùng hiệp, trừ sở hữu Tư).

5) Bất Thiện trợ Vô Ký bằng Đồng Sinh Nghiệp Duyên (Bất Thiện năng duyên là sở hữu Tư hiệp với các Tâm Bất Thiện. Bất Thiện năng duyên là sở hữu Tư hiệp với các Tâm Bất thiện. Vô Ký Sở Duyên là sắc tâm Bất Thiện).

6) Bất Thiện trợ Bất Thiện và Vô Ký bằng Đồng Sinh Nghiệp Duyên (Bất Thiện năng duyên là sở hữu Tư hiệp với các tâm Bất Thiện. Bất Thiện và Vô Ký Sở Duyên là Sắc tâm Bất Thiện và tất cả Pháp Bất Thiện trong cõi Ngũ Uẩn, trừ sở hữu Tư).

7) Vô Ký trợ Vô Ký bằng Đồng Sinh Nghiệp Duyên (Vô Ký năng duyên là sở hữu Tư hiệp với Tâm Quả và tâm Duy Tác. Vô Ký Sở Duyên là Sắc Tâm Vô Ký, Tâm Quả. Tâm Duy Tác và 37 sở hữu cùng hiệp, trừ sở hữu Tư).

364- Dị Thời Nghiệp Duyên (Nānakkanikakammapaccayo).

V- Thế nào là Dị ThờiNghiệp Duyên?

Đ- Sự lưu tồn của Nghiệp lực (Bījanidhānakicca) tạo ra Tâm Quả và Sắc Nghiệp gọi là Dị Thời Nghiệp Duyên. Hay nói cách khác, những hành vi nào đó có khả năng làm khác thời gian mà được kết Quả (Dị thời nhi thục) gọi là Dị Thời Nghiệp Duyên. Thí dụ: Đem cây xoài đi trồng, 5 năm sau có trái...Dị Thời Nghiệp Duyên phân theo Tam Đề Thiện có 2 cách:

1) Thiện trợ Vô Ký bằng Dị Thời Nghiệp Duyên. (Thiện năng Duyên là sở hữu Tư hiệp với 21 hoặc 37 Tâm Thiện Vô Ký sở duyên là 23 Tâm Quả Dục Giới, 9 Quả Đáo Đại 20 Quả Siêu Thế, 38 sở hữu cùng hiệp và Sắc Nghiệp Thiện). Thí dụ:

như Tỳ Khưu Sevali kiếp trước Bố thí một cách hy hữu nên sau được Quả phước đặc biệt v.v...
2) Bất Thiện trợ Vô Ký bằng Dị Thời Nghiệp Duyên (Bất Thiện năng duyên là sở hữu Tư hiệp với 12 Tâm Bất Thiện. Vô Ký sở duyên là 7 Tâm Quả Bất Thiện, 10 sở hữu Tợ Tha cùng hiệp (trừ Cần, Hỷ, Dục) và Sắc Nghiệp Bất Thiện) Thí dụ: như nàng Khujjuttarā vì sai vị Tỳ Khưu Ni A La Hán và nhái Đức Phật Độc Giác, nên bị Quả làm đầy tớ và bị gù lưng v.v...

365- Quả Duyên (Vipākā paccayo). (*)

V- Thế nào là Quả Duyên?
Đ- Quả trợ giúp cho Quả (dù Tương ưng hay Đồng Sinh) gọi là Quả Duyên. Thí dụ: lúc Tục Sinh, Tâm Quả và Sắc Nghiệp đồng sinh và đồng trợ cho nhau, hoặc Tâm Quả sinh lên có 4 Danh Uẩn. Uẩn Quả này trợ cho Uẩn Quả kia ... Quả Duyên phân theo Tam Đề Thiện chỉ có 1 cách:
- Vô Ký trợ Vô Ký bằng Quả Duyên (Vô Ký năng duyên là 15 Tâm Quả Vô Nhân, 8 Quả Dục Giới Hữu Nhân, 9 Quả Đáo Đại, 4 hoặc 20 tâm Quả Siêu Thế và 38 sở hữu cùng hiệp. Vô Ký sở duyên cũng vậy, nhưng kể về phương diện nhờ và thêm sắc Tục Sinh, Sắc Tâm Quả (trừ 2 sắc Biểu Tri).
(*) Tâm Quả làm duyên trợ giúp gọi là Quả Duyên (Vipāko casopaccayo cāti: Vipākapaccayo).

366- Thực Duyên (Āhārapaccayo). (*)

V- Thế nào là Thực Duyên?
Đ- Nuôi dưỡng Tâm pháp và sắc Pháp được tồn tại và tăng trưởng gọi là Thực duyên. Có 4 loại:
- Đoàn Thực là chất dinh dưỡng Sắc Pháp được trường tồn và phát triển thêm.
- Xúc Thực là sở hữu Xúc nuôi dưỡng Tâm và Sắc (Xúc duyên danh Sắc).
- Tư Thực là sở hữu Tư đào tạo và duy trì Quả Luân Hồi (Hành duyên thức).
- Thức Thực là các tâm.Vì vậy Thực Duyên có 2: Sắc Thực Duyên và danh Thực Duyên.
(*) Tứ Thực trợ giúp hộ trì bằng cách dinh dưởng Danh Sắc cho được tăng trưởng gọi là Thực Duyên (Upakāraka cattāro Āhāra: Āhārapaccayo).

367- Sắc Thực Duyên (Rūpa Āhārapaccayo).

V- Thế nào là Sắc Thực Duyên?
Đ- Trợ giúp bằng chất dinh dưỡng cho Sắc Pháp được sinh trưởng gọi là Sắc Thực Duyên. Thí dụ: nhờ cơm cháo ... mà con người được sống. Sắc Thực Duyên phân theo Tam Đề Thiện chỉ có 1 cách:
- Vô Ký trợ Vô Ký bằng sắc Thực Duyên (Vô Ký năng Duyên là Sắc vật Thực Nội và sắc Thực Ngoại. Vô Ký sở Duyên là các Sắc Pháp đồng sinh (đang trụ) với Sắc Vật Thực.

368- Danh Thực Duyên (Nāma Āhārapaccayo).

V- Thế nào là Danh Thực Duyên?
Đ- Trợ giúp các Pháp đồng sanh bằng cách thu hút ðối týợng (Cảnh) làm chất dinh dýỡng gọi là Danh Thực Duyên. Hay nói cách khác; Tâm, Xúc và Tý giúp cho các tâm Pháp sinh khởi, tồn tại và tãng trýởng nên gọi là Danh Thực Duyên. Thí dụ: nhý một tiệm buôn, nhờ ngýời chủ tổ chức, nhờ viên Quản lý điều hành mọi công việc và người bán hàng giao tiếp với khách hàng, tiệm buôn mới được sinh hoạt đều đều và các công nhân trong tiệm được sống lâu dài. Người chủ

như Tâm, Quản lý như Tư, người bán hàng như Xúc. Danh Thực Duyên phân theo Tam Đề Thiện có 7 cách:
1) Thiện trợ Thiện bằng Danh Thực Duyên (Thiện năng duyên là 21 hoặc 37 Tâm Thiện, sở hữu Xúc và tư hiệp với các Tâm Thiện. Thiện sở duyên là 25 sở hữu Tịnh hảo, 11 Tợ Tha (trừ Xúc và Tư) khi hiệp với Tâm Thiện và cũng có thể tính thêm các Tâm Thiện sở hữu Xúc và Tư ở phương diện nhờ)
2) Thiện trợ Vô Ký bằng Danh thực Duyên (Thiện năng duyên là tâm Thiện, sở hữu Xúc và Tư hiệp với Tâm Thiện Vô Ký sở duyên là Sắc tâm Thiện)
3) Thiện trợ Thiện và Vô Ký bằng Danh Thực Duyên (Thiện năng duyên cũng là 3 Thực. Thiện và Vô Ký sở duyên là tất cả Pháp Thiện và Sắc Tâm Thiện)
4) Bất Thiện trợ Bất Thiện bằng Danh Thực Duyên (Bất Thiện năng duyên là 12 tâm Bất Thiện, sở hữu Xúc và Tư hiệp với Tâm Bất Thiện. Bất Thiện sở duyên là 14 sở hữu Bất Thiện, 11 sở hữu Tợ Tha (trừ Xúc và Tư), và có thể tính luôn cả 12 tâm Bất Thiện, sở hữu Xúc và tư hiệp với Tâm Bất Thiện trên phương diện nhờ).
5) Bất Thiện trợ Vô Ký bằng Danh Thực Duyên (Bất Thiện năng duyên vẫn là 3 Thực Bất Thiện. Vô Ký sở duyên là Sắc Tâm Bất Thiện)
6) Bất Thiện trợ Bất Thiện và vô Ký bằng Danh Thực Duyên (Bất Thiện Duyên là 3 Thực Bất Thiện và Vô Ký sở duyên là tất cả Pháp Bất Thiện và Sắc Tâm Bất Thiện).
7) Vô Ký trợ Vô Ký bằng Danh Thực Duyên (Vô Ký năng duyên là các Tâm Quả, tâm Duy Tác, sở hữu Xúc và Tư hiệp với Tâm Quả và Duy tác. Vô Ký sở duyên là 24 sở hữu Tịnh Hảo, 11 Tợ tha (trừ Xúc và Tư) có thể tính luôn cả 3 Thực Vô Ký trên phương diện nhờ và sắc tâm Vô Ký).

369- Quyền Duyên (Indriyapaccayo). (*)

V- Thế nào là Quyền Duyên?
Đ- Trợ giúp bằng cách cai Quản, điều hành các Pháp đồng sinh gọi là Quyền Duyên, thí dụ: như vị tướng chỉ huy các binh sĩ. Quyền Duyên phân ra có 3: 1) Đồng Sinh Quyền Duyên. 2) Tiền Sinh Quyền Duyên. 3) Sắc Mạng Quyền Duyên.

(*) Trợ giúp bằng cách điều khiển gọi là Quyền Duyên (Indriyancataṃ paccayaṃ cāti: Indriyapaccayo).

370- Đồng Sinh Quyền Duyên (Sahajātindriyaccayo).

V- Thế nào là Đồng Sinh Quyền Quyên?
Đ- Năng và Sở đồng sinh, nhưng năng giúp cho Sở bằng cách điều khiển gọi là Đồng Sinh Quyền Duyên. Có 8 chi pháp căn bản của Đồng Sinh Quyền Duyên: Tín Quyền, Cần Quyền, Niệm Quyền, Định Quyền, Tuệ Quyền, Ý Quyền, Thọ Quyền (Khổ, lạc, ưu, hỷ, xả), Mạng Quyền (danh) (Vị Tri Quyền, Dỉ Tri Quyền và Cụ Tri Quyền thuộc về Tuệ Quyền). Đồng Sinh Quyền Duyên phân theo Tam Đề Thiện có 7 cách:
1) Thiện trợ Thiện bằng Đồng Sinh Quyền Duyên (Thiện năng duyên là Bát Quyền Hiệp với Tâm Thiện. Thiện Sở Duyên là tất cả Pháp Thiện, tính cả Bát Quyền trên phương diện nhờ).
2) Thiện trợ Vô Ký bằng Đồng Sinh Quyền Duyên (Thiện năng duyên là Bát Quyền trong phạm vi Thiện Vô Ký sở duyên là Sắc Tâm Thiện).
3) Thiện trợ Thiện và Vô Ký bằng Đồng Sinh Quyền Duyên (Thiện năng duyên là

Bát Quyền Thiện. Thiện và Vô Ký sở duyên là tất cả Pháp Thiện và Sắc tâm Thiện).
4) Bất Thiện trợ Bất Thiện bằng Đồng Sinh Quyền Duyên (Bất Thiện năng duyên là Thọ, Cần, Định, Mạng Quyền (hiệp với Tâm Bất Thiện) và Tâm Bất Thiện sở duyên là tất cả Pháp Bất Thiện tính trên phương diện nhờ).
5) Bất Thiện Vô Ký bằng Đồng Sinh Quyền Duyên (Bất Thiện năng duyên là Ngũ Quyền bất Thiện. Vô Ký sở duyên là Sắc Tâm Bất Thiện).
6) Bất Thiện trợ Bất Thiện và Vô Ký bằng Đồng Sinh Quyền Duyên (Bất Thiện năng duyên là ngũ Quyền Bất Thiện. Bất Thiện Vô Ký sở duyên là sắc Tâm Bất Thiện và ngũ Quyền Bất Thiện trên phương diện nhờ).
7) Vô Ký trợ Vô Ký bằng Đồng Sinh Quyền Duyên (Vô Ký năng duyên là Tín, Cần, Niệm, Định, Tuệ, Thọ, Danh, Mạng Quyền và Ý Quyền trong phạm vi Tâm Quả và Duy Tác Vô Ký sở duyên là Sắc Tâm Vô Ký, Sắc Nghiệp Tục Sinh và Bát Quyền Vô Ký trên phương diện nhờ).

371- Tiền Sinh Quyền Duyên (Purejātindriyaccayo).

V- Thế nào là Tiền Sinh Quyền Duyên?
Đ- Năm Sắc Vật sinh trước có khả năng điều khiển Ngũ Song Thức và 7 sở hữu Biến Hành cùng hiệp sắp sinh gọi là Tiền Sinh Quyền Duyên. Thí dụ: Sắc Nhãn Vật đối chiếu với Cảnh sắc, Nhãn Thức mới sinh khởi v.v...Tiền Sinh Quyền Duyên phân theo Tam Đề Thiện có 1 cách:
- Vô Ký trợ Vô Ký bằng Tiền Sinh Quyền Duyên (Vô Ký năng duyên là Nhãn Vật, Nhĩ Vật, Tỷ Vật, Thiệt Vật và Thân Vật ở khoảng giữa của sát na trụ. Vô Ký sở duyên là Ngũ Song Thức và 7 sở hữu Biến Hành).

372- Sắc Mạng Quyền Duyên (Rūpajīvitindrīyapaccayo).

V- Thế nào là Sắc mạng Quyền Duyên?
Đ- Sắc Mạng Quyền trợ cho Sắc Nghiệp đồng sinh gọi là Sắc Mạng Quyền Duyên. Thí dụ: nước nuôi dưỡng các loại thủy thảo được sống còn v.v... Sắc Mạng Quyền Duyên phân theo Tam Đề Thiện chỉ có 1cách:
- Vô Ký trợ Vô Ký bằng Sắc mạng Quyền Duyên (Vô Ký năng duyên là sắc mạng Quyền. Vô Ký sở duyên là 9 Sắc Nghiệp ngoài ra hoặc 8 Sắc đồng sinh trong bọn).

373- Thiền Duyên (Jhānapaccayo). (*)

V- Thế nào là Thiền Duyên?
Đ- Trợ giúp các Pháp đồng sinh bằng cách đối trị nghịch Pháp gọi là Thiền Duyên. Thí dụ: Chi tâm đối trị Hôn Thùy v.v... Thiền Duyên phân theo Tam Đề Thiện có 7 cách:
1) Thiện trợ Thiện bằng Thiền Duyên (Thiện năng duyên là Tầm, Tứ, Hỷ, Thọ (lạc xả) và Thức Hành trong phạm vi Tâm Thiện. Thiện sở duyên là 21 hoặc 37 Tâm Thiện và 38 sở hữu cùng hiệp, kể cả 5 chi Thiền. Thiện trên phương diện nhờ).
2) Thiện trợ Vô Ký bằng Thiền Duyên (Thiện năng duyên là 5 chi Thiền Thiện. Vô Ký sở duyên là Sắc Tâm Thiện).
3) Thiện trợ Thiện và Vô Ký bằng Thiền Duyên (Thiện năng duyên là 5 chi Thiền Thiện và Vô Ký sở duyên là sắc Tâm Thiện và tất cả Pháp Thiện trên phương diện nhờ).
4) Bất Thiện trợ Bất Thiện Bằng Thiền Duyên (Bất Thiện năng duyên là Tầm, tứ,

Hỷ, Thọ, Lạc, Xả, Ưu) và Nhứt Hành trong phạm vi Tâm Bất Thiện. Bất Thiện sở duyên là 12 Tâm Bất Thiện và 27 sở hữu cùng hiệp. Kể cả 5 chi Thiền bất Thiện trên phương diện nhờ).
5) Bất Thiện trợ Bất Thiện và Vô Ký bằng Thiền Duyên (Bất Thiện năng duyên là 5 chi Thiền Bất Thiện. Vô Ký sở duyên là Sắc Tâm bất Thiện).
6) Bất Thiện trợ Bất Thiện và Vô Ký bằng Thiền Duyên (Bất Thiện năng duyên là 5 chi Thiền Bất Thiện. Bất Thiện và Sắc Tâm Bất Thiện và tất cả Pháp Bất Thiện trên phương diện nhờ).
7) Vô Ký trợ Vô Ký bằng Thiền Duyên (Vô Ký năng duyên là Tầm, Tứ, Hỷ, Thọ (lạc, Xả) và nhứt hành là trong phạm vi Tâm Quả và Duy Tác. Vô Ký sở duyên là sắc Tâm Vô Ký, 42 tâm Quả (trừ Ngũ song 20 Tâm Thức), Duy Tác và 38 sở hữu cùng hiệp, kể cả 5 chi Thiền Vô Ký trên phương diện nhờ).
(*) Trợ giúp bằng Thiền định gọi là Thiền Duyên (Jhānancataṃ paccayancāti: Jhānapaccayo)

374- Đạo Duyên (Maggapaccayo). (*)
V- Thế nào là Đạo Duyên?
Đ- Những Pháp như con đường, đưa chúng sanh đến nơi Khổ, chổ Vui và Niết Bàn gọi là Đạo. Và những Pháp ấy hổ trợ các Pháp đồng sinh gọi là Đạo Duyên. Thí dụ: Bát Chánh Đạo là con đường đến Niết Bàn, 8 chi Đạo trợ cho Tâm Đạo và các sở hữu đồng sinh v.v... Đạo Duyên phân theo Tam Đề Thiện có 7 cách:
1) Thiện trợ Thiện bằng Đạo Duyên (Thiện năng duyên là Trí, tầm, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Cần, Niệm và Nhứt Hành trong phạm vi Tâm Thiện. Thiện sở duyên là 21 hoặc 37 tâm Thiện và 38 sở hữu cùng hiệp, kể cả 8 chi Đạo trên phương diện nhờ).
2) Thiện trợ Vô Ký bằng Đạo Duyên (Thiện năng duyên là 8 Chi đạo trong phạm vi Thiện. Vô Ký sở duyên là Sắc Tâm Vô Ký).
3) Thiện trợ Thiện và Vô Ký bằng Đạo Duyên (Thiện năng duyên là 8 chi Đạo trong phạm vi Thiện. Thiện và Vô Ký sở duyên là Tâm, sở hữu vô ký Hữu Nhân và sắc Tâm vô Ký Hữu Nhân.
4) Bất Thiện trợ Bất Thiện bằng Đạo Duyên (Bất Thiện năng duyên là Tầm, Cần, tà Kiến và Nhứt Hành trong phạm vi Tâm Bất Thiện. Bất Thiện sở duyên là tất cả Pháp Bất Thiện trên phương diện nhờ).
5) Bất Thiện trợ Vô Ký bằng Đạo Duyên (Bất Thiện năng duyên là 4 chi Đạo bất Thiện hiệp với tâm Bất Thiện. Vô Ký sở duyên là Sắc Tâm Bất Thiện).
6) Bất Thiện trợ Bất Thiện và Vô Ký bằng Đạo Duyên (Bất Thiện năng duyên là 4 chi Đạo Bất Thiện trong phạm vi tâm Bất Thiện. Bất Thiện và Vô Ký sở duyên là Sắc tâm Bất Thiện và tất cả Pháp Bất Thiện trên phýõng diện nhờ).
7) Vô Ký trợ Vô Ký bằng Đạo Duyên (Vô Ký năng duyên là 8 chi đạo trong phạm vi Tâm Quả và Duy Tác. Vô Ký sở duyên là Sắc Tâm Vô Ký, 21 hoặc 37 Tâm Quả Hữu Nhân, 17 Tâm Duy Tác Hữu Nhân và 38 sở hữu cùng hiệp kể cả 8 chi Đạo trên phương diện nhờ).
(*) Trợ giúp bằng chi Đạo gọi là Đạo Duyên (Maggabhāvena upakārako dhammo: Maggapaccayo).

375- Tương Ưng Duyên (Sampayuttapaccayo). (*)
V- Thế nào là Tương Ưng Duyên?
Đ- Tứ Danh Uẩn hổ trợ nhau bằng cách hòa hợp tương đồng gọi là Tương Ưng

Duyên. Thí dụ: như chén nước mắm có đủ các thứ: nước, muối, thuốc (gia vị) cá ... phối hợp lại thành 1, mặc dù trong ấy có đủ mùi vị các thứ, nhưng không thể tách rời ra. Tương Ưng Duyên phân theo Tam Đề Thiện có 3 cách:
1) Thiện trợ Thiện bằng Tương Ưng Duyên (Thiện năng duyên là tất cả Pháp Bất Thiện trên phương diện trợ giúp. Thiện sở duyên là tất cả Pháp Thiện trên phương diện trợ giúp. Thiện Sở Duyên là tất cả Pháp Thiện trên phương diện nhờ).
2) Bất Thiện trợ Bất Thiện bằng Tương Ưng Duyên (Bất Thiện năng duyên là tất cả Pháp bất Thiện trên phương diện hỗ trợ. Bất Thiện sở duyên là tất cả Pháp bất Thiện trên phương diện nương nhờ).
3) Vô Ký trợ Vô Ký bằng Tương Ưng Duyên (Vô Ký năng duyên là tất cả Pháp Vô Ký Danh về phía trợ. Vô Ký sở duyên là tất cả Pháp Vô Ký Danh phía nhờ).
(*) Trợ giúp bằng cách phối hợp và hòa đồng với nhau gọi là Tương Ưng Duyên (Sampayutta bhāvena upakārako dhammo: Sampayuttapaccayo).

376- Bất Tương Ưng Duyên (Vippayuttapaccayo). (*)
V- Thế nào là Bất Tương Ưng Duyên?
Đ- Danh và Sắc hổ trợ nhau nhưng không hòa đồng nên gọi là Bất Tương Ưng Duyên. Thí dụ: Dầu và nước đổ chung, nhưng dầu và nước không bao giờ hòa nhau thành một. Bất Tương Ưng Duyên có 3:
1) Đồng Sinh Bất Tương Ưng Duyên.
2) Sinh Tiền Bất Tương Ưng Duyên (tức Vật Sinh Tiền Bất Hiệp Duyên và Cảnh Vật Sinh Tiền Bất Hiệp Duyên và cảnh Vật Sinh Tiền Bất Hiệp Duyên).
3) Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên (tức Hậu Sinh Duyên).
(*) Trợ giúp bằng cách không hòa đồng với nhau gọi là Bất Tương Ưng Duyên (Vippayutta bhāvena upakārako dhammo: Vippayuttapaccayo)

377- Đồng Sinh Bất Tương Duyên. (Sahajātavippayuttapaccayo).
V- Thế nào là Đồng Sinh Bất tương Ưng Duyên?
Đ- Trợ giúp nhau bằng cách Đồng Sinh, nhưng không hòa đồng gọi là Đồng Sinh Bất Tương Ưng Duyên. Thí dụ: như Hội Liên Tôn hay Liên Hiệp Quốc v.v... Đồng Sinh Bất Tương Ưng Duyên phân theo Tam Đề Thiện có 3 cách:
1) Thiện trợ Vô Ký bằng Đồng Sinh Bất Sinh Bất Tương Ưng Duyên (Bất Thiện năng duyên là tất cả Pháp Thiện. Vô Ký sở duyên là Sắc tâm Thiện).
2) Bất Thiện trợ Vô Ký bằng Đồng Sinh Bất Tương Ưng Duyên (Bất Thiện năng duyên là tất cả Pháp Bất Thiện. Vô Ký sở duyên là Sắc Tâm Thiện).
3) Vô Ký trợ Vô Ký bằng Đồng Sinh Bất Tương Ưng Duyên (Vo Ký năng duyên là Tâm Vô Ký (trừ Ngũ Song Thức, 4 Quả Vô sắc và Tâm Tử của A La Hán), 38 sở hữu cùng hiệp và Sắc Mạng Quyền tục sinh. Vô Ký sở duyên là 2 Tâm Quan sát thọ xả, 8 Quả Dục Giới Hữu Nhân, 9 Quả Đáo Đại, 35 sở hữu cùng hiệp, Sắc Tục Sinh và Sắc Tâm Vô Ký).

378- Hiện Hữu Duyên (Atthipaccayo).
V- Thế nào là Hiện Hữu Duyên?
Đ- Trợ giúp bằng cách hiện diện, hiện hữu. Hiện hữu duyên phân ra có 6:
1) Đồng Sinh Hiện Hữu Duyên (tức Đồng Sinh Duyên).
2) Cảnh Sinh Tiền Hiện Hữu Duyên (tức Cảnh Sinh Tiền duyên).
3) Vật Sinh Tiền Hiện Hữu Duyên (tức Vật Sinh Tiền Y Duyên).
4) Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên (tức Hậu Sinh Duyên).

5) Vật Thực Hiện Hữu Duyên (tức Sắc Mạng Duyên).
6) Quyền Hiện Hữu Duyên (tức sắc Mạng Quyền Duyên).

379- Vô Hữu Duyên (Natthipaccayo).

V- Thế nào là Vô Hữu Duyên?
Đ- Trợ giúp bằng cách khiếm diện, không hiện hữu gọi là Vô Hữu Duyên. Thí dụ: Sát na tâm Khai Ngũ Môn diệt mất nên Tâm Ngũ Song Thức mới sinh lên được ... (Vô Hữu Duyên tức Vô Gián Duyên).

380- Ly Duyên (Vigatapaccayo).

V- Thế nào là Ly Duyên?
Đ- Trợ giúp bằng cách khứ ly, xa lìa nhau gọi là Ly Duyên, thí dụ: Sát na tâm Ngũ Song Thức diệt mất nên Tâm Tiếp Thâu mới sinh lên được...(giống như Vô Hữu Duyên tức là Vô Gián Duyên hay Đẳng Vô Gián Duyên.

381- Bất Ly Duyên (Avigatapaccayo).

V- Thế nào là Bất Ly Duyên?
Đ- Trợ giúp bằng cách đang sanh, đang có (tức Hiện Hữu Duyên).

382- Kết Luận Về Duyên Hệ.

Như đã trình bày, Duyên Hệ đại khái có tất cả là 24 thứ. Tùy theo trường hợp các Duyên sinh khởi không thể tìm ra khởi điểm đầu tiên; bởi lẻ trùng trùng Duyên sinh, điệp điệp Duyên Hệ. Các bậc Viên Giác đoạn tận mọi Duyên Sinh, Duyên Hệ nên chẳng có thân sau; vì "Niết Bàn là Vô Duyên"!
Từ trước đến đây đã trình bày về Tâm, sở hữu Tâm, Sắc Pháp và Niết Bàn là pháp thuộc về phần Chơn Đế (Paramatthasacca). Bây giờ sẽ bàn đến phần Tục Đế (Sammuttisacca).

-ooOoo-

[05]

383- Tục Đế (Sammuttisacca).

V- Thế nào là Tục Đế?
Đ- Tục Đế là sự thật thế tình, sự thật phổ thông, sự thật theo phong tục, tập quán về ngôn ngữ và ý nghĩa của ngôn ngữ. Thí dụ: danh từ "ngôi nhà", vật để trốn mưa nắng ... đặt tên là ngôi nhà và khi nói đến danh từ "ngôi nhà" là người ta hiểu ngay là vật để ở trốn mưa nắng v.v... Tục Đế phân ra có 2 cách: Danh Chế Định và Nghĩa Chế Định.

384- Danh Chế Định (Nāmapaññatti).

V- Thế nào là Danh Chế Định?
Đ- Chế biến định đặt các loại danh từ để tiện việc ngôn ngữ xưng hô, kêu gọi khi muốn nói đến một sự vật gì dù là cụ thể hay trừu tượng hoặc thuộc về vật lý hay tâm lý v.v...Thí dụ: như nghe trong thân thể đau nhức khó chịu thì nói "tôi bệnh" .v.v.. Danh Chế Định phân ra có 6 thứ:
1) Danh Chơn Chế Định.
2) Phi Danh Chơn Chế Định.
3) Danh Chơn Phi Danh Chơn Chế Định.
4) Phi Danh Chơn Danh Chơn Chế Định.
5) Danh Chơn Danh Chơn Chế Định.
6) Phi Danh Chơn Phi Danh Chơn Chế Định.

385- Danh Chơn Chế Định (Sāvijjamāna paññatti).
V- Thế nào là Danh Chơn Chế Định?
Đ- Những danh từ chỉ về Pháp Chơn Đế như sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức hoặc Uẩn, Xứ, Giới, Đế v.v.. gọi là Danh Chơn Chế Định.
386- Phi Danh Chơn Chế Định (Avijjamāna paññatti).
V- Thế nào là Phi Danh Chơn Chế Định?
Đ- Những danh từ chỉ về Pháp Tục Đế như Đàn ông, Đàn bà, non sông, Tổ quốc v.v... gọi là Phi danh Chơn Chế Định.
387- Danh Chơn Phi Danh Chơn Chế Định.(Vijjamānena Avijjāmānapaññtti).
V- Thế nào là Danh Chơn Phi danh Chơn Chế Định?
Đ- Tiếng nói là Cảnh Thinh, Nhan Sắc là Cảnh Sắc thuộc về Chơn Đế; còn người nam, người Nữ là Tục Đế.
388- Phi danh Chơn danh Chơn Chế Định (Avijjānena Vijjāmāna paññatti).
V- Thế nào là Phi Danh Chơn danh Chơn Chế Định?
Đ- Những danh từ ghép, tiếng trước chỉ Pháp Tục Đế (giả danh, chớ không có thật), tiếng sau chỉ Pháp Chơn Đế như "người có Tâm Tham" v.v... gọi là Phi danh Chơn. Danh Chơn Chế Định tiếng "người" là giả danh, không có thật; còn "Tâm Tham" thì có thật.
389- Danh Chơn Danh Chơn Chế Định (Vijjamānena Vijjamāna Paññatti).
V- Thế nào là Danh Chơn Danh Chơn Chế Định?
Đ- Những danh từ ghép, tiếng trước, tiếng sau đều chỉ Pháp Chơn Đế như Nhãn Thức, Nhĩ Thức v.v... gọi là danh Chơn Danh Chơn Chế Định (tiếng Nhãn, Nhĩ, đều là danh từ chỉ Vật có thật và Thức cũng là danh từ thuộc về Chơn Đế).
390- Phi Danh Chơn Phi Danh Chơn Chế Định (Avijjamānena Avijjamāna Paññatti).
V- Thế nào là Phi danh Chơn, Phi danh Chơn Chế Định?
Đ- Những danh từ ghép, tiếng trước tiếng sau đều chỉ Pháp Tục Đế như Cha con, Ông cháu v.v... gọi là Phi danh Chơn Phi danh Chơn Chế Định (tiếng cha con, ông cháu ... xét trên phương diện Chơn Đế thì hoàn toàn giả danh chớ không có thật nhưng xét về mặt thế tình, tục đế thì có thật).
391-Nghĩa Chế Định (Atthapaññatti).
V- Thế nào là Nghĩa Chế Định?
Đ- Quy định ý nghĩa cho được biết, được hiểu về đối tượng. Thí dụ: như nói "ngôi nhà cũ" người nghe hiểu rằng "chổ ở đã lâu" có 7:
1) Hình Thức Chế Định.
2) Hiệp Thành Chế Định.
3) Chúng sanh Chế Định.
4) Phương Hướng Chế Định.
5) Thời Gian Chế Định.
6) Hư Không Chế Định.
7) Tiêu Biểu Chế Định.

392- Hình Thức Chế Định (Santhānāpaññatti).
V- Thế nào là Hình Thức Chế Định?

Đ- Mặt đất bằng phẳng có một gò đất đất ... nhô cao lên gọi là Núi, chứa nước mênh mông nhiều hơn phần đất liền gọi là Biển v.v... đó là Hình thức Chế Định.

393- Hiệp Thành Chế Định (Samèhapaññatti).

V- Thế nào là Hiệp Thành Chế Định?

Đ- Vì có các vật liệu như rui, mè, kèo, cột v.v... ráp lại thành một ngôi nhà v.v... gọi là Hiệp Thành Chế Định.

394- Chúng Sinh Chế Định (Sattā paññatti).

V- Thế nào là Chúng Sinh Chế Định?

Đ- Thú, người, Trời, Tiên, Phật, Thánh, Thần, Ma, Quỉ v.v... gọi là Chúng Sinh Chế Định.

395- Phương Hướng Chế Định (Disā paññatti).

V- Thế nào là Phương Hướng Chế Định?

Đ- Đông, Tây, Nam, Bắc, Trên, Dưới, v.v... gọi là Phương Hướng Chế Định.

396- Thời Gian Chế Định (Kālapaññatti).

V- Thế nào là Thời Gian Chế Định?

Đ- Xuân, Hạ, Thu, Đông, giờ Tý, giờ Sửu ... một giờ, hai giờ ... sáng, trưa, chiều v.v... gọi là Thời Gian Chế Định.

397- Hư Không Chế Định (Ākāsapaññatti).

V- Thế nào là Hư Không Chế Định?

Đ- Những chỗ trống, kẻ hở, khoảng hư không như giếng, hang, hào, hố, huyệt, ao, đầm, đìa, sông, rạch v.v... gọi là Hư Không Chế Định.

398- Tiêu Biểu Chế Định (Namitta paññatti).

V- Thế nào là Tiêu Biểu Chế Định?

Đ- Những đề mục Tu chỉ Định (Samatha) như đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng v.v... hoặc các vật tiêu biểu như lá cờ, bảng hiệu v.v... gọi là Tiêu Biểu Chế Định.

Nói tóm lại, mọi sự vật trong đời được diễn đạt bằng ngôn ngữ, để bày tỏ cho nhau được hiểu biết, bất cứ dưới hình thức nào, phương tiện nào đều là Chế Định. Dù Đức Phật thuyết pháp để chuyển mê khai ngộ cho chúng sinh cũng phải dùng Pháp Chế Định (Tục Đế). Thường được ví dụ: Tục Đế như ngón tay, Chơn Đế như Mặt Trăng; đôi khi người ta còn dùng danh từ *Sự* để chỉ cho Tục Đế và danh từ *Lý* để chỉ cho Chơn Đế v.v...người tu hành cần phải biết rõ thế nào là Tục Đế, thế nào là Chơn Đế và phải biết rõ thế nào là Chơn Đế Hữu Vi, thế nào là Chơn Đế Vô Vi (Niết Bàn). Khi đã đạt tri, liễu chứng như vậy, chắc chắn sẽ không còn lầm cho rằng trụ trong Niết Bàn, ở trong Niết Bàn, mắc kẹt trong Niết Bàn! Mà Chỉ biết Niết Bàn là Niết Bàn, sanh tử là sanh tử, chớ không phải sanh tử là Niết Bàn, phiền não tức là Bồ Đề như một số người ngộ nhận! Các vị Chánh Giác không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời và cũng không ham thích Niết Bàn như nhiều người lầm tưởng! Chính Ngài Xá Lợi Phất nói "Tôi không yêu sự sống (sinh tử), cũng không thích sự chết (Niết Bàn), nhưng tôi không làm trái chưa chín mà phải rụng"... Đức Thế Tôn có nói Bậc A La Hán biết rõ Niết Bàn là Niết Bàn, vì biết rõ Niết Bàn là Niết Bàn nên không tư niệm trong Niết Bàn, không nghĩ có tự ngã trú Niết Bàn, không nghĩ bản ngã là Niết Bàn, không nghĩ Niết Bàn là của ta, không hoan hỷ trong Niết Bàn. Vì sao vậy? Như Lai nói: "Vì vị ấy đã thật hiểu Niết Bàn" (Kinh Mūlapariyāya trong bộ Majjhima Nikāya).

399- Thiền Chỉ Quán (Samathacavipassanajhānā).
V- Thế nào là Thiền Chỉ Quán?
Đ- Thiền là phương pháp thiêu đốt phiền não, có hai loại là thiền chỉ và thiền quán. Thiền chỉ là phương pháp tập trung tư tưởng trên một đề mục, tức là cách tu theo 40 đề mục chỉ định, còn thiền quán là phương pháp phát triển tuệ tu trên mọi trường hợp, cho thấy rõ sự sanh diệt của danh sắc hay sự vô thường của ngũ uẩn. Và thấy rõ cái gì ngoài ngũ uẩn thì không bị sanh diệt. Phương pháp tu Chỉ chỉ đè nén phiền não tạm thời, còn pháp tu Tuệ Quán thì sát tuyệt phiền não hoàn toàn. Và nơi đây sẽ nói đến phương pháp chỉ quán một cách tương đối đầy đủ. Pháp tu chỉ quán nơi đây chính là pháp "Tứ Niệm Xứ".
400- Tứ Niệm Xứ (Satipaṭṭhaṇā).
V- Thế nào là Tứ Niệm Xứ?
Đ- *Tứ* là con số 4. *Niệm* là trạng thái tâm quan sát theo dõi, chú tâm, ghi nhớ, biết rõ, biết đến, biết ngay. Xứ là chỗ, nơi, vị trí, đề mục, đối tượng tức là hành xứ hay Sở Tri, Sở Quán ... Như vậy, Tứ Niệm Xứ tức 4 Sở quán là Thân quán niệm Xứ, Thọ quán niệm Xứ, Tâm quán niệm Xứ và Pháp quán niệm Xứ.
401- Thân Quán Niệm Xứ (Kāyānupassanā).
V- Thế nào là Thân Quán Niệm Xứ?
Đ- Quan sát biết rõ những gì thuộc sắc uẩn hoặc Hành tướng của sắc uẩn gọi là Thân quán Niệm Xứ. Có 7 pháp Quán sát thuộc về Thân quán niệm Xứ là:
1) Quán sát hơi thở. 2) Quán sát Đại oai nghi. 3) Quán sát tiểu oai nghi. 4) Quán sát Thân bất tịnh. 5) Quan sát Tứ Đại. 6) Quán sát tử thi. 7) Quán sát hài cốt.

402- Quán sát Hơi Thở (Ānapānasati).
V- Thế nào là quán sát Hơi Thở?
Đ- Người tu hành theo pháp Tứ Niệm Xứ của Đức Thế Tôn, đi đến khu rừng, cội cây, ngôi nhà vắng, ngồi kiết già lưng thẳng, an trú chánh niệm trong đề mục hiện hữu (thường có):
Khi thở vô dài, Vị ấy biết rõ.
Khi thở ra dài, Vị ấy biết rõ.
Khi thở vô ngắn, Vị ấy biết rõ.
Khi thở ra ngắn, Vị ấy biết rõ.

Biết rõ nguyên cả hơi thở vô, khi Vị ấy thở vô.
Biết rõ nguyên cả hơi thở ra, khi Vị ấy thở ra.
Khi hơi thở vô vắng lặng, Vị ấy biết rõ.
Khi thở ra, vắng lặng, Vị ấy biết rõ.

Khi thở vô, Tâm vui mừng khởi lên, vị ấy biết rõ.
Khi thở ra, Tâm vui mừng khởi lên, Vị ấy biết rõ.
Khi thở vô, Thân sung sướng sinh khởi, Vị ấy biết rõ.
Khi thở ra, Thân sung sướng sinh khởi, Vị ấy biết rõ.

Khi thở vô, Thọ tưởng sinh khởi, Vị ấy biết rõ.
Khi thở ra, Thọ tưởng sinh khởi, Vị ấy biết rõ.
Khi thở vô, Thọ tưởng vắng lặng, Vị ấy biết rõ.

Khi thở ra, Thọ tưởng vắng lặng, Vị ấy biết rõ.

Khi thở vô, Tâm có cảm giác như thế nào, Vị ấy biết rõ.
Khi thở ra, Tâm có cảm giác như thế nào, Vị ấy biết rõ.
Khi thở vô, Tâm thơi thới, Vị ấy biết rõ.
Khi thở ra, tâm thơi thới, Vị ấy biết rõ.

Khi thở vô, Tâm vô tư đối với cảnh, Vị ấy biết rõ.
Khi thở ra, Tâm vô tư đối với cảnh, Vị ấy biết rõ.
Khi thở vô, tâm thoát ly triền cái, Vị ấy biết rõ.
Khi thở ra, Tâm thoát ly triền cái, Vị ấy biết rõ.

Khi thở vô, Tâm thấy được vô thường, Vị ấy biết rõ.
Khi thở ra, Tâm thấy được vô thường, Vị ấy biết rõ.
Khi thở vô, Tâm xa lìa Ngũ dục, Vị ấy biết rõ.
Khi thở ra, Tâm xa lìa Ngũ dục, Vị ấy biết rõ.

Khi thở vô, Tâm vắng lặng, Vị ấy biết rõ.
Khi thở ra, Tâm vắng lặng, Vị ấy biết rõ.
Khi thở vô, Tâm giải thoát khỏi các phiền não, Vị ấy biết rõ.
Khi thở ra, Tâm giải thoát khỏi các phiền não, Vị ấy biết rõ.

Nói tóm lại, Quan Sát hơi thở là chú tâm theo dõi hơi thở ra, vô, nếu trong khi quan sát hơi thở, thân tâm có trạng thái gì sinh khởi thì phải biết ngay và sau khi nhận biết sự vật vừa sinh khởi rồi tiếp tục quan sát theo hơi thở vô ra.
Biết rõ hơi thở của mình gọi là "Quán thân trên nội thân", biết rõ hơi thở của người khác gọi là "Quán thân trên ngoại thân" biết rõ hơi thở của mình và của người gọi là "Quán thân trên nội và ngoại thân". Biết rõ hơi thở lúc sinh khởi gọi là "Quán sự sinh trên thân" biết rõ hơi thở lúc diệt mất gọi là "Quán sự diệt trên thân", biết rõ khi hơi thở Sinh và Diệt gọi là "Quán sự Sinh và Diệt trên thân". Như vậy là Thân quán niệm Xứ về phần quan sát hơi thở.

403- Quan Sát Đại Oai Nghi.

V- Thế nào là Quan sát Đại Oai Nghi?
Đ- Đại Oai Nghi là cách đi, đứng, nằm, ngồi. Cách đi là xác thân di chuyển, 2 chân luôn luôn dở, bước, đạp. Cách đứng là xác thân đình trụ, dừng lại, 2 chân phải chống đỡ sức nặng của toàn thân. Cách nằm là xác thân trải dài trên giường, ghế v.v... Cách ngồi là thân xác co lại phân nửa phần trên, 2 bàn tọa đặt trên giường ghế v.v... Người tu tập chánh niệm khi thân xác ở trong oai nghi nào phải biết rõ.
Biết rõ cách Đi, Đứng, Nằm, Ngồi của mình gọi là "Quán Thân trên nội thân", biết rõ cách Đi, Đứng, Nằm, Ngồi của người khác gọi là "Quán Thân trên ngoại thân", biết rõ cách Đi, Đứng, Nằm, Ngồi của mình và của người khác gọi là "Quán Thân trên nội và ngoại thân". Biết rõ sự sinh khởi của mỗi cách Đi, Đứng, Nằm, Ngồi gọi là "Quán sự sinh trên thân", biết rõ sự diệt mất của mỗi cách Đi, Đứng, Ngồi, Nằm gọi là "Quán sự diệt trên thân", biết rõ sự Sinh và Diệt của mỗi cách Đi, Đứng, Nằm, Ngồi gọi là "Quán sự Sinh Diệt trên thân". Như vậy là Tâm Quán niệm Xứ về phần quan sát Đại Oai Nghi.

403- Quan Sát Tiểu Oai Nghi.

V- Thế nào là Quan Sát Tiểu Oai Nghi?
Đ- Tiểu oai nghi là những hành vi lặt vặt, những động tác linh tinh, tức các cử động của thân thể không thuộc về tứ đại oai nghi như co tay duỗi chân .v.v. Hành giả tu tập theo Tứ Niệm Xứ, khi thân có những cử động nào, dù nhỏ đến đâu, cũng phải biết rõ. Thí dụ như khi đi hai tay đánh đồng xa, hay nghiêng ngả thân mình, hoặc đầu lắc hay gật, chí đến nói, cười, khóc, ... đều phải biết rõ. Hoặc khi mắt nhìn về phía trước, Vị ấy biết rõ; khi ngó lui phía sau, Vị ấy biết rõ.
Khi mặc y nội, y vai trái, Vị ấy biết rõ.
Khi mang bát, mang tăng già lê, Vị ấy biết rõ.
Khi ăn, uống, nhai, nuốt, Vị ấy biết rõ.
Khi đại tiện, tiểu tiện, Vị ấy biết rõ.

Nói tóm lại, xác thân được sử dụng như thế nào, Vị ấy biết rõ như thế ấy. Quan sát biết rõ các tiểu oai nghi của mình gọi là "Quán thân trên nội thân", biết rõ các tiểu oai nghi của người khác gọi là "Quán thân trên ngoại thân", biết rõ tiểu oai nghi của mình và người khác gọi là "Quán thân trên nội và ngoại thân". Biết rõ sự sinh khởi của mỗi tiểu oai nghi gọi là "Quán sự sinh trên thân", biết rõ sự diệt của mỗi tiểu oai nghi gọi là "Quán sự diệt trên thân", biết rõ sự sinh và diệt của mỗi tiển oai nghi gọi là "Quán sự sinh diệt trên thân". Như vậy, thân quán niệm xứ về phần quan sát tiểu oai nghi là thế.

404- Quan Sát Thân Bất Tịnh (Asucino).

V- Thế nào là Quan Sát Thân Bất Tịnh?
Đ- Đức Thế Tôn dạy các vị Tỳ Khưu quan sát thân nầy từ dưới gót chân lên đến đảnh tóc, bao bọc bởi da, và chứa đựng những vật bất tịnh khác. Trong thân nầy, đây là tóc lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim gan, óc dạ dầy, màng bao ruột, phổi, ruột già, ruột non, vật thực, phân, mật, đàm, mủ, máu, nước mắt, mở đặc, mồ hôi, dầu da, nước miếng, nước mũi, nước nhớt và nước tiểu.
Người tu hành quan sát thân bất tịnh để tâm nhàm chán, không luyến ái xác thân (dù thân mình hay thân người). Quan sát 32 thể trược của mình gọi là "Quán thân trên nội thân", quan sát 32 thể trược của người gọi là "Quán thân trên ngoại thân", quan sát 32 thể trược của mình rồi nghĩ đến 32 thể trược của người khác gọi là "Quán thân trên nội và ngoại thân". Quan sát thấy rõ sự sinh khởi của 32 thể trược là "Quán sự sinh trên thân", thấy rõ sự diệt của 32 thể trược là "Quán sự diệt trên thân", thấy rõ sự sinh và diệt của 32 thể trược là "Quán sự sinh diệt trên thân". Như vậy là Thân quán niệm xứ về phần Quan Sát Thân Bất Tịnh.

405- Quan Sát Tứ Đại (Vavaṭṭhāna).

V- Thế nào là Quan Sát Tứ Đại?
Đ- Tứ Đại là Địa đại, Thủy đại, Hỏa đại và Phong đại. Địa đại là các chất đông đặc, có phận sự nâng đỡ các sắc khác, có trạng thái cứng hoặc mềm. Thủy đại là chất lỏng ướt, có phận sự nuôi dưỡng các sắc khác cho được tươi nhuần, có trạng thái chảy ra và quến lại. Hỏa đại là chất âm dương, có phận sự làm cho các sắc khác khô chín và không hư thúi, có trạng thái nóng và lạnh. Phong đại

là chất hoạt động, có phận sự di chuyển hoặc cử động, có trạng thái lay động hoặc căng phồng lên. nói theo Kinh tạng, Tứ đại trong thân có 42 thứ tất cả:
- Đất có 20 thứ: Tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương tủy, thận, tim, gan, óc, phổi, dạ dầy, màng ruột, ruột già, ruột non, vật thực, phân.
- Nước có 12 thứ: Mật, đàm, mủ, máu, nước mắt, mở đặc, mồ hôi, dầu da, nước miếng, nước mũi, nước nhớt và nước tiểu.
- Lửa có 4 thứ: Lửa làm cho ấm thân, lửa làm cho thân xác khô khan, lửa làm cho thân nóng nảy, lửa làm cho tiêu hóa vật thực.
- Gió có 6 thứ: Gió thổi lên, gió thổi xuống, gió ngoài ruột, gió trong ruột, gió làm chuyển động thân, gió theo hơi thở ra vô.

Người tu hành quan sát Tứ Đại để xả ly lòng cố chấp về xác thân. Quan sát Tứ Đại trong thân gọi là "Quán thân trên nội thân", quan sát Tứ Đại ngoài thân gọi là "Quán thân trên ngoại thân", quan sát Tứ Đại bên trong rồi nghĩ đến Tứ Đại bên ngoài và trái lại gọi là "Quán thân trên nội và ngoại thân". Quán thấy sự sinh khởi của Tứ Đại gọi là "Quán sự sinh trên thân", quán thấy sự tiêu diệt của Tứ Đại gọi là "Quán sự diệt trên thân", quán thấy sự sinh khởi và tiêu diệt của Tứ Đại gọi là "Quán sự sinh diệt trên thân". Như vậy là Thân Quán Niệm Xứ về phần Quan Sát Tứ Đại.

406- Quan Sát Tử Thi (Āsubha).

V- Thế nào là Quan Sát Tử Thi?
Đ- Tử thi là thân xác con người đả chết, quăng bỏ trong nghĩa địa từ 1 ngày, 2 ngày, 3 ngày hoặc lâu hơn. Tử thi có nhiều hình thức như tử thi đang sình lên, tử thi sình có màu xanh đen, tử thi thúi nát có mũ chảy ra, tử thi bị chặt đứt làm hai đoạn, tử thi bị thú ăn lủng nhiều chỗ, tử thi bị chặt đứt lìa ra thành nhiều khúc, tử thi bị đâm chém có nhiều dấu vết, tử thi có máu trào ra từng vũng, tử thi có giòi đụt nhiều nơi, tử thi chỉ còn xương gân.
Hành giả quan sát tử thi để sanh tâm kinh cảm, ghê sợ xác thân, trừ lòng tham ái những sắc tướng xinh đẹp. Quan sát thân mình cũng sẽ như tử thi đã gặp là "Quán thân trên nội thân", quan sát thân người cũng sẽ như tử thi đã gặp là "Quán thân trên ngoại thân", quan sát thân mình và thân người rồi cũng sẽ như tử thi đã gặp là "Quán thân trên nội và ngoại thân". Quán sự sinh khởi (từng giai đoạn) của thân gọi là "Quán sự sinh trên thân", quán thấy sự diệt mất (từng giai đoạn) của thân gọi là "Quán sự diệt trên thân", quán thấy sự sinh và diệt (biến chuyển từ hình thức nầy sang hình thức khác) của thân gọi là "Quán sự sinh diệt trên thân". Như vậy là Thân Quán Niệm Xứ về phần Quan Sát Tử Thi.

407- Quan Sát Hài Cốt (Aṭṭhikāni).

V- Thế nào là Quan Sát Hài Cốt?
Đ- Hài cốt là những tử thi chỉ còn lại bộ xương khô chứ không còn da, thịt, gân máu ... gì cả. bộ xương ấy từ một năm trở lên, có thể trắng hếu, hoặc đen thâm, thúi nát thành bột.
Người tu hành quan sát hài cốt để sanh tâm xả ly tham ái thân xác. Quán sát thân mình với ý nghĩ: "thân này đặc tánh là vậy, bản chất là vậy (thân nầy rồi sẽ trở thành bộ hài cốt như vậy, không thể nào vượt khỏi tánh chất ấy)", là "Quán thân trên nội thân", quan sát thân người với ý nghĩ: "thân đó có đặc tính là vậy, bản chất là vậy" là "Quán thân trên ngoại thân", quan sát thân mình và

thân người với ý nghĩ: "thân nầy có đặc tính là vậy, bản chất là vậy" là "Quán thân trên nội và ngoại thân". Quán thấy sư sinh khởi của thân là "Quán sự sinh trên thân", quán thấy sự hoại diệt của thân gọi là "Quán sự diệt trên thân", quán thấy sự sinh diệt của thân gọi là "Quán sự sinh diệt trên thân". Đó là Thân Quán Niệm Xứ về phần Quan Sát Hài Cốt.
Thân quán niệm xứ có 7 cách, người tu tập theo pháp Tứ Niệm Xứ, lấy thân làm đề mục, an trú trong chánh niệm, hướng đến chánh đạo. Vị ấy sống không nương tựa, không đắm nhiễm một vật gì trên đời.

408- Thọ Quán Niệm Xứ (Vedanānupassanā).

V- Thế nào là Thọ Quán Niệm Xứ?
Đ- Thọ là những cảm giác khổ, lạc, ưu, hỷ, xả. Mỗi khi tâm sinh khởi, ắc phải có một thọ cùng sinh. Quan sát thấy rõ sự có mặt của thọ (1 trong 5 thọ) là Thọ Quán Niệm Xứ. trong tạng Abhidhammā, bộ Vibhanga có ghi rằng: Vị Tỷ Khưu trong Phật giáo:
Khi cảm giác khổ thọ, Vị ấy biết rõ.
Khi cảm giác lạc thọ, Vị ấy biết rõ.
Khi cảm giác ưu thọ, Vị ấy biết rõ.
Khi cảm giác hỷ thọ, Vị ấy biết rõ.
Khi cảm giác xả thọ, Vị ấy biết rõ.

Hoặc:
Khi cảm giác khổ thuộc vật chất, Vị ấy biết rõ.
Khi cảm giác khổ không thuộc vật chất, Vị ấy biết rõ.
Khi cảm giác lạc thuộc vật chất, Vị ấy biết rõ.
Khi cảm giác lạc không thuộc vật chất, Vị ấy biết rõ.
Khi cảm giác phi khổ phi lạc thuộc vật chất, Vị ấy biết rõ.
Khi cảm giác phi khổ phi lạc không thuộc vật chất, Vị ấy biết rõ.

Nói tóm lại, quan sát cho thấy rõ sự có mặt của Thọ Uẩn là Thọ Quán Niệm Xứ. Quan sát các Thọ của mình là "Quán thọ trên các nội thọ", quan sát các Thọ của người là "Quán thọ trên các ngoại thọ", quan sát các Thọ của mình và của người (dù thọ nào cũng là thọ: vô thường, khổ não và vô ngã) là "Quán thọ trên các nội và ngoại thọ". Quán thấy sự sinh khởi của các thọ là "Quán sự sinh trên các thọ", quán thấy sự diệt mất của các thọ là "Quán sự diệt trên các thọ", quán thấy sự sinh khởi và hoại diệt của các thọ là "Quán sự sinh diệt trên các thọ". Lấy Thọ làm đề mục thiền quán, Vị Tỷ Khưu an trú trong chánh niệm, hướng đến Bát Chánh Đạo. Vị ấy sống không nương tựa, không đắm nhiễm một vật gì trên đời.

409- Tâm Quán Niệm Xứ (Cittānupassanā).

V- Thế nào là Tâm Quán Niệm Xứ?
Đ- Tâm là sự biết cảnh, nhận thức đối tượng. Tâm có 6: Tâm Nhãn thức (biết cảnh sắc), Tâm Nhĩ thức (biết cảnh thinh), Tâm Tỷ thức (biết cảnh khí), Tâm Thiệt thức (biết cảnh vị), Tâm Thân thức (biết cảnh xúc: đất, lửa, gió), Tâm Ý thức (biết hết 6 cảnh). Như vậy, người hành Tứ niệm xứ:
Khi mắt biết cảnh sắc, Vị ấy biết rõ.
Khi tai biết cảnh thinh, Vị ấy biết rõ.
Khi mũi biết cảnh khí, Vị ấy biết rõ.

Khi lưỡi biết cảnh vị, Vị ấy biết rõ.
Khi thân biết cảnh xúc, Vị ấy biết rõ.
Khi ý biết cảnh pháp, Vị ấy biết rõ; (cảnh Ngũ tuy ý thức cũng biết nhưng khó nhận ra).

Khi ý thức tiếp xúc với 6 cảnh:
Tâm có tham, Vị ấy biết rõ.
Tâm vô tham, Vị ấy biết rõ.
Tâm có sân, Vị ấy biết rõ.

Tâm vô sân, Vị ấy biết rõ.
Tâm có si, Vị ấy biết rõ.
Tâm vô si, Vị ấy biết rõ.

Tâm có hôn trầm, Vị ấy biết rõ.
Tâm có phóng dật, Vị ấy biết rõ.

Tâm thành Đáo Đại (Thiền), Vị ấy biết rõ.
Tâm không thành Đáo Đại, Vị ấy biết rõ.

Tâm cao thýợng, Vị ấy biết rõ.
Tâm vô thượng, Vị ấy biết rõ.

Tâm Định, Vị ấy biết rõ.
Tâm không Định, Vị ấy biết rõ.

Tâm giải thoát, Vị ấy biết rõ.
Tâm không giải thoát, Vị ấy biết rõ.

Tóm lại, khi tâm tiếp xúc với đối tượng có trạng thái như thế nào, hành giả phải quan sát, biết rõ như thế ấy. Thấy rõ Thức Uẩn gọi là Tâm Quán Niệm Xứ. Quan sát tâm mình gọi là "Quán tâm trên nội tâm", quan sát tâm người khác gọi là "Quán tâm trên ngoại tâm", quan sát tâm của mình và của người khác gọi là "Quán tâm trên nội và ngoại tâm". Quán thấy sự sinh khởi của tâm gọi là "Quán sự sinh trên Tâm", quán thấy sự hoại diệt của tâm gọi là "Quán sự diệt trên Tâm", quán thấy sự sinh khởi và hoại diệt của tâm gọi là "Quán sự sinh diệt trên Tâm". Đó là Tâm Quán Niệm Xứ.

410- Pháp Quán Niệm Xứ (Dhammānupassanā).

V- Thế nào là Pháp Quán Niệm Xứ?
Đ- Pháp quán niệm xứ là quan sát tất cả các trạng thái của Danh Sắc trên mọi phương diện, rất vi tế và chi tiết, pháp quán niệm xứ có 5 loại: Ngũ triền cái, Ngũ thủ uẩn, Thập nhị xứ, Thất giác chi và Tứ diệu đế.

411- Quan Sát Năm Triền Cái (Nivarana).

V- Thế nào là Quan Sát Năm Triền Cái?
Đ- Triền cái là những pháp ngăn che các Thiện Pháp nhứt là Thiền Định và trói buộc Tâm trong vòng Bất Thiện. Có 5 loại triền cái: Tham dục cái, Sân hận cái, Hôn thụy cái, Trạo hối cái (phóng dật) và Hoài nghi cái. Trong tạng

Abhidhamma, bộ Vibhanga có ghi: Vị Tỷ Khưu trong Phật giáo khi quán pháp trên các pháp đối với 5 triền cái:

- Khi nội tâm có tham dục, Vị ấy biết rõ; khi nội tâm không có tham dục, Vị ấy biết rõ; với tham dục chưa sinh khởi, nay sinh khởi (do nhân nào), Vị ấy biết rõ, Với tham dục đã từng sinh khởi nay được đoạn diệt (do nhân nào), Vị ấy biết rõ; Với tham dục được đoạn diệt, tương lai không sinh khởi, Vị ấy biết rõ.
- Khi nội tâm có sân hận, Vị ấy biết rõ; khi nội tâm không có sân hận, Vị ấy biết rõ; với sân hận chưa sinh khởi, nay sinh khởi (do nhân nào), Vị ấy biết rõ, Với sân hận đã từng sinh khởi nay được đoạn diệt (do nhân nào), Vị ấy biết rõ; Với sân hận được đoạn diệt, tương lai không sinh khởi, Vị ấy biết rõ.
- Khi nội tâm có Hôn thụy, Vị ấy biết rõ; khi nội tâm không có Hôn thụy, Vị ấy biết rõ; với Hôn thụy chưa sinh khởi, nay sinh khởi (do nhân nào), Vị ấy biết rõ, Với Hôn thụy đã từng sinh khởi nay được đoạn diệt (do nhân nào), Vị ấy biết rõ; Với Hôn thụy được đoạn diệt, tương lai không sinh khởi, Vị ấy biết rõ.
- Khi nội tâm có Trạo hối (phóng dật), Vị ấy biết rõ; khi nội tâm không có Trạo hối, Vị ấy biết rõ; với Trạo hối chưa sinh khởi, nay sinh khởi (do nhân nào), Vị ấy biết rõ, Với Trạo hối đã từng sinh khởi nay được đoạn diệt (do nhân nào), Vị ấy biết rõ; Với Trạo hối được đoạn diệt, tương lai không sinh khởi, Vị ấy biết rõ.
- Khi nội tâm có Hoài nghi, Vị ấy biết rõ; khi nội tâm không có Hoài nghi, Vị ấy biết rõ; với Hoài nghi chưa sinh khởi, nay sinh khởi (do nhân nào), Vị ấy biết rõ, Với Hoài nghi đã từng sinh khởi nay được đoạn diệt (do nhân nào), Vị ấy biết rõ; Với Hoài nghi được đoạn diệt, tương lai không sinh khởi, Vị ấy biết rõ.

Tóm lại, khi nội tâm có một trong năm triền cái sinh khởi, hành giả phải biết rõ như ngay. Quan sát thấy năm triền cái của mình gọi là "Quán pháp trên nội pháp", quan sát năm triền cái của người khác gọi là "Quán pháp trên ngoại pháp", quan sát thấy năm triền cái của mình và của người khác gọi là "Quán pháp trên nội và ngoại pháp". Quán thấy sự sinh khởi của năm triền cái gọi là "Quán sự sinh trên pháp", quán thấy sự hoại diệt của năm triền cái gọi là "Quán sự diệt trên pháp", quán thấy sự sinh khởi và hoại diệt của năm triền cái gọi là "Quán sự sinh diệt trên pháp". Đó là Pháp Quán Niệm Xứ về phần Quan Sát Năm Triền Cái.

412- Quan Sát Năm Thủ Uẩn (Upādānakkhandho).

V- Thế nào là Quan Sát Năm Thủ Uẩn?
Đ- Uẩn là khối, nhóm, chùm, đống, tập hợp. Có năm uẩn là: Sắc uẩn, Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn và Thức uẩn. Sự tham ái, chấp thủ năm uẩn gọi là Ngũ Thủ Uẩn. Khi nội tâm có sự chấp thủ, bám níu uẩn nào, người tu hành phải biết rõ. Ủó chính là Quan Sát Năm Thủ Uẩn vậy.
Sắc uẩn sinh, Sắc uẩn diệt, Vị ấy biết rõ.
Thọ uẩn sinh, Thọ uẩn diệt, Vị ấy biết rõ.
Tưởng uẩn sinh, Tưởng uẩn diệt, Vị ấy biết rõ.
Hành uẩn sinh, Hành uẩn diệt, Vị ấy biết rõ.
Thức uẩn sinh, Thức uẩn diệt, Vị ấy biết rõ.

Quan sát thấy sự chấp thủ năm uẩn của mình gọi là "Quán pháp trên nội pháp", quan sát sự chấp thủ năm uẩn của người khác gọi là "Quán pháp trên ngoại pháp", quan sát sự chấp thủ năm uẩn của mình và của người khác gọi là "Quán

pháp trên nội và ngoại pháp". Quán thấy sự sinh khởi của năm uẩn gọi là "Quán sự sinh trên pháp", quán thấy sự hoại diệt của năm uẩn gọi là "Quán sự diệt trên pháp", quán thấy sự sinh khởi và hoại diệt của năm uẩn gọi là "Quán sự sinh diệt trên pháp". Đó là Pháp Quán Niệm Xứ về phần Quan Sát Năm Uẩn.

413- Quan Sát Mười Hai Xứ (Āyatana).

V- Thế nào là Quan Sát Mười Hai Xứ?

Đ- Xứ là nơi, chỗ, vị trí ... Có tất cả là 12 xứ chia thành hai phần: nội xứ và ngoại xứ.

6 Xứ nội là:

Nhãn xứ (mắt, vật trông thấy được các màu sắc, hình dáng).

Nhĩ xứ (tai, vật nghe được các tiếng).

Tỷ xứ (mũi, vật ngửi được các mùi).

Thiệt xứ (lưỡi, vật nếm được các vị).

Thân xứ (thân, vật cảm xúc được các vật va chạm).

Ý xứ (tâm, sự nhận thức được mọi đối tượng).

6 Xứ ngoại là:

Sắc xứ (cảnh sắc, vật bị mắt thấy).

Thinh xứ (cảnh thinh, vật bị tai nghe).

Khí xứ (cảnh khí, vật bị mũi ngửi).

Vị xứ (cảnh vị, vật bị lưỡi nếm).

Xúc xứ (cảnh xúc, đất, lửa, gió).

Pháp xứ (cảnh pháp, đối tượng riêng biệt của Ý Thức: các trạng thái xanh, vàng, đỏ, trắng, vuông, tròn, dài, ngắn, ...).

- Người tu Tuệ quán, khi mắt thấy sắc chỉ biết "Đây là mắt, đó là sắc", do hai nguyên nhân nầy, kiết sử (*) sinh khởi, Vị ấy biết rõ như vậy. Với kiết sử chưa sinh khởi, nay sinh khởi (do nhân nào), Vị ấy biết rõ, Với kiết sử đã từng sinh khởi nay được đoạn diệt (do nhân nào), Vị ấy biết rõ; Với kiết sử được đoạn diệt, tương lai không tái phát, Vị ấy biết rõ.
- Người tu Tuệ quán, khi tai nghe tiếng chỉ biết ...
- Người tu Tuệ quán, khi mũi ngửi mùi chỉ biết ...
- Người tu Tuệ quán, khi lưỡi nếm vị chỉ biết ...
- Người tu Tuệ quán, khi thân cảm xúc chỉ biết ...
- Người tu Tuệ quán, khi ý suy nghĩ pháp chỉ biết ...

Tóm lại, người hành Tứ Niệm Xứ, dù đang ở oai nghi nào, khi căn môn tiếp xúc với trần cảnh, Vị ấy phải an trú trong chánh niệm, lúc đó nếu có kiết sử sinh khởi, Vị ấy phải biết rõ.

Quan sát các xứ của mình gọi là "Quán pháp trên nội pháp", quan sát các xứ của người khác gọi là "Quán pháp trên ngoại pháp", quan sát các xứ của mình và của người khác gọi là "Quán pháp trên nội và ngoại pháp". Quán thấy sự sinh khởi của các xứ gọi là "Quán sự sinh trên pháp", quán thấy sự hoại diệt của các xứ gọi là "Quán sự diệt trên pháp", quán thấy sự sinh khởi và hoại diệt của các xứ gọi là "Quán sự sinh diệt trên pháp". Đó là Pháp Quán Niệm Xứ về phần Quan Sát Mười Hai Xứ.

(*) Kiết sử hay Thập Triền là 10 pháp trói buộc: Dục ái, Hữu ái, Phẩn uất, Ngã mạn, Tà kiến, Hoài nghi, Tật đố, Lận Sắc, Vô minh, Giới cấm thủ).

414- Quan Sát Thất Giác chi (Bojjhanga).

V- Thế nào là Quan Sát Thất Giác Chi?
Đ- Thất Giác Chi (hay Thất Bồ Đề Phần) là bảy pháp làm cho tỏ ngộ Thánh Đế, thấy rõ Niết-Bàn, đắc chứng đạo quả. Tạng Abhidhamma, bộ Vibhanga có giải về Thất Giác Chi như sau:
- Niệm giác chi là sự ghi nhớ, biết đến, thường nhớ, hằng nhớ, không lẫn lộn, không quên mình.
- Thẩm giác chi là trí tuệ, vô si, trạch pháp, giác minh, chánh kiến, thấy rõ sự thật (thiện hay bất thiện).
- Cần giác chi là sự mở đường, hướng đạo, sách tấn, chánh cần, lướt tới, không lui sụt.
- Hỷ giác chi là sự no vui, no lòng, phỉ lạc, pháp hỷ, trạng thái vui tươi, thái độ hoan hỷ.
- Tịnh giác chi là sự vắng lặng, cách yên tịnh của tâm thức (sự an tịnh của tứ danh uẩn).
- Định giác chi là sự nhứt hành, an chỉ, đình trụ của tâm trên đề mục.
- Xả giác chi là sự buông bỏ, cách xả ly, quân bình, trung tánh, bình thản, điềm nhiên, vô tư.

Người hành Tứ Niệm Xứ, khi nội tâm có Niệm giác chi, Vị ấy biết rõ; khi nội tâm không có Niệm giác chi, Vị ấy biết rõ; với Niệm giác chi chưa sinh khởi, nay sinh khởi, Vị ấy biết rõ; với Niệm giác chi đã sinh khởi nay được tu tập viên thành, Vị ấy biết rõ.
- Khi nội tâm có Thẩm giác chi ...
- Khi nội tâm có Cần giác chi ...
- Khi nội tâm có Hỷ giác chi ...
- Khi nội tâm có Tịnh giác chi ...
- Khi nội tâm có Định giác chi ...
- Khi nội tâm có Xả giác chi ...

Tóm lại, người hành Tứ Niệm Xứ, dù đang ở oai nghi nào, khi trong tâm có pháp bồ đề phần sinh khởi, Vị ấy phải biết rõ.
Quan sát thấy Thất Giác Chi của mình gọi là "Quán pháp trên nội pháp", quan sát thấy Thất Giác Chi của người khác gọi là "Quán pháp trên ngoại pháp", quan sát thấy Thất Giác Chi của mình và của người khác gọi là "Quán pháp trên nội và ngoại pháp". Quán thấy sự sinh khởi của Thất Giác Chi gọi là "Quán sự sinh trên pháp", quán thấy sự hoại diệt của Thất Giác Chi gọi là "Quán sự diệt trên pháp", quán thấy sự sinh khởi và hoại diệt của Thất Giác Chi gọi là "Quán sự sinh diệt trên pháp". Đó là Pháp Quán Niệm Xứ về phần Quan Sát Thất Giác Chi.

415- Quan Sát Tứ Diệu Đế (Ariyasacca).

V- Thế nào là Quan Sát Tứ Diệu Đế?
Đ- Tứ Diệu Đế là bốn sự thật siêu việt, cũng gọi là bốn thánh đế (tức là bốn sự thật mà các vị thánh nhân thấy rõ và biết rõ). Bốn sự thật ấy là khổ diệu đế, tập diệu đế, diệt diệu đế, đạo diệu đế.

416- Khổ Diệu Đế (Dukkhāriyasacca).

V- Thế nào là Khổ Diệu Đế?

Đ- Khổ Diệu Đế là sự bất toàn, vô thường, trống không, giả tạm, bất toại nguyện. Nói theo điều pháp thì khổ đế là chỉ cho sinh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, ai, muốn không đặng; tóm lại chấp thủ năm uẩn là khổ. Tạng Abhidhamma, tập Duyên Khởi (paticasamuppāda) giải: Sinh là sự sinh khởi của Danh và Sắc (ngũ uẩn), Già là sự củ kỹ tức sát na trụ của Danh và Sắc. Chết là sự tiêu hoại của Danh và Sắc trong từng sát na, chấm dứt một kiếp sống. Sầu là sự phiền muộn, buồn rầu. Bi là sự khóc than, bi thán, ai bi. Khổ là sự khổ khổ (khổ thân và khổ tâm), hoại khổ (lạc cực sinh bi), hành khổ (ngũ uẩn sanh diệt). Ưu là sự lo buồn, bi não. Cầu bất đắc là sự mong cầu đừng sinh, đừng già, đừng chết, đừng gặp chuyện sầu bi, khổ não nhưng không được như ý. chấp thủ năm uẩn là sự tham ái chấp vào Sắc uẩn, Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn và Thức uẩn. Đó chính là Khổ Diệu Đế.

417- Tập Diệu Đế (Samudayāriyasacca).

V- Thế nào là Tập Diệu Đế?

Đ- Tập Diệu Đế là nguyên nhân sinh ra sự khổ, chính lòng Tham ái là Khổ Tập Diệu Đế. Khổ Tập Diệu Đế có ba loại: Dục ái, Hữu ái và Phi Hữu ái.

1) Dục ái (Kamātaṇhā) là lòng tham ái sinh khởi và an trú trong các sắc thân ái, khả ái, tức mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, các sắc, các thinh, các khí, các vị, các xúc và các pháp.

Hoặc lòng tham ái sinh khởi và an trú theo các Thức trong đời: Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức và Ý thức.

Hoặc lòng tham ái sinh khởi và an trú theo các Xúc trong đời: Nhãn xúc, Nhĩ xúc, Tỷ xúc, Thiệt xúc, Thân xúc và Ý xúc.

Hoặc lòng tham ái sinh khởi và an trú theo các Thọ trong đời: Nhãn thọ, Nhĩ thọ, Tỷ thọ, Thiệt thọ, Thân thọ và Ý thọ.

Hoặc lòng tham ái sinh khởi và an trú theo các Tưởng trong đời: Nhãn tưởng, Nhĩ tưởng, Tỷ tưởng, Thiệt tưởng, Thân tưởng và Pháp tưởng.

Hoặc lòng tham ái sinh khởi và an trú theo các Tư (gom thu) trong đời: Nhãn tư, Nhĩ tư, Tỷ tư, Thiệt tư, Thân tư và Pháp tư.

Hoặc lòng tham ái sinh khởi và an trú theo các Ái (khao khát) trong đời: Nhãn ái, Nhĩ ái, Tỷ ái, Thiệt ái, Thân ái và Pháp ái.

Hoặc lòng tham ái sinh khởi và an trú theo các Tầm (suy nghĩ) trong đời: Nhãn tầm, Nhĩ tầm, Tỷ tầm, Thiệt tầm, Thân tầm và Pháp tầm.

Hoặc lòng tham ái sinh khởi và an trú theo các Tứ (quán sát, xem xét) trong đời: Nhãn tứ, Nhĩ tứ, Tỷ tứ, Thiệt tứ, Thân tứ và Pháp tứ.

2) Hữu ái là sự khao khát, mong muốn các sự vật hiện hữu trường tồn hay được trở thành (trong các đời sau tức thường kiến).

3) Phi Hữu ái là tham ái về sự đoạn diệt (tức tham ái theo đoạn kiến).

418- Diệt Diệu Đế (Nirodhāriyasacca).

V- Thế nào là Diệt Diệu Đế?

Đ- Tạng Abhidhamma, bộ Vibhanga có giải: Diệt tận tham ái là Diệt Diệu Đế. Đối với các sắc thân ái, khả ái, tức mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, các sắc, các thinh, các khí, các vị, các xúc và các pháp. Sự tham ái đoạn diệt như nước chẳng đọng lá sen đó là Diệt Diệu Đế.

Hoặc đoạn diệt sự Tham ái đối với Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức và Ý thức là Diệt Diệu Đế.

Hoặc đoạn diệt sự Tham ái đối với Nhãn xúc, Nhĩ xúc, Tỷ xúc, Thiệt xúc, Thân xúc và Ý xúc là Diệt Diệu Đế.
Hoặc đoạn diệt sự Tham ái đối với Nhãn thọ, Nhĩ thọ, Tỷ thọ, Thiệt thọ, Thân thọ và Ý thọ là Diệt Diệu Đế.
Hoặc đoạn diệt sự Tham ái đối với Nhãn tưởng, Nhĩ tưởng, Tỷ tưởng, Thiệt tưởng, Thân tưởng và Pháp tưởng là Diệt Diệu Đế.
Hoặc đoạn diệt sự Tham ái đối với Nhãn tư, Nhĩ tư, Tỷ tư, Thiệt tư, Thân tư và Pháp tư là Diệt Diệu Đế.
Hoặc đoạn diệt sự Tham ái đối với Nhãn ái, Nhĩ ái, Tỷ ái, Thiệt ái, Thân ái và Pháp ái là Diệt Diệu Đế.
Hoặc đoạn diệt sự Tham ái đối với Nhãn tầm, Nhĩ tầm, Tỷ tầm, Thiệt tầm, Thân tầm và Pháp tầm là Diệt Diệu Đế.
Hoặc đoạn diệt sự Tham ái đối với Nhãn tứ, Nhĩ tứ, Tỷ tứ, Thiệt tứ, Thân tứ và Pháp tứ là Diệt Diệu Đế.

Tập Diệu Đế và Diệt Diệu Đế khác nhau ở chỗ Tham ái sinh và Tham ái diệt đối với pháp trần do đó nên có câu "Phiền não tức Bồ đề, Niết-Bàn đồng sinh tử".

419- Đạo Diệu Đế (Maggāriyasacca).

V- Thế nào là Đạo Diệu Đế?
Đ- Tạng Abhidhamma, bộ Vibhanga có giải: Đạo Diệu Đế chính là Bát Thánh đạo gồm có 8 chi: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.
Chánh kiến là thấy rõ sự khổ, thấy rõ nhân sinh khổ, thấy rõ pháp diệt khổ và thấy rõ con đường đi đến diệt khổ. Bản thể pháp là sở hữu Trí Tuệ.
Chánh tư duy là sự suy nghĩ xa lìa Tham dục, sự suy nghĩ xa lìa sân hận và suy nghĩ xa lìa giết hại. Bản thể pháp là sở hữu Tầm.
Chánh ngữ là không nói dối, không nói đâm thọc, không nói hung dữ và không nói lời nhảm nhí, vô ích. Bản thể pháp là sở hữu Chánh Ngữ.
Chánh nghiệp là không giết hại, không trộm cướp và không gian dâm. Bản thể pháp là sở hữu Chánh Nghiệp.
Chánh mạng là không nuôi thân sống bằng thân nghiệp tà vạy, khẩu nghiệp tà vạy. Bản thể pháp là sở hữu Chánh Mạng
Chánh tinh tấn là ngăn ngừa ác pháp chưa sinh khởi không cho sinh khởi; diệt trừ ác pháp đã sinh khởi không cho tái phát; tu tập thiện pháp chưa có cho có và gìn giữ thiện pháp đã có cho được phát triển thêm. Bản thể pháp là sở hữu Cần.
Chánh niệm là sự chuyên cần, tỉnh giác, biết rõ thân trên thân, biết rõ thọ trên các thọ, biết rõ tâm trên các tâm, biết rõ pháp trên các pháp. Chế ngự được Tham Sân ở đời. Bản thể pháp là sở hữu Niệm.
Chánh định là trạng thái tâm thanh tịnh, xa lìa các pháp bất thiện. Chứng và trú Sơ thiền: có Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc do ly dục sinh. Chứng và trú Nhị thiền có Hỷ, Lạc do Định sanh. Chứng và trú Tam thiền có sự an lạc do xả niệm sinh. Chứng và trú Tứ thiền có sự an tịnh do phi khổ phi lạc sinh. Bản thể pháp là sở hữu Nhất hành. Con đường Thánh có 8 chi như vậy gọi là Đạo Diệu Đế.

Tóm lại, người hành Tứ Niệm Xứ, dù đang ở oai nghi nào luôn luôn phải có chánh niệm (biết rõ) đối với các pháp. Phải biết rõ "Đây là sự khổ, đây là nhân sinh khổ, đây là sự diệt khổ và đây là con đường đưa đến diệt khổ".
Quan sát thấy bốn Diệu Đế trong thân gọi là "Quán pháp trên nội pháp", quan sát thấy bốn Diệu Đế ngoài thân gọi là "Quán pháp trên ngoại pháp", quan sát thấy bốn Diệu Đế trong thân và ngoài thân gọi là "Quán pháp trên nội và ngoại pháp". Quán thấy sự sinh khởi của bốn Diệu Đế gọi là "Quán sự sinh trên pháp", quán thấy sự hoại diệt của bốn Diệu Đế gọi là "Quán sự diệt trên pháp", quán thấy sự sinh khởi và hoại diệt của bốn Diệu Đế gọi là "Quán sự sinh diệt trên pháp". Đó là Pháp Quán Niệm Xứ về phần Tứ Diệu Đế.

Lưu ý: Danh từ "Diệu Đế" là nói chung, hành giả chỉ thấy một ... và sự sinh, đây là đang thấy ... chứ đừng hiểu Niết-Bàn có sinh diệt !

Tứ Niệm Xứ là pháp tu Chỉ Quán vì cũng những đề mục đó (như đề mục tử thi, hơi thở, ...) nếu hành giả hành theo thiền chỉ (Samatha) thì sẽ đắc Định, còn nếu hành theo thiền quán (Vipassanā) thì sẽ đắc tuệ.
Sau đây chúng tôi sẽ trình bày tiếp phương pháp tu Thiền Chỉ và Thiền Quán cho những vị muốn nghiên cứu Thiền cũng như những người muốn tu tập Thiện Định có tài liệu giải về Thiền.

420- Thiền Chỉ Tịnh (Samatha).

V- Thế nào là "Thiền Chỉ Tịnh"?
Đ- Thiền là sự thiêu đốt triền cái (Nīvaraṇa); Chỉ là ngưng, trụ, đình chỉ, tức là một thứ tâm diễn tiến liên tục vô số sát na mà không bị một thứ tâm nào khác xen vào sinh khởi; Tịnh là trong sạch vì tâm thiền chỉ biết một cảnh mà thôi, ngoài ðề mục thiền ðịnh, tâm thiền không hề biết một cảnh nào khác.
Samathakammaṭṭhāṇa là Chỉ Hành Xứ gồm các đề mục được chia ra thành 7 phần như sau:
1- Đề mục Hoàn Tịnh (Kasiṇa).
2- Đề mục Bất mỹ, Tử thi (Āsubha).
3- Đề mục Niệm (Anussati).
4- Đề mục Tứ Vô Lượng Tâm (Appamaññā).
5- Đề mục Vô Sắc (Arūpa).
6- Đề mục Phân Biệt (Vavaṭṭhāna).
7- Đề mục Tưởng (Saññā).

421- Đề Mục Hoàn Tịnh (Kasiṇa).

V- Thế nào là Đề mục Hoàn Tịnh?
Đ- Kasiṇa là đề mục hành thiền bằng sắc pháp, hành giả trụ tâm trên những đề mục ấy cho đến khi chỉ còn là ấn tượng của tư tưởng mà thôi. 10 đề mục Kasiṇa có khả năng đắc từ Sơ thiền đến Ngũ thiền. 10 đề mục kasiṇa ấy là: Đất (Pathavīkasiṇa), Nước (Āpokasiṇa), Lửa (Tejekasina), Gió (Vāyokasiṇa), Xanh (Nīlakasiṇa), Vàng (Pītakasiṇa), Đỏ (Lohitakasiṇa), Trắng (Odātakasiṇa), Hư không (Ākāsakasiṇa), Ánh sáng (Ālokakasiṇa).
Hành giả hành thiền bằng đề mục Đất, lấy đất sét màu hồng như mặt trời mới mọc, nện cho bằng phẳng, làm thành hình tròn, đường kính một gang bốn ngón tay (gang tay của hành giả), rồi để đề mục ấy cách hành giả hai hắc một gang

tay rồi chú tâm vào đề mục (buổi đầu hành giả có thể niệm thầm Đất, Đất, ...). Tư cách đó gọi là Parikammanimitta (chuẩn bị tướng); hành giả chú tâm vào đề mục hoàn toàn, hình ảnh của đề mục luôn hiện ra rõ rệt dù hành giả có nhắm mắt đi nữa, trạng thái nầy gọi là Uggahanimitta (thủ cảnh tướng); hành giả tiếp tục tu tập đề mục ấy cho đến khi hình ảnh của đề mục trở thành một vòng tròn trong sáng, tướng trạng này được gọi là Patibhāganimitta (tợ quang tướng).

422- Đề Mục Bất mỹ (Āsubha).

V- Thế nào là Đề mục Bất mỹ?

Đ- Āsubha hay bất mỹ là đề mục hành thiền bằng tử thi. Hành giả tập trung tư tưởng trên một tử thi đã chọn, gom tâm hình dung tủ thi ấy mãi cho đến khi hình ảnh của tử thi ấy trở thành một ấn tượng thuần túy trong tâm hành giả; đề mục tử thi có năng lực đối trị lòng tham ái sắc dục và có khả năng đắc chứng Sơ thiền. Āsubha có 10 đề mục là:

1) Bành trướng tướng (Uddhumātaka): tử thi sình trương lên.
2) Thanh trướng tướng (Vinīkaka): tử thi sình lên và có màu xanh.
3) Nồng lạn tướng (Vipubbaka): tử thi có mủ chảy ra.
4) Đoạn hoại tướng (Vicchiddaka): tử thi bị chặt đứt ra nhiều đoạn.
5) Thực hám tướng (Vikkhājitaka): tử thi bị thú ăn có dấu nhiều nơi.
6) Tán loạn tướng (Vikkhitaka): tử thi bị chặt đứt ra nhiều đoạn.
7) Chiết đoạn tướng (Hatavikkhittaka): tử thi bị chém nhiều vết thương.
8) Huyết đồ tướng (Lohikata): tử thi bị thương tích có máu chảy ra lênh láng.
9) Trùng tụ tướng (Pulèvaka): tử thi bị dòi đục cả đồng trong cữu khiếu.
10) Hài cốt tướng (Aṭṭhika): tử thi chỉ còn bộ xương trắng rời rã.

423- Đề Mục Niệm (Anussati).

V- Thế nào là Đề mục Niệm?

Đ- Anussati hay niệm hoặc phụ niệm là những đề mục hành thiền mà hành giả chọn một trong những hồng danh rồi học thuộc lòng những ý nghĩa, ân đức của hồng danh đó, khi hành thiền, hành giả niệm thầm hồng danh đó liên tục. trong 10 đề mục Anusati, trừ hai đề mục niệm thân và sổ tức, tám đề mục còn lại chỉ có thể đưa hành giả đạt đến cận định mà thôi. 10 đề mục đó là:

- Phật niệm (Buddhānussati).
- Pháp niệm (Dhammānussati).
- Tăng niệm (Sanghānussati).
- Giới niệm (Sīlānussati).
- Thí niệm (Cāgānussati).
- Thiên niệm (Devatānussati).
- Tử niệm (Maranānussati).
- Thân hành niệm (Kāyagatānussati).
- Sổ tức niệm (Anāpānussati).
- Tịnh tịnh niệm (Upasamānussati).

424- Đề Mục Phạm Trú (Brahmavihāra).

V- Thế nào là Đề Mục Phạm Trú?

Đ- Brahmavihāra (Phạm trú) hay còn được gọi là đề mục Tứ vô lượng tâm (Appamaññā), trong đề mục này hành giả phải hiểu rõ ý nghĩa, đức tánh của những pháp này, bốn đề mục Brahmavihāra là bốn đức tánh đặc biệt của chư vị

Phạm thiên. Hành giả phải điều dưỡng, tập luyện tâm tánh mình cho đúng với bốn đức tánh ấy rồi biến mãn, truyền rãi đức tánh ấy đến các chúng sanh trong khắp phương hướng, giống như người làm vườn, sau khi bơm nước đầy hồ rồi cầm vòi nước đi phun tưới các cây cỏ chung quanh. Trong bốn đề mục phạm trú, trừ đề mục xả, các đề mục còn lại có năng lực giúp hành giả đắc chứng từ Sơ thiền đến Tam thiền (hay Tứ thiền nếu nói theo Abhidhamma).
Bốn đề mục đó là: Từ (Mettā), Bi (Karuṇā), Hỷ (Muditā), Xả (Upekkhā).

425- Đề Mục Vô Sắc (Arūpa).

V- Thế nào là Đề Mục Vô Sắc?
Đ- Arūpa hay vô sắc là những đề mục hành thiền hoàn toàn không hình sắc, chỉ do khái niệm về đề mục và hồi quang phản chiếu đề mục bằng tâm mình đã chứng. Như tâm thiền Không vô biên và Vô sở hữu là do khái niệm về đề mục mà đắc, còn tâm thiền Thức vô biên do quán lại tâm thiền Không vô biên của mình và tâm thiền Phi tưởng phi phi tưởng do xét lại tâm thiền Vô hữu xứ mà đắc. Bốn đề mục vô sắc và đề mục xả chỉ dành riêng cho người đã chứng đắc Tam thiền (hay Tứ thiền nếu nói theo Vi Diệu Pháp) luyện tập để chứng đắc Tứ thiền (hay Ngũ thiền). Bốn đề mục Arūpa là:
- Không Vô Biên Xứ (Āhārānañcāyatana).
- Thức Vô Biên Xứ (Viññānañcāyatana).
- Vô Sở Hữu Xứ (Akiñcaññāyatana).
- Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ (Nevasaññānāsaññāyatana).

426- Đề Mục Tưởng (Saññā).

V- Thế nào là Đề Mục Tưởng?
Đ- Saññā hay tưởng là cách hành thiền mà hành giả phải ghi nhớ đề mục cho thật kỷ (thật chi tiết), đề mục này giúp hành giả nhàm chán các pháp hữu vi, xa lìa sự đắm nhiễm ngũ trần. Đề mục Saññā có thể giúp hành giả đạt đến cận định hay nếu hành thiền Quán (Vipassanā) thì cũng giúp hành giả có nhiều kết quả tốt. 10 đề mục Saññā là:
1) Bất tịnh tưởng (Asubhasaññā).
2) Tử vong tưởng (Maraṇasaññā).
3) Vật thực tưởng (Āhārasaññā).
4) Yếm thế tưởng (Sabbaloke-anabhiratasaññā).
5) Vô thường tưởng (Aniccasaññā).
6) Khổ não tưởng (Dukkhasaññā).
7) Vô ngã tưởng (Anattāsaññā).
8) Vô tà tưởng (Pahānasaññā).
9) Ly dục tưởng (Virāgasaññā).
10) Viên tịch tưởng (Nirodhasaññā).

427- Đề Mục Phân Biệt (Vavaṭṭhāna).

V- Thế nào là Đề Mục Phân Biệt?
Đ- Vavaṭṭhāna hay phân biệt là đề mục mà khi hành thiền hành giả phải phân tích Tứ Đại trong thân cho rõ ràng theo từng thứ loại. Đề mục Vavaṭṭhāna được phân ra như sau:
Trong thân chất Đất có 20 thứ: Tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương tủy, thận, tim, gan, óc, phổi, dạ dầy, màng ruột, ruột già, ruột non, vật thực, phân.

Trong thân chất Nước có 12 thứ: Mật, đàm, mủ, máu, nước mắt, mở đặc, mồ hôi, dầu da, nước miếng, nước mũi, nước nhớt và nước tiểu.
Trong thân chất Lửa có 4 thứ: Lửa làm cho ấm thân, lửa làm cho thân xác khô khan, lửa làm cho thân nóng nảy, lửa làm cho tiêu hóa vật thực.
Trong thân chất Gió có 6 thứ: Gió thổi lên, gió thổi xuống, gió ngoài ruột, gió trong ruột, gió làm chuyển động thân, gió theo hơi thở ra vô.Những đề mục Thiền Định vừa kể trên, nếu hành giả muốn được kết quả mỹ mãn thì trước khi hạ thủ công phu cần phải biết rõ tính nết của mình rồi chọn đề mục thích hợp với cá tánh. Căn tính chúng sanh đại khái có thể chia ra thành 6 loại.

428- Căn Tánh Của Hành Giả (Carito).

V- Thế nào là Căn Tánh của Hành Giả?
Đ- Carito là căn tánh và được chia ra làm 6 loại như sau:
- Tham tánh (Rāgacarito).
- Sân tánh (Dosacarito).
- Si tánh (Mohacarito).
- Tín tánh (Saddhācarito).
- Giác tánh (Buddhicarito).
- Tầm tánh (Vitakkhacarito).

Hành giả cần phải trắc nghiệm để biết rõ tính nết của mình, sau đó chọn một trong những đề mục sau đây (chỉ chọn đề mục thích hợp với tánh nết của mình mà hành):
- Mười đề mục tử thi và niệm thân thích hợp với người nặng về tánh Tham.
- Từ, Bi, Hỷ, Xả, Xanh, Vàng, Đỏ, Trắng, thích hợp với người nặng về tánh Sân.
- Pháp Sổ tức hợp với người nặng về tánh Si và tánh Tầm (ưa suy tư).
- Phật, Pháp, Tăng, Giới, Thí, Thiện, thích hợp với người nặng về đức tin (Tín mạnh).
- Niệm sự chết, niệm Tịch tịnh, đề mục phân biệt, vật thực tưởng thích hợp với người nặng về tính Giác.
- Đất, nước, lửa, gió, hư không, áng sáng và bốn đề mục Vô Sắc thích hợp với mọi tính nết. Tuy nhiên, người nặng về tánh Tầm phải hành đề mục nhỏ, người nặng về tánh Si phải hành Kasina lớn (đối với công thức là đề mục vòng tòn, đường kính một gang bốn ngón tay của hành giả).

Hành giả sau một thời gian tu tập, có thể chứng đắc các loại thiền định theo thứ lớp và chế ngự được các triền cái sau đây:

429- Năm Triền Cái (Nīvarana).

V- Thế nào là Năm Triền Cái?
Đ- Nīvarana hay triền cái là các pháp ngăn che thiện pháp nhứt là các đạo quả thiền định. 5 pháp triền cái đó là:
1) Tham dục (Kāmmachanda).
2) Sān hận (Byāpāda).
3) Hôn Trầm (Thīna-middha).
4) Trạo hối và phóng dật (Uddhacca-kukkucca)).
5) Hoài nghi (Vicikicchā).

Muốn chế ngự được năm triền cái này hành giả cần phải phát triển năm thiên chi.

430- Năm Thiền Chi (Jhānanga).
V- Thế nào là Năm Thiền Chi?
Đ- Jhānanga hay thiền chi là những sở hữu tâm hợp trong các tâm thiền, có khả năng đối trị các nghịch pháp nhất là năm triền cái. Năm thiền chi là:
1) Tầm (Vitakkha) đối trị với Hôn trầm và Thụy miên.
2) Tứ (Vicāra) đối trị với Hoài Nghi.
3) Hỷ (Pīti) đối trị với Sân hận.
4) Lạc (Sukha) đối trị với Phóng dật.
5) Định (Ekaggatā) đối trị với Tham dục.

Hành giả sau khi phát triển được các chi thiền trên, muốn chứng các tầng thiền cao hơn cần phải tu tập và phát triển năm pháp tự tại vô ngại.
431- Năm Pháp Tự Tại (Vasī).
V- Thế nào là Năm Pháp Tự Tại?
Đ- Vasī hay tự tại vô ngại là các pháp trao dồi thiền định cho được thuần thục. Năm phương pháp đó là:
1) Hướng tâm tự tại (Āvajjanavasī).
2) Nhập thiền tự tại (Samāpajjanavasī).
3) Trụ thiền tự tại (Adhiṭṭhāṇāvasī).
4) Xuất thiền tự tại (Vuṭṭhāṇavasī).
5) Phản khán tự tại (Paccavekkhaṇavasī).

Hành giả sau khi thuần thục được 5 pháp Vasī, tuần tự chứng lên các bậc thiền cao hơn, khi chứng đến Tứ thiền (hay Ngũ thiền theo Abhidhammā) hành giả có thể phát triển 5 loại diệu trí (Tâm Thông - Abhiññā). Tâm Thông là thành quả cùng tột của phương pháp tu Thiền Chỉ (Samatha).
432- Năm Diệu Trí (Abhiññā).
V- Thế nào là Năm Diệu Trí?
Đ- Abhiññā hay Diệu trí hoặc Thần thông là thắng trí đặc biệt, biến hóa phi thường, hiểu biết kỳ diệu, hành động siêu việt ngoài sự việc thông thường. Năm Diệu trí ấy là:
1) Thần Thông Trí (Iddhividhaññāṇa).
2) Nhĩ Thông Trí (Dibbasotadhātoññāṇa).
3) Tha Tâm Trí (Cetopariññāṇa).
4) Túc Mạng Trí (Pubbenivāsānussatiññāṇa).
5) Sanh Tử Trí (Cutāpapataññāṇa).

Hành giả nếu tu tập theo các phương pháp Thiền Chỉ thì năm Diệu trí là thành quả cao nhất nhưng không thể chứng được Lậu Tận Trí (Āsavakkhayaññāṇa) vì Lậu tận trí là pháp xuất thế gian và chỉ có ở các bậc A-La-Hán mà thôi. Nếu muốn chứng Lậu Tận Trí hay muốn chứng quả A-La-Hán, hành giả phải gia công tu tập Thiền Quán (Vipassanā)
433- Thiền Quán hay Minh Sát Tuệ (Vipassanā).
V- Thế nào là Thiền Quán?
Đ- Vipassanā được dịch là Thiền Quán hay Minh Sát Tuệ là phương pháp tu tập dùng trí tuệ quan sát tất cả mọi sự vật cho thấy rõ thực tướng để dứt trừ các phiền não hầu đạt đến giải thoát, giác ngộ. Nếu Thiền Chỉ là phương pháp định

tâm để chế ngự các triền cái thì Thiền Quán là pháp tản tâm để diệt sạch phiền não. Cổ nhơn có sự so sánh như sau: Thiền chỉ như tay nắm cỏ, Thiền Quán như lưỡi liềm cắt cỏ; Thiền Chỉ như cào móc rác, Thiền Quán như nước rửa bụi; Thiền Chỉ như đứng tấn vững, Thiền Quán như lẫy tên bắn; Thiền Chỉ là ngăn tâm động, Thiền Quán là khơi tâm chìm. Trong bảy pháp thanh tịnh, thì hai pháp đầu là của Thiền Chỉ, năm pháp sau thuộc về Thiền Quán.

434- Thất Tịnh (Visuddhi).

V- Thế nào là Thất Tịnh?

Đ- Visuddhi hay Thanh tịnh là pháp môn tu tập có năng lực trong sạch hóa hành giả từ thấp lên cao, từ phàm sang thánh, gồm có bảy pháp được ngài Sāriputta (Xá Lợi Phất) ví như bảy trạm xe đưa đến cứu cánh là Đạo, Quả và Niết-Bàn. Bảy pháp thanh tịnh đó là:

1) Giới Tịnh (Sīlavisuddhi).
2) Tâm Tịnh (Cittavisuddhi).
3) Kiến Tịnh (Diṭṭhivisuddhi).
4) Đoạn Nghi Tịnh (Kankhāvitaraṇavisuddhi).
5) Đạo Phi Đạo Tri Kiến Tịnh (Maggāmaggañāṇadassanavisuddhi).
6) Tiến Hành Tịnh (Paṭipadāñāṇadassanavisuddhi).
7) Tri Kiến Tịnh (Ñāṇadassanavisuddhi).

435- Giới Tịnh (Sīlavisuddhi).

V- Thế nào là Giới Tịnh?

Đ- Sīlavisuddhi hay Giới tịnh là người tu hành trước nhứt phải gìn giữ cho được trong sạch thì tâm mới được thanh tịnh. Giới thanh tịnh có 4 là:

1) Giới bổn thanh tịnh (Pātimokkhasaṃsavarasīlaṃ).
2) Thu thúc căn tịnh (Indriyasaṃvasarasīlaṃ).
3) Chánh mạng giới tịnh (Ājīvapārisuddhi).
4) Quán tướng thanh tịnh (Paccayasaṇnissitasīlaṃ)

436- Tâm Tịnh (Cittavisuddhi).

V- Thế nào là Tâm Tịnh?

Đ- Cittavisuddhi hay tâm tịnh là hành giả tư thiền định được nhập định hay sắp nhập định, tâm được yên lặng các triền cái, tâm tịnh có 2 là:

1) Cận hành Định (Upacārasamādhi).
2) An Chỉ Định (Appanāsamādhi).

437- Kiến Tịnh (Diṭṭhivisuddhi).

V- Thế nào là Kiến Tịnh?

Đ- Diṭṭhivisuddhi hay Kiến Tịnh là với trí tuệ hành giả thấy rõ người, thú, .v.v. chỉ là một tổ hợp của năm uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức) hay nói cách khác là Danh và Sắc. Chúng là những nguồn hiện tượng luôn luôn sinh diệt, biến hoại, thay đổi dưới ba định luật tự nhiên (tam tướng) là Vô thường, Khổ não và Vô ngã. Ở đó không có một tự ngã, một linh hồn hay một cá thể nào đơn thuần và bất biến. Hành giả còn nhận thấy rằng đối với sắc pháp hay thân xác được hình thành bởi bốn yếu tố Nghiệp, Tâm, Âm dương và Vật thực; đối với tâm pháp, hành giả biết rõ chúng cũng có những nguyên nhân phát sinh như Nhãn thức chẳng hạn, nó được sinh khởi bởi bốn nguyên nhân là có Cảnh sắc, có

Nhãn vật, có Ánh sáng và có sự Tác ý. Những hiểu biết đó chính là Tri Kiến trong sạch vậy.

438- Đoạn Nghi Tịnh (Kankhāvitaraṇavisuddhi).

V- Thế nào là Đoạn Nghi Tịnh?

Đ- Kankhāvitaraṇavisuddhi hay Đoạn nghi tịnh là với trí tuệ, hành giả biết rõ chúng sinh là do nhân duyên tạo thành chứ không phải do một Đấng tạo chủ nào sinh ra, càng không phải tự nhiên sinh hay vô nhân sinh. Hành giả biết rằng khi chưa chứng được quả vị A-La-Hán thì sau khi chết cũng không phải là tiêu mất; những đời sống của các loài hữu tình luôn luôn tiếp nối cả một chuỗi dài vô tận. Mỗi chúng sinh hiện diện đều do năm nhân quá khứ là Vô minh, Hành, Ái, Thủ, Hữu chi phối và nhờ vật thực hiện tại nuôi dưỡng để được sống còn. Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ hiện tại là thành quả của năm nhân quá khứ. Hành giả biết rằng Ái, Thủ, Hữu, Vô minh và Hành trong hiện tại là nhân cho Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ, Sanh, Già, Đau, Chết, Ưu, Ai, Khổ não trong tương lai sẽ tái diễn. Nhờ ý thức được như thế, hành giả không còn nghi ngờ về quá khứ, hiện tại, vị lai của mỗi chúng sanh nữa, đó gọi là Đoạn Nghi Tịnh.

439- Đạo Phi Đạo Tri Kiến Tịnh (Maggāmagganānadassanavisuddhi).

V- Thế nào là Đạo Phi Đạo Tri Kiến Tịnh?

Đ- Maggāmagganāṇadassanavisuddhi hay Đạo Phi Đạo Tri Kiến Tịnh là hành giả nhờ quán sát về ba tướng Vô Thường, Khổ Não và Vô Ngã biết rõ chơn tướng của các pháp hữu vi ... Thình lình tự thân hành giả phát ra ánh sáng phỉ lạc .v.v. là 10 phiền não của Minh Sát Tuệ. Khi Hàng giả vượt qua được mười phiền não này, hành giả sẽ phân biệt được thế nào là Đạo, thế nào là Phi Đạo. Mười phiền não của Thiền Quán là:

1) Hào Quang (Obhāsa).
2) Pháp Hỷ (Pīti).
3) Tịch Tịnh (Passaddhi).
4) Thắng giải (Adhimokkha).
5) Tinh Cần (Paggaha).
6) An Lạc (Sukha).
7) Trí Tuệ (Ñàṇa).
8) Ức Niệm (Uppaṭṭhāna).
9) Hành Xả (Upekkhā).
10) Pháp Ái (Nikanti).

Khi hành giả liễu tri, thắng quá mười pháp Upakkilesa gọi là Đạo Phi Đạo Tri Kiến Tịnh.

440- Tiến Hành Tịnh (Patipadāñāṇadassanavisuddhi).

V- Thế nào là Tiến Hành Tịnh?

Đ- Pa ipadāñāṇadassanavisuddhi hay Tiến Hành Tịnh là sau khi vượt qua mười phiền não của Thiền quán, hành giả tiếp tục quán về tam tướng (Vô thường, Khổ não và Vô ngã) cho đến khi chánh trí phát sanh, thành tựu đạo quả, chứng ngộ Niết-Bàn. Chánh trí có mười thứ là:

1) Sanh Diệt Trí (Udayabbayaññāṇa).
2) Hoại Diệt Trí (Bhaṅgaññāṇa).

3) Hãi Kinh Trí (Bhavyatūpaṭṭhānaññāṇa).
4) Quả Hoạn Trí (Ādīnavaññāṇa).
5) Yếm Ố Trí (Nibbidāññāṇa).
6) Dục Thoát Trí (Muñcitukāmyatāñāṇa).
7) Giảm Trạch Trí (Patisaṅkhāraññāṇa).
8) Hành Xả Trí (Saṅkhārupekhāñāṇa).
9) Thuận Thứ Trí (Anulomaññāṇa).
10) Chuyển Tộc Trí (Gotrabhūññāṇa).

Sau Chuyển Tộc Trí thì Đạo Quả khởi lên, vừa sát trừ phiền não, vừa thấu rõ Niết-Bàn; đến đây, hành giả đã thanh tịnh hóa các phiền não nên gọi là Tiến Hành Tịnh.

441- Tri Kiến Tịnh (Ñāṇadassanavisuddhi).

V- Thế nào là Tri Kiến Tịnh?

Đ- Ñaṇadassanavisuddhi hay Tri Kiến Tịnh là trí tuệ giác hiểu: Khổ đế nên biết, Tập đế nên diệt, Diệt đế nên chứng và Đạo đế nên hành. Vị nầy thấy rõ rằng tất cả các chúng sanh đều bị các sự đau khổ như già, bệnh, chết, sầu, ưu, bi, não, .v.v. chi phối, các sự đau khổ nấy do Sinh làm nhân tập khởi; chính Niết-Bàn là pháp đoạn diệt sự sinh, từ đó các sự đau khổ bị đoạn diệt và Bát Chánh Đạo là con đường duy nhất đưa đến Niết-Bàn.

Vị nầy quán sát tiếp tục, thấy sự sinh là nguyên nhân tập khởi các khổ. Sinh có bốn loại: Noãn sinh, Thai sinh, Thấp sinh và Hóa sinh; bốn thứ sinh nầy đều do Hữu làm nhân tập khởi; chính Niết-Bàn là pháp đoạn diệt Hữu, từ đó Sinh bị đoạn diệt và Bát Chánh Đạo là con đường duy nhất đưa đến Niết-Bàn.

Vị nầy quán sát tiếp tục, thấy Hữu là nguyên nhân tập khởi các sự sinh. Hữu có ba loại: Dục Hữu, Sắc Hữu và Vô Sắc Hữu; ba thứ Hữu nầy đều do Thủ làm nhân tập khởi; chính Niết-Bàn là pháp đoạn diệt Thủ, từ đó Hữu bị đoạn diệt và Bát Chánh Đạo là con đường duy nhất đưa đến Niết-Bàn.

Vị nầy quán sát tiếp tục, thấy Thủ là nguyên nhân tập khởi các Hữu. Thủ có bốn loại: Dục Thủ, Tà Kiến Thủ, Tà Giới Thủ và Ngã Chấp Thủ; bốn thứ Thủ nầy đều do Ái làm nhân tập khởi; chính Niết-Bàn là pháp đoạn diệt Ái, từ đó Thủ bị đoạn diệt và Bát Chánh Đạo là con đường duy nhất đưa đến Niết-Bàn.

Vị nầy quán sát tiếp tục, thấy Thọ là nguyên nhân tập khởi các Ái. Thọ có năm loại: Thọ Khổ, Thọ Lạc, Thọ Ưu, Thọ Hỷ và Thọ Xả; năm thứ Thọ nầy đều do Xúc làm nhân tập khởi; chính Niết-Bàn là pháp đoạn diệt Xúc, từ đó Thọ bị đoạn diệt và Bát Chánh Đạo là con đường duy nhất đưa đến Niết-Bàn.

Vị nầy quán sát tiếp tục, thấy Xúc là nguyên nhân tập khởi các Thọ. Xúc có sáu loại: Nhãn Xúc, Nhĩ Xúc, Tỷ Xúc, Thiệt Xúc, Thân Xúc và Ý Xúc; sáu thứ Xúc nầy đều do Lục Nhập làm nhân tập khởi; chính Niết-Bàn là pháp đoạn diệt Lục Nhập, từ đó Xúc bị đoạn diệt và Bát Chánh Đạo là con đường duy nhất đưa đến Niết-Bàn.

Vị nầy quán sát tiếp tục, thấy Lục Nhập là nguyên nhân tập khởi các Xúc. Lục Nhập là 12 Xứ ghép lại thành sáu loại: Nhãn Nhập, Nhĩ Nhập, Tỷ Nhập, Thiệt Nhập, Thân Nhập và Ý Nhập; sáu thứ Nhập nầy đều do Danh Sắc làm nhân tập khởi; chính Niết-Bàn là pháp đoạn diệt Danh Sắc, từ đó Lục Nhập bị đoạn diệt và Bát Chánh Đạo là con đường duy nhất đưa đến Niết-Bàn.

Vị nầy quán sát tiếp tục, thấy Danh Sắc là nguyên nhân tập khởi Lục Nhập. Danh là Thọ, Tưởng, Hành và Thức; Sắc là Sắc Tứ Đại và 24 Sắc Y Đại Sinh; tất cả Danh Sắc nầy đều do Thức làm nhân tập khởi; chính Niết-Bàn là pháp đoạn diệt Thức, từ đó Danh Sắc bị đoạn diệt và Bát Chánh Đạo là con đường duy nhất đưa đến Niết-Bàn.
Vị nầy quán sát tiếp tục, thấy Thức là nguyên nhân tập khởi Danh Sắc. Thức là 32 tâm quả hiệp thế phân ra thành sáu loại: Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức và Ý Thức; sáu thứ Thức nầy đều do Hành làm nhân tập khởi; chính Niết-Bàn là pháp đoạn diệt Hành, từ đó Thức bị đoạn diệt và Bát Chánh Đạo là con đường duy nhất đưa đến Niết-Bàn.
Vị nầy quán sát tiếp tục, thấy Hành là nguyên nhân tập khởi các Thức. Hành có ba loại: Thân Hành, Khẩu Hành và Ý Hành hay phân theo cách khác là Phúc Hành, Phi Phúc Hành và Bất Động Hành; các Hành nầy đều do Vô Minh làm nhân tập khởi; chính Niết-Bàn là pháp đoạn diệt Vô Minh, từ đó Hành bị đoạn diệt và Bát Chánh Đạo là con đường duy nhất đưa đến Niết-Bàn.
Vị nầy quán sát tiếp tục, thấy Vô Minh là nguyên nhân tập khởi các Hành. Vô Minh là sự mù mờ, mê muội, không thấy rõ sự thật; Vô Minh phân ra thành bốn loại: Bất tri Khổ đế, Bất tri Tập đế, Bất tri Diệt đế và Bất tri Đạo đế; tất cả các Vô Minh đều do Lậu Hoặc làm nhân tập khởi; chính Niết-Bàn là pháp đoạn diệt Lậu Hoặc, từ đó Vô Minh bị đoạn diệt và Bát Chánh Đạo là con đường duy nhất đưa đến Niết-Bàn.
Vị nầy quán sát tiếp tục, thấy Lậu Hoặc là nguyên nhân tập khởi các Vô Minh. Lậu Hoặc có ba loại: Dục Lậu, Hữu Lậu và Tà Kiến Lậu; từ tập khởi Vô Minh nên có tập khởi của Lậu Hoặc; từ đoạn diệt Vô Minh nên Lậu Hoặc bị đoạn diệt; chính Niết-Bàn là pháp đoạn diệt Vô Minh và Lậu Hoặc, Bát Chánh Đạo là con đường duy nhất đưa đến Niết-Bàn.
Khi quán sát thấy rõ Tứ Diệu Đế trong Thập Nhị Nhân Duyên như vậy là hành giả đã thành tựu một trong bốn thánh quả. Và sau khi chứng Đạo Quả, hành giả có thể quán sát lại Đạo quả Niết-Bàn và các phiền não đã sát trừ, sự quán sát này được gọi là Phản Khán Trí.

442- Phản Khán Trí (Paccavekkhaṇañāṇa).

V- Thế nào là Phản Khán Trí?
Đ- Paccavekkhaṇañāṇa hay Phản Khán Trí là trí tuệ của vị thánh nhân quán xét lại Đạo Quả mà mình vừa chứng đắc, Niết-Bàn mình vừa tỏ ngộ và phiền não mình vừa sát trừ.
Đối với vị Tu-Đà-Hườn thì phản khán trí khởi lên xét thấy Thân Kiến, Hoài Nghi và Tà giới thủ đối với mình đã tiêu diệt hoàn toàn do Đạo Quả mình vừa chứng đắc, chắc chắn rằng mình sẽ không còn tục sinh vào bốn cảnh khổ (Địa ngục, Ngạ quỉ, A-Tu-La và Bàng sanh), sau đời sống nầy, sẽ không quá 7 kiếp sinh lại cõi Dục Giới. Vị Tu-Đà-Hườn hiểu biết chắc chắn như vậy.
Đối với vị Tư-Đà-Hàm thì phản khán trí khởi lên xét thấy Dục Ái và Sân Hận đối với mình nay đã giảm nhẹ do Đạo Quả mình vừa chứng đắc, sau đời sống nầy, sẽ không quá 1 kiếp sinh lại cõi Dục Giới. Vị Tư-Đà-Hàm hiểu biết chắc chắn như vậy.
Đối với vị A-Na-Hàm thì phản khán trí khởi lên xét thấy Dục Ái và Sân Hận đối với mình đã tiêu diệt hoàn toàn do Đạo Quả mình vừa chứng đắc, sau đời sống

nầy, sẽ sinh về cõi Sắc Giới (Ngũ Tịnh Cư) chứ không sinh lại cõi Dục Giới. Vị A-Na-Hàm hiểu biết chắc chắn như vậy.
Đối với vị A-La-Hán thì phản khán trí khởi lên xét thấy tất cả phiền não còn lại như Sắc Ái, Vô Sắc Ái, Ngã Mạn, Vô Minh, .v.v. đối với mình nay đã tiêu diệt hoàn toàn do Đạo Quả mình vừa chứng đắc, sau đời sống nầy sẽ không còn đời sông khác tái diễn. Vị A-La-Hán hiểu biết chắc chắn như vậy.
Trí tuệ quán như vậy gọi là Phản Khán Trí của các bậc thánh nhơn. Tuy nhiên, cũng có những vị thánh nhơn sau khi chứng quả không quán sát lại các phiền não đã sát trừ và những phiền não chưa sát trừ.
Điều đáng kể là hành giả phải tu tập Minh Sát Tuệ (Vipassanā), khi tu tập phải lấy tam tướng phổ thông (Tīnilakkhaṇāni) làm đề mục (là Vô thường, Khổ não và Vô ngã). Trí tuệ đầu tiên của pháp tu Thiền Quán gọi là Thẩm Nghiệm Trí.

443- Thẩm Nghiệm Trí (Sammasaññañāṇaṃ).

V- Thế nào là Thẩm Nghiệm Trí?
Đ- Sammasaññañāṇaṃ hay Thẩm Nghiệm Trí là trí tuệ suy xét về ngũ uẩn là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức.
Sắc uẩn dù quá khứ, hiện tại, vị lai, bên trong, bên ngoài, sắc thô, sắc tế, sắc hạ liệc, sắc thù thắng, sắc viễn, sắc cận, .v.v. đều là Vô thường, Khổ não và chúng chẳng phải là ta hay là của ta.
Thọ uẩn dù là thọ đã qua hay đang hiện hữu hoặc chưa sanh khởi, thọ bên trong, thọ bên ngoài, thọ thô, thọ tế, thọ gần, thọ xa đều là không thường hằng, đều là thống khổ, phi ngã và phi ngã sở.
Tưởng uẩn dù tưởng quá khứ, tưởng hiện tại, tưởng vị lai, tưởng nội phần, tưởng ngoại phần, tưởng thô, tưởng tế, tưởng hạ liệc, tưởng thù thắng, tưởng xa, tưởng gần, đều là Vô thường, Khổ não, phi ngã và phi ngã sở.
Hành uẩn dù quá khứ hành, hiện tại hành, vị lai hành, nội phần hành, ngoại phần hành, thô hành, tế hành, hạ liệc hành, thù thắng hành, hành, cận hành, đều là Vô thường, đau khổ, chẳng phải là ta hay của ta.
Thức uẩn dù quá khứ, hiện tại, vị lai, hoặc bên trong, hoặc bên ngoài, hoặc thô hay tế, hoặc tốt hay xấu, hoặc gần hay xa, đều là Vô thường, Khổ não, chẳng phải là ta hay của ta.
Trí tuệ sơ khởi của người hành thiền quán (Vipassanā) là suy xét như trên, trí tuệ ấy được gọi là Thẩm Nghiệm Trí. Điều cần phải biết là lúc này hành giả y cứ vào ngũ uẩn (hay Danh sắc) làm đề mục, ghi nhận đúng những gì xảy ra nơi Danh và Sắc trong hiện tại; dần dần hành giả sẽ thấy rõ thật tướng của ngũ uẩn là vô thường, khổ não và vô ngã.
Tuy nhiên không phải ai cũng có thể thấy hết ba thực tướng đó; tùy theo cá tánh của mỗi người chúng được chia thành ba loại để quán:
- Vô Thường Tùy Quán (Aniccānupassanā).
- Khổ Não Tùy Quán (Dukkhānupassanā).
- Vô Ngã Tùy Quán (Anattānupassanā).

Hành giả nào nhờ quán về Vô thường mà được giải thoát, gọi là Vô Tướng Giải Thoát (Animittovimokkho); nhờ quán về Khổ não mà được giải thoát thì gọi là Vô Nguyện Giải Thoát (Appanihitovimokkho); nhờ quán về Vô ngã mà được giải thoát thì gọi là Không Tánh Giải Thoát (Suññatāvimokkho).

Hành giả nhờ tu tập ba pháp môn nói trên mà được giải thoát nên chúng còn được gọi là Tam Giải Thoát Môn (Tīnimokkhamukkha).
Hành giả do quán Vô thường, không còn chấp tướng thường mà được giải thoát, nên Vô Thường Tùy Quán còn được gọi là Vô Tướng Giải Thoát Môn; do quán Khổ não, hành giả không tham đắm dục lạc mà được giải thoát, nên Khổ Não Tùy Quán còn được gọi là Vô Nguyện Giải Thoát Môn; do quán Vô ngã, hành giả nhờ không còn chấp vào tự ngã mà ðýợc giải thoát, nên Vô Ngã Tùy Quán còn được gọi là Không Tánh Giải Thoát Môn.

- HẾT -